

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

**VIỆN CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM TƯ VẤN, ĐÀO TẠO VÀ DỊCH VỤ
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**CHƯƠNG TRÌNH KH&CN CẤP QUỐC GIA “KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ ỨNG DỤNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU, QUẢN LÝ VỀ
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2016 - 2020”,
MÃ SỐ BDKH/16-20**

BÁO CÁO TỔNG HỢP

**NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT HOÀN THIỆN CƠ SỞ
PHÁP LÝ VỀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN
ĐẦU TƯ VÀ KIỂM SOÁT, GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG CÁC CƠ SỞ
SẢN XUẤT, KINH DOANH ĐANG HOẠT ĐỘNG. XÂY DỰNG
HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
CHO DỰ ÁN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN, SẢN XUẤT THÉP
Mã số: BDKH.27/16-20**

**Tổ chức chủ trì: Trung tâm Tư vấn, Đào tạo và Dịch vụ tài nguyên và môi trường,
Viện Chiến lược chính sách tài nguyên và môi trường**

Chủ nhiệm đề tài: TS. Mai Thế Toàn

Thời gian thực hiện: tháng 11/2017 - tháng 6/2020

HÀ NỘI – 2020

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM TƯ VẤN, ĐÀO TẠO VÀ DỊCH VỤ
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CHƯƠNG TRÌNH KH&CN CẤP QUỐC GIA “KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU, QUẢN LÝ VỀ TÀI NGUYÊN VÀ
MÔI TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2016 - 2020”, MÃ SỐ BĐKH/16-20

BÁO CÁO TỔNG HỢP

NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT HOÀN THIỆN CƠ SỞ
PHÁP LÝ VỀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CÁC
DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ KIỂM SOÁT, GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG CÁC
CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH ĐANG HOẠT ĐỘNG. XÂY DỰNG
HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
CHO DỰ ÁN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN, SẢN XUẤT THÉP

Mã số: BĐKH.27/16-20

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI



TS. Mai Thế Toàn

TỔ CHỨC CHỦ TRÌ



TS. Nguyễn Tùng Lâm

HÀ NỘI - 2020

DANH SÁCH CÁN BỘ THAM GIA THỰC HIỆN

TT	Họ và tên	Chức danh thực hiện đề tài	Cơ quan công tác
1.	TS. Mai Thế Toàn	Chủ nhiệm	Vụ Chính sách Pháp chế và Thanh tra, Tổng cục Môi trường
2.	TS. Nguyễn Tùng Lâm	Thành viên chính	Trung tâm Tư vấn, Đào tạo và Dịch vụ tài nguyên và môi trường
3.	PGS.TS. Hồ Sĩ Giao	Thành viên chính	Hội Khoa học và Công nghệ mở
4.	PGS. TS.Vũ Đình Hiếu	Thành viên chính	Đại học Mở - Địa chất
5.	GS.TS. Lê Khánh Phồn	Thành viên chính	Trung tâm nghiên cứu môi trường, Đại học Mở - Địa chất
6.	PGS.TS. Lê Trình	Thành viên chính	Viện Khoa học môi trường và phát triển VESDEC
7.	TS. Phạm Khang	Thành viên chính	Hội Bảo vệ thiên nhiên và môi trường Việt Nam
8.	TS. Nguyễn Thuý Lan	Thành viên chính	Trung tâm Môi trường Công nghiệp, Viện Khoa học và Công nghệ Mở - Luyện kim
9.	ThS. Nghiêm Việt Hải	Thư ký khoa học	Vụ Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường, Tổng cục Môi trường
10.	CN. Nguyễn Văn Cường	Thành viên chính	Trung tâm Tư vấn, Đào tạo và Dịch vụ tài nguyên và môi trường
11.	ThS. Phan Mai Linh	Thành viên	Cục Quản lý tài nguyên nước
12.	ThS. Đoàn Thị Thanh Hằng	Thành viên	Trung tâm Tư vấn, Đào tạo và Dịch vụ tài nguyên và môi trường
13.	ThS. Nguyễn Tân Huyền	Thành viên	Vụ Tổ chức cán bộ, Tổng cục Môi trường
14.	ThS. Trần Thị Ngọc	Thành viên	Vụ Tổ chức cán bộ, Tổng cục Môi trường

TT	Họ và tên	Chức danh thực hiện đề tài	Cơ quan công tác
15.	ThS. Hoàng Thị Hoa	Thành viên	Vụ Chính sách, Pháp chế và Thanh tra, Tổng cục Môi trường
16.	TS. Lê Ngọc Ninh	Thành viên	Vụ Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường, Tổng cục Môi trường
17.	TS. Phạm Hoài Nam	Thành viên	Vụ Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường, Tổng cục Môi trường
18.	ThS. Bùi Phương Mỹ Dung	Thành viên	Vụ Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường, Tổng cục Môi trường

(Và những thành viên khác trong danh sách tại Phụ lục kèm theo)

CÁC TỔ CHỨC PHỐI HỢP THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

1. Vụ Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường, Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường.
2. Trung tâm Môi trường Công nghiệp, Viện Khoa học và Công nghệ Mỏ - Luyện kim.

THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

I. THÔNG TIN CHUNG

- 1. Tên đề tài:** Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật đánh giá tác động môi trường cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép. (Mã số BĐKH.27/16-20)
- 2. Thời gian thực hiện:** 32 tháng (từ tháng 11/2017 đến tháng 6/2020).
- 3. Thuộc chương trình:** “Khoa học và công nghệ ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và môi trường giai đoạn 2016-2020”. Mã số: BĐKH/16-20.
- 4. Chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì:**
 - Chủ nhiệm đề tài: TS. Mai Thế Toàn, Vụ Chính sách, Pháp chế và Thanh tra, Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường.
 - Tổ chức chủ trì: Trung tâm Tư vấn, Đào tạo và Dịch vụ tài nguyên và môi trường, Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- 5. Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài:**
 - Vụ Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường, Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường.
 - Trung tâm Môi trường Công nghiệp, Viện Khoa học và Công nghệ Mỏ - Luyện kim.
- 6. Mục tiêu của đề tài:**
 - Đánh giá được thực trạng hệ thống đánh giá tác động môi trường (ĐTM) hiện hành và thực trạng công tác quản lý, kiểm soát, giám sát môi trường của Việt Nam. Chỉ ra được những tồn tại và giải pháp khắc phục;
 - Xây dựng được đề xuất hoàn thiện khung pháp lý, qui trình kỹ thuật đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư;
 - Xây dựng được đề xuất hoàn thiện khung pháp lý, qui trình kỹ thuật kiểm

soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động;

- Hình thành các hướng dẫn kỹ thuật (lập, thẩm định) báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án khai thác khoáng sản (khai thác khoáng sản bằng phương pháp lộ thiên, khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò, khai thác khoáng sản có tính phóng xạ), dự án sản xuất thép.

II. CÁC NỘI DUNG CHÍNH ĐÃ THỰC HIỆN

- Nội dung 1: Đánh giá thực trạng hệ thống đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và thực trạng công tác quản lý kiểm soát, giám sát môi trường của Việt Nam.
- Nội dung 2: Cơ sở khoa học, kinh nghiệm quốc tế về ĐTM.
- Nội dung 3: Nghiên cứu đề xuất khung pháp lý về ĐTM.
- Nội dung 4: Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và đề xuất các công cụ quản lý môi trường sau ĐTM; xây dựng báo cáo phân tích tác động chính sách.
- Nội dung 5: Nghiên cứu đề xuất quy định về kiểm tra, xác nhận công trình bảo vệ môi trường trước khi dự án đi vào vận hành chính thức; xây dựng báo cáo tác động chính sách RIA.
- Nội dung 6: Nghiên cứu xây dựng hướng dẫn việc kiểm soát, giám sát môi trường cho tất cả các giai đoạn của dự án.
- Nội dung 7: Nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện hướng dẫn ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản bằng phương pháp lộ thiên.
- Nội dung 8: Nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện hướng dẫn ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò.
- Nội dung 9: Nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện hướng dẫn ĐTM cho dự án khai thác quặng có chứa phóng xạ.
- Nội dung 10: Nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện hướng dẫn ĐTM cho dự án sản xuất thép.
- Nội dung 11: Nghiên cứu áp dụng thử nghiệm lập, thẩm định ĐTM cho dự án và xây dựng chương trình kiểm soát, giám sát môi trường cho cơ sở sản xuất đang hoạt động.

III. CÁC KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Sản phẩm KH&CN dạng II:

- Báo cáo kết quả đánh giá thực trạng hệ thống đánh giá tác động môi trường hiện hành và công tác quản lý, kiểm soát, giám sát môi trường của Việt Nam; Kết quả nghiên cứu hệ thống đánh giá tác động môi trường của một số quốc gia, tổ chức quốc tế.
- Số liệu điều tra khảo sát về tình hình thực hiện ĐTM, kiểm soát và giám sát môi trường ở Việt Nam.
- Báo cáo về cơ sở khoa học và thực tiễn của việc hoàn thiện khung pháp lý, quy trình kỹ thuật đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động.
- Báo cáo đề xuất hoàn thiện khung pháp lý, quy trình kỹ thuật ĐTM đối với các dự án đầu tư, kèm theo:
 - + Dự thảo nội dung của Luật về ĐTM;
 - + Dự thảo Nghị định về ĐTM;
 - + Dự thảo Thông tư của Bộ TN&MT về ĐTM;
 - + Báo cáo phân tích tác động chính sách RIA cho dự thảo Luật, Nghị định, Thông tư
- Báo cáo đề xuất về các công cụ quản lý môi trường sau ĐTM (Kèm theo Báo cáo phân tích tác động chính sách RIA).
- Báo cáo đề xuất quy định về kiểm tra, xác nhận công trình bảo vệ môi trường; kiểm soát, giám sát công tác BVMT các giai đoạn của dự án (Kèm theo báo cáo phân tích tác động chính sách RIA).
- Báo cáo đề xuất hoàn thiện khung pháp lý, quy trình kỹ thuật kiểm soát, giám sát môi trường cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động.
- Hướng dẫn kỹ thuật lập báo cáo ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản bằng phương pháp lộ thiên.
- Hướng dẫn kỹ thuật thẩm định báo cáo ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản bằng phương pháp lộ thiên.

- Hướng dẫn kỹ thuật lập báo cáo ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò.
- Hướng dẫn kỹ thuật thẩm định báo cáo ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò.
- Hướng dẫn kỹ thuật lập báo cáo ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản có tính phóng xạ.
- Hướng dẫn kỹ thuật thẩm định báo cáo ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản có tính phóng xạ.
- Hướng dẫn kỹ thuật lập báo cáo ĐTM cho dự án sản xuất thép.
- Hướng dẫn kỹ thuật thẩm định ĐTM cho dự án sản xuất thép.
- Báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu của Đề tài

2. Sản phẩm KH&CN dạng III:

- 02 bài báo trong nước:

- ✓ Mai Thế Toàn, Nguyễn Thúy Lan, Vũ Đình Hiếu. “*Bàn về thực trạng và đề xuất các công cụ quản lý môi trường cho các dự án khai thác khoáng sản*”. Tạp chí Công nghiệp Mỏ số 1 - 2020.
- ✓ Mai Thế Toàn. “*Đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường - Bước tiến lớn về cải cách hành chính trong Dự án Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi)*”. Tạp chí Môi trường số 3 - 2020.

- 01 bài báo quốc tế:

- ✓ Toan Mai The, Hai Nghiem Viet, and Linh Phan Mai. “*Legal Framework of Environmental Management with An Investment Project Life Cycle Approach in Vietnam*”. Modern Environmental Science and Engineering. Volume 6, Number 1, January 2020 (ISSN 2333-2581).

3. Kết quả tham gia đào tạo sau đại học:

- Đào tạo 02 thạc sỹ:

- ✓ ThS. Pavee Chanthavong. Đề tài “*Nghiên cứu đánh giá tác động môi trường và đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường khi khai thác xuống sâu mỏ đá vôi Trảng Kênh, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.*” (Thạc sỹ Trường ĐH Mỏ - Địa chất);

- ✓ ThS. Đỗ Tùng Dương. Đề tài “Nghiên cứu, đề xuất phương án cải tạo phục hồi môi trường hợp lý cho các mỏ khai thác đá làm vật liệu xây dựng tại huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.” (Thạc sỹ Trường ĐH Mở - Địa chất).

- **Hỗ trợ đào tạo 01 tiến sỹ:**

- ✓ NCS. Nguyễn Anh Thor. Đề tài “Nghiên cứu một số giải pháp kỹ thuật và quản lý nhằm giảm thiểu nguy cơ mất an toàn, vệ sinh lao động trong quá trình khai thác tại các mỏ đá khu vực Bắc Trung Bộ.” (NCS Trường ĐH Mở - Địa chất).

4. Các kết quả nổi bật:

Đề tài đã đánh giá được thực trạng hệ thống ĐTM hiện hành và thực trạng công tác quản lý, kiểm soát, giám sát môi trường của Việt Nam; chỉ ra được những tồn tại, bất cập và giải pháp khắc phục.

Đề tài đã thu thập, tổng hợp, cập nhật và hệ thống một cách tương đối toàn diện, đầy đủ các nghiên cứu, chính sách, quy định pháp luật của các quốc gia trên thế giới, các tổ chức quốc tế về ĐTM, về các công cụ kiểm soát, giám sát môi trường đối với các dự án đầu tư, các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Trên cơ sở đó, đã phân tích, luận giải, làm rõ cơ sở khoa học của ĐTM, xác định rõ bản chất, vai trò, vị trí của ĐTM, giấy phép môi trường và các công cụ quản lý môi trường sau ĐTM.

Đề tài đã đề xuất khung pháp lý ĐTM, giấy phép môi trường và các công cụ quản lý môi trường theo vòng đời dự án đầu tư ở Việt Nam; đề xuất hoàn thiện qui trình kỹ thuật ĐTM đối với các dự án đầu tư và hoàn thiện cơ sở pháp lý, qui trình kỹ thuật về giấy phép môi trường và các công cụ kiểm soát, giám sát môi trường sau ĐTM nhằm nâng cao hiệu quả việc tuân thủ, kiểm soát, giám sát môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động.

Trên cơ sở kế thừa các quy định hiện hành, các nghiên cứu trong nước và các kinh nghiệm quốc tế, Đề tài đã phối hợp, phát triển, dự thảo quy định về ĐTM, giấy phép môi trường cho cả 3 cấp độ Luật, Nghị định, Thông tư nhằm khắc phục những tồn tại, khó khăn, thách thức của Việt Nam và tiếp cận hài hòa với các quy định quốc tế. Các đề xuất hoàn thiện khung pháp lý, dự thảo Luật của Đề tài đã được Tập thể tác giả gửi tới Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

để Tổ biên tập, Ban soạn thảo luật nghiên cứu, xem xét trong quá trình xây dựng, hoàn thiện Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi.

Đề tài đã xây dựng 08 hướng dẫn kỹ thuật lập báo cáo ĐTM, hướng dẫn kỹ thuật thẩm định báo cáo ĐTM cho các dự án khai thác khoáng sản (khai thác khoáng sản lộ thiên, khai thác khoáng sản hầm lò, khai thác khoáng sản có tính phóng xạ) và dự án sản xuất thép ở Việt Nam.

INFORMATION RESEARCH RESULTS

I. GENERAL INFORMATION

1. **Research title:** Researching the current status and proposing changes to complete the legal foundation for environmental impact assessment (EIA) for investment projects; and controlling and monitoring environmental aspects of operating production and businesses. Developing technical guidelines for preparing EIA for mining and steel production projects. (Code BDKH.27 /16-20)

2. **Implementation duration:** 32 months (from November 2017 to June 2020).

3. **Under the Programme:** "Science and technology responding to climate change, natural resources and environment management period 2016-2020". Code: BDKH / 16-20.

4. **Research chair person and organization:**

- Chair person: PhD. Mai The Toan, Department of Policy, Legislation and Inspection, Vietnam Environment Administration, Ministry of Natural Resources and Environment.

- Chair organization: Center for Natural Resources and Environment Consulting, Training and Services, Institute of Strategy and Policy on Natural Resources and Environment, Ministry of Natural Resources and Environment.

5. **Main coordinating organizations:**

- Department of Environmental Impact Assessment and Appraisal, Vietnam Environment Administration, Ministry of Natural Resources and Environment.

- Center for Industrial Environment, Institute of Science and Technology for Mining -Metallurgy.

6. **Objectives:**

- Assessing the current situation of Vietnam EIA system, environmental management as well as environmental control and monitoring. Pointing out the issues and solutions;

- Developing and proposing a complete legal framework, technical process for EIA for investment projects;

- Proposing contents to complete the legal framework, technical process of controlling and monitoring the environment condition of operating production and businesses;
- Formulating technical guidelines (preparing, appraising) EIA reports for mining projects (open pit and underground mining), radioactive mineral mining and steel production project.

II. WORKS HAVE BEEN IMPLEMENTED

- Content 1: Assessing the status of the EIA system and environmental controlling and monitoring in Vietnam.
- Content 2: Researching scientific basis and international experiences on EIA.
- Content 3: Researching and proposing a legal framework for Vietnam EIA system.
- Content 4: Studying international experiences and proposing environmental management tools for post- EIA stages; developing regulation impact analysis (RIA) report.
- Content 5: Researching and proposing regulations on inspection and certification of environmental protection works project commencement; developing RIA report.
- Content 6: Researching and developing guidelines for environmental control and monitoring for all stages of the project.
- Content 7: Researching, developing and finalizing EIA guidelines for open-pit mining projects.
- Content 8: Researching, developing and finalizing EIA guidelines for underground mining projects.
- Content 9: Researching, developing and finalizing EIA guidelines for radioactive minerals mining projects.
- Content 10: Researching, developing and finalizing EIA guidelines for steel production projects.

- Content 11: Pilot study for applying research outcomes in EIA implementation and appraisal, developing environmental control and monitoring programs for operating productions.

III. ACHIEVED RESULTS

1. Science and technology products (type II):

- Report on the current status of environmental impact assessment system, environmental management, control and monitoring system in Vietnam; Research results of environmental impact assessment systems of a number of countries and international organizations.
- Survey data on EIA implementation, environmental controlling and monitoring works in Vietnam.
- Report on the scientific and practical basis of the completion of the legal framework, technical process of environmental impact assessment for investment projects, environmental control and monitor of operating productions and businesses.
- Report on completing the legal framework, EIA technical process for investment projects, included with followings:
 - + Draft contents of the Law on EIA;
 - + Draft Decree on EIA;
 - + Draft circular of MONRE on EIA;
 - + RIA report for the new/revised regulations on EIA.
- Report on proposing environment management tools post-EIA (with RIA report).
- Report on proposing regulations on inspection and certification of environmental protection works; control and monitor of environmental protection in all project phases (with the RIA report).
- The report on proposing contents to improve the legal framework, technical process of environment control and monitor for operating production and businesses.
- Technical guideline on preparing EIA reports for open pit mining projects.
- Technical guideline on appraisal of EIA reports for open pit mining projects.

- Technical guideline on preparing EIA reports for underground mining projects.
- Technical guideline on appraisal of EIA reports for underground mining projects.
- Technical guideline on preparing EIA reports for radioactive mineral mining projects.
- Technical guideline on appraisal of EIA reports for radioactive mineral mining projects.
- Technical guideline for preparing EIA reports for steel production projects.
- Technical guideline on appraisal of EIA reports for steel production projects.
- Summary report of the research results.

2. Science and technology products (Type III):

- 02 articles published on national magazine:

- ✓ Mai The Toan, Nguyen Thuy Lan and Vu Dinh Hieu. "Discuss the current situation and propose environmental management tools for mining projects". Mining Industry Magazine No. 1 - 2020.
- ✓ Mai The Toan. "Environmental impact assessment, environmental permits - A big step forward in administrative reforms in the Law on Environmental Protection (amended)". Journal of Environment No. 3 - 2020.

- 01 article published on international magazine:

- ✓ Toan Mai The, Hai Nghiem Viet, and Linh Phan Mai. "Legal Framework of Environmental Management with An Investment Project Life Cycle Approach in Vietnam". Modern Environmental Science and Engineering. Volume 6, Number 1, January 2020 (ISSN 2333-2581).

3. Results of academic training:

- Training 02 post-graduate students:

- ✓ MSc. Pavee Chanthavong. Study topic "Studying environmental impact assessment and proposing environmental protection solutions when exploiting deep into Trang Kenh limestone quarry, Thuy Nguyen district, Hai Phong city." (MA, Hanoi University of Mining and Geology);

- ✓ MSc. Do Tung Duong. Study topic "Researching and proposing a reasonable environmental rehabilitation and restoration plan for quarries exploiting as construction materials in Tan Thanh district, Ba Ria - Vung Tau province." (MA, Hanoi University of Mining and Geology).

- Support training for 01 Doctorate:

- ✓ Mr. Nguyen Anh Tho. Study topic "Researching on some technical and management solutions to minimize the risk of unsafety and hygiene in the process of mining in quarries in the North Central region." (PhD student of Hanoi University of Mining and Geology)

4. Significant outcomes:

The research has assessed the current status of the EIA system, environmental management, control and monitor in Vietnam; point out the shortcomings, inadequacies and proposing solutions.

The research has collected, synthesized, updated systematically and comprehensively the results from studies, policies, legal regulations of different countries around the world and international organizations on EIA, on environmental controlling and monitoring tools for investment projects, productions and business. Based on that, the research analyzes, interprets and clarifies the scientific basis of EIA, defines the nature, role and position of EIA, environmental permits and post-EIA environmental management tools.

The research has proposed an EIA legal framework, system for environmental licenses and other environmental management tools for the investment project life cycle in Vietnam; proposed to finalize EIA technical process for investment projects and completed legal basis, technical process on environmental permits and post-EIA environmental controlling and monitoring tools to improve efficiency of the whole system.

Based on the inheritance of current regulations, national studies and international experiences, the research has coordinated, developed and drafted regulations at all 3 levels Law, The decree and circular for EIA and environmental licenses aiming to overcome existing shortcomings, difficulties and challenges in such field; also approaching harmonious state with international regulations. Proposals of the legal framework and draft Law have been sent to the Vietnam

Environment Administration, the Ministry of Natural Resources and Environment by the research team in hope that editorial board of MONRE will research and review while developing and finalizing the Law on Environmental Protection (amended).

The project has finalized 08 technical guidelines for preparing EIA reports and for appraisal of EIA reports for mining projects (open-pit, underground, mining of radioactive minerals) and steel production project in Vietnam.

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Bối cảnh chung và tính cấp thiết của đề tài.....	1
Mục tiêu, nội dung nghiên cứu	4
Thời gian thực hiện, kinh phí thực hiện	9
Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của kết quả nghiên cứu	9
Kết cấu của Báo cáo.....	11
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU	13
1.1. Nội hàm các khái niệm, đối tượng nghiên cứu của Đề tài.....	13
1.2. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu ngoài nước	18
1.3. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước.....	24
CHƯƠNG 2. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, CÁCH TIẾP CẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.....	30
2.1. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	30
2.2. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu	31
CHƯƠNG 3. QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT, THỰC TRẠNG ĐTM VÀ CÁC CÔNG CỤ KIỂM SOÁT, GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH ĐANG HOẠT ĐỘNG CỦA VIỆT NAM	37
3.1. Quy định pháp luật và thực trạng về ĐTM của Việt Nam.....	37
3.1.1. Quy định pháp luật về ĐTM của Việt Nam.....	37
3.1.2. Thực trạng triển khai và hiệu quả ĐTM ở Việt Nam.....	46
3.1.3. Những vấn đề cốt lõi cần giải quyết trong quá trình hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM ở Việt Nam.....	69
3.2. Quy định pháp luật và thực trạng kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động	72

3.2.1. Quy định pháp luật hiện hành về các công cụ quản lý sau ĐTM ở Việt Nam.....	72
3.2.2. Thực trạng kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động.....	85
3.2.3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế, vướng mắc, bất cập.....	91
CHƯƠNG 4. CƠ SỞ KHOA HỌC, KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ ĐTM	100
4.1. Cơ sở khoa học về ĐTM.....	100
4.1.1. Các nguyên lý chung.....	100
4.1.2. Cơ sở khoa học trong việc xác định đối tượng phải thực hiện ĐTM và mức độ ĐTM.....	104
4.1.3. Cơ sở khoa học của việc xác lập quy trình ĐTM	106
4.1.4. Cơ sở khoa học xác định bản chất, phạm vi ĐTM.....	107
4.1.5. Cơ sở khoa học của việc xác định, lựa chọn phương pháp đánh giá tác động môi trường.....	108
4.2. Quy định, kinh nghiệm về ĐTM của một số quốc gia và tổ chức quốc tế trên thế giới	110
4.2.1. Cách tiếp cận chung của các mô hình quốc tế.....	111
4.2.2. Mô hình ĐTM tại Liên minh Châu Âu.....	114
4.2.3. Mô hình ĐTM tại Hoa Kỳ.....	115
4.2.4. Mô hình ĐTM tại Nhật Bản.....	117
4.2.5. Mô hình ĐTM tại Trung Quốc.....	118
4.2.6. Mô hình ĐTM tại Hàn Quốc.....	118
4.2.7. Mô hình ĐTM của một số nước trong khu vực Đông Nam Á.....	119
4.2.8. Mô hình ĐTM của một số tổ chức quốc tế.....	124
4.3. Bài học về ĐTM của quốc tế đối với Việt Nam	139
4.3.1. Sự giống nhau trong quy định về ĐTM của Việt Nam và quốc tế: .	139
4.3.2. Sự khác nhau về yêu cầu ĐTM của Việt Nam và quốc tế.....	139

CHƯƠNG 5. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ CÁC CÔNG CỤ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG SAU ĐTM VÀ KIỂM SOÁT, GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH ĐANG HOẠT ĐỘNG144

- 5.1. Nguyên lý chung 144
- 5.2. Cơ sở khoa học, kinh nghiệm quốc tế về Giấy phép môi trường..... 146
- 5.3. Kinh nghiệm quốc tế về Kế hoạch quản lý môi trường 147
- 5.4. Kinh nghiệm quốc tế về Hệ thống quản lý môi trường..... 153
- 5.5. Kinh nghiệm quốc tế về Kiểm toán môi trường 156
- 5.6. Kinh nghiệm quốc tế về Tuân thủ và giám sát môi trường..... 166
- 5.7. Đánh giá chung về kinh nghiệm quốc tế đối với hệ thống công cụ QLMT sau ĐTM và kiểm soát, giám sát môi trường dự án..... 175

CHƯƠNG 6. ĐỀ XUẤT HOÀN THIỆN KHUNG PHÁP LÝ, QUY TRÌNH KỸ THUẬT VỀ ĐTM VÀ KIỂM SOÁT, GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH ĐANG HOẠT ĐỘNG TRONG ĐIỀU KIỆN VIỆT NAM HIỆN NAY178

- 6.1. Xác định bản chất, vai trò, vị trí của ĐTM, Giấy phép môi trường và các công cụ quản lý môi trường sau ĐTM và đề xuất khung pháp lý các công cụ quản lý môi trường theo vòng đời dự án đầu tư ở Việt Nam..... 178
- 6.2. Phân loại dự án và đề xuất các công cụ, cơ chế quản lý môi trường theo các mức độ tác động đến môi trường của dự án: 178
- 6.3. Đề xuất hoàn thiện khung pháp lý, quy trình kỹ thuật về ĐTM 180
- 6.4. Đề xuất các quy định về Giấy phép môi trường 189
- 6.5. Đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý đối với các công cụ quản lý môi trường sau ĐTM nhằm nâng cao hiệu quả việc tuân thủ, kiểm soát, giám sát môi trường đối với các dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động..... 192
- 6.6. Đề xuất cơ chế phối hợp kiểm soát, giám sát môi trường đối với các dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động..... 197

CHƯƠNG 7. HƯỚNG DẪN ĐTM ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN, DỰ ÁN SẢN XUẤT THÉP.....211

7.1. Nguyên tắc xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định báo cáo ĐTM.....	211
7.2. Hướng dẫn lập, hướng dẫn thẩm định ĐTM đối với các dự án khai thác khoáng sản.....	212
7.3. Hướng dẫn lập, hướng dẫn thẩm định ĐTM đối với các dự án sản xuất thép	217
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	219
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	225
PHỤ LỤC	231
PHỤ LỤC 1: QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH VỀ ĐTM Ở VIỆT NAM	231
PHỤ LỤC 2. CÁC LOẠI GIẤY PHÉP LIÊN QUAN VỀ MÔI TRƯỜNG DOANH NGHIỆP PHẢI THỰC HIỆN SAU PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐTM	255
PHỤ LỤC 3. CÁC VƯỚNG MẮC, KHÓ KHĂN LIÊN QUAN ĐẾN ĐTM VÀ CÔNG TÁC KIỂM SOÁT, GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG CÁC ĐƠN VỊ SẢN XUẤT, KINH DOANH CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG TRONG QUÁ TRÌNH ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT.....	264
PHỤ LỤC 4. DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN KHÁC THAM GIA THỰC HIỆN ĐỀ TÀI.....	273

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ADB	Ngân hàng phát triển Châu Á
BVMT	Bảo vệ môi trường
CCN	Cụm công nghiệp
ĐMC	Đánh giá môi trường chiến lược
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
KCN	Khu công nghiệp
KHCN	Khoa học công nghệ
KTMT	Kỹ thuật môi trường
NHTG (WB)	Ngân hàng Thế giới
QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật môi trường Việt Nam
QLMT	Quản lý môi trường
RIA	Đánh giá tác động chính sách
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TNMT	Tài nguyên và Môi trường
TTHC	Thủ tục hành chính
UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 3.1. Những đặc điểm cơ bản trong chính sách về ĐTM ở Việt Nam theo quy định pháp luật hiện hành.....	43
Bảng 3.2. Hiện trạng bất cập - vấn đề tồn tại - nguyên nhân cốt lõi đối với chính sách ĐTM ở Việt Nam	67
Bảng 3.3. Tổng hợp các công cụ quản lý môi trường đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động theo quy định của Luật BVMT 2014, các văn bản dưới luật và một số văn bản luật trong lĩnh vực khác có liên quan (tài nguyên nước, thủy lợi)	74
Bảng 3.4. Trách nhiệm của các bên liên quan trong kiểm soát, giám sát môi trường tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động theo quy định pháp luật hiện hành.....	83
Bảng 4.1. Tổng hợp quy định về ĐTM hiện hành tại các quốc gia khu vực Đông Nam Á	120
Bảng 6.1. Phân công kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động thuộc nhóm cần giám sát đặc biệt	200
Bảng 6.2. Phân công kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động thuộc nhóm cần giám sát thường xuyên	203

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ, ĐỒ THỊ

Hình 1.1. Chu trình dự án và các công cụ quản lý môi trường, Koos Neefies ...	22
Hình 1.2. Mối quan hệ của các công cụ ĐTM, Kế hoạch quản lý môi trường, Hệ thống quản lý môi trường trong các giai đoạn của dự án khai thác khoáng sản. E. D. Yaylaci	22
Hình 3.1. Các giai đoạn của Dự án đầu tư và thủ tục pháp luật về đầu tư, xây dựng ở Việt Nam.....	42
Hình 3.2. Tỷ lệ các doanh nghiệp phải thuê tư vấn thực hiện các TTHC trong lĩnh vực môi trường (VCCI, 2018)	47
Hình 3.3. Số lượng các báo cáo ĐTM Bộ TNMT thẩm định, phê duyệt các năm (giai đoạn 2016-2019)	51
Hình 3.4. Tỷ lệ các loại hình dự án thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM ở Bộ TNMT giai đoạn 2016-2019	52
Hình 3.5. Vai trò của ĐTM và các bên liên quan	54
Hình 3.6. Sự không thống nhất giữa Luật BVMT, Luật đầu tư về ĐTM và một số vấn đề liên quan. (Nguồn: TS. Nguyễn Đình Cung và nnk, 2016	58
Hình 3.7. Quản lý môi trường sau ĐTM theo quy định pháp luật hiện hành	82
Hình 3.8. Tỷ lệ KCN, CCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 2016 – 2019	86
Hình 3.9. Các vấn đề cốt lõi cần giải quyết nhằm hướng đến hệ thống chính sách pháp luật về kiểm soát, giám sát môi trường hiệu quả	98
Hình 4.1. Quy trình ĐTM phổ biến trên thế giới (nguồn: UNEP, WB)	113
Hình 5.1. Chu trình dự án và vai trò các công cụ quản lý môi trường (Bronwyn Ridgway, 1999)	145
Hình 5.2. Chu trình đánh giá hệ thống quản lý môi trường ISO 14001	155
Hình 5.3. Số lượng chứng chỉ ISO 14001 được chứng nhận hàng năm	156
Hình 6.1. Quy trình quản lý môi trường theo vòng đời dự án.	179
Hình 6.2. Quy trình thực hiện ĐTM đối với dự án nhóm I, II	181
Hình 6.3. Quy trình thực hiện ĐTM đối với dự án nhóm III.....	182

MỞ ĐẦU

❖ **Bối cảnh chung và tính cấp thiết của đề tài**

Thực hiện đánh giá tác động môi trường (ĐTM) đối với dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động là những chính sách vô cùng quan trọng để phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm, bảo vệ môi trường và hướng tới phát triển bền vững. Các chính sách này đã và luôn được chú trọng trong quá trình xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật lĩnh vực bảo vệ môi trường ở nước ta.

Tính từ thời điểm phiên bản đầu tiên của Luật Bảo vệ môi trường được ban hành (năm 1993) đến nay, các chế định về ĐTM và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đã được thực hiện gần 30 năm, đã có những rà soát, điều chỉnh để phù hợp với từng giai đoạn, thời kỳ phát triển kinh tế - xã hội và đã góp phần tạo chuyển biến tích cực trong công tác bảo vệ môi trường của đất nước.

Tuy nhiên, trong các năm qua, liên tiếp nhiều sự cố môi trường đã xảy ra gây ra hậu quả lớn về môi trường, kinh tế và xã hội; điển hình là sự cố môi trường ô nhiễm biển miền Trung do Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh gây ra; sự cố ô nhiễm sông Bưởi của Nhà máy Mía đường Hoà Bình (Thanh Hoá); sự cố ô nhiễm môi trường do vỡ bể chứa chất thải từ Nhà máy tuyển nổi chì, kẽm của Công ty TNHH CKC (Cao Bằng); sự cố vỡ hồ chứa nước và bùn thải khai thác titan của Công ty TNHH Tân Quang Cường (Bình Thuận); sự cố ô nhiễm môi trường KCN Tầng Lông (Lào Cai); sự cố gây ô nhiễm môi trường của Nhà máy sản xuất Soda Chu Lai (Quảng Ngãi); sự cố ô nhiễm nước sông Cái Lớn do Nhà máy mía đường, cồn Long Mỹ Phát (Hậu Giang), sự cố Công ty cổ phần bóng đèn phích nước Rạng Đông (Hà Nội)... Các vấn đề bức xúc, nổi cộm về ô nhiễm môi trường đã xảy ra ở nhiều địa phương, vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường xảy ra dưới nhiều hình thức, quy mô và mức độ khác nhau, nhiều vụ việc vi phạm kéo dài, gây hậu quả nghiêm trọng đến môi trường và sức khỏe của người dân, chất lượng môi trường tiếp tục bị xuống cấp ở một số nơi, nhiều điểm nóng môi trường tiếp tục xuất hiện.

Các sự cố môi trường nói riêng và tình trạng chất lượng môi trường ngày

càng suy thoái, ô nhiễm gia tăng đã cho thấy những lỗ hổng trong công tác quản lý, bảo vệ môi trường. Bên cạnh vấn đề do nhận thức, ý thức trách nhiệm của chủ đầu tư còn hạn chế; nhiều địa phương quan tâm, ưu tiên lợi ích kinh tế trước mắt, xem nhẹ công tác bảo vệ môi trường thì thiếu sót, bất cập trong hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường cũng là một trong những nguyên nhân máu chốt, đặc biệt trong các chính sách sàng lọc dự án đầu tư, ĐTM, kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh.

Vai trò của ĐTM trong sàng lọc, lựa chọn dự án đầu tư, công nghệ sản xuất, xử lý chất thải, phòng ngừa ô nhiễm chưa thực sự hiệu quả; các công cụ quản lý môi trường sau ĐTM để kiểm soát, giám sát hoạt động xả thải của doanh nghiệp còn phân tán, chông chéo, chưa trọng tâm, trọng điểm, nặng về thủ tục hành chính, gây vướng mắc, tốn kém cho doanh nghiệp trong khi hiệu lực thực thi thấp; hệ thống chính sách về ĐTM và các công cụ quản lý môi trường sau ĐTM chưa có tính xuyên suốt, đồng bộ, thống nhất để quản lý môi trường theo vòng đời dự án; cơ sở dữ liệu về môi trường thiếu; năng lực tư vấn, năng lực quản lý, giám sát, kiểm tra, thanh tra còn yếu, chế tài xử phạt chưa đủ sức răn đe; sự phối hợp giữa các ngành, các cấp trong sàng lọc dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh, trong phòng ngừa, ứng phó sự cố chưa chủ động, rõ ràng; vai trò, trách nhiệm và sự tham gia của các tổ chức xã hội, cộng đồng, người dân trong công tác ĐTM, trong kiểm soát, giám sát môi trường còn mờ nhạt, hình thức, không thực chất... đã và đang là những tồn tại chính hiện nay.

Xác định *“nhiệm vụ bảo vệ môi trường hết sức nặng nề, nhiều vấn đề môi trường tích tụ chưa được giải quyết, áp lực lên môi trường ngày càng lớn, nguy cơ Việt Nam trở thành bãi thải công nghệ lạc hậu với các loại hình sản xuất ô nhiễm môi trường đang hiện hữu; biến đổi khí hậu diễn biến nhanh, phức tạp, đặt ra nhiều thách thức lớn đối với công tác bảo vệ môi trường”* trong thời gian tới, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách trong bảo vệ môi trường, trong đó, nêu rõ mục tiêu thực hiện đồng bộ, chặt chẽ trong nhiệm vụ bảo vệ môi trường từ khâu xét duyệt, thẩm định đến triển khai thực hiện và vận hành dự án. Đồng thời, chỉ đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường (TNMT) chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành tổng hợp, đề xuất sửa đổi các quy định về bảo vệ môi trường trong luật bảo vệ môi trường và các luật có liên quan bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.

Trên bình diện quốc tế, các chính sách về ĐTM và các công cụ quản lý để kiểm soát, giám sát môi trường đối với các cơ sở đang hoạt động của nhiều quốc gia, tổ chức kinh tế trên thế giới trong giai đoạn vừa qua cũng có những điều chỉnh để phù hợp, hiệu quả hơn với tình hình thực tiễn và đáp ứng các yêu cầu, thách thức mới về môi trường mang tính khu vực, toàn cầu. Tại Liên minh Châu Âu, Chỉ thị 2014/52/EU đã được thông qua để sửa đổi, bổ sung các quy định về ĐTM và các hướng dẫn mới về sàng lọc, xác định phạm vi, lập báo cáo ĐTM được ban hành trong năm 2017; Chỉ thị Directive 2010/75/EU sửa đổi về phát thải công nghiệp (kiểm soát và phòng ngừa ô nhiễm tổng hợp) chính thức được luật hoá tại các quốc gia thành viên giai đoạn 2014-2016. Năm 2016, Ngân hàng thế giới ban hành Khung chính sách môi trường và xã hội (có hiệu lực vào tháng 10/2018), thay thế bộ Chính sách an toàn trước đây để tăng cường các mục tiêu bảo vệ môi trường và con người, thúc đẩy phát triển bền vững. Cũng trong năm 2017, Hàn Quốc và một số quốc gia thuộc tổ chức OECD đã ban hành quy định để điều chỉnh, chuyển đổi hệ thống cấp giấy phép môi trường đơn lẻ sang mô hình giấy phép môi trường tổng hợp; tăng cường các chính sách về phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường...

Xu hướng kiểm soát, giám sát môi trường từ khâu xem xét quyết định đầu tư đến triển khai thực hiện dự án của nhiều nước trên thế giới có những chuyển đổi: Trách nhiệm của chủ đầu tư được nâng cao, thủ tục hành chính được giảm bớt; vai trò, hiệu lực quản lý nhà nước được tăng cường; cách thức tiếp cận sàng lọc dự án, phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường từng bước chuyển đổi từ truyền thống (tập trung giảm thiểu, phòng ngừa các tác động tiêu cực) sang chủ động (tiếp cận tổng hợp, thúc đẩy các giá trị tích cực với môi trường) gắn liền với các mô hình kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh, công nghệ hiện có tốt nhất; sự tham gia hiệu quả của các cộng đồng dân cư, các bên liên quan được chú trọng, tăng cường; ...

Ở nước ta, với vai trò quan trọng trong công tác quản lý và bảo vệ môi trường, các quy định về ĐTM và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất đang hoạt động cũng thường nhận được sự quan tâm, ý kiến góp ý của các nhà khoa học, các tổ chức, các bên liên quan trong các lần điều chỉnh chính sách pháp luật. Tuy nhiên, ngoài một số báo cáo chuyên đề và các bài tham luận, đến nay chưa có một đề tài, công trình nghiên cứu tổng thể nào về hệ thống pháp luật về ĐTM và kiểm soát, giám sát môi trường đối với dự án của Việt Nam, trong khi đó còn nhiều vấn đề cần được nghiên cứu sâu hơn, thảo luận rộng rãi hơn nhằm đáp ứng các yêu cầu

trong tình hình mới. Đối với ĐTM và các công cụ quản lý môi trường áp dụng cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động, Việt Nam hầu như cũng chưa tiếp cận đúng với các nguyên lý mà các nước tiên tiến đang áp dụng.

Trong bối cảnh chung của đất nước và xu thế phát triển của quốc tế như đã nêu trên, để giải quyết những tồn tại, vướng mắc, bất cập hiện hành, đề xuất các giải pháp đáp ứng các nhiệm vụ bảo vệ môi trường đặt ra trong thời kỳ mới trên cơ sở nghiên cứu khoa học, thực tiễn, học hỏi kinh nghiệm, hài hoà các thông lệ quốc tế, trong tiến trình rà soát, tổng hợp, đề xuất sửa đổi các quy định về bảo vệ môi trường trong luật bảo vệ môi trường và các luật có liên quan như yêu cầu Chính phủ đặt ra, việc triển khai thực hiện Đề tài *“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.”* - Mã số BDKH.27/16-20 là vô cùng quan trọng, cần thiết và cấp bách.

❖ Mục tiêu, nội dung nghiên cứu

a) Mục tiêu của Đề tài:

- ***Mục tiêu số 1: Đánh giá được thực trạng hệ thống đánh giá tác động môi trường (ĐTM) hiện hành và thực trạng công tác quản lý, kiểm soát, giám sát môi trường của Việt Nam. Chỉ ra được những tồn tại và giải pháp khắc phục.***

+ Rà soát, đánh giá hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về ĐTM của Việt Nam;

+ Đánh giá các điều kiện, nguồn lực của hệ thống trong bối cảnh Việt Nam; xác định những tồn tại, khó khăn thách thức, những bài học kinh nghiệm từ thực tiễn quản lý ĐTM tại Việt Nam;

+ Đánh giá thực trạng công tác quản lý kiểm soát, giám sát môi trường của Việt Nam.

- ***Mục tiêu số 2: Xây dựng được đề xuất hoàn thiện khung pháp lý, qui trình kỹ thuật đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư.***

+ Nghiên cứu các hệ thống ĐTM của một số nước trên Thế giới đã áp dụng một cách hiệu quả, đảm bảo phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi trường;

+ Đề xuất những điều chỉnh trong khung pháp luật về ĐTM của Việt Nam cho cả 3 cấp độ Luật, Nghị định, Thông tư nhằm khắc phục những tồn tại, khó khăn, thách thức và tiếp cận hài hòa với các quy định quốc tế;

+ Nâng cao chất lượng công tác tham vấn cộng đồng trong quá trình ĐTM theo hướng công khai thông tin cho chính quyền, nhân dân địa phương, các hộ dân bị ảnh hưởng trực tiếp, các đơn vị, cá nhân quan tâm và có ý kiến về dự án;

+ Xây dựng được khung pháp lý, qui trình kỹ thuật ĐTM đối với các dự án đầu tư, trong đó quy định rõ các nội dung về sàng lọc, phân chia các nhóm dự án theo mức độ nhạy cảm, phức tạp về khía cạnh môi trường; quy định rõ phạm vi, quy trình ĐTM và mức độ chi tiết của báo cáo ĐTM đối với từng nhóm dự án; quy định rõ phạm vi, vai trò, thời hiệu của văn bản thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM (quyết định phê duyệt hoặc giấy phép môi trường hoặc phương án khác).

- ***Mục tiêu số 3: Xây dựng được đề xuất hoàn thiện khung pháp lý, qui trình kỹ thuật kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động.***

+ Đề xuất các công cụ quản lý môi trường sau ĐTM; đề xuất khung pháp lý, qui trình kỹ thuật kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động;

+ Quy định cụ thể đối với việc kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường (BVMT) cho tất cả các giai đoạn của dự án (chuẩn bị, xây dựng, vận hành thử nghiệm, vận hành thương mại, đóng cửa dự án), trong đó nêu rõ trách nhiệm của các bên từ chủ dự án đến các cơ quan quản lý môi trường các cấp và có sự tham gia của chính quyền, nhân dân địa phương.

- ***Mục tiêu số 4: Hình thành các hướng dẫn kỹ thuật (lập, thẩm định) báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án khai thác khoáng sản (theo loại hình công nghệ và một số khoáng sản đặc thù), dự án sản xuất thép.***

+ Hình thành các hướng dẫn kỹ thuật (lập, thẩm định) báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án khai thác khoáng sản bằng phương pháp lộ thiên;

+ Hình thành các hướng dẫn kỹ thuật (lập, thẩm định) báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò;

+ Hình thành các hướng dẫn kỹ thuật (lập, thẩm định) báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án khai thác khoáng sản có tính phóng xạ;

Hình thành các hướng dẫn kỹ thuật (lập, thẩm định) báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án sản xuất thép.

b) Nội dung nghiên cứu:

Nội dung nghiên cứu chính của đề tài tập trung vào các vấn đề sau:

Nội dung 1: Đánh giá thực trạng hệ thống ĐTM và thực trạng công tác quản lý kiểm soát, giám sát môi trường của Việt Nam

Nội dung này tập trung nghiên cứu, đánh giá thực trạng hệ thống ĐTM ở Việt Nam (gồm hệ thống quy định pháp luật, thực trạng triển khai, điều kiện, nguồn lực, hạn chế, tồn tại của hệ thống ĐTM trong bối cảnh Việt Nam) và thực trạng công tác quản lý, kiểm soát, giám sát môi trường đối với dự án sau ĐTM ở Việt Nam. Từ đó, chỉ ra các tồn tại, thách thức liên quan đến hệ thống ĐTM và công tác quản lý kiểm soát, giám sát môi trường đối với dự án đầu tư ở Việt Nam.

Nội dung 2: Cơ sở khoa học, kinh nghiệm quốc tế về ĐTM

Nội dung số 2 tập trung nghiên cứu cơ sở khoa học, hệ thống pháp luật và chính sách về ĐTM ở các quốc gia và các tổ chức quốc tế trên thế giới, trong đó bao gồm cơ sở khoa học và kinh nghiệm quốc tế về vai trò, ý nghĩa của ĐTM trong chu trình dự án; phân loại dự án phải thực hiện ĐTM; phương pháp, quy trình ĐTM; vai trò của các bên trong quá trình ĐTM; hình thức và nội dung phê duyệt ĐTM; mối tương quan giữa ĐTM và các công cụ quản lý môi trường sau ĐTM trong quản lý, bảo vệ môi trường đối với dự án.

Đây là một trong những nội dung then chốt của Đề tài để bảo đảm tính khách quan khoa học, đúng bản chất, vai trò và hài hoà với kinh nghiệm, thông lệ quốc tế khi hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM ở Việt Nam.

Nội dung 3: Nghiên cứu đề xuất khung pháp lý về ĐTM

Từ các nghiên cứu về cơ sở khoa học, kinh nghiệm quốc tế về ĐTM (Nội dung 2) và hiện trạng, các tồn tại, thách thức liên quan đến hệ thống ĐTM ở Việt Nam (Nội dung 1), trong Nội dung 3 tập trung phân tích, đề xuất các giải pháp điều chỉnh, hoàn thiện khung pháp lý về ĐTM ở Việt Nam cho cả 3 cấp độ: Luật, Nghị định, Thông tư nhằm khắc phục những tồn tại, khó khăn, thách thức và tiếp

cận hài hòa với các quy định về ĐTM của quốc tế.

Việc đánh giá tác động chính sách (RIA) cho khung pháp luật về ĐTM đã đề xuất cũng được thực hiện nhằm xem xét tính khả thi, phù hợp, tác động của các giải pháp, phương án, quy định đưa ra.

Nội dung 4: Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và đề xuất các công cụ quản lý môi trường sau ĐTM; xây dựng báo cáo phân tích tác động chính sách

Nội dung này tập trung nghiên cứu kinh nghiệm về một số công cụ quản lý môi trường sau ĐTM ở các nước trên thế giới, gồm Kế hoạch quản lý môi trường, Hệ thống quản lý môi trường, Kiểm toán môi trường, Thanh tra và kiểm soát sự tuân thủ. Trên cơ sở thực trạng công tác quản lý, kiểm soát, giám sát môi trường đối với dự án sau ĐTM ở Việt Nam (Nội dung nghiên cứu 1) và kinh nghiệm quốc tế, đã đề xuất hoàn thiện các công cụ này cho quản lý môi trường sau ĐTM ở nước ta.

Trong quá trình nghiên cứu, Nhóm tác giả cũng nhận thấy rằng ngoài các công cụ trên, một trong những công cụ quản lý môi trường rất hiệu quả, phổ biến đang được cơ quan quản lý môi trường các nước trên thế giới áp dụng để kiểm soát, giám sát môi trường khi các dự án đi vào vận hành hoạt động là giấy phép môi trường. Do đó, cũng đã bổ sung nghiên cứu về giấy phép môi trường để đảm bảo tính đầy đủ, toàn vẹn khi đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý để quản lý môi trường theo vòng đời dự án.

Nội dung 5: Nghiên cứu đề xuất quy định về kiểm tra, xác nhận công trình bảo vệ môi trường trước khi dự án đi vào vận hành chính thức; xây dựng báo cáo tác động chính sách RIA.

Nội dung 5 tập trung nghiên cứu và đề xuất hoàn thiện quy định về kiểm tra, xác nhận công trình bảo vệ môi trường trước khi dự án đi vào vận hành chính thức, bao gồm: xác định loại dự án cần kiểm tra, xác nhận (giấy xác nhận/giấy phép) công trình bảo vệ môi trường trước khi vận hành; quy trình, thủ tục, hình thức xác nhận (giấy xác nhận/giấy phép) công trình bảo vệ môi trường trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức. Đánh giá tác động chính sách (RIA) cũng được tiến hành để xem xét các tác động, tính khả thi của các quy định đề xuất.

Nội dung 6: Nghiên cứu xây dựng hướng dẫn việc kiểm soát, giám sát

môi trường cho tất cả các giai đoạn của dự án

Các nội dung 4, 5 và 6 được triển khai thực hiện nhằm đáp ứng mục tiêu số 3 của Đề tài. Trong đó, nội dung 6 được đúc kết và phát triển trên cơ sở các nội dung nghiên cứu từ 1 đến 5, đề xuất khung pháp lý, hướng dẫn đối với việc kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường (BVMT) cho tất cả các giai đoạn của dự án (chuẩn bị, xây dựng, vận hành thử nghiệm, vận hành thương mại, đóng cửa dự án), trong đó nêu rõ trách nhiệm của các bên từ chủ dự án đến các cơ quan quản lý môi trường các cấp và có sự tham gia của chính quyền, nhân dân địa phương.

Nội dung 7: Nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện hướng dẫn ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản bằng phương pháp lộ thiên

Nội dung 8: Nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện hướng dẫn ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò

Nội dung 9: Nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện hướng dẫn ĐTM cho dự án khai thác quặng có chứa phóng xạ

Nội dung 10: Nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện hướng dẫn ĐTM cho dự án sản xuất thép

Trong các nội dung 7, 8, 9 và 10, các nhóm tác giả đi sâu nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện hướng dẫn ĐTM, bao gồm hướng dẫn lập báo cáo ĐTM và hướng dẫn thẩm định báo cáo ĐTM cho một số loại hình dự án có tác động lớn và nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao ở Việt Nam, gồm khai thác khoáng sản (lộ thiên, hầm lò, khai thác quặng có chứa phóng xạ) và sản xuất thép.

Các hướng dẫn vừa bảo đảm cách tiếp cận khoa học, lý luận về ĐTM của Đề tài, vừa bảo đảm làm rõ được các vấn đề đặc thù trong ĐTM của dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép; là tài liệu có tính hướng dẫn kỹ thuật cho cơ quan quản lý, các chủ dự án, các đơn vị tư vấn... để nâng cao chất lượng ĐTM đối với các loại hình dự án này.

Nội dung 11: Nghiên cứu áp dụng thử nghiệm lập, thẩm định ĐTM cho dự án và xây dựng chương trình kiểm soát, giám sát môi trường cho cơ sở sản xuất đang hoạt động

Nội dung 11 đi vào áp dụng thử nghiệm các kết quả nghiên cứu để lập, thẩm định ĐTM cho một dự án khai thác khoáng sản ở Quảng Ninh và xây dựng chương

trình kiểm soát, giám sát môi trường cho Dự án Tổ hợp Bauxite Tân Rai - Lâm Đồng. Việc nghiên cứu áp dụng thử nghiệm cũng giúp Nhóm tác giả kiểm chứng, rà soát, hoàn thiện lại các đề xuất, quy định về ĐTM và kiểm soát, giám sát môi trường theo vòng đời dự án để hoàn thiện hơn kết quả nghiên cứu, nâng cao tính hữu dụng của Đề tài.

❖ Thời gian thực hiện, kinh phí thực hiện

a) Thời gian thực hiện:

Tổng thời gian thực hiện của Đề tài là 32 tháng (từ tháng 11/2017 đến tháng 6/2020).

b) Kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí thực hiện của Đề tài là 6.600 triệu đồng

❖ Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của kết quả nghiên cứu

Về mặt khoa học, kết quả nghiên cứu của Đề tài đã tổng hợp, hệ thống, phát triển và luận giải một cách rõ ràng, toàn diện bản chất khoa học của ĐTM và các công cụ quản lý sau ĐTM để làm cơ sở hoàn thiện các quy định pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm, kiểm soát, giám sát môi trường từ khâu xét duyệt, thẩm định dự án đến triển khai thực hiện, vận hành dự án. Cụ thể:

- Đã phát triển và đề xuất cơ sở khoa học phân loại dự án đầu tư theo mức độ rủi ro tác động môi trường (thông qua chỉ số ô nhiễm và tính nhạy cảm về môi trường, xã hội nơi thực hiện dự án) để làm cơ sở áp dụng công cụ ĐTM, các công cụ quản lý sau ĐTM và giám sát, kiểm soát môi trường theo vòng đời dự án một cách phù hợp, hiệu quả. Theo đó, các dự án đầu tư được phân loại thành các nhóm: phân loại dự án thành các nhóm: Nhóm I- có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao; Nhóm II- có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; Nhóm III- có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường ở mức độ nhỏ; nhóm IV- không có tác động đến môi trường hoặc tác động không đáng kể. Với từng nhóm, mức độ yêu cầu ĐTM, cấp giấy phép môi trường, lập kế hoạch quản lý môi trường, kiểm toán môi trường, thanh tra và giám sát tuân thủ là khác nhau.

- Đã luận giải bản chất khoa học của ĐTM, phân định vai trò, bản chất của ĐTM và các công cụ quản lý môi trường sau ĐTM. Từ đó, đề xuất khung pháp lý về ĐTM và các công cụ quản lý môi trường theo vòng đời dự án bảo đảm tính

khoa học, phù hợp với điều kiện của Việt Nam và hài hoà với kinh nghiệm, thông lệ quốc tế.

- Làm rõ cơ sở khoa học về ĐTM, từ khâu sàng lọc, xác định phạm vi, đến quy trình ĐTM, phương pháp thực hiện ĐTM...; hệ thống hoá, cập nhật kinh nghiệm về ĐTM, công cụ quản lý môi trường sau ĐTM của các nước tiên tiến trên thế giới, các tổ chức quốc tế làm tư liệu khoa học quan trọng trong quá trình xem xét hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM và kiểm soát, giám sát môi trường dự án ở Việt Nam.

- Đã xây dựng được khung pháp lý, qui trình kỹ thuật ĐTM đối với các dự án đầu tư, trong đó quy định rõ các nội dung về sàng lọc, phân chia các nhóm dự án theo mức độ nhạy cảm, phức tạp về khía cạnh môi trường; quy định rõ phạm vi, quy trình ĐTM và mức độ chi tiết của báo cáo ĐTM đối với từng nhóm dự án...

Về mặt thực tiễn, các kết quả nghiên cứu của đề tài (bao gồm các đề xuất điều chỉnh trong khung pháp luật hiện hành về ĐTM của Việt Nam; dự thảo quy định về ĐTM cho cả 3 cấp độ Luật, Nghị định, Thông tư nhằm khắc phục những tồn tại, khó khăn, thách thức và tiếp cận hài hòa với các quy định quốc tế; các đề xuất các công cụ quản lý môi trường sau ĐTM; đề xuất khung pháp lý, qui trình kỹ thuật kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động...) đã được Nhóm tác giả gửi tới Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường để Tổ biên tập, Ban soạn thảo luật nghiên cứu, xem xét trong quá trình xây dựng, hoàn thiện Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi.

- Trong bối cảnh chuyển từ xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường sang xây dựng Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi toàn diện (thay thế Luật Bảo vệ môi trường 2014), phải gấp rút hoàn thiện Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi trong thời gian hạn chế, thì các nghiên cứu khoa học có tính hệ thống, cập nhật, toàn diện, cụ thể của Đề tài có ý nghĩa và giá trị thực tiễn cao đối với công tác xây dựng, hoàn thiện chính sách pháp luật trong lĩnh vực môi trường.

- Theo các mục tiêu đã đặt ra, các kết quả nghiên cứu của đề tài đã tập trung nghiên cứu, đề xuất quy định khắc phục những tồn tại, khó khăn, thách thức và tiếp cận hài hòa với các quy định quốc tế; nâng cao chất lượng công tác tham vấn cộng đồng trong quá trình ĐTM theo hướng công khai thông tin; đề xuất khung

pháp lý các công cụ quản lý sau ĐTM, qui trình kỹ thuật kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động phù hợp, hiệu quả... Đây là các đề xuất quan trọng, phạm vi điều chỉnh trên toàn quốc, ảnh hưởng đến tất cả các hoạt động quản lý và bảo vệ môi trường đối với các dự án đầu tư trong suốt vòng đời dự án. Do đó, bên cạnh ý nghĩa đối với công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, khi chính sách được ban hành, thực thi trong thực tế, các kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ có ý nghĩa thực tiễn quan trọng đối với công tác bảo vệ môi trường cũng như phát triển kinh tế - xã hội, hướng đến sự phát triển bền vững của nước ta.

Ngoài ra, trên cơ sở các kết quả nghiên cứu khoa học và thực tiễn đề xuất hoàn thiện quy trình, các yêu cầu về ĐTM đã được thực hiện, Tập thể tác giả cũng đã nghiên cứu, cập nhật và xây dựng 08 hướng dẫn lập, thẩm định báo cáo ĐTM cho các loại hình dự án khai thác khoáng sản lộ thiên, hầm lò, khai thác khoáng sản có chứa phóng xạ, các dự sản xuất thép. Các hướng dẫn này không chỉ có giá trị tham khảo hữu ích cho các chủ dự án, cơ quan quản lý trong việc thực thi các quy định pháp luật hiện hành về báo cáo ĐTM, mà còn có giá trị hữu ích cho nhiều đối tượng nghiên cứu để tiếp cận đúng bản chất khoa học về ĐTM khi ứng dụng đối với các đối tượng dự án cụ thể.

❖ Kết cấu của Báo cáo

Mở đầu:

Chương 1. Tổng quan về vấn đề nghiên cứu.

Chương 2. Phạm vi, đối tượng và phương pháp nghiên cứu.

Chương 3. Quy định pháp luật, thực trạng ĐTM và các công cụ kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động của Việt Nam.

Chương 4. Cơ sở khoa học, kinh nghiệm quốc tế về ĐTM.

Chương 5. Kinh nghiệm quốc tế về các công cụ kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động.

Chương 6. Đề xuất hoàn thiện khung pháp lý, quy trình kỹ thuật về ĐTM và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động trong điều kiện Việt Nam hiện nay.

Chương 7. Hướng dẫn lập báo cáo, thẩm định ĐTM đối với dự án khai thác

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BĐKH.27/16-20.

khoáng sản, dự án sản xuất thép.

Kết luận và kiến nghị.

Tài liệu tham khảo.

Phụ lục.

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1. Nội hàm các khái niệm, đối tượng nghiên cứu của Đề tài

1.1.1. Môi trường và Đánh giá tác động môi trường

Môi trường, theo định nghĩa của **Luật Bảo vệ môi trường 2014** [12], “là hệ thống các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo có tác động đối với sự tồn tại và phát triển của con người và sinh vật”. Định nghĩa này dù không nêu rõ “các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo” nhưng có thể hiểu đây là các yếu tố tự nhiên và kinh tế, xã hội.

Ngân hàng Thế giới (WB) [25,63] định nghĩa “Môi trường là các yếu tố tự nhiên và nhân văn tồn tại đồng thời ở cùng một địa điểm. Nói chung, môi trường bao gồm các thành phần môi trường vật lý (*physical environment*), môi trường sinh vật (*biological environment*) và môi trường nhân văn (*human environment*)”. Định nghĩa của WB nêu rõ hơn về các thành phần môi trường: tự nhiên và nhân văn (con người, xã hội, kinh tế), đồng thời nhấn mạnh cả yếu tố thời điểm và địa điểm mà các yếu tố này cùng tồn tại.

Ngoài ra còn có một số định nghĩa khác về môi trường nhưng về cơ bản đều xác nhận môi trường là thế giới xung quanh 1 cá thể sống bao gồm cả các yếu tố tự nhiên và xã hội. Về chi tiết, các tài liệu khoa học của các trường, viện nghiên cứu, tổ chức quốc tế và nhiều quốc gia xác định môi trường bao gồm 2 tổ hợp:

(i) Môi trường tự nhiên (nhiều tài liệu quốc tế viết là môi trường lý - sinh: Bio-Physical Environment) gồm 2 thành phần: (i_a) Môi trường vật lý bao gồm 3 lớp (quyển) hay 3 thành phần môi trường bao quanh trái đất, gồm: Thạch quyển (Lithosphere hoặc môi trường đất), Thủy quyển (Hydrosphere hoặc môi trường nước) và Khí quyển (Atmosphere hoặc môi trường không khí). Môi trường đất bao gồm các yếu tố địa chất, địa hình, chất lượng đất; môi trường nước bao gồm các thành phần: thủy văn, thủy hóa (chất lượng nước), thủy sinh; môi trường không khí bao gồm: khí hậu, khí tượng, chất lượng không khí); (i_b) Môi trường sinh vật bao gồm các hệ sinh thái, thảm thực vật (*flora*), động vật (*fauna*) và đa dạng sinh học.

(ii) Môi trường xã hội: Gồm dân tộc, dân số; tài sản vật thể (các công trình văn hóa, lịch sử, tôn giáo...); văn hóa, xã hội, sinh kế, kinh tế...

Với quan điểm tiếp cận các thành phần môi trường như trên, quy định về ĐTM của các tổ chức quốc tế (ADB, IFC, JICA, Sida, UNEP, WB) [31,39,43,33,63], Liên minh Châu Âu - EU [35] và nhiều quốc gia đều yêu cầu: ĐTM cần dự báo, đánh giá, giảm thiểu và giám sát các tác động đến tất cả các thành phần môi trường liên quan đến tác động của dự án, không chỉ đối với môi trường vật lý (đất, nước, không khí) mà còn đối với môi trường sinh vật. Thậm chí nhiều tổ chức quốc tế (WB, IFC, ADB...) và một số quốc gia (Hoa Kỳ, Nga) không chỉ lập hướng dẫn đánh giá tác động do ô nhiễm mà còn các hướng dẫn chi tiết về tác động sinh thái, rủi ro sinh thái, đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu trong ĐTM.

Về tác động xã hội: ở các mức độ khác nhau, tất cả các tổ chức quốc tế (ADB, JICA, WB, UNEP, Sida...), các quốc gia phát triển (các nước thuộc Liên minh Châu Âu, Hoa Kỳ, Canada, Hàn Quốc) và nhiều nước đang phát triển ở châu Á, Mỹ Latin, châu Phi đều yêu cầu phải xem xét, dự báo và giảm thiểu các tác động xã hội trong nghiên cứu ĐTM. Một số quốc gia, tổ chức quốc tế còn yêu cầu nghiên cứu, lập báo cáo về tác động môi trường và xã hội (Environmental and Social Impact Assessment - ESIA); thậm chí lập báo cáo riêng về tác động sức khỏe (Health Impact Assessment - HIA) (Canada, Thái Lan...). Với cách hiểu môi trường theo nghĩa rộng như đã phân tích trên, ESIA hoặc HIA cũng là 1 loại hình của Environmental Impact Assessment - EIA (ĐTM).

Khái niệm **Đánh giá tác động môi trường** (Environmental Impact Assessment- EIA hoặc Environmental Assessment - EA, trong tiếng Anh) có nhiều nội dung và không có định nghĩa thống nhất. Cho đến nay có nhiều định nghĩa về đánh giá tác động môi trường (ĐTM) được nêu trong các tài liệu chính thức.

Theo Chương trình Môi trường của Liên Hợp quốc (UNEP, 1991): "ĐTM là quá trình nghiên cứu nhằm dự báo các hậu quả về mặt môi trường của một dự án phát triển".

Theo Ủy ban Kinh tế Xã hội Châu Á và Thái Bình Dương (ESCAP, 1990): "ĐTM là quá trình xác định, dự báo và đánh giá tác động của một dự án, một chính sách đến môi trường".

Ngân hàng Thế giới (WB) định nghĩa: "ĐTM là công cụ để nhận dạng và đánh giá các tác động tiềm năng đến môi trường của 1 dự án được đề xuất, đánh giá các phương án thay thế và thiết kế các biện pháp giảm thiểu, quản lý và giám sát phù hợp" và "ĐTM là nghiên cứu được thực hiện trong quá trình chuẩn bị dự án (thường là một phần của nghiên cứu khả thi) để làm rõ liệu dự án sẽ gây tác động như thế nào đến môi trường và đưa ra các biện pháp nhằm tránh, ngăn ngừa, hoặc giảm thiểu các tác động tiêu cực đến mức có thể chấp nhận và phát huy các tác động tích cực.

Tổ chức Đánh giá tác động quốc tế (IAIA, 2009) định nghĩa "ĐTM là quá trình nhận dạng, đánh giá và giảm thiểu các ảnh hưởng đến môi trường lý-sinh, xã hội của đề xuất phát triển (dự án) trước khi ra quyết định và đưa ra các cam kết"

Luật Bảo vệ môi trường 2014 (khoản 23, Điều 3) định nghĩa “*Đánh giá tác động môi trường là việc phân tích, dự báo tác động đến môi trường của dự án đầu tư cụ thể để đưa ra biện pháp bảo vệ môi trường khi triển khai dự án đó.*”

Kết quả nghiên cứu cho thấy, có khá nhiều khái niệm, định nghĩa khác nhau về ĐTM và nhìn chung đều cho rằng ĐTM thuộc phạm trù khoa học dự báo, là công cụ bảo vệ môi trường áp dụng cho giai đoạn xem xét, phê duyệt một dự án phát triển.

1.1.2. Dự án đầu tư và các giai đoạn trong vòng đời dự án

Dự án đầu tư, theo **Luật Đầu tư 2014** (khoản 2 Điều 3), “*là tập hợp đề xuất bỏ vốn trung hạn hoặc dài hạn để tiến hành các hoạt động đầu tư kinh doanh trên địa bàn cụ thể, trong khoảng thời gian xác định.*”

Trong từng lĩnh vực quản lý khác nhau, vòng đời của một dự án đầu tư (hay gọi chung là dự án) có thể được phân chia thành các giai đoạn khác nhau để bảo đảm kiểm soát, giám sát các vấn đề ngành quản lý.

Đối với lĩnh vực đầu tư, đầu tư công, mặc dù không có điều khoản quy định cụ thể, rõ ràng các giai đoạn của một dự án đầu tư, nhưng Luật Đầu tư, Luật Đầu

tư công có phân loại các nhóm dự án (phụ thuộc vào quy mô, mức độ dự án, vốn đầu tư...) và xác định các giai đoạn đầu tư như chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án đối với từng nhóm loại dự án. Đồng thời, để kiểm soát hiệu quả đầu tư, thực hiện dự án, Luật Đầu tư công 2019 có một số quy định về theo dõi, đánh giá dự án, cụ thể:

- *Đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A* phải thực hiện đánh giá ban đầu, đánh giá giữa kỳ, đánh giá kết thúc và đánh giá tác động. *Đối với dự án nhóm B, nhóm C* phải thực hiện đánh giá kết thúc và đánh giá tác động. (khoản 3, 4 Điều 72 Luật Đầu tư công 2019);

- *Nội dung đánh giá ban đầu* bao gồm: a) Công tác chuẩn bị, tổ chức, huy động các nguồn lực để thực hiện chương trình, dự án bảo đảm đúng mục tiêu, tiến độ đã được phê duyệt; b) Những vướng mắc, phát sinh mới xuất hiện so với thời điểm phê duyệt chương trình, dự án; c) Đề xuất các biện pháp giải quyết các vấn đề vướng mắc, phát sinh phù hợp với điều kiện thực tế.

- *Nội dung đánh giá giữa kỳ* bao gồm: a) Sự phù hợp của kết quả thực hiện chương trình, dự án so với mục tiêu đầu tư; b) Mức độ hoàn thành khối lượng công việc đến thời điểm đánh giá so với kế hoạch được phê duyệt; c) Đề xuất các giải pháp cần thiết, kể cả việc điều chỉnh chương trình, dự án.

- *Nội dung đánh giá kết thúc* bao gồm: a) Quá trình thực hiện dự án: hoạt động quản lý thực hiện dự án; kết quả thực hiện các mục tiêu của dự án; các nguồn lực đã huy động; các lợi ích do dự án mang lại cho những đối tượng thụ hưởng; các tác động, tính bền vững của dự án; b) Bài học rút ra sau quá trình thực hiện dự án và đề xuất các khuyến nghị cần thiết; trách nhiệm của tổ chức tư vấn, cơ quan chủ quản, chủ chương trình, chủ đầu tư, người có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

- *Nội dung đánh giá tác động* bao gồm: a) Thực trạng kinh tế - kỹ thuật vận hành; b) Tác động kinh tế - xã hội; c) Tác động môi trường, sinh thái; d) Tính bền vững của dự án; đ) Bài học rút ra từ chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, thực hiện, vận hành dự án; trách nhiệm của tổ chức tư vấn, cơ quan chủ quản, chủ chương trình, chủ đầu tư, người có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Đối với lĩnh vực xây dựng, theo quy định của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng (Điều 6), trình tự thực hiện đầu tư xây dựng của một dự án được phân chia thành các giai đoạn bao gồm:

- *Giai đoạn chuẩn bị dự án*, gồm các công việc: Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (nếu có); lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng để xem xét, quyết định đầu tư xây dựng và thực hiện các công việc cần thiết khác liên quan đến chuẩn bị dự án;

- *Giai đoạn thực hiện dự án*, gồm các công việc: Thực hiện việc giao đất hoặc thuê đất (nếu có); chuẩn bị mặt bằng xây dựng, rà phá bom mìn (nếu có); khảo sát xây dựng; lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng; cấp giấy phép xây dựng (đối với công trình theo quy định phải có giấy phép xây dựng); tổ chức lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng xây dựng; thi công xây dựng công trình; giám sát thi công xây dựng; tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành; nghiệm thu công trình xây dựng hoàn thành; bàn giao công trình hoàn thành đưa vào sử dụng; vận hành, chạy thử và thực hiện các công việc cần thiết khác;

- *Giai đoạn kết thúc xây dựng đưa công trình của dự án vào khai thác sử dụng*, gồm các công việc: Quyết toán hợp đồng xây dựng, bảo hành công trình xây dựng.

Đối với lĩnh vực bảo vệ môi trường, mặc dù hệ thống các quy định pháp luật hiện hành trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đầu đó đã quy định các công cụ quản lý môi trường, biện pháp kiểm soát, giám sát bảo vệ môi trường, trách nhiệm của chủ dự án trong các giai đoạn của dự án, ví dụ đánh giá môi trường chiến lược trong giai đoạn lập quy hoạch, chiến lược, kế hoạch; đánh giá tác động môi trường trong giai đoạn chuẩn bị dự án, trước khi quyết định đầu tư dự án; kiểm soát, giám sát bảo vệ môi trường trong các giai đoạn giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng, giai đoạn vận hành thử nghiệm, vận hành thương mại, đóng cửa/ kết thúc dự án; cải tạo, phục hồi môi trường trong giai đoạn đóng cửa mở đối với các dự án khai thác khoáng sản... Tuy nhiên, trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của lĩnh vực bảo vệ môi trường, hiện chưa có quy định cụ thể, rõ ràng về các giai đoạn của dự án trong một vòng đời dự án. Một cách khoa học và thực tế, việc thiếu quy định thống nhất, rõ ràng về các giai đoạn của dự án trong một vòng đời dự án có

thể dẫn đến việc quy định về công cụ quản lý môi trường, biện pháp kiểm soát, giám sát môi trường thiếu tính hệ thống và xuyên suốt.

Trên cơ sở các quy định hiện hành và đặc trưng về các hoạt động, tác động môi trường trong quá trình thực hiện một dự án đầu tư nói chung, để có cơ sở thống nhất đề xuất việc quản lý, kiểm soát, giám sát bảo đảm hiệu quả trong việc bảo vệ môi trường của dự án, nhóm nghiên cứu đề xuất việc xác định, phân chia các giai đoạn trong vòng đời dự án như sau:

a) *Giai đoạn chuẩn bị dự án*: tương ứng với giai đoạn hình thành, đề xuất dự án, xây dựng ý tưởng dự án; gồm các bước: nghiên cứu tiền khả thi, nghiên cứu khả thi (kèm theo thiết kế cơ sở), thiết kế chi tiết kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công. Tương ứng với lĩnh vực đầu tư, tùy vào loại hình dự án, chủ đầu tư sẽ tiến hành thủ tục xin chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc xin phê duyệt quyết định đầu tư dự án.

b) *Giai đoạn thực hiện dự án*: tương ứng với giai đoạn tiến hành triển khai dự án; gồm các bước: Chuẩn bị, giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng; vận hành thử nghiệm (trong đó có vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường); vận hành hoạt động chính thức dự án (giai đoạn vận hành hoạt động chính thức tương ứng với khái niệm “cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động”).

c) *Giai đoạn đóng cửa/ kết thúc dự án*.

1.2. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu ngoài nước

Xuất hiện vào đầu những năm 1970, bắt nguồn từ Đạo luật Chính sách môi trường quốc gia (National Environmental Policy Act - NEPA) ở Hoa Kỳ, tính đến nay, ĐTM đã có lịch sử 50 năm phát triển và đã được thể chế hóa ở hơn 100 quốc gia trên thế giới, được áp dụng rộng rãi bởi nhiều tổ chức tín dụng, hỗ trợ tài chính quốc tế [31,45,57]. Khẳng định vai trò quan trọng của ĐTM, Tuyên bố về Môi trường và Phát triển Rio 1972 ghi nhận “là một công cụ quốc gia, được thực hiện đối với những hoạt động đề xuất có khả năng gây ảnh hưởng bất lợi đối với môi trường thuộc thẩm quyền quyết định bởi cơ quan quản lý nhà nước” (Nguyên tắc 17, Tuyên bố về Môi trường và Phát triển Rio 1972, [54]).

Với vai trò và tầm quan trọng khi xem xét các khía cạnh môi trường trong các dự án đầu tư, trong gần nửa thế kỷ qua, ĐTM đã được nhiều nhà khoa học, lập pháp nghiên cứu và phát triển với nhiều nhánh nghiên cứu khác nhau, bao gồm: (i) nghiên cứu về nguyên tắc, cơ sở khoa học, các phương pháp, kỹ thuật, quy trình, các mô hình ĐTM và xu hướng phát triển ĐTM; (ii) nghiên cứu phát triển, hoàn thiện chính sách pháp luật về ĐTM tại các quốc gia, trong hệ thống luật quốc tế; (iii) nghiên cứu ứng dụng, hướng dẫn ĐTM cho các loại hình dự án; (iv) nghiên cứu mối quan hệ về ĐTM và các công cụ quản lý môi trường, các công cụ quản lý sau ĐTM theo chu trình dự án;...

Trong nghiên cứu về “Vai trò khoa học trong ĐTM: quá trình, thủ tục và mục đích trong phát triển lý thuyết ĐTM”, Cashmore (2004) [45] đã phân tích, đánh giá các mô hình ĐTM trên cơ sở xem xét cả phương diện khoa học ứng dụng và khoa học xã hội để cải thiện tính hiệu quả và hữu ích của ĐTM. L.W.Canter, trong công trình nghiên cứu về ĐTM (Environmental Impact Assessment, 2012 [44]) đã nhấn mạnh *ĐTM là một quá trình nghiên cứu tác động môi trường (environmental impact studies)* có tính hệ thống, khoa học liên ngành với các bước cơ bản gồm: xác định vấn đề, phương án lựa chọn - mô tả môi trường bị ảnh hưởng - dự báo và đánh giá tác động - lựa chọn phương án, giải pháp phù hợp từ các phương án/kế hoạch lựa chọn trên cơ sở xem xét, đánh giá tác động môi trường - lập hồ sơ, báo cáo ĐTM. Canter cũng chỉ rõ vai trò của các phương pháp, kỹ thuật sử dụng trong quá trình nghiên cứu ĐTM như phân tích đánh giá - kết quả; phân định, định lượng giá trị; các kỹ thuật dự báo, đánh giá tác động; tầm quan trọng, các vấn đề cốt lõi cần quan tâm; kỹ thuật ra quyết định; kỹ thuật tham vấn cộng đồng; chi phí - lợi ích của nghiên cứu ĐTM và các thủ tục thẩm định hồ sơ/báo cáo nghiên cứu ĐTM... Theo ông, việc tiếp cận tổng hợp, hệ thống, ứng dụng các kỹ thuật phù hợp có tính quy trình khoa học trong quá trình thực hiện ĐTM là điều cốt yếu để bảo đảm hiệu quả của ĐTM trong việc hỗ trợ cơ quan quản lý trong quá trình xem xét quy hoạch và ra quyết định cho phép đầu tư dự án.

Trên cơ sở tổng hợp các nghiên cứu, khảo sát của các nhà khoa học và các quy định pháp luật, hướng dẫn về ĐTM trên thế giới, trong ấn phẩm Ứng dụng khoa học trong ĐTM xuất bản năm 2018 [31], các tác giả Aaron, Peter và Tony khi bàn luận về tính khoa học của ĐTM đã phân tích, đánh giá các quan điểm về vai trò khoa học đối với ĐTM trên cơ sở các mối tương quan giữa khoa học và

chính trị (science and politics); các yếu tố khoa học bên trong và bên ngoài ĐTM (science inside and science outside EIA); các phương diện khoa học, chính sách và hành chính trong ĐTM. Nhóm tác giả cũng đã phân tích, làm rõ các tính chất khoa học trong các quá trình thực hiện ĐTM (từ khâu xác định phạm vi, mô tả đặc điểm sinh thái, dự báo tác động, đánh giá tầm quan trọng của tác động, đánh giá và lựa chọn phương án thay thế, đề xuất chương trình quản lý, giám sát môi trường) và thẩm định ĐTM. Trong các nghiên cứu xây dựng chính sách pháp luật, quy định, hướng dẫn về ĐTM của Hoa Kỳ, Liên Minh Châu Âu, nhiều quốc gia và tổ chức tài chính quốc tế trên thế giới [35,36,40,62,59] yêu cầu thực hiện ĐTM luôn có sự đan xen giữa yếu tố khoa học và thực tiễn.

Nghiên cứu chính sách, quy định pháp luật về ĐTM tại nhiều quốc gia trên thế giới, nhóm chuyên gia của UNEP trong các ấn phẩm “Đánh giá tác động môi trường và đánh giá môi trường chiến lược – hướng đến giải pháp tổng hợp” năm 2004 [33] và “Đánh giá chính sách pháp luật ĐTM toàn cầu” năm 2018 [57] nhận định, hiện các quy định về hệ thống ĐTM gần như đã được thể chế hoá trong các văn bản pháp luật của hầu hết các quốc gia trên thế giới. Mặc dù phạm vi, mức độ quy định về ĐTM trong hệ thống văn bản pháp luật của các quốc gia là khác nhau, nhưng nhìn chung, việc quy định ĐTM trong các văn bản luật đều nhằm mục đích nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác ĐTM thông qua các thủ tục hành chính và các chế tài xử phạt; giảm thiểu các rủi ro trong việc xem xét ra quyết định và phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của các bên liên quan. Tuy nhiên, theo đánh giá của UNEP (2018), thách thức chung của nhiều quốc gia hiện nay là việc bảo đảm tính đầy đủ, hiệu quả của ĐTM trên thực tế; trong đó, các điểm yếu, hạn chế cơ bản bao gồm: i) Chất lượng ĐTM thấp; ii) Tham vấn cộng đồng không đầy đủ; iii) Quyết định cuối cùng về dự án thường không xem xét một cách đầy đủ, tương xứng các kết luận, khuyến nghị đối với ĐTM; iv) Sự phụ thuộc vào các điều kiện cho phép để giảm thiểu tác động cao; v) Mức độ giám sát và tuân thủ quyết định yếu.

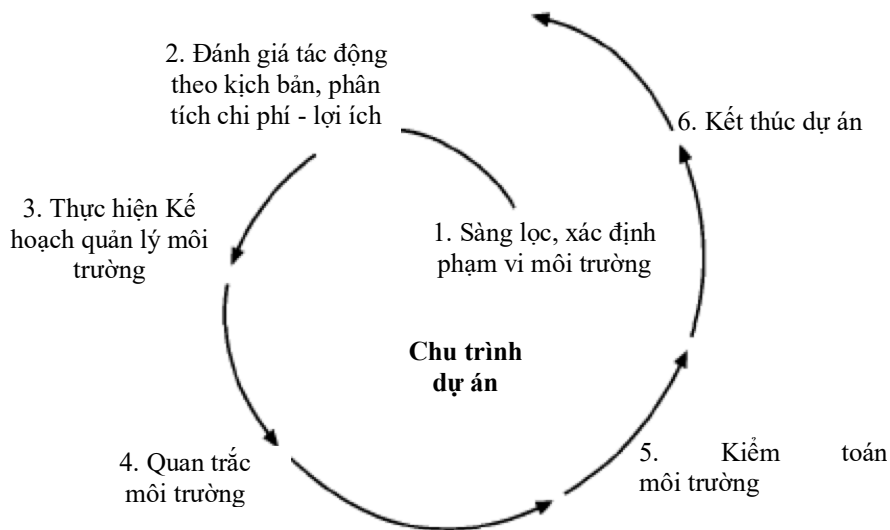
UNEP cũng chỉ ra rằng với các yếu tố như thể chế chính trị, năng lực quốc gia khác nhau, cách thức phát triển, hoàn thiện ĐTM ở mỗi quốc gia là khác nhau; ví dụ, trái ngược với hầu hết các nước phát triển, chính sách ĐTM được quy định, điều chỉnh do các áp lực xã hội dân sự thì ở các nước đang phát triển, ĐTM thường được quy định do yêu cầu của các cơ quan hỗ trợ phát triển hoặc chương trình

phát triển chính sách toàn cầu, do đó, các chính sách, quy định ĐTM được đưa vào văn bản pháp luật thường muộn hơn, có tính bền vững, độ ổn định thấp và kém hiệu quả hơn [57].

Bên cạnh các nhánh nghiên cứu chuyên sâu riêng về ĐTM, nghiên cứu về ĐTM và các công cụ quản lý môi trường theo vòng đời dự án để phòng ngừa, kiểm soát và bảo vệ môi trường cũng là một trong những nhánh nghiên cứu được các nhà khoa học, cơ quan quản lý môi trường trên thế giới quan tâm, đặc biệt trong giai đoạn gần đây do xu hướng thay đổi, phát triển các công cụ quản lý môi trường để đáp ứng với yêu cầu BVMT trên thực tiễn của từng quốc gia, khu vực và toàn cầu.

Koos Neefies, trong ấn phẩm “Môi trường và sinh kế: chiến lược hướng đến sự bền vững” năm 2000 [47] đã nhấn mạnh vai trò của công cụ ĐTM trong giai đoạn xem xét đầu tư dự án, đặc biệt đối với các dự án lớn. Đồng thời, cũng xác định vai trò, sự cần thiết các công cụ quản lý môi trường khác trong các bước tiếp theo trong giai đoạn thực hiện dự án, gồm Kế hoạch quản lý môi trường, quan trắc môi trường và kiểm toán môi trường. E.D.Yaylaci, trong nghiên cứu đề xuất giải pháp hướng đến phát triển ngành công nghiệp mỏ bền vững năm 2005 [48] đã phân tích, đánh giá về vai trò, sự kết nối, bổ trợ cho nhau của các công cụ quản lý môi trường ĐTM, Kế hoạch quản lý môi trường và Hệ thống quản lý môi trường trong các giai đoạn phát triển của dự án khai thác khoáng sản. Xác định vòng đời của một dự án khai thác khoáng sản gồm 6 giai đoạn: Thăm dò - Thiết kế - Phát triển dự án - Mở mỏ, khai thác khoáng sản - Chế biến - Đóng cửa, phục hồi, E.D.Yaylaci nhấn mạnh vai trò quan trọng (có tính bắt buộc) của công cụ ĐTM trong giai đoạn thăm dò, thiết kế dự án. Tuy nhiên, sau khi dự án được phê duyệt, trong giai đoạn triển khai thi công xây dựng, Kế hoạch quản lý môi trường là công cụ quản lý môi trường quan trọng, hữu hiệu do tính chi tiết, cụ thể nhưng hệ thống của công cụ này đối với các hoạt động môi trường. Bước sang giai đoạn vận hành, Hệ thống quản lý môi trường, với ưu thế về tính tổng hợp, hệ thống và cải tiến liên tục, lại phát huy vai trò chủ đạo để bảo đảm kiểm soát tốt các vấn đề môi trường của dự án trên cơ sở có xét đến các yêu cầu thực thi bảo vệ môi trường có tính bắt buộc.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.



Hình 1.1. Chu trình dự án và các công cụ QLMT, Koos Neefies ([47])

Project life cycle / Tool	Exploration	Project Design	Project development	Mine operation- Extraction	Processing	Mine closure and reclamation
EIA						
EMP						
EMS						

Project Approval

considered by tool
 considered by tool if obligatory
 considered by tool, not effective

Hình 1.2. Mối quan hệ của các công cụ ĐTM, Kế hoạch quản lý môi trường, Hệ thống quản lý môi trường trong các giai đoạn của dự án khai thác khoáng sản.

E. D. Yaylaci ([48])

ĐTM có vai trò quan trọng trong việc nhận diện, dự báo các tác động môi trường của dự án; đi kèm với đó, là đề xuất các phương án, biện pháp giảm thiểu, phòng ngừa tác động môi trường ứng với phương án lựa chọn khi dự án đi vào hoạt động nhằm mục đích hỗ trợ cơ quan quản lý môi trường trong xem xét, chấp thuận đầu tư dự án. Tuy nhiên, khi dự án đi vào giai đoạn thực hiện, về cơ bản, hầu hết các quốc gia trên thế giới hiện nay (các nước thuộc Liên minh Châu Âu EU, các nước thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế OECD, một số quốc gia Trung Đông - Bắc Phi, Trung Á, Đông Nam Á...) sử dụng các loại giấy phép

môi trường kết hợp với các công cụ sau ĐTM như quan trắc môi trường, kế hoạch quản lý môi trường, kiểm toán môi trường, hệ thống quản lý môi trường... để kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động [28,7,37,51,60]. Trong mối quan hệ về các công cụ quản lý môi trường theo vòng đời dự án, Bronwyn Ridgway (1999, [34]) cũng đã khẳng định Giấy phép môi trường là công cụ quản lý môi trường chính cần được áp dụng đối với cơ sở giai đoạn vận hành hoạt động.

Phân định vai trò, ý nghĩa nhằm áp dụng hiệu quả các công cụ ĐTM và giấy phép môi trường, trong Hướng dẫn cấp giấy phép môi trường tổng hợp cho các nước Đông Âu, Trung Á, Tổ chức OECD nhận định rằng cả ĐTM và giấy phép môi trường đều là những công cụ quản lý môi trường nhằm mục tiêu phòng ngừa thiệt hại và ô nhiễm môi trường; đều là các thủ tục, quá trình xác định, phân tích các tác động môi trường quan trọng có tính tổng hợp, hệ thống để phục vụ việc ra các quyết định liên quan đến các hoạt động kinh tế. Tuy nhiên, có những điểm khác nhau cơ bản giữa hai công cụ này, cụ thể: i) Về độ bao phủ loại hình dự án: ĐTM có mức độ bao phủ rộng hơn, bao gồm cả các dự án cơ sở hạ tầng; ii) Về thời điểm áp dụng trong vòng đời dự án: ĐTM có xu hướng áp dụng sớm hơn, trong giai đoạn quy hoạch; iii) Về phạm vi xem xét các vấn đề môi trường: ĐTM thường có xu hướng xem xét cho toàn bộ các giai đoạn của dự án từ hình thành ý tưởng đến kết thúc dự án. Đồng thời, quan tâm nhiều đến các vấn đề tác động môi trường không liên quan đến chất thải như sử dụng đất, đa dạng sinh học, di sản văn hoá - lịch sử...; i) Về mức độ xem xét các phương án thay thế và biện pháp giảm thiểu: phạm vi xem xét của ĐTM thông thường rộng hơn so với giấy phép môi trường.

Để bảo đảm tính hiệu quả của cả 2 công cụ, theo hướng dẫn của OECD, cần xem xét áp dụng một cách phù hợp để tối đa hoá được thế mạnh riêng của từng công cụ và tránh những chồng chéo, trong đó lưu ý đến 2 yếu tố: 1) *Áp dụng đối với từng nhóm dự án phù hợp*, theo đó, ĐTM xem xét áp dụng đối với các dự án trên nguyên tắc sàng lọc, giấy phép môi trường áp dụng đối với các nguồn thải điểm có tác động lớn đến chất lượng môi trường được pháp luật quy định (với các dự án công nghiệp lớn, nên xem xét áp dụng đồng thời cả ĐTM và giấy phép môi trường). 2) *Áp dụng đối với từng giai đoạn phù hợp trong quá trình phát triển dự án*, theo đó, ĐTM nên tiến hành trước khi ra quyết định về các yếu tố cốt lõi của

dự án (vị trí thực hiện, phương án công nghệ...), giấy phép môi trường được chuẩn bị và thẩm định sau khi thông tin, đặc điểm các nguồn ô nhiễm và tác động ô nhiễm được nhận diện rõ ràng hơn (ứng với giai đoạn thiết kế dự án đã hoàn chỉnh hoặc chuẩn bị vận hành công trình) [49].

Đối với các hướng nghiên cứu xây dựng các hướng dẫn kỹ thuật về ĐTM đối với hoạt động khai thác khoáng sản, sản xuất thép, hiện nay cũng có một số hướng dẫn được một số quốc gia, tổ chức quốc tế ban hành có liên quan như Hướng dẫn đánh giá ĐTM các dự án khai thác khoáng sản của Liên minh luật môi trường toàn cầu [46], Hướng dẫn thẩm định ĐTM dự án khai thác khoáng sản kim loại, phi kim của Cục Bảo vệ môi trường Mỹ [61]. Tuy nhiên, hướng dẫn ĐTM của mỗi quốc gia, tổ chức thường có những đặc thù riêng do những khác biệt về thể chế, hệ thống quy định pháp luật, các yêu cầu về bảo vệ môi trường, trình độ khoa học công nghệ...

1.3. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước

Ở nước ta, các chính sách về ĐTM và kiểm soát, giám sát môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động đã được quan tâm, chú trọng và thể chế hoá ngay từ Luật BVMT năm 1993. Trên thực tế, các chính sách này cũng thường nhận được nhiều quan tâm của các bên liên quan, bao gồm các nhà khoa học, quản lý và các tổ chức quốc tế, đặc biệt trong các lần điều chỉnh, sửa đổi văn bản quy phạm pháp luật.

Tuy nhiên, so với bề dày gần 30 năm thể chế hoá các chính sách này vào hệ thống pháp luật, đánh giá một cách khách quan, phải thừa nhận rằng ngoài một số ấn phẩm, báo cáo chuyên đề và các bài tham luận, đến nay số lượng các đề tài/công trình nghiên cứu tổng thể, chuyên sâu về hệ thống pháp luật ĐTM và các công cụ để kiểm soát, giám sát môi trường theo vòng đời dự án ở nước ta để đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý bảo đảm tính khoa học thực tiễn, phù hợp với điều kiện Việt Nam và hài hoà với kinh nghiệm, xu hướng phát triển của quốc tế vẫn còn rất hạn chế.

Đối với ĐTM, một số công trình nghiên cứu, báo cáo trực tiếp có liên quan đã thực hiện ở nước ta cần phải kể đến gồm có: ấn phẩm “Đánh giá tác động môi trường” của Phạm Ngọc Hồ, Hoàng Xuân Cơ (NXB Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2001) [6]; ấn phẩm “Đánh giá tác động môi trường các dự án phát triển (quy

trình và hướng dẫn kỹ thuật) của Nhóm tác giả Trần Văn Ý, Lê Đức An, Trương Quang Hải (NXB Thống kê năm 2006) [30]; báo cáo “Đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường ở Việt Nam” của Mai Thế Toàn năm 2014 [21]; ấn phẩm “Đánh giá tác động môi trường và xã hội - Các dự án đầu tư trong nước và quốc tế” của Lê Trình năm 2015 [1]; báo cáo “Đánh giá tác động môi trường trong quá trình ra quyết định đối với các dự án phát triển - Một số bất cập lớn trong thực tiễn thực hiện ở Việt Nam.” của Nguyễn Khắc Kinh năm 2016 [8]. Ngoài ra, còn phải kể đến nghiên cứu của Nhóm chuyên gia Ngân hàng Thế giới (Nguyễn Văn Sơn, Martin H. Leniha, Nguyễn Duy Thắng, Nguyễn Thành Dương) về “Đánh giá khung chính sách quốc gia về môi trường và xã hội của Việt Nam” thực hiện năm 2015 [52]; và gần đây nhất, là nghiên cứu của Nhóm chuyên gia tư vấn của Ngân hàng Thế giới (Phùng Chí Sỹ, Trịnh Thị Thanh, Nguyễn Thị Kim Hoa về “Hỗ trợ chỉnh sửa các quy định về đánh giá tác động môi trường và xã hội” thực hiện năm 2019 [19].

Về cơ bản, các công trình, báo cáo nêu trên nhìn chung hoặc thiên về xu hướng kỹ thuật ĐTM (như các ấn phẩm/giáo trình của Phạm Ngọc Hồ, Hoàng Xuân Cơ; Trần Văn Ý; Lê Trình), hoặc thiên về xu hướng phân tích, đánh giá các hạn chế, tồn tại của quy định pháp luật về ĐTM trong nước (các báo cáo/nghiên cứu của Nguyễn Khắc Kinh; Mai Thế Toàn; Nguyễn Văn Sơn; Phùng Chí Sỹ...); chưa có sự tiếp cận một cách tổng thể, hệ thống, xuyên suốt để luận giải, kết nối các vấn đề từ cơ sở khoa học, kinh nghiệm quốc tế, tồn tại, bất cập thực tế đến hoàn thiện khung pháp lý về ĐTM và các công cụ quản lý môi trường theo vòng đời dự án ở Việt Nam. Vấn đề thực trạng và các tồn tại, bất cập được phân tích, đánh giá trong các công trình nghiên cứu kể trên hầu hết được thực hiện từ trước năm 2016, do đó, cũng chưa được cập nhật một cách toàn diện, rõ nét những khó khăn, vướng mắc và thách thức trong giai đoạn hiện nay (giai đoạn các sự cố môi trường xảy ra liên tiếp và vấn đề bảo vệ môi trường đứng trước nhiều áp lực, thách thức lớn do suy giảm đa dạng sinh học, BDKH toàn cầu, phát triển kinh tế và công nghệ...).

Đối với các nghiên cứu về kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất kinh doanh đang hoạt động: Về cơ bản, các nghiên cứu đã được thực hiện trong vấn đề này ở nước ta có thể phân thành 2 nhánh:

Nhánh 1: Một số nhiệm vụ, đề tài, đề án nghiên cứu về kỹ thuật nhằm tăng

cường khả năng áp dụng đối với một công cụ quản lý môi trường cụ thể, bao gồm:

- Nhiệm vụ *"Điều tra, khảo sát, xây dựng cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện hệ thống kiểm toán môi trường và quản lý hệ sinh thái nhằm kiểm soát rủi ro môi trường, tiết kiệm tài nguyên và giảm chi phí cho môi trường"* do Viện Khoa học Môi trường, Tổng cục Môi trường thực hiện năm 2014-2016 (Nhiệm vụ liên quan đến công cụ Kiểm toán môi trường và quản lý sinh thái - EMAS, một trong những công cụ quản lý môi trường có tính chất khuyến khích, tự nguyện quan trọng và phổ biến trong các nước thành viên liên minh EU).

- Đề tài KHCN cấp Bộ *"Nghiên cứu xây dựng hướng dẫn về kiểm toán môi trường tại các doanh nghiệp ở Việt Nam, áp dụng thí điểm cho một doanh nghiệp ngành dệt may"* do Tổng cục Môi trường chủ trì thực hiện năm 2014-2016.

- Đề tài NCKH cấp cơ sở *"Nghiên cứu khả năng áp dụng mô hình “nền kinh tế tuần hoàn” phục vụ công tác bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp Việt Nam."* do Viện Khoa học Môi trường, Tổng cục Môi trường đang thực hiện từ năm 2018.

Nhánh 2: Một số nhiệm vụ, đề tài, dự án nghiên cứu đề xuất giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật có liên quan đến công cụ quản lý môi trường sau ĐTM, bao gồm:

- Nhiệm vụ *"Đánh giá thực trạng và xây dựng quy định về lập hồ sơ quản lý môi trường đối với các cơ sở công nghiệp đang hoạt động"* do Cục Kiểm soát ô nhiễm, Tổng cục Môi trường thực hiện năm 2012-2013.

- Đề tài KHCN cấp Bộ *"Nghiên cứu cơ sở lý luận, thực tiễn và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả phân cấp và cơ chế phối hợp trong quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường"* - Viện Khoa học Môi trường, Tổng cục Môi trường đang thực hiện từ năm 2018.

- Hợp phần Nghiên cứu *"Đề xuất quy định về giấy phép môi trường - công cụ quản lý môi trường cho dự thảo Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi 2020"* do Hoàng Dương Tùng thực hiện trong khuôn khổ dự án của GIZ năm 2019-2020.

- Hợp phần Nghiên cứu *"Đề xuất các giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật về thanh, kiểm tra bảo vệ môi trường"* do Phạm Ngọc Sơn thực hiện trong khuôn khổ dự án GIZ năm 2019.

Trong số các đề tài, nhiệm vụ đã thực hiện nêu trên, tầm quan trọng của việc tiếp cận quản lý môi trường thông qua các công cụ quản lý môi trường theo

vòng đời dự án đầu tư đã bắt đầu sơ bộ được đề cập trong Nhiệm vụ “*Đánh giá thực trạng và xây dựng quy định về lập hồ sơ quản lý môi trường đối với các cơ sở công nghiệp đang hoạt động*” (do Tổng cục Môi trường thực hiện năm 2012-2013) và Nghiên cứu “*Đề xuất quy định về giấy phép môi trường - công cụ quản lý môi trường cho dự thảo Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi 2020*” (do TS. Hoàng Dương Tùng thực hiện năm 2019-2020). Ví dụ, Nhiệm vụ lập hồ sơ quản lý môi trường có đề cập, phân tích và đề xuất một số giải pháp, quy định đối với công cụ hệ thống quản lý môi trường, giấy phép môi trường...; tập trung vào việc thiết lập, quản lý hồ sơ dữ liệu về môi trường.

Tuy nhiên, về cơ bản các đề tài, nhiệm vụ, dự án nghiên cứu đã thực hiện, trong phạm vi, mục tiêu riêng của mình chỉ tập trung dừng lại đối với từng công cụ quản lý môi trường riêng lẻ (đi sâu vào nghiên cứu, phân tích, đánh giá các vấn đề kỹ thuật, đề xuất giải pháp tăng cường khả năng ứng dụng của từng công cụ); chưa xem xét nghiên cứu, đề xuất khung pháp lý một cách toàn diện, tổng thể để bảo đảm tính thống nhất, hiệu quả của hệ thống công cụ quản lý môi trường trong các giai đoạn của vòng đời dự án đầu tư; chưa làm rõ các cơ chế phối hợp giữa các bên liên quan để kiểm soát, giám sát hiệu quả môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động.

Đối với hướng dẫn ĐTM cho các dự án khai thác khoáng sản và dự án sản xuất thép: Xây dựng các hướng dẫn kỹ thuật về ĐTM cho các loại hình dự án là một trong những nhánh nghiên cứu phát triển mạnh ở nước ta trong nhiều năm qua. Với sự cộng tác của các nhà khoa học, các chuyên gia, tính đến nay, Cục Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường (nay là Vụ Thẩm định đánh giá tác động môi trường), Tổng cục Môi trường đã xây dựng và ban hành trên 25 hướng dẫn kỹ thuật về lập báo cáo ĐTM cho các loại hình dự án khác nhau, xây dựng và ban hành 01 hướng dẫn thẩm định báo cáo ĐTM đối với dự án nhà máy điện hạt nhân.

Liên quan trực tiếp đến nội dung hướng dẫn ĐTM cho các dự án khai thác khoáng sản và dự án sản xuất thép, đáng chú ý là 02 đề tài nghiên cứu KHCN cấp Bộ do TS. Mai Thế Toàn làm chủ nhiệm, cụ thể:

- “Nghiên cứu xác lập cơ sở khoa học phục vụ công tác đánh giá tác động môi trường chuyên ngành đối với các dự án khai thác mỏ lộ thiên”. Đề tài KHCN Bộ Tài nguyên và Môi trường (2007),

- “Nghiên cứu xác lập cơ sở khoa học phục vụ công tác đánh giá tác động môi trường chuyên ngành đối với các dự án khai thác mỏ hầm lò”. Đề tài KHCN Bộ Tài nguyên và Môi trường (2010).

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu của 02 đề tài nêu trên, Cục Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường (nay là Vụ Thẩm định đánh giá tác động môi trường) đã ban hành các hướng dẫn kỹ thuật lập ĐTM cho dự án khai thác lộ thiên và khai thác hầm lò, khai thác quặng bauxite, titan, cát sỏi lòng sông, quặng có chứa phóng xạ dưới dạng bản giấy và file điện tử được đăng tải trên webiste <http://eia.vn>. Đối với dự án sản xuất thép, trên cơ sở nhiệm vụ được giao, tháng 1/2009, Cục Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường cũng đã xây dựng và ban hành "Hướng dẫn lập báo cáo ĐTM cho dự án luyện gang, thép".

Tuy nhiên, các hướng dẫn nêu trên mới dừng lại ở phạm vi là hướng dẫn lập báo cáo ĐTM, chưa có hướng dẫn thẩm định ĐTM. Mặt khác, các hướng dẫn nêu trên được xây dựng trên cơ sở các quy định cũ (hệ thống Luật BVMT, Nghị định, Thông tư hướng dẫn năm 2005), và trên cơ sở đặc điểm hiện trạng của ngành khai thác khoáng sản, sản xuất thép ở nước ta ở thời điểm đó (trước năm 2010).

❖ Kết luận

Quá trình đánh giá tổng quan tình hình vấn đề nghiên cứu ngoài nước và trong nước cho thấy:

Với bề dày lịch sử phát triển kinh tế - xã hội và sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, kỹ thuật - công nghệ, tại các nước tiên tiến trên thế giới và một số tổ chức quốc tế, các nghiên cứu về ĐTM, kiểm soát, giám sát môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh đã phát triển thành hệ thống với nhiều nhánh nghiên cứu khác nhau; hệ thống các công cụ quản lý, kiểm soát, giám sát môi trường theo vòng đời dự án, đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh cũng đã được định hình, xác lập... qua các giai đoạn đã hình thành hệ thống cơ sở khoa học và pháp lý khá bền vững, hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lý, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Tại Việt Nam, trong khi các công trình nghiên cứu về từng công cụ quản lý môi trường riêng lẻ (ví dụ ĐTM, kiểm toán môi trường, giấy phép môi trường...) đã được thực hiện, thì các công trình nghiên cứu, đánh giá tổng thể, hệ thống, xuyên suốt, kết nối các vấn đề từ cơ sở khoa học, thực tiễn, kinh nghiệm quốc tế

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BĐKH.27/16-20.

nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM, các công cụ quản lý môi trường theo vòng đời dự án ở Việt Nam, kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh còn thiếu, hạn chế.

Trong các phần tiếp theo của báo cáo, Tập thể tác giả sẽ trình bày cụ thể hơn các kết quả nghiên cứu về các chính sách, quy định pháp luật về ĐTM, kiểm soát, giám sát môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh và hiện trạng thực thi ở Việt Nam (Chương 3); các quan điểm, chính sách, mô hình, bài học kinh nghiệm của các quốc gia và tổ chức quốc tế đối với vấn đề nghiên cứu (Chương 4 và 5); đồng thời, kết hợp với việc kế thừa có chọn lọc kết quả các công trình nghiên cứu trong nước đã thực hiện sẽ đề xuất hoàn thiện khung pháp lý, các quy định kỹ thuật có liên quan phù hợp với điều kiện ở nước ta, bảo đảm tính khoa học và hài hoà với xu thế chung của quốc tế.

CHƯƠNG 2. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, CÁCH TIẾP CẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đề tài KHCN *“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.”* - Mã số BDKH.27/16-20 được triển khai thực hiện trên cơ sở nhiệm vụ đặt hàng, tuyển chọn của Bộ TNMT với 04 mục tiêu chính:

- 1) Đánh giá được thực trạng hệ thống ĐTM hiện hành và thực trạng công tác quản lý, kiểm soát, giám sát môi trường của Việt Nam; chỉ ra được những tồn tại và giải pháp khắc phục.
- 2) Xây dựng được đề xuất hoàn thiện khung pháp lý, qui trình kỹ thuật đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư.
- 3) Xây dựng được đề xuất hoàn thiện khung pháp lý, qui trình kỹ thuật kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động.
- 4) Hình thành các hướng dẫn kỹ thuật (lập, thẩm định) báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án khai thác khoáng sản (theo loại hình công nghệ và một số khoáng sản đặc thù), dự án sản xuất thép.

Về cơ bản, đối tượng, phạm vi nghiên cứu của đề tài đã được làm rõ trong các mục tiêu đặt ra. Để bảo đảm tính toàn diện, hệ thống, thống nhất và tính hiệu quả, hữu ích của các kết quả nghiên cứu, đặc biệt hướng tới mục tiêu hỗ trợ hoàn thiện hệ thống chính sách và quy định pháp luật trong lĩnh vực BVMT, tập thể tác giả đã luôn chú trọng, bám sát các đối tượng, phạm vi nghiên cứu nêu trên trong quá trình thực hiện Đề tài, cụ thể:

- Đối tượng điều chỉnh: i) các dự án đầu tư (theo quy định của pháp luật đầu tư, đầu tư công) và ii) các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động.

- Đối tượng, phạm vi chính sách: Đối tượng chính sách nghiên cứu của Đề tài là chính sách về ĐTM, về các công cụ quản lý môi trường sau ĐTM và khung pháp lý kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt

động.

Từ thực tiễn những hạn chế, bất cập, vướng mắc còn tồn tại ở nước ta, và tiếp thu kinh nghiệm, xu hướng phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm, BVMT của quốc tế, các chính sách về ĐTM và về công cụ quản lý môi trường đã được xem xét một cách thống nhất, xuyên suốt theo vòng đời dự án, gồm các giai đoạn từ chuẩn bị dự án (hình thành ý tưởng, xin phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, thiết kế), đến thi công xây dựng, vận hành thử nghiệm, vận hành chính thức cho đến kết thúc/đóng cửa dự án. (Trong đó, các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động ứng với giai đoạn vận hành chính thức của dự án).

Đối với chính sách ĐTM, tập thể tác giả đã thực hiện nghiên cứu, rà soát, xem xét, đề xuất hoàn thiện ở cả 3 cấp độ văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, gồm Luật - Nghị định - Thông tư. Đối với chính sách về các công cụ quản lý môi trường theo vòng đời dự án nói chung, tập thể tác giả đã nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện khung pháp lý, qui trình kỹ thuật để kiểm soát, giám sát môi trường; tuy nhiên trong khuôn khổ của Đề tài, không đi sâu vào các quy định có tính hướng dẫn kỹ thuật của từng công cụ cụ thể.

- Đối với các hướng dẫn kỹ thuật báo cáo ĐTM: Khai thác khoáng sản và sản xuất thép là 2 trong số các loại hình dự án gây tác động lớn đến môi trường, đồng thời, cũng là những loại hình sản xuất liên tiếp để xảy ra các sự cố môi trường ở nước ta trong những năm qua. Trong phạm vi mục tiêu yêu cầu, trên cơ sở các nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đã triển khai, tập thể tác giả đã tiến hành rà soát các hướng dẫn hiện có; cập nhật tình hình khai thác khoáng sản, sản xuất thép ở nước ta trong giai đoạn hiện nay và các tồn tại, bất cập trong công tác lập, thẩm định ĐTM của các loại hình dự án này trong thời gian qua để hình thành các hướng dẫn kỹ thuật hướng dẫn kỹ thuật lập và thẩm định báo cáo ĐTM cho các dự án khai thác khoáng sản (khai thác lộ thiên, khai thác hầm lò, quặng chứa phóng xạ) và dự án sản xuất thép (có tính đến tổ hợp sản xuất gang thép).

2.2. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Cách tiếp cận

- *Tiếp cận thực tiễn, hệ thống, toàn diện và tổng hợp*: Rà soát, đánh giá hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về đánh giá tác động môi trường (ĐTM)

của Việt Nam; đánh giá các điều kiện, nguồn lực của hệ thống trong bối cảnh Việt Nam; xác định những tồn tại, khó khăn thách thức, những bài học kinh nghiệm từ thực tiễn quản lý ĐTM tại Việt Nam.

- *Tiếp cận kế thừa tri thức, kinh nghiệm và cơ sở dữ liệu đã có một cách chọn lọc:* Nghiên cứu các hệ thống ĐTM của một số nước trên Thế giới đã áp dụng một cách hiệu quả; Nghiên cứu, kế thừa các thành quả của các công cụ quản lý môi trường đã được áp dụng, các công trình khoa học có liên quan.

- *Tiếp cận đa mục tiêu và theo nguyên lý phát triển bền vững* nhằm đề xuất những điều chỉnh trong khung pháp luật về ĐTM của Việt Nam cho cả 3 cấp độ Luật, Nghị định, Thông tư và tiếp cận hài hòa với các quy định quốc tế; đề xuất qui trình kỹ thuật kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động; xây dựng các hướng dẫn kỹ thuật (lập, thẩm định) báo cáo ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản (theo loại hình công nghệ và một số khoáng sản đặc thù), dự án sản xuất thép.

- *Tiếp cận quản lý môi trường theo vòng đời dự án, theo mức độ tác động môi trường của dự án:* Đây là cách tiếp cận mới so với cách tiếp cận truyền thống trước đây ở nước ta khi nghiên cứu, rà soát, xây dựng các chính sách pháp luật về ĐTM và phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm. Với cách tiếp cận truyền thống: i) Mức độ thực hiện ĐTM về cơ bản được quy định như nhau cho mọi loại hình, quy mô dự án; trên cơ sở đó, các yêu cầu về chương trình kiểm soát, giám sát, quản lý môi trường giữa các dự án có mức độ tác động, nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao và các dự án có mức độ tác động, nguy cơ gây ô nhiễm môi trường thấp hầu như không có sự khác biệt; ii) Báo cáo, quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM được xem xét, thẩm định, chấp thuận trong giai đoạn đề xuất, hình thành ý tưởng dự án, nhưng là căn cứ chủ yếu để kiểm soát ô nhiễm, thanh tra, kiểm tra trong suốt vòng đời dự án (từ giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng, cho đến giai đoạn vận hành và kết thúc, đóng cửa dự án); đồng thời, tồn tại các văn bản pháp lý khác để kiểm soát môi trường khi dự án đi vào vận hành hoạt động (giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT, giấy phép xả thải...) đều đồng thời có hiệu lực như nhau, không phân định rõ vai trò, ý nghĩa từng công cụ trong từng giai đoạn phát triển của dự án...

Tiếp cận quản lý môi trường theo vòng đời dự án, theo mức độ tác động môi trường của dự án là cách tiếp cận có tính mới, có tính khoa học và phù hợp thực tiễn trong công tác BVMT. Cách tiếp cận này khi được nghiên cứu, đề xuất, triển khai một cách hợp lý sẽ là yếu tố cốt lõi để bảo đảm hiệu lực, hiệu quả của các chính sách quản lý môi trường ở nước ta.

- *Tiếp cận kiểm soát ô nhiễm môi trường tổng hợp*: Để bảo đảm phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường một cách hiệu quả, ĐTM của một dự án đầu tư không chỉ nhìn nhận và đánh giá các vấn đề môi trường xuất phát từ dự án một cách độc lập, riêng lẻ mà phải xem xét một cách tổng thể trong bối cảnh hiện trạng và quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội, môi trường. Tương tự, việc kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động nếu chỉ chú trọng việc so sánh, đối chiếu chất lượng nước thải, khí thải sau xử lý đạt quy chuẩn môi trường đối với chất thải mà không xem xét quản lý tải lượng ô nhiễm của cơ sở, tổng tải lượng chất ô nhiễm từ các nguồn thải trong khu vực và sức chịu tải của môi trường tiếp nhận sẽ dẫn đến suy thoái, ô nhiễm môi trường. Do đó, tiếp cận kiểm soát ô nhiễm môi trường tổng hợp cũng đã được Tập thể tác giả quan tâm, chú trọng trong quá trình nghiên cứu, đánh giá và đề xuất hoàn thiện các cơ sở pháp lý có liên quan.

2.2.2. Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp điều tra, khảo sát và thu thập tài liệu*: Bên cạnh việc thu thập các tài liệu, dữ liệu thứ cấp các bộ, ngành, tổ chức quốc tế và tổ chức nghiên cứu có liên quan; trong quá trình thực hiện Đề tài, Tập thể tác giả về cơ bản đã tiến hành 02 đợt điều tra khảo sát:

+ Đợt 1 (tiến hành cuối năm 2017): Điều tra, khảo sát tại 18 địa phương (6 tỉnh miền Bắc, 6 tỉnh miền Trung, 6 tỉnh miền Nam) nhằm thu thập các tài liệu, dữ liệu sơ cấp để có cơ sở, số liệu thực tế để đánh giá thực trạng, những tồn tại, khó khăn, thách thức về hệ thống ĐTM; thực trạng công tác quản lý, kiểm soát, giám sát môi trường; thực trạng việc phát sinh chất thải và biện pháp giảm thiểu ô nhiễm bảo vệ môi trường trong một số ngành công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm cao cần lưu ý trong quá trình ĐTM và kiểm soát, giám sát môi trường. Quá trình điều tra, khảo sát kết hợp với tham vấn, trao đổi và sử dụng phiếu điều tra.

+ Đợt 2: Điều tra, khảo sát, tham vấn phục vụ nghiên cứu áp dụng thử nghiệm

lập, thẩm định ĐTM đối với dự án khai thác khoáng sản tại Quảng Ninh (thực hiện giữa cuối năm 2019) và điều tra, khảo sát, tham vấn phục vụ nghiên cứu áp dụng thử nghiệm lập chương trình, kế hoạch kiểm soát, giám sát môi trường cho cơ sở sản xuất đang hoạt động - Dự án Bauxite Tân Rai tại Lâm Đồng (thực hiện đầu giữa năm 2020). Quá trình điều tra, khảo sát kết hợp với thu thập thông tin, số liệu; trao đổi, tham vấn cơ quan quản lý môi trường địa phương, chính quyền địa phương, chủ dự án và cộng đồng dân cư sống xung quanh dự án.

Các kết quả điều tra, khảo sát về cơ bản được tổng hợp, cập nhật để làm rõ hơn thực trạng ĐTM và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động của Việt Nam (Chương 3 của Báo cáo). Đồng thời, các tài liệu, kết quả thu thập, ý kiến tham vấn từ quá trình điều tra, khảo sát cũng là nguồn dữ liệu thực tế quan trọng hỗ trợ các nhóm nghiên cứu đánh giá, đề xuất hoàn thiện các quy định pháp luật về ĐTM, công cụ quản lý môi trường sau ĐTM, về trách nhiệm và cơ chế phối hợp của các bên liên quan trong kiểm soát, giám sát môi trường cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động (Chương 6) và hoàn thiện các hướng dẫn kỹ thuật lập, thẩm định báo cáo ĐTM cho hoạt động khai thác khoáng sản, sản xuất thép (Chương 7 và các hướng dẫn kỹ thuật của Đề tài).

- *Phương pháp chuyên gia*: phương pháp này được thực hiện thông qua các hình thức như: hội thảo, họp nhóm chuyên gia, viết báo cáo, bài nhận xét, phỏng vấn trực tiếp, các ý kiến của các chuyên gia sẽ được ghi nhận và tổng hợp; đồng thời phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chức năng của Tổng cục và Bộ trong quá trình triển khai thực hiện.

- *Phương pháp kế thừa*: các tư liệu, thông tin hiện có trong nước và quốc tế cũng như phương pháp luận từ tất cả các nguồn và một số nghiên cứu của một số nhà khoa học của Việt Nam trong những năm gần đây được thu thập, nghiên cứu, kế thừa trong phần đánh giá thực trạng, hiệu quả ĐTM, kiểm soát, giám sát môi trường ở Việt Nam và kinh nghiệm quốc tế. Ngoài ra, một số phân tích, đề xuất hoàn thiện quy định pháp luật về ĐTM, giấy phép môi trường, thanh tra và giám sát tuân thủ... do các nhóm chuyên gia của Ngân hàng Thế giới, GIZ, Winrock International... thực hiện gần đây cũng đã được xem xét, kế thừa chọn lọc để phát triển trong quá trình nghiên cứu nếu cùng quan điểm với Tập thể tác giả.

- *Phương pháp thống kê và xử lý dữ liệu:* Căn cứ vào các số liệu thu thập được từ các nghiên cứu trước đó và khảo sát tại thực địa, thực hiện xử lý thống kê phục vụ cho quá trình phân tích khi xây dựng các báo cáo, chuyên đề của đề tài.

- *Phương pháp phân tích, tổng hợp:* sử dụng trong quá trình xây dựng các báo cáo, chuyên đề của đề tài, các tài liệu về đánh giá tác động môi trường, đánh giá tác động sức khỏe, nội dung một số báo cáo ĐTM của các dự án lớn kết hợp với phương pháp kế thừa và quá trình điều tra khảo sát, thực địa, các thông tin sẽ được thu thập và phân tích cụ thể. Đặc biệt tập thể tác giả sẽ sử dụng công cụ đánh giá tác động chính sách RIA để phân tích, đánh giá các quy định về ĐTM, công cụ quản lý sau ĐTM được đề xuất. (Các kết quả phân tích, tổng hợp, đánh giá được thể hiện trong các chương 3,4,5,6 của Báo cáo, trong các dự thảo nội dung Luật, Nghị định, Thông tư về ĐTM, giấy phép môi trường và trong các hướng dẫn kỹ thuật lập, thẩm định báo cáo ĐTM).

- *Phương pháp so sánh:* sử dụng nghiên cứu so sánh các hệ thống pháp luật về ĐTM, các công cụ quản lý môi trường sau ĐTM, các hướng dẫn kỹ thuật ĐTM của dự án khai thác khoáng sản và sản xuất thép, của các quốc gia trên thế giới cũng như hướng dẫn kỹ thuật của các tổ chức WHO, UNEP, UNDP và ADB để làm sáng rõ sự giống nhau và khác nhau, xác định xu hướng phát triển chung và riêng, từ đó tìm ra sự tương đồng và khác biệt, và chọn lọc phương án phù hợp với các quy định của pháp luật và thực tiễn triển khai ĐTM, các công cụ quản lý sau ĐTM tại Việt Nam.

- *Phương pháp phân tích tác động chính sách RIA:* Việc đánh giá tác động chính sách (RIA) được áp dụng trong quá trình đề xuất hoàn thiện các quy định pháp luật đối với chính sách ĐTM (dự thảo Luật, Nghị định và Thông tư) và các chính sách đề xuất đối với các công cụ quản lý kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Quy trình thực hiện đánh giá tác động chính sách trong quá trình thực hiện Đề tài được tiến hành theo các bước sau:

- Xác định các vấn đề ưu tiên dựa trên các tiêu chí rõ ràng;
- Xác định các mục tiêu của vấn đề;
- Lựa chọn các giải pháp để giải quyết từng vấn đề;
- Xác định các yếu tố chi phí và lợi ích chính cho từng vấn đề;

- Xác định các dữ liệu phân tích;
- Xác định cách thức thu thập dữ liệu và tham vấn về phương pháp đó;
- Thu thập, tập hợp dữ liệu và tham vấn ;
- Đánh giá, phân tích các dữ liệu đã thu thập được;
- Nhóm nghiên cứu dự thảo thống nhất về cách diễn giải kết quả phân tích, thống nhất các giải pháp và kết luận;
- Viết báo cáo đánh giá tác động.

Quá trình thực hiện đánh giá tác động chính sách (với các phương án cụ thể, đánh giá các tác động tích cực và tiêu cực của các phương án đó và trình bày kết quả đánh giá để so sánh các phương án với nhau một cách rõ ràng) đã là căn cứ để hỗ trợ Tập thể tác giả xem xét lựa chọn, hoàn thiện các đề xuất pháp lý nhằm tăng cường hiệu quả của các kết quả nghiên cứu của Đề tài.

CHƯƠNG 3. QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT, THỰC TRẠNG ĐTM VÀ CÁC CÔNG CỤ KIỂM SOÁT, GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH ĐANG HOẠT ĐỘNG CỦA VIỆT NAM

3.1. Quy định pháp luật và thực trạng về ĐTM của Việt Nam

3.1.1. Quy định pháp luật về ĐTM của Việt Nam

3.1.1.1. Lịch sử hình thành và quá trình phát triển ĐTM ở Việt Nam

Ở Việt Nam, quy định pháp luật về ĐTM đã được sớm quan tâm và triển khai thực hiện gần 30 năm nay. ĐTM được xem là một trong những công cụ quản lý môi trường quan trọng và quy định ngay trong bản luật đầu tiên của Luật Bảo vệ môi trường (năm 1993). Từ đó đến nay, quy định pháp luật về ĐTM đã có những thay đổi, điều chỉnh nhất định để phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước [21].

• Giai đoạn 1 (trước ngày 27/12/1993 - trước Luật BVMT 1993):

Từ năm 1983, Chương trình nghiên cứu về tài nguyên thiên nhiên và môi trường bắt đầu đi vào nghiên cứu phương pháp luận ĐTM. Năm 1985, trong Nghị quyết về công tác điều tra cơ bản, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường, Hội đồng Bộ trưởng đã quy định trong xét duyệt luận chứng kinh tế - kỹ thuật của các công trình xây dựng lớn hoặc các chương trình phát triển kinh tế - xã hội quan trọng cần tiến hành ĐTM. Cơ quan phụ trách vấn đề này ở cấp Trung ương là Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước (năm 1990 đổi tên thành Ủy ban Khoa học Nhà nước và ngày 12 tháng 10 năm 1992 được đổi tên thành Bộ KH-CN&MT). Cục Môi trường là cơ quan thường trực quản lý các vấn đề môi trường ở cấp quốc gia bao gồm cả ĐTM. Ở cấp địa phương lần lượt được thành lập Sở KH-CN&MT và trong bộ máy có Phòng Môi trường.

Đến đầu năm 1993, trong Chỉ thị số 73-TTg về một số công tác cần làm ngay về BVMT, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ thị: “Các ngành, các địa phương khi xây dựng các dự án phát triển, kể cả dự án hợp tác với nước ngoài, đều phải thực hiện nội dung ĐTM trong các luận chứng kinh tế - kỹ thuật”. Cho đến ngày 10 tháng 9 năm 1993, Bộ trưởng Bộ KH-CN&MT đã ban hành bản “Hướng dẫn tạm thời về ĐTM”.

Đóng góp quan trọng nhất của giai đoạn này là đã hình thành được cơ sở khoa học, phương pháp luận về ĐTM làm cơ sở cho việc hình thành hệ thống pháp luật về ĐTM cho các giai đoạn tiếp theo.

• *Giai đoạn 2 (từ ngày 27/12/1993 đến ngày 01/7/2006 - giai đoạn Luật BVMT 1993 đến Luật BVMT 2005):*

Đã hình thành được hệ thống pháp luật về ĐTM, trong đó các quy định về đối tượng thực hiện ĐTM, quy trình thực hiện ĐTM, nội dung của báo cáo ĐTM, thời gian thẩm định, thủ tục, trách nhiệm... đã được thiết lập;

- ĐTM được thực hiện theo 2 bước: ĐTM sơ bộ và ĐTM chi tiết. ĐTM sơ bộ được thể hiện thành 1 chương riêng trong báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án. Ý kiến nhận xét về nội dung chương này của Bộ KH&CN&MT/Sở KH&CN&MT và sau này là Bộ TN&MT/Sở TN&MT là một trong những căn cứ để phê duyệt dự án đầu tư;

- Về thẩm quyền thẩm định báo cáo ĐTM trong giai đoạn này chỉ có 02 cấp: cấp Trung ương là Bộ KH&CN&MT (sau này là Bộ TN&MT) và cấp địa phương là UBND cấp tỉnh, trong đó thường trực là Sở KH&CN&MT (sau này là Sở TN&MT);

- Hoạt động thanh tra môi trường được quy định sơ bộ trong Luật BVMT, tuy nhiên thiếu các công cụ kỹ thuật hỗ trợ.

• *Giai đoạn 3 (từ ngày 01/7/2006 đến ngày 31/12/2014 - giai đoạn Luật BVMT 2005 đến Luật BVMT 2014):*

Trong giai đoạn này, công tác BVMT được thực hiện theo Luật BVMT năm 2005 có một số điểm mới về công tác ĐTM sau đây:

- ĐTM được thực hiện 01 bước và song song với giai đoạn nghiên cứu khả thi của dự án.

- Bổ sung quy định về yêu cầu, điều kiện đối với tổ chức tư vấn lập báo cáo ĐTM.

- Bổ sung quy định các trường hợp phải lập lại báo cáo ĐTM.

- Cam kết bảo vệ môi trường (hình thức đơn giản của ĐTM) ra đời thay thế cho Bản Đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường.

- Hình thành công cụ đề án BVMT áp dụng cho các đối tượng đã đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ nhưng chưa có báo cáo ĐTM hoặc Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường

- Quy định rõ ràng đối tượng phải thực hiện ĐTM: ĐTM được áp dụng cho các đối tượng là các dự án công trình quan trọng quốc gia; dự án có sử dụng một phần diện tích đất hoặc có ảnh hưởng xấu đến khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia, các khu di tích lịch sử - văn hóa, di sản tự nhiên, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng; dự án có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến nguồn nước lưu vực sông, vùng ven biển, vùng có hệ sinh thái được bảo vệ; dự án xây dựng mới đô thị, khu dân cư tập trung; dự án khai thác, sử dụng nước dưới đất, tài nguyên thiên nhiên quy mô lớn; dự án xây dựng kết cấu hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất, cụm làng nghề; dự án khác có tiềm ẩn nguy cơ lớn gây tác động xấu đối với môi trường (Điều 18, Luật BVMT và Phụ lục của Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ).

- Cam kết BVMT được áp dụng cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình và các đối tượng khác không thuộc quy định trong các điều 14 và 18, Luật BVMT.

- Hoạt động kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường được quy định cụ thể trong hệ thống văn bản pháp luật; công tác thanh tra môi trường được đẩy mạnh hơn, đặc biệt đã có những chế tài cụ thể.

• ***Giai đoạn 4 (từ ngày 01/01/2015 đến nay - giai đoạn Luật BVMT 2014 đến nay):***

Đây là giai đoạn tương đối đặc biệt đối với các chính sách, quy định về ĐTM vì có khá nhiều sự điều chỉnh ở các cấp độ văn bản luật, nghị định, thông tư nhằm khắc phục sự không thống nhất của hệ thống luật hiện hành (luật BVMT với các luật đầu tư, đầu tư công, xây dựng cùng được Quốc hội ban hành trong năm 2014) và nâng cao, tăng cường hiệu quả của ĐTM đối với phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường trong bối cảnh nhiều sự cố môi trường liên tiếp xảy ra.

Các điểm nổi bật trong giai đoạn này là:

- Đối tượng phải thực hiện ĐTM: tiếp tục được rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình mới.

- Điều kiện đối với tổ chức thực hiện, lập báo cáo ĐTM: Phát triển các quy định về yêu cầu, điều kiện đối với tổ chức thực hiện ĐTM đã được quy định trong Giai đoạn 3 (hệ thống Luật BVMT 2005 và văn bản hướng dẫn luật), Nghị định 18/2015/NĐ-CP quy định bổ sung về yêu cầu chứng chỉ tư vấn ĐTM đối với cán bộ thực hiện ĐTM. (Tuy nhiên, cũng trong Giai đoạn này, các yêu cầu, điều kiện đối với tổ chức thực hiện ĐTM và chứng chỉ tư vấn ĐTM đối với cán bộ thực hiện ĐTM được bãi bỏ từ năm 2016).

- Nội dung của ĐTM: bổ sung yêu cầu cần đánh giá sức khỏe cộng đồng trong phạm vi của ĐTM. Tuy nhiên, các yếu tố xã hội trong đánh giá tác động môi trường có chiều hướng thu hẹp.

- Về thẩm quyền thẩm định: bổ sung quy định việc ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho Ban quản lý các khu công nghiệp thẩm định báo cáo ĐTM;

- Cơ cấu, thành phần hội đồng thẩm định: bổ sung quy định phải có 30% số thành viên trong hội đồng thẩm định có chuyên môn về ĐTM.

- Thời điểm lập báo cáo ĐTM: Hệ thống luật BVMT vẫn quy định ĐTM thực hiện 1 bước, song song với giai đoạn chuẩn bị dự án (thực hiện sớm hơn so với Luật BVMT 2005 là song song với quá trình lập báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án).

- Các trường hợp phải lập lại báo cáo ĐTM: bổ sung thêm trường hợp “lập lại báo cáo ĐTM theo đề nghị của chủ dự án”.

- Thời điểm phê duyệt báo cáo ĐTM: bổ sung quy định “quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM là căn cứ để cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án”

- Đối tượng phải báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường (BVMT) phục vụ giai đoạn vận hành dự án: chỉ thực hiện đối với các dự án phức tạp về môi trường, không áp dụng đối với tất cả các dự án như Luật bảo vệ môi trường 2005.

- Cam kết bảo vệ môi trường được thay bằng kế hoạch bảo vệ môi trường đối với các dự án quy mô nhỏ, không thuộc đối tượng phải thực hiện ĐTM.

- Tháng 5/2019, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi

trường được Chính phủ ban hành, theo đó, sửa đổi, bổ sung các quy định bao gồm: Một dự án đầu tư chỉ lập một báo cáo ĐTM; đối với dự án đầu tư xây dựng, báo cáo ĐTM phải được thẩm định trước khi chủ dự án trình trước khi cơ quan có thẩm quyền thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công (trường hợp dự án chỉ yêu cầu thiết kế một bước); tích hợp phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản là một phần của Báo cáo ĐTM; quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM có hiệu lực pháp lý bắt buộc thực hiện, là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án; bổ sung thủ tục chấp thuận về môi trường (đối với một số trường hợp điều chỉnh báo cáo ĐTM đã được phê duyệt); quy định chi tiết việc vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và xác nhận hoàn thành công trình BVMT. Bổ quy định về lập kế hoạch quản lý môi trường trong phần trách nhiệm chủ dự án sau khi báo cáo ĐTM được phê duyệt...

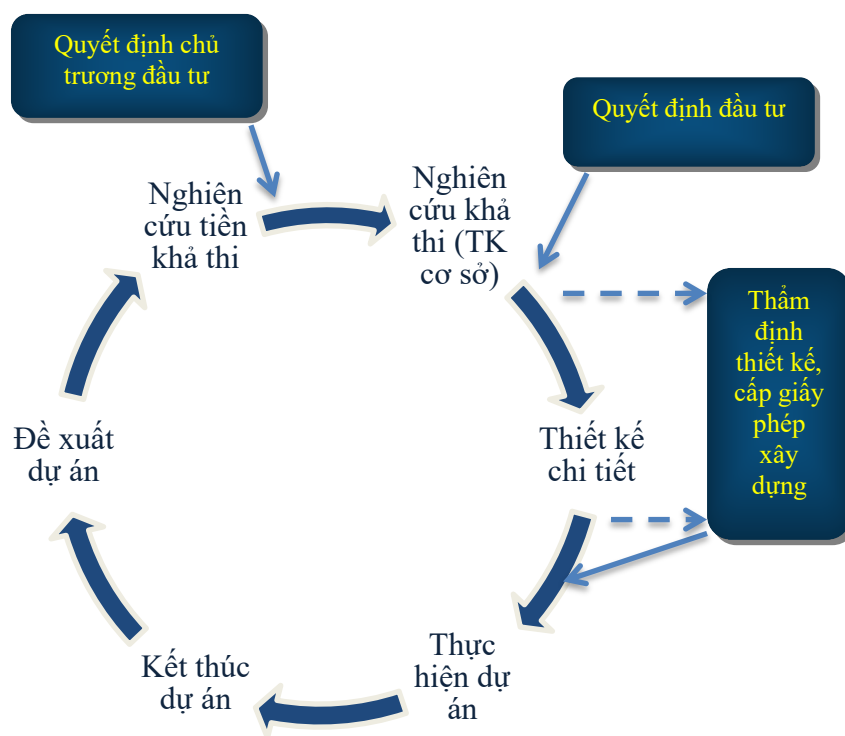
- Cũng trong Giai đoạn này, kể từ ngày 01/01/2020, khi Luật Đầu tư công 2019 (Luật Đầu tư công sửa đổi) chính thức có hiệu lực, quy định về ĐTM đối với các dự án đầu tư công được thực hiện theo 2 bước: ĐTM sơ bộ (giai đoạn xin chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công) và ĐTM chi tiết (là căn cứ để quyết định đầu tư, cấp giấy phép xây dựng, khai thác khoáng sản... theo quy định của pháp luật về BVMT).

3.1.1.2. Quy trình dự án đầu tư và quy định pháp luật hiện hành về ĐTM theo vòng đời dự án ở Việt Nam

Xét về mặt kỹ thuật, quy trình dự án đầu tư về cơ bản là như nhau ở mọi quốc gia, gồm các giai đoạn: Đề xuất ý tưởng – Nghiên cứu tiền khả thi – Nghiên cứu khả thi – Thiết kế chi tiết – Thực hiện dự án (Xây dựng, vận hành hoạt động) – Kết thúc dự án. Tuy nhiên, xét về mặt quản lý nhà nước, các thủ tục pháp lý có liên quan để xem xét, chấp thuận dự án, cho phép triển khai thực hiện dự án ở từng quốc gia là khác nhau.

Ở Việt Nam hiện nay, theo quy định pháp luật hiện hành, trong giai đoạn từ “Đề xuất ý tưởng” đến “Thực hiện dự án”, việc tiến hành dự án chịu sự điều chỉnh cơ bản của pháp luật lĩnh vực đầu tư, đầu tư công và xây dựng với các thủ tục quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự

án đầu tư); quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư (đối với dự án đầu tư công) và cấp giấy phép xây dựng (đối với các dự án có cấu phần xây dựng) (hình 3.1). Là công cụ quan trọng để xem xét, kiểm soát các vấn đề môi trường ngay từ giai đoạn xem xét quyết định đầu tư, trước khi thực hiện dự án; để bảo đảm vai trò của mình, ĐTM ở Việt Nam vừa phải bảo đảm thực hiện theo hệ thống Luật BVMT; vừa phải hài hoà, bảo đảm được lồng ghép một cách hiệu quả trong các quyết định có tính pháp lý của lĩnh vực đầu tư, đầu tư công, xây dựng.



Hình 3.1. Các giai đoạn của Dự án đầu tư và thủ tục pháp luật về đầu tư, xây dựng ở Việt Nam

Hiện nay, ĐTM đang được thực hiện theo quy định của Luật BVMT 2014 và các văn bản quy định, hướng dẫn lĩnh vực BVMT, bao gồm:

- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường (trong đó sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến ĐTM tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP);

- Thông tư 25/2019/TT-BTNMT của Bộ TNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật BVMT và quy định quản lý hoạt động dịch vụ QTMT (Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ TNMT quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư 25/2019/TT-BTNMT có hiệu lực, 15/02/2020).

Ngoài ra, đối với các dự án đầu tư công, ĐTM còn được thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công 2019 và Nghị định số 40/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công 2019; trong đó, quy định về đối tượng và nội dung ĐTM sơ bộ để làm căn cứ quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư công.

Với hệ thống các quy định hiện hành, nhìn chung, chính sách về ĐTM ở nước ta được quy định cơ bản như sau:

Bảng 3.1. Những đặc điểm cơ bản trong chính sách về ĐTM ở Việt Nam theo quy định pháp luật hiện hành

Nội dung	Đặc điểm quy định	Văn bản quy định
Đối tượng thực hiện ĐTM	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo phương pháp sàng lọc: cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập danh mục các dự án phải thực hiện lập báo cáo ĐTM và danh mục các dự án phải xác nhận Kế hoạch BVMT. - Tiêu chí để phân loại dự án gồm: tính chất, quy mô (diện tích đất chiếm dụng, công suất) của dự án và tính nhạy cảm môi trường (khu vực được bảo vệ) của khu vực đầu tư dự án theo danh mục định trước. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật BVMT 2014 (Điều 18); - Nghị định 18/2015/NĐ-CP (Phụ lục II của Nghị định); - Gần đây nhất, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 40/2019/NĐ-CP (Phụ lục II, mục I, Phụ lục của Nghị định)
Thời điểm thực hiện ĐTM	ĐTM phải thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị dự án.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật BVMT 2014 (Khoản 2, Điều 19); - Nghị định 40/2019/NĐ-CP (Khoản 5, Điều 1)

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

Nội dung	Đặc điểm quy định	Văn bản quy định
<p>Quy trình, yêu cầu nội dung thực hiện ĐTM</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Với quy định hiện hành, ĐTM chỉ yêu cầu thực hiện 01 bước và nhấn mạnh kết quả thực hiện ĐTM: báo cáo ĐTM. (Riêng các dự án đầu tư công thực hiện báo cáo sơ bộ ĐTM cho giai đoạn xin phê duyệt chủ trương đầu tư và báo cáo ĐTM cho giai đoạn quyết định đầu tư) - Quy định về thực hiện ĐTM không nêu rõ quy trình, quá trình thực hiện ĐTM; không có sự phân cấp mức độ thực hiện ĐTM giữa các nhóm dự án đầu tư theo mức độ tác động đến môi trường của dự án. - Quy định về nội dung chính báo cáo ĐTM là cơ bản phù hợp, tuy nhiên: Không yêu cầu báo cáo ĐTM phải có phần trình bày về các phương án lựa chọn; không yêu cầu đánh giá tác động trực tiếp, gián tiếp, tích lũy, tổng hợp đối với dự án; không yêu cầu làm rõ phạm vi các vấn đề báo cáo ĐTM cần giải quyết. Đối với tác động môi trường xã hội, chỉ yêu cầu đánh giá đối với sức khỏe cộng đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật BVMT 2014 (Điều 19); - Luật Đầu tư công 2019 (Khoản 1, Điều 5) - Nghị định 18/2015/NĐ-CP (Điều 12); - Nghị định 40/2019/NĐ-CP (Khoản 5 Điều 1).
<p>Tham vấn trong quá trình thực hiện ĐTM</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trách nhiệm tham vấn là của chủ dự án. - Đối tượng tham vấn: cơ quan, tổ chức, cộng đồng chịu tác động trực tiếp bởi dự án. (Với Nghị định 40/2019/NĐ-CP: đối tượng tham vấn, lấy ý kiến được mở rộng đối với một số đối tượng: chuyên gia, nhà khoa học, tổ chức có chuyên môn về mô hình). - Thời điểm tham vấn: không quy định cụ thể số lần tham vấn, tuy nhiên, với quy định hiện hành, chủ dự án thường chỉ tham vấn các bên liên quan 01 lần khi báo cáo ĐTM đã được lập xong. - Hình thức tham vấn: 02 hình thức: lấy ý kiến bằng văn bản, tổ chức họp/hội thảo. - Nội dung tham vấn: các vấn đề môi trường của dự án (nước thải, khí thải, bụi, chất thải) 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật BVMT 2014 (Điều 21); - Nghị định 18/2015/NĐ-CP (khoản 4,5,6 Điều 12); được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 40/2019/NĐ-CP.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

Nội dung	Đặc điểm quy định	Văn bản quy định
	<p>rắn, chất thải nguy hại, sụt lún, sạt lở, bồi lắng, tiếng ồn, đa dạng sinh học).</p> <p>- Việc công khai thông tin chỉ thực hiện sau khi báo cáo ĐTM đã được phê duyệt. Công khai thông tin không liên quan đến tham vấn cộng đồng.</p>	
Thẩm định, phê duyệt ĐTM	<p>- Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM được phân công, phân cấp giữa Trung ương (Bộ TNMT, Quốc phòng, Công an, các Bộ, cơ quan ngang Bộ khác) và địa phương (UBND cấp tỉnh); cập nhật, thay đổi theo từng giai đoạn phụ thuộc vào chủ trương, ý chí của cơ quan quản lý.</p> <p>- Hình thức thẩm định: 02 hình thức, bao gồm: thông qua Hội đồng thẩm định hoặc lấy ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan.</p> <p>- Quyết định phê duyệt ĐTM theo quy định hiện hành rất chi tiết, cụ thể (bao gồm cả quy mô, số lượng chất thải phát sinh; đặc điểm hệ thống thu gom, xử lý chất thải, các thông số kỹ thuật; nguồn tiếp nhận...)</p>	<p>- Luật BVMT 2014 (Điều 23,24,25);</p> <p>- Nghị định 18/2015/NĐ-CP (Điều 14); được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 40/2019/NĐ-CP (Khoản 5, Điều 1)</p>
Hiệu lực pháp lý	<p>- Đối với dự án đầu tư công, ĐTM thực hiện theo 2 bước: ĐTM sơ bộ (làm căn cứ để quyết định chủ trương đầu tư) và ĐTM (căn cứ để quyết định đầu tư).</p> <p>- Đối với dự án đầu tư: ĐTM vẫn là căn cứ quyết định chủ trương đầu tư. (Quy định này đang mâu thuẫn với quy định của Luật Đầu tư 2014 vì Luật Đầu tư 2014 không yêu cầu phải có quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM khi đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư).</p> <p>- Với quy định hiện hành (được bổ sung bằng Nghị định 40/2019/NĐ-CP), quyết định phê</p>	<p>- Luật BVMT 2014 (Điều 25);</p> <p>- Luật Đầu tư công 2019 (Điều 99)</p> <p>- Nghị định 40/2019/NĐ-CP (Khoản 5, Điều 1)</p>

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

Nội dung	Đặc điểm quy định	Văn bản quy định
	duyet báo cáo ĐTM có giá trị hiệu lực pháp lý xuyên suốt vòng đời dự án đầu tư.	
Trách nhiệm sau phê duyệt ĐTM	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án. - Quy định chi tiết, phức tạp hơn đối với vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải và kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật BVMT 2014 (Điều 26, 27); - Nghị định 18/2015/NĐ-CP (Điều 16, 17), được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 40/2019/NĐ-CP (Khoản 9, 10, Điều 1)

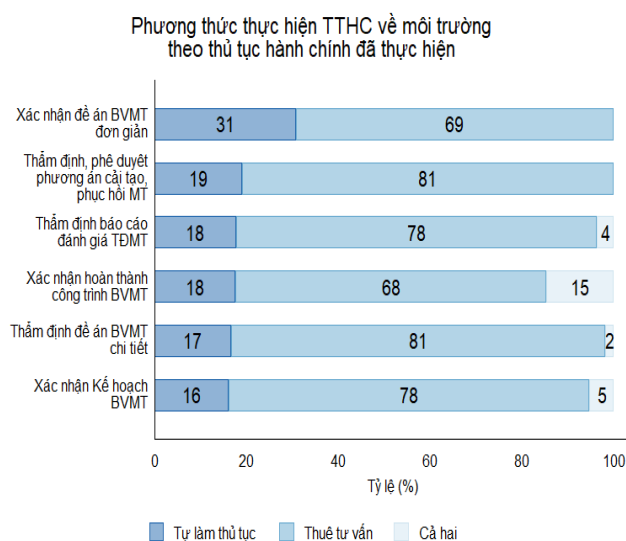
(Cụ thể các quy định pháp luật hiện hành đối với từng nội dung trên xem tại Phụ lục 1 của Báo cáo)

3.1.2. Thực trạng triển khai và hiệu quả ĐTM ở Việt Nam

3.1.2.1. Thực trạng triển khai ĐTM ở Việt Nam

a) Hoạt động tư vấn thực hiện ĐTM:

Lực lượng tư vấn lập báo cáo ĐTM là một trong những yếu tố quan trọng quyết định đến vấn đề chất lượng báo cáo ĐTM. Theo kết quả điều tra, khảo sát về thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường do Tổng cục Môi trường kết hợp với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam thực hiện năm 2018 [18], có đến 78% doanh nghiệp được khảo sát thuê đơn vị tư vấn lập báo cáo ĐTM khi thực hiện thủ tục ĐTM theo quy định (hình 3.2).



Hình 3.2. Tỷ lệ các doanh nghiệp phải thuê tư vấn thực hiện các TTHC trong lĩnh vực môi trường (VCCI, 2018)

Trong gần 30 năm qua, số lượng những người tham gia lập báo cáo ĐTM đã tăng nhanh một cách tự phát, đáp ứng “nhu cầu thị trường” trong bối cảnh các hoạt động đầu tư nở rộ trên toàn quốc. Đội ngũ chuyên gia, tổ chức và dịch vụ tư vấn ĐTM trong và ngoài nhà nước đều dễ dàng tiếp cận. Theo số liệu thống kê không chính thức, số lượng tổ chức tư vấn lập báo cáo ĐTM trên toàn quốc hiện có khoảng 330-400 đơn vị, bao gồm cả đơn vị sự nghiệp công lập và các công ty, doanh nghiệp trong, ngoài nước. Đến thời điểm hiện nay, nhiều tổ chức, đơn vị trong nước đã có thể đảm nhiệm được vai trò này, hỗ trợ tư vấn các báo cáo ĐTM có chất lượng tốt. Tuy nhiên, bên cạnh đó, cũng còn nhiều tổ chức, đơn vị tư vấn năng lực yếu, kinh nghiệm hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu bảo đảm thực hiện ĐTM.

Với mục tiêu bảo đảm yêu cầu, năng lực thực hiện ĐTM của lực lượng tư vấn ĐTM, hệ thống Luật BVMT 2005, Luật BVMT 2014 và các nghị định hướng dẫn chi tiết (Nghị định số 80/2006/NĐ-CP, Nghị định số 29/2011/NĐ-CP, Nghị định số 18/2015/NĐ-CP) đã quy định về yêu cầu, điều kiện của tổ chức thực hiện ĐTM. Luật Đầu tư năm 2014 (Phụ lục 4) cũng xác định “*Kinh doanh dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết*” là một trong những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện tại Việt Nam. Đặc biệt, với Nghị định số 18/2015/NĐ-CP (Điều 13), ngoài các yêu cầu về cơ sở vật chất kỹ thuật, yêu cầu “*Cán bộ thực*

hiện ĐTM phải có trình độ đại học trở lên và phải có chứng chỉ tư vấn ĐTM đúng chuyên ngành” là một trong những điều kiện quan trọng đối với nhân sự, nguồn lực của tổ chức thực hiện ĐTM. Kể từ khi Nghị định số 18/2015/NĐ-CP có hiệu lực, một số hoạt động đào tạo, cấp chứng chỉ tư vấn ĐTM đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường triển khai thí điểm trên thực tế và dự thảo Thông tư quản lý việc đào tạo, cấp chứng chỉ tư vấn ĐTM đã được xây dựng.

Tuy nhiên, cuối năm 2016, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư được Quốc hội thông qua (Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016), kinh doanh dịch vụ tư vấn ĐTM không còn là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ban hành tháng 10/2018 của Chính phủ về sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường đã chính thức bãi bỏ Điều 13 của Nghị định số 18/2015/NĐ-CP. Dẫn đến hoạt động tư vấn ĐTM hiện nay vẫn tiếp tục bị bỏ ngỏ, chưa có chế tài pháp lý nào ràng buộc, quản lý. Trong hệ thống mã ngành kinh tế, hoạt động tư vấn ĐTM cũng không có mã ngành riêng mà nằm trong nhóm mã ngành 4790 - Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Sau gần 30 năm triển khai thực hiện ĐTM trong công tác BVMT, cơ quan quản lý vẫn không có hệ thống cơ sở dữ liệu về các tổ chức tư vấn ĐTM.

b) Hoạt động thẩm định ĐTM (ở cấp Trung ương và các địa phương)

Theo quy định hiện hành, thẩm quyền thẩm định ĐTM được phân cấp ở cả Trung ương và địa phương, bao gồm:

- Cấp Trung ương: Bộ Tài nguyên và Môi trường, Quốc phòng, Công an và các Bộ: Công thương, Xây dựng, Y tế, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn... Trong đó, Bộ TNMT giữ vai trò chính, trung bình thẩm định khoảng 200-300 báo cáo ĐTM mỗi năm. Các Bộ, ngành theo chức năng cũng đã thành lập các cơ quan, đơn vị chuyên môn để bảo đảm vai trò thẩm định ĐTM và phát triển công tác BVMT trong lĩnh vực theo nhiệm vụ Bộ, ngành quản lý [21], cụ thể:

- + Bộ Công an lồng ghép chức năng thẩm định ĐTM và các nhiệm vụ liên quan đến môi trường khác trong Cục Quản lý khoa học và công nghệ môi trường (H46), trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật. Bên cạnh công tác thẩm định ĐTM, Bộ Công an cũng đã thành lập Cục Cảnh sát môi trường

- (C49) để điều tra, phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật về BVMT trong quá trình thực hiện dự án.
- + Bộ Công Thương giao chức năng thẩm định ĐMC, ĐTM và trách nhiệm có liên quan đến môi trường khác cho Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp. Ngoài việc thẩm định ĐTM, Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp còn được giao các chức năng khác, chẳng hạn như: (i) Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, quy hoạch, kế hoạch, dự án, đề án bảo vệ môi trường trong ngành công nghiệp và thương mại; tham gia thẩm định các báo cáo tổng hợp điều tra, đánh giá về CQK khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường thuộc phạm vi quản lý của Bộ; (ii) Chỉ đạo, hướng dẫn, quản lý, kiểm soát chất thải, tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, khắc phục ô nhiễm môi trường, phục hồi môi trường; thông tin, báo cáo hiện trạng môi trường theo quy định của pháp luật; (iii) Tổ chức thẩm định, trình Bộ trưởng phê duyệt báo cáo ĐMC, báo cáo ĐTM. Bộ Công Thương cũng giám sát các tập đoàn nhà nước trực thuộc Bộ trong việc thực hiện trách nhiệm đánh giá tác động môi trường. Các tập đoàn này bao gồm: Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), Tập đoàn Dầu khí Quốc gia (PetroVietnam), Tập đoàn Công nghiệp Than khoáng sản Việt Nam (VINACOMIN) và Tổng công ty Thép Việt Nam (VNSteel).
 - + Bộ Xây dựng đã thành lập Vụ KHCN&MT. Đơn vị này có trách nhiệm tổ chức thẩm định báo cáo ĐTM thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng. Ngoài thẩm định ĐTM, Vụ KHCN&MT được giao trách nhiệm môi trường khác như: (i) Nghiên cứu và tổ chức chủ trì soạn thảo các chủ trương, chính sách, phương hướng, chiến lược, kế hoạch, chương trình, dự án và các văn bản quy phạm pháp luật khác; (ii) Hướng dẫn quá trình ĐMC có liên quan đến quy hoạch xây dựng đô thị, (iii) Tổ chức giám sát môi trường của các hoạt động xây dựng và báo cáo về tác động môi trường gây ra trong ngành xây dựng.
 - + Bộ Giao thông và Vận tải: Vụ Môi trường chịu trách nhiệm: (i) Chủ trì tham mưu trình Bộ trưởng phê duyệt báo cáo ĐMC, báo cáo ĐTM đối với các dự án, quy hoạch, chiến lược phát triển giao thông vận tải, các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông vận tải và cơ sở sản xuất công nghiệp

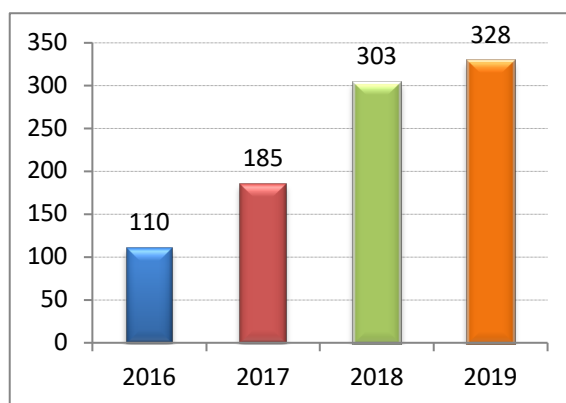
thuộc thẩm quyền của Bộ theo quy định của pháp luật; tổ chức kiểm tra, giám sát và xác nhận việc thực hiện báo cáo ĐTM đã được phê duyệt; (ii) Chủ trì xây dựng trình Bộ trưởng các báo cáo đánh giá tình hình tác động môi trường của ngành giao thông vận tải gửi các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- + Bộ Y tế: Cục Quản lý môi trường chịu trách nhiệm: (i) Chủ trì xây dựng CQK bảo vệ môi trường trong ngành y tế, lồng ghép các nội dung BVMT vào chiến lược, chương trình, quy hoạch, kế hoạch hoạt động của ngành y tế trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt; (ii) Chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ: lập và thẩm định báo cáo ĐMC; hướng dẫn, tổ chức thực hiện quan trắc môi trường y tế; (iii) Tổ chức, đánh giá tác động các dự án của Bộ Y tế đối với môi trường, cảnh báo môi trường của các hoạt động trong lĩnh vực y tế; quản lý và kiểm soát chất thải y tế; phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm môi trường y tế, phục hồi môi trường y tế; đề xuất giải pháp bảo tồn và phát triển bền vững trong lĩnh vực y tế...; (iv) Tổ chức đánh giá tác động của biến đổi khí hậu, của môi trường và của các chất gây ô nhiễm môi trường, dioxin đối với sức khỏe; (v) Chủ trì, hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện và nghiệm thu, đánh giá các chương trình, dự án, đề tài, nhiệm vụ khoa học, công nghệ về bảo vệ môi trường thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế.
- + Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Vụ KHCN&MT có chức năng tổ chức thẩm định ĐTM cho các dự án diễn ra trong lĩnh vực phát triển nông thôn. Ngoài ra, Vụ cũng được giao các chức năng khác liên quan đến khoa học và chuyên gia công nghệ trong lĩnh vực nông thôn.
- + Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và Bộ Thông tin và Truyền thông không có nhiều chức năng về các vấn đề môi trường nói chung cũng như thẩm định ĐTM mà chỉ giới hạn trong việc chuẩn bị chính sách, chiến lược, và các quy định trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

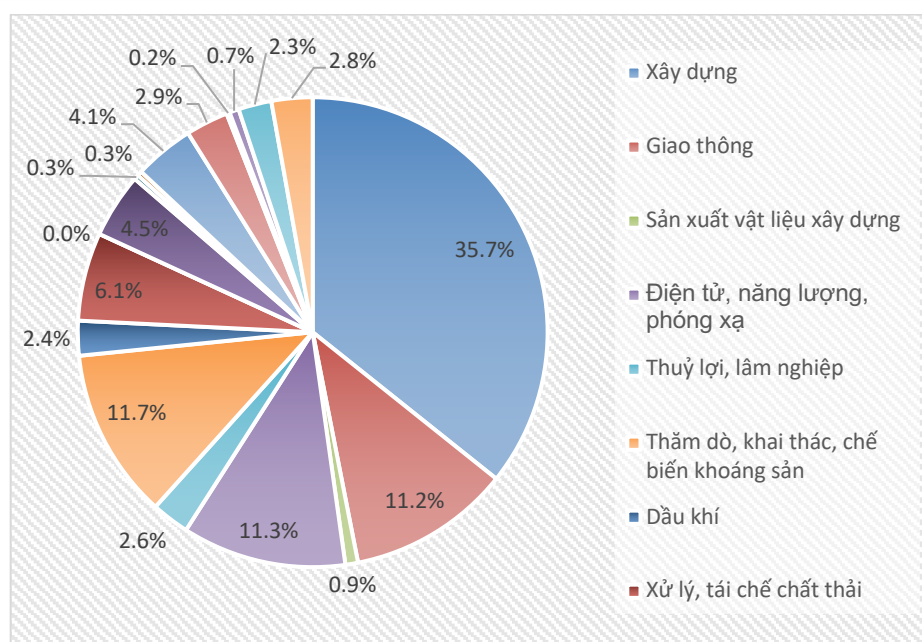
- Cấp địa phương: Tại tất cả các địa phương trên toàn quốc, 63 Chi cục Bảo vệ môi trường đã được thành lập trong Sở TNMT và thường bao gồm Phòng đánh giá tác động môi trường. Ngoài ra, một số tỉnh cũng đã cho phép (ủy quyền) Ban quản lý các khu công nghiệp và khu chế xuất được thẩm định và phê duyệt báo

cáo ĐTM cho các dự án đầu tư trong khu công nghiệp và khu chế xuất, theo thẩm quyền thẩm định của tỉnh/các thành phố trực thuộc Trung ương.

Trong những năm qua, các Bộ, ngành, địa phương đã chủ động triển khai công tác thẩm định báo cáo ĐTM theo chức năng, nhiệm vụ quy định. Đồng thời, trong các năm 2016-2017, sau sự cố môi trường Nhà máy Formosa gây ô nhiễm biển các tỉnh miền Trung, các Bộ, ngành, địa phương cũng đã rà soát các báo cáo ĐTM đã được phê duyệt công trình biện pháp bảo vệ môi trường của các dự án đã được đầu tư, tập trung vào các dự án lớn có nguy cơ cao tác động xấu đến môi trường. Theo đó, Bộ Công Thương đã chủ động rà soát báo cáo đánh giá tác động môi trường tại 30 dự án, nhà máy có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, hoặc có những tồn tại trong chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm tăng cường việc kiểm tra, giám sát và hỗ trợ khắc phục các tồn tại. Bộ Giao thông vận tải đã rà soát hồ sơ bảo vệ môi trường của 157 dự án và tổ chức kiểm tra hiện trường công tác bảo vệ môi trường đối với 50 dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông; riêng năm 2017, đã rà soát hồ sơ bảo vệ môi trường của 34 dự án và tổ chức kiểm tra hiện trường công tác bảo vệ môi trường đối với 27 dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông. Trong năm 2017, Bộ Quốc phòng đã tiến hành rà soát công tác thực hiện lập báo cáo ĐTM của các dự án đầu tư trong Quân đội, rà soát công tác lập Đề án BVMT các cơ sở đang hoạt động và rà soát đối tượng phải xác nhận hệ thống quản lý môi trường [2]. Một số địa phương có nhiều dự án lớn (Hà Nội, Hậu Giang, Bình Dương, Nghệ An) cũng đã chủ động tổ chức kiểm tra các báo cáo ĐTM của các dự án, nhà máy trên địa bàn. Các địa phương khác đều đã xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, rà soát trong năm 2018.



Hình 3.3. Số lượng các báo cáo ĐTM Bộ TNMT thẩm định, phê duyệt các năm (giai đoạn 2016-2019)



Hình 3.4. Tỷ lệ các loại hình dự án thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM ở Bộ TNMT giai đoạn 2016-2019

c) Trách nhiệm thực thi quy định về ĐTM của các chủ dự án

Theo quy định, ĐTM là một trong những yêu cầu, căn cứ quan trọng để cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét chấp thuận, cho phép đầu tư dự án, cấp giấy phép xây dựng, khai thác khoáng sản... Vì tính chất ràng buộc giữa các thủ tục hành chính và chế tài đối với quy định về ĐTM ngày càng chặt chẽ, về cơ bản hiện nay các chủ dự án đều quan tâm và có ý thức thực hiện các thủ tục về ĐTM theo quy định, đặc biệt đối với các dự án quy mô lớn, thuộc loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Tỷ lệ các dự án triển khai xây dựng khi chưa được phê duyệt ĐTM là rất thấp.

Theo Báo cáo về tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về BVMT đối với khu công nghiệp, khu chế xuất và cơ sở sản xuất có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao [29], trong tổng số 274 KCN đang hoạt động của cả nước, có 272 KCN đã có báo cáo ĐTM và Đề án BVMT chi tiết, đạt tỷ lệ 99,27%. Với 1.677 cơ sở sản xuất có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao đang hoạt động trong và ngoài KCN (tập trung nhiều nhất là vùng Đông Nam Bộ với 1.002 cơ sở, trong đó tại tỉnh Bình Dương có đến 833 cơ sở đang hoạt động), nhìn chung các chủ đầu tư dự án cơ sở sản xuất có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao đã chấp hành thủ tục pháp lý về BVMT trong việc lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM, đề án BVMT, kế hoạch BVMT.

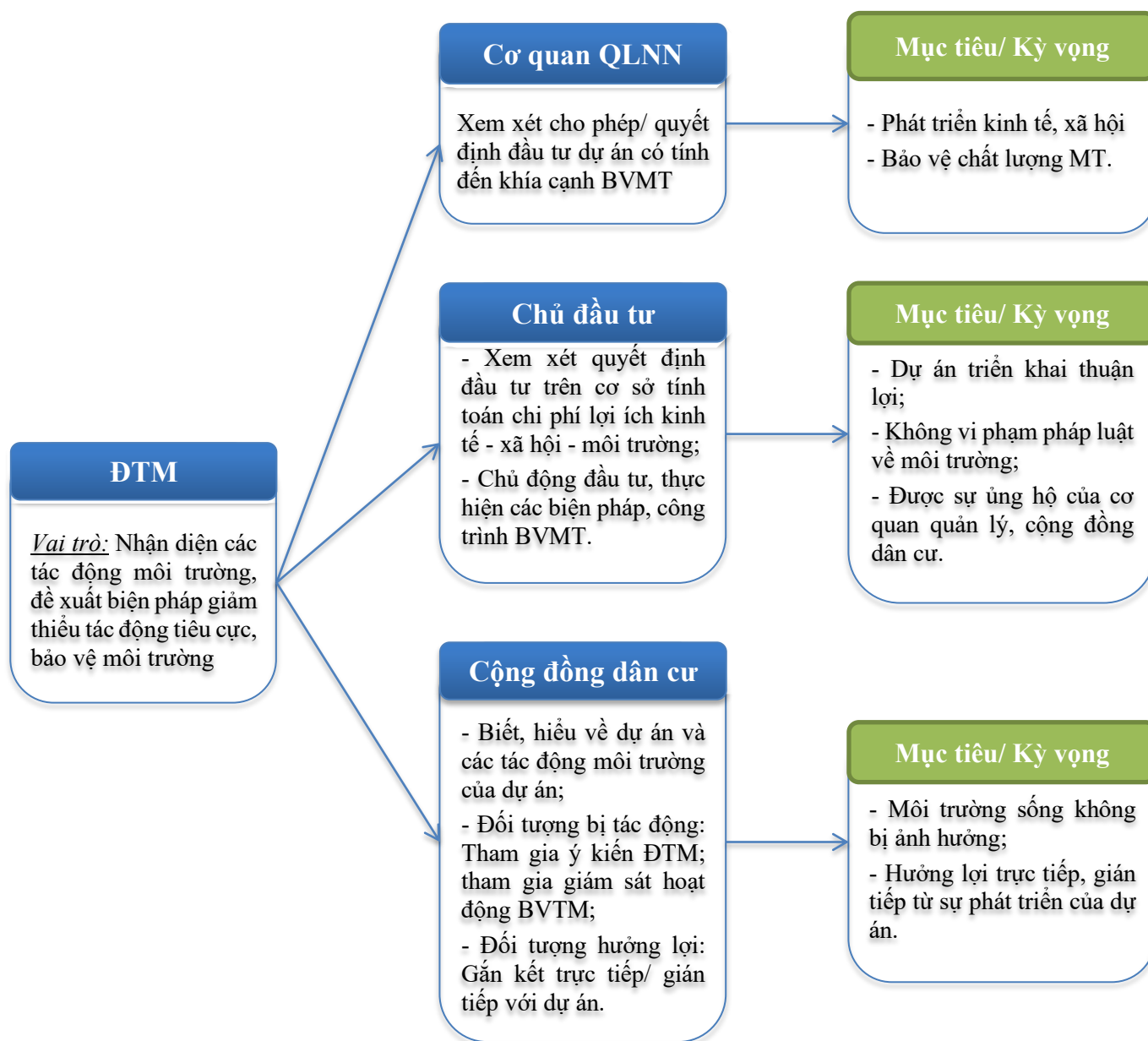
Tuy nhiên, trên thực tế, do lợi ích kinh tế, nhiều chủ dự án sau khi hoàn thành thủ tục ĐTM, được phê duyệt báo cáo ĐTM, chấp thuận đầu tư lại chưa thực sự quan tâm thực hiện các cam kết, trách nhiệm nêu trong báo cáo ĐTM khi triển khai thực hiện dự án. Các kết quả thanh, kiểm tra công tác BVMT hàng năm cho thấy, không đầu tư xây dựng các công trình thu gom, xử lý chất thải, quan trắc chất thải theo kế hoạch, chương trình quản lý môi trường nêu trong báo cáo; chưa hoàn thành việc xác nhận công trình BVMT... là những hành vi vi phạm phổ biến đối với các dự án khi đi vào vận hành hoạt động. Tỷ lệ các chủ dự án không thực hiện việc xác nhận hoàn thành công trình BVMT tại các địa phương còn cao, bao gồm cả các KCN, các cơ sở sản xuất có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao.

3.1.2.2. Hiệu quả ĐTM ở Việt Nam

ĐTM là công cụ quản lý môi trường có vai trò “sàng lọc”, dự báo để phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường, với mục tiêu hỗ trợ cơ quan quản lý nhận diện, cân nhắc các vấn đề trong quá trình xem xét cho phép đầu tư dự án; hỗ trợ chủ dự án định hướng được các tác động môi trường, chủ động các biện pháp, phương án giảm thiểu tác động và bảo vệ môi trường khi thực hiện dự án.

Qua gần 30 năm triển khai thực hiện, ĐTM đã là công cụ quản lý môi trường quan trọng trong phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường đối với các dự án đầu tư ở nước ta. Nội dung, chất lượng của báo cáo ĐTM, công tác thẩm định báo cáo ĐTM... qua các giai đoạn hoàn thiện hệ thống quy định pháp luật đã được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung ngày càng rõ ràng, khoa học và chi tiết hơn.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.



Hình 3.5. Vai trò của ĐTM và các bên liên quan

Các nhà khoa học, các cơ quan truyền thông, các tổ chức phi chính phủ, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, cộng đồng dân cư và toàn xã hội ngày càng quan tâm hơn đến công tác ĐTM. Điều này góp phần quan trọng cho sự nghiệp bảo vệ môi trường.

Hệ thống các nguồn lực tham gia vào ĐTM, đặc biệt chất lượng của đội ngũ cán bộ, chuyên gia tham gia công tác thẩm định báo cáo ĐTM ở các cấp, Bộ, ngành, địa phương cũng từng bước được củng cố, tăng cường. Các chuyên gia tham gia vào Hội đồng thẩm định tại Bộ TNMT và các bộ, ngành khác đã được

chọn lựa và phần lớn đều là các chuyên gia có trình độ chuyên môn phù hợp; sự phối kết hợp của các cơ quan hữu quan trong công tác thẩm định ĐTM được quan tâm nhiều hơn; chất lượng chuyên gia tham gia hoạt động Hội đồng thẩm định ĐTM có khác nhau giữa các địa phương vì nhiều lý do khác nhau (yếu tố địa lý, kinh phí...) nhưng cũng đã được chú trọng để nâng cao chất lượng thẩm định.

Thông qua kết quả ĐTM, việc giám sát công tác BVMT đối với các dự án trọng điểm, các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, đặc biệt là các dự án khai thác bauxite ở Tây Nguyên, dự án sắt Thạch Khê - Hà Tĩnh, dự án khai thác khoáng sản Núi Pháo, các trung tâm điện lực Duyên Hải, Vĩnh Tân... đã được tiến hành một cách chặt chẽ. Nhiều dự án có tác động nhạy cảm đến môi trường như dự án Cảng Lạch Huyện, dự án Tam Đảo II, các dự án thủy điện... đã được thẩm định chặt chẽ. Đặc biệt, cũng thông qua công cụ ĐTM, đưa ra cảnh báo về những tác động tiêu cực tới môi trường sinh thái của các dự án thủy điện, thông báo và yêu cầu các địa phương phải có giải pháp khắc phục kịp thời.

Theo thống kê sơ bộ từ 2010 đến nay, hơn 150 dự án đầu tư các lĩnh vực khác nhau đã phải rút lui, thay đổi địa điểm, phương án thiết kế hoặc bị từ chối vì lý do không đảm bảo các yêu cầu về BVMT; trong đó có nhiều dự án nhạy cảm nhận được sự quan tâm rộng rãi của các cấp ngành, địa phương, các nhà khoa học, cộng đồng dân cư..., điển hình như Dự án thủy điện Đồng Nai 6 và 6A (tỉnh Đồng Nai); Dự án Mở rộng quy mô nâng công suất phân bón từ 9.000 tấn lên 34.040 tấn sản phẩm/năm của Công ty TNHH Phú Châu (TP. Hồ Chí Minh); Dự án mở rộng sản xuất mở rộng Nhà máy sản xuất giấy cứng bao bì cao cấp của Công ty TNHH Giấy Lee&Man Việt Nam (tỉnh Hậu Giang); Dự án nhà máy sản xuất vải áo sơ mi cao cấp Việt Nam của Công ty TNHH Interweave Holdings tại KCN Sông Công II, thành phố Sông Công (tỉnh Thái Nguyên)... ĐTM trở thành công cụ “sàng lọc” đối với các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao; là một trong những căn cứ quan trọng để người ra quyết định xem xét, cân nhắc giữa lợi ích kinh tế và thiệt hại môi trường.

Hộp 3.1. Ví dụ về một số dự án lớn không được chấp thuận báo cáo ĐTM

- *Dự án thủy điện Đồng Nai 6 và 6A:* Hai dự án Thủy điện Đồng Nai 6 và 6A có quy mô 241 MW thuộc Tổng sơ đồ điện VII với tổng vốn đầu tư gần 6.500 tỷ đồng do Tập đoàn Đức Long Gia Lai làm chủ đầu tư, dự kiến hoàn vốn sau 17 năm vận hành. Theo tính toán, việc thực hiện hai dự án thủy điện Đồng Nai 6 và 6A sẽ làm mất vĩnh viễn 327,23 ha đất rừng; trong đó đặc biệt có 128,37 ha đất ở khu vực Cát Lộc thuộc vùng lõi Vườn Quốc gia Cát Tiên. Tuy nhiên, báo cáo ĐTM của Dự án chưa đánh giá đầy đủ sự tổn thất về đa dạng sinh học trong vùng ngập và khu vực xây dựng công trình đầu mối trong mối quan hệ với tính nguyên vẹn, giá trị đa dạng sinh học của Vườn Quốc gia Cát Tiên và hệ sinh thái bản địa của khu vực; chưa phân tích rõ vai trò của dòng chảy có đáp ứng được nhu cầu sử dụng nước gia tăng theo quá trình phát triển kinh tế - xã hội phía hạ du, môi trường sống cho hệ sinh thái thủy sinh, đặc biệt đoạn sông ngay sau đập thủy điện Đồng Nai 6 và 6A và khu ngập nước Bàu Sấu.

Một số biện pháp giảm thiểu tác động đến đa dạng sinh học của báo cáo ĐTM còn thiếu tính khả thi; không đề ra biện pháp bảo vệ, bảo tồn loài cá chình hoa quý hiếm; có cam kết trồng rừng bồi hoàn diện tích rừng bị tổn thất do thực hiện các dự án, nhưng lại chưa nêu được vị trí cụ thể và phương án trồng rừng thay thế... Ngoài ra, Dự án cũng tiềm ẩn nhiều tác động bất lợi khác lên sinh kế của người dân hạ du, đặc biệt là các dân tộc ít người; quá trình xem xét, công nhận Di sản Thiên nhiên thế giới của VQG Cát Tiên... Nếu dự án được thực hiện phải triển khai xây dựng các công trình phụ trợ, đường dây truyền tải, đường giao thông tiếp cận... và sẽ tác động bất lợi đến môi trường, kinh tế - xã hội và tạo điều kiện thuận lợi cho các hành vi xâm hại VQG Cát Tiên. Việc xây dựng Dự án cũng vi phạm Luật Đa dạng sinh học.

(Văn bản của Bộ TNMT báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc thẩm định báo cáo ĐTM của 2 dự án thủy điện Đồng Nai 6, 6A, tháng 9/2013.)

- *Dự án nhà máy sản xuất vải áo sơ mi cao cấp Việt Nam của Công ty TNHH Interweave Holdings tại KCN Sông Công II, TP. Sông Công, tỉnh Thái Nguyên:* Dự án có công suất sản xuất 100 triệu m³/năm, diện tích trên 50ha, vốn đầu tư lên đến 350 triệu USD. Dự án thuộc ngành nghề dệt nhuộm, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao; phát sinh khối lượng nước thải rất lớn (khoảng 14.500 m³/ngày đêm), vị trí đề nghị xả nước thải ra sông Công là nguồn chính cấp nước cho Trạm xử lý nước cấp sinh hoạt cho toàn thành phố Sông Công và các nhà máy cấp nước sử dụng nước mặt trên địa bàn các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Dương.

Báo cáo ĐTM của Dự án có nhiều nội dung làm thay đổi so với báo cáo ĐTM của KCN Sông Công II đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt; không cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan về công nghệ sản xuất, xử lý nước thải, phương án thay thế; chưa làm rõ các tác động và ý kiến tham vấn của các đối tượng bị tác động;

chưa làm rõ phương án, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố... đã không được Hội đồng thẩm định của Bộ TNMT thông qua tháng 3/2019. Sau khi Báo cáo ĐTM của Dự án không được chấp thuận, chủ dự án đã điều chỉnh các phương án thiết kế để bảo đảm các yêu cầu về môi trường, nhưng cuối cùng quyết định rút đầu tư sau khi cân nhắc các vấn đề chi phí lợi ích về kinh tế, môi trường...

(Vụ Thẩm định ĐTM - Tổng cục Môi trường, 2020)

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác ĐTM ở nước ta vẫn còn những hạn chế, chưa thực sự hiệu quả. Nhìn chung, như các nhà khoa học đánh giá và các nhà quản lý trong nước thừa nhận, “*yêu cầu bảo vệ môi trường thể hiện trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án còn hình thức; chất lượng đánh giá tác động môi trường của nhiều dự án đầu tư còn thấp*” [21,2]. Điều này được phản ánh rõ nét qua quá trình thực thi, triển khai ĐTM ở nước ta; có thể liệt kê trong một số vấn đề nổi cộm như sau:

Thứ nhất, là sự lúng túng, bối rối của cả cơ quan quản lý và các chủ dự án ngay từ quá trình xác định thời điểm thực hiện, thẩm định, phê duyệt ĐTM trong giai đoạn phê duyệt dự án đầu tư theo các quy định pháp luật hiện hành của lĩnh vực BVMT, đầu tư, xây dựng (hình 3.6).

Trong một thời gian tương đối dài kể từ thời điểm Luật BVMT 2014 và các luật Đầu tư, Đầu tư công 2014 có hiệu lực đến nay, cơ quan quản lý về môi trường các cấp Trung ương và địa phương (Bộ TNMT, các Sở TNMT) liên tục nhận được các công văn đề nghị hướng dẫn, thống nhất rõ ràng về thời điểm phải lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM (thực hiện theo Luật BVMT hay các luật Đầu tư, Đầu tư công) để tạo điều kiện thuận lợi cho chủ dự án trong quá trình chuẩn bị dự án đầu tư. Theo quy định tại Luật BVMT 2014, quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM là căn cứ để cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án. Nhà đầu tư phải thực hiện thủ tục xin phê duyệt báo cáo ĐTM trước khi thực hiện thủ tục xin quyết định chủ trương đầu tư.

Khoản 2, Điều 25 Luật BVMT 2014 quy định trong giai đoạn lập nghiên cứu tiền khả thi để trình thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư cần có báo cáo ĐTM. Tại đây, quy định Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM là căn cứ để cấp có thẩm quyền thực hiện: a) Quyết định chủ trương đầu tư dự án; b) Cấp, điều chỉnh giấy phép thăm dò, giấy phép khai thác khoáng sản đối với dự án thăm dò, khai thác khoáng sản; c) Phê duyệt kế hoạch thăm dò, kế hoạch phát triển mỏ đối với dự án thăm dò, khai thác dầu khí; d) Cấp, điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với dự án có hạng mục xây dựng công trình thuộc đối tượng phải có

giấy phép xây dựng; đ) Cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án không thuộc đối tượng quy định tại các điểm a, b, c và d.

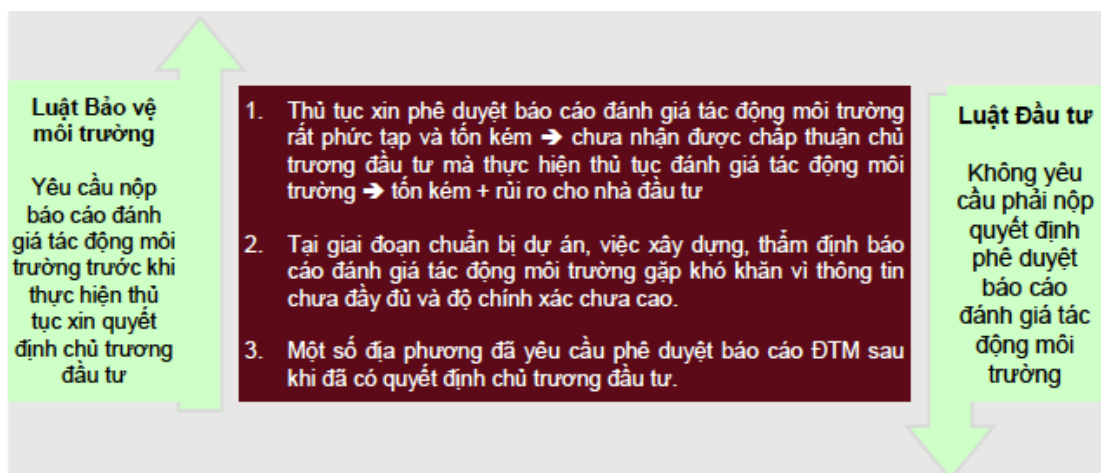
Tuy nhiên, các quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư trong Luật Đầu tư, Đầu tư công; quy định về hồ sơ đề nghị cấp, điều chỉnh giấy phép xây dựng trong Luật Xây dựng; quy định về nguyên tắc, điều kiện cấp giấy phép thăm dò khoáng sản của Luật Khoáng sản không yêu cầu quyết định phê duyệt ĐTM (Luật Khoáng sản chỉ yêu cầu có báo cáo ĐTM trong hồ sơ cấp giấy phép thăm dò khoáng sản độc hại). Trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư, Luật Đầu tư, Đầu tư công chỉ yêu cầu đánh giá sơ bộ tác động môi trường, cụ thể:

- Điều 34 của Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, quy định trong giai đoạn đề xuất kiến nghị trình cơ quan có thẩm quyền ra quyết định về chủ trương đầu tư thì chỉ cần báo cáo đánh giá sơ bộ tác động môi trường.

- Điều 35 Luật Đầu tư, hồ sơ dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, của Quốc hội quy định phải có đánh giá sơ bộ tác động môi trường, các giải pháp BVMT;

- Điều 99 Luật Đầu tư công năm 2019 đã sửa đổi điểm a Khoản 2 Điều 25 Luật BVMT nhưng chỉ áp dụng đối với dự án đầu tư công, chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng số các dự án đầu tư.

- Theo quy định tại Luật Đầu tư, Đầu tư công, khi phê duyệt chủ trương đầu tư, những nội dung sau đã được quyết định: quy mô dự án; địa điểm thực hiện dự án; công nghệ áp dụng đối với dự án.



Hình 3.6. Sự không thống nhất giữa Luật BVMT, Luật đầu tư về ĐTM và một số vấn đề liên quan. (Nguồn: TS. Nguyễn Đình Cung và nnk, 2016 [3])

Với quy định của Luật Đầu tư, Đầu tư công năm 2014, các yếu tố về môi trường sẽ không được xem xét một cách đầy đủ, phù hợp trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư. Khi quyết định chủ trương đầu tư thì các yếu tố về loại dự án, địa điểm, quy mô, công suất và công nghệ chính của dự án đã được xác định. Đến khi lập báo cáo ĐTM theo quy định của lĩnh vực BVMT, về cơ bản sẽ không thể thay đổi được các yếu tố này, trong khi đây lại là các yếu tố tác động rất lớn đến môi trường khu vực dự án đầu tư. Nếu thực hiện hoàn toàn theo Luật BVMT 2014 thì sẽ bảo đảm rất tốt về mặt môi trường. Tuy nhiên, việc lập báo cáo ĐTM chi tiết đòi hỏi chi phí lớn, việc thẩm định và phê duyệt báo cáo cũng rất phức tạp, mất thời gian. Khi đó, chủ đầu tư sẽ phải bỏ rất nhiều chi phí nhưng lại không chắc chắn dự án được chấp thuận chủ trương gây rủi ro cho nhà đầu tư.

Trên thực tế, cũng có những trường hợp dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, nhưng khi thẩm định báo cáo ĐTM, cơ quan quản lý về môi trường yêu cầu một số thay đổi để đáp ứng yêu cầu BVMT, dẫn đến việc chủ dự án sẽ phải xin xem xét, điều chỉnh chủ trương đầu tư để bảo đảm sự thống nhất, thuận lợi trong các bước về sau. Việc nhìn nhận và quy định về vai trò, thời điểm ĐTM chưa rõ ràng, thống nhất đã tạo thành vòng luẩn quẩn dẫn đến khó khăn, vướng mắc và tốn kém.

Gần đây nhất, vấn đề không thống nhất về thủ tục ĐTM quy định tại Luật Đầu tư và Luật BVMT tiếp tục được Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) nêu rõ trong Báo cáo chòng chéo pháp luật về đầu tư kinh doanh và Báo cáo dòng chảy pháp luật kinh doanh năm 2019 trên cơ sở tổng hợp 333 ý kiến từ hơn 40 hiệp hội, doanh nghiệp và hàng chục cơ quan địa phương khác nhau [16,17].

Thứ hai, trong giai đoạn 2016-2019, các sự cố môi trường liên tiếp xảy ra, tác động trên diện rộng, đã ra gây ra hậu quả lớn về kinh tế, xã hội, môi trường trước mắt và lâu dài; điển hình là sự cố ô nhiễm môi trường biển miền Trung do hoạt động xả nước thải của Nhà máy Formosa (Hà Tĩnh); sự cố ô nhiễm môi trường của Nhà máy sản xuất Soda Chu Lai (Quảng Nam); vỡ bể chứa chất thải nhà máy chì, kẽm của Công ty TNHH CKC (Cao Bằng); vỡ hồ chứa nước đăi titan của Công ty TNHH Tân Quang Cường (Bình Thuận); vỡ đập xả thải của Nhà máy Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem (Lào Cai); sự cố ô nhiễm sông Cái

Lớn do Công ty TNHH mía đường, cồn Long Mỹ Phát (Hậu Giang)... Bài học kinh nghiệm chính rút ra từ các sự cố ô nhiễm môi trường nêu trên cho thấy:

- Báo cáo ĐTM của các dự án còn sơ sài, chất lượng thấp; các vấn đề, tác động môi trường của dự án chưa được nhận diện, dự báo, đánh giá đầy đủ. Với một số dự án, biện pháp xử lý chất thải, phòng ngừa ứng phó sự cố, chương trình quản lý, giám sát môi trường đề xuất trong báo cáo ĐTM hoặc chưa phù hợp, hoặc không có tính khả thi... Điều này tiềm ẩn những rủi ro đối với môi trường, thậm chí dẫn đến các sự cố ô nhiễm trong quá trình thực hiện Dự án, đặc biệt là đối với các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao.

- Ý thức, trách nhiệm thực thi các cam kết BVMT của chủ dự án nêu trong Báo cáo ĐTM còn thấp. Báo cáo ĐTM tuy được thông qua, nhưng các biện pháp giảm thiểu tác động, BVMT không được chủ dự án thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trong quá trình thực hiện dự án. Dẫn đến báo cáo ĐTM chỉ mang tính hình thức, hiệu lực thấp, hiệu quả của ĐTM trong việc phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm hạn chế.

Trong đó, vấn đề chất lượng báo cáo ĐTM thấp có thể là hậu quả của tổng hoà nhiều yếu tố, từ khâu xác định vấn đề, thực hiện ĐTM, lập báo cáo ĐTM, đến khâu thẩm định, phê duyệt của các bên liên quan bao gồm chủ dự án, đơn vị tư vấn, cơ quan thẩm định, phê duyệt với các vai trò, trách nhiệm khác nhau. Xét về mặt pháp luật, quy định về quy trình, nội dung ĐTM chưa rõ ràng, yêu cầu thực hiện thủ tục là như nhau, không có tính đặc thù giữa các dự án dẫn đến tính chủ quan, xem nhẹ vai trò ĐTM của các chủ dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao; yêu cầu về năng lực của lực lượng tư vấn thực hiện ĐTM còn bỏ ngỏ (như đã phân tích ở phần trên) có thể dẫn đến tình trạng nhiều chủ dự án thuê các tư vấn không có kinh nghiệm chuyên môn chuẩn bị, dữ liệu thông tin, đánh giá tác động thiếu và kém, tạo nên báo cáo ĐTM có chất lượng không tốt, không sát thực tế, không nhận diện hết các rủi ro tiềm ẩn đối với môi trường; quy định về thẩm định chỉ với hình thức họp hội đồng hoặc lấy ý kiến trong khoảng thời gian ngắn nhiều trường hợp gây khó khăn cho cơ quan quản lý khi cần xem xét, đánh giá sâu các yếu tố chuyên môn, đặc biệt đối với các dự án phức tạp...

Thứ ba, còn tồn tại nhiều dự án đầu tư tuy đã được thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM, cơ quan có thẩm quyền đã cấp phép đầu tư, nhưng ngay trong giai

đoạn đầu thực hiện dự án đã phải tạm dừng, xem xét, đánh giá lại các tác động... do phát sinh các vấn đề môi trường, xã hội. Trong đó, phải kể đến các dự án lớn, nhận được nhiều sự quan tâm của các nhà khoa học như dự án Cải tạo cảnh quan và phát triển đô thị ven sông Đồng Nai, dự án Đầu tư khai thác và tuyến quặng sắt Thạch Khê - Hà Tĩnh, dự án Khu du lịch sinh thái Tam Đảo 2... Một dự án đầu tư được coi là hiệu quả khi hài hoà được giữa các yếu tố kinh tế, môi trường và xã hội; nhận được sự ủng hộ, đồng thuận của các bên liên quan, đặc biệt là các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dự án. Việc bị chậm tiến độ, phải tạm dừng hoặc phải xem xét lại dự án không chỉ ảnh hưởng đến chủ đầu tư, mà còn ảnh hưởng đến uy tín của các cơ quan thẩm định, cơ quan quản lý có liên quan. *Có 02 nguyên nhân cơ bản dẫn đến vấn đề này: i) Yếu tố tác động môi trường xã hội chưa được xem xét, đánh giá, dự báo đầy đủ, đúng mức trong các báo cáo ĐTM; ii) Công tác tham vấn cộng đồng trong quá trình thực hiện ĐTM của các dự án còn hạn chế, bất cập.*

Việc chưa quy định rõ ràng về yếu tố xã hội trong ĐTM đã dẫn đến việc bỏ qua đánh giá tác động xã hội trong quá trình thực hiện ĐTM, đặc biệt đối với các dự án tiềm ẩn rủi ro về mặt xã hội. Nhiều trường hợp, các yêu cầu về đánh giá tác động xã hội chỉ được đặt ra khi cơ quan thẩm định tiến hành kiểm tra thực địa, họp hội đồng thẩm định, hoặc thậm chí khi giải phóng mặt bằng, triển khai dự án; dẫn đến việc phải tham vấn lại, lấy ý kiến nhiều lần, thực hiện lại báo cáo ĐTM.

Một thực tế hiện nay cho thấy chất lượng các đánh giá tác động xã hội trong báo cáo ĐTM còn thiếu và yếu, điều này có nguy cơ gia tăng rủi ro về xã hội trong quá trình triển khai thực hiện dự án. Nhiều báo cáo ĐTM chỉ mang tính hình thức, tập trung vào đánh giá, dự báo các tác động thuần túy về mặt môi trường vật lý, hoá học mà thiếu những đánh giá trọng tâm, trọng điểm vào tác động của dự án đối với sức khoẻ con người, đời sống kinh tế - xã hội trong khu vực. Trong những báo cáo này, đối tượng bị tác động được xác định chỉ là thành phần môi trường đất, nước, không khí hoặc các công nhân lao động trong dự án; không nhận diện được các tác động đáng quan tâm về mặt xã hội của dự án. Đa số các báo cáo ĐTM, ngay cả các báo cáo ĐTM cho dự án có thu hồi đất, di dân, tái định cư bắt buộc thiếu các nội dung đánh giá, biện pháp giảm thiểu tác động, chỉ tiêu giám sát, kiểm tra tác động, hiệu quả xã hội trong chương trình quản lý, giám sát môi trường [19].

Ví dụ, nhiều báo cáo ĐTM về thủy điện chỉ tập trung đánh giá nồng độ bụi, khí tăng bao nhiêu g/cm³, vượt quy chuẩn/tiêu chuẩn như thế nào khi tiến hành hoạt động xây dựng, chỉ nêu nhu cầu sử dụng nước của công trình dự án trên sông... mà thiếu vắng toàn bộ các nội dung mô tả hiện trạng, nhu cầu sử dụng nước của các đối tượng cùng sử dụng nguồn nước phía hạ du sông. Nhiều báo cáo ĐTM sử dụng mô hình để đánh giá lan truyền chất ô nhiễm trong nguồn tiếp nhận nước thải, trình bày hàm lượng chất ô nhiễm gia tăng bao nhiêu, vượt tiêu chuẩn/quy chuẩn bao nhiêu; tuy nhiên không hề có nội dung mô tả về hoạt động nuôi trồng thủy sản, nhu cầu sử dụng nước của cộng đồng dân cư trong khu vực và những đánh giá tác động, đánh giá rủi ro đối với cộng đồng dân cư trong khu vực cùng sử dụng nguồn nước khi dự án đi vào hoạt động...

Việc thiếu vắng sự tham gia, giám sát của cơ quan quản lý hoặc đơn vị có chuyên môn trong quá trình Chủ dự án, tư vấn thực hiện, lập báo cáo ĐTM; sự tham gia của các bên liên quan chưa đầy đủ, hiệu quả; chưa rõ ràng, minh bạch, thực chất trong quá trình tham vấn, công khai thông tin... khi thực hiện ĐTM, thẩm định báo cáo ĐTM dẫn đến nhiều báo cáo ĐTM xa rời thực tế; các phương án đề xuất giảm thiểu tác động (đặc biệt là các tác động về mặt xã hội) thiếu phù hợp, khả thi; chưa có các biện pháp, phương án phòng ngừa, ứng phó với các sự cố, rủi ro liên quan đến xã hội khi dự án đi vào hoạt động...

Việc chưa quan tâm hoặc quan tâm chưa đầy đủ các vấn đề xã hội, tham vấn cộng đồng trong quá trình ĐTM của các dự án, đặc biệt là các dự án có tác động lớn, đã dẫn đến những sự việc, hệ lụy đáng tiếc về môi trường và xã hội.

Hộp 3.2. Bất cập trong tham vấn cộng đồng của Dự án Cải tạo cảnh quan và phát triển đô thị ven sông Đồng Nai:

Trên cơ sở xem xét vấn đề tham vấn cộng đồng trong Báo cáo ĐTM của Dự án và thực hiện tham vấn bổ sung các cộng đồng dân cư bị ảnh hưởng, Nhóm chuyên gia tư vấn khoa học của Mạng lưới sông ngòi Việt Nam nhận định [11]:

- Dự án đã rất xem nhẹ việc tham vấn cộng đồng và tri thức bản địa, nên không hề có thông báo gì cho cộng đồng ở Cù Lao Phố và phường Bửu Hoà. Việc họp dân ở phường Quyết Thắng cũng chỉ được tổ chức sau khi có nhiều phản ứng của công luận khiến dự án tạm dừng triển khai.

- Hầu hết người được tham vấn đều phản đối dự án, một số ít người còn lại không có ý kiến vì chưa thấy tác động của dự án.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

- Dự án, nếu được tiếp tục triển khai, sẽ tạo tiền lệ xấu về việc lấn chiếm sông ngòi và đánh mất niềm tin của nhân dân vào chính quyền.

- Theo tri thức bản địa và kinh nghiệm của cộng đồng địa phương, dự án sẽ làm thay đổi dòng chảy, gia tăng xói lở và đe dọa Cù Lao Phố. Đồng thời gia tăng ô nhiễm sông, lũ lụt và ngập úng

Hộp 3.3. Hạn chế trong đánh giá tác động xã hội của Dự án Đầu tư khai thác và tuyển quặng mỏ sắt Thạch Khê, Hà Tĩnh:

Dự án Khai thác quặng Mỏ sắt Thạch Khê được phê duyệt Báo cáo ĐTM năm 2008. Năm 2013, do có những điều chỉnh, Chủ đầu tư đã lập lại Báo cáo ĐTM, Đề án cải tạo phục hồi môi trường (CPM) và đã được Bộ TNMT phê duyệt. Trong khi đó, việc bồi thường, hỗ trợ, di dân và TĐC đã được xem xét, tính toán trong Dự án bồi thường, hỗ trợ GPMB và TĐC Dự án khai thác mỏ sắt Thạch Khê (Dự án độc lập riêng). Tuy nhiên, Dự án bồi thường, hỗ trợ GPMB và TĐC không được đánh giá tác động môi trường một cách tổng thể mà ĐTM riêng cho từng hạng mục nằm trong Dự án.

Việc tiến hành thiếu đồng bộ giữa Dự án khai thác và Dự án bồi thường, hỗ trợ GPMB và TĐC đã dẫn đến tình trạng có những thời điểm (trong các năm 2011-2013), các hoạt động bóc đất tầng phủ, tháo khô moong khai thác, đổ thải vẫn được tiến hành trong khi các hộ dân vẫn nằm trong khu vực dự án; thậm chí một số hộ dân chỉ cách moong mỏ vài trăm mét.

Dự án khai thác mỏ Sắt Thạch Khê có tác động rất lớn đến xã hội, sinh kế của cộng đồng dân cư trong khu vực. Tuy nhiên, các báo cáo ĐTM của Dự án chưa nhận diện, đánh giá đầy đủ, chính xác, toàn diện các tác động, rủi ro môi trường và xã hội, dẫn đến thiếu các các biện pháp phòng ngừa, quản lý, giảm thiểu các tác động môi trường, bảo đảm an sinh, kinh tế xã hội của cộng đồng dân cư tái định cư và cộng đồng dân cư trong khu vực dự án phù hợp. Tình trạng này đã gây bức xúc cho cộng đồng dân cư và gây lúng túng cho chính quyền địa phương, cơ quan quản lý nhà nước, đặc biệt trong giai đoạn dự án tạm dừng hoạt động.

Nguồn: [19, 27]

Thứ tư, ô nhiễm môi trường, suy thoái đa dạng sinh học ở nước ta trong những năm trở lại đây vẫn gia tăng, đặc biệt tại các khu vực trọng điểm phát triển kinh tế, các khu vực nhạy cảm môi trường. Với vai trò là công cụ “sàng lọc” dự án đầu tư, phòng ngừa ô nhiễm, bảo vệ môi trường ngay từ giai đoạn xem xét chấp

thuận chủ trương, quyết định đầu tư dự án, tuy nhiên, trên thực tế, hiệu quả của công cụ ĐTM trong việc phòng ngừa, bảo vệ môi trường còn thấp.

Theo ý kiến của nhiều nhà khoa học [21,19,26,15,5], ĐTM các dự án thuộc loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, ĐTM các dự án trong các khu vực trọng điểm phát triển kinh tế, các khu vực nhạy cảm môi trường như khu vực đã bị ô nhiễm, khu vực có giá trị đa dạng sinh học cao, khu vực tập trung nhiều cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm... hầu như không có tính đặc thù; việc nhận diện, xác định vấn đề và đánh giá các tác động chỉ tập trung vào vấn đề không thực sự quan trọng, thiếu tính trọng tâm, trọng điểm. *“Tình trạng phổ biến là ĐTM dự án thủy điện quan tâm dự báo phát sinh bao nhiêu tấn bụi, SOx, NOx, tăng độ ồn bao nhiêu dB, trong khi các yếu tố thay đổi cân bằng nước, mất rừng, ảnh hưởng thủy sản, ảnh hưởng văn hóa dân tộc bản địa chỉ có vài trang sơ lược. Tương tự, nhiều dự án cảng biển, khai thác Titan, nuôi tôm trên cát không nghiên cứu tác động đến hệ sinh thái ven bờ, tác động đến các ngành du lịch, thủy sản; nhiều ĐTM cho các dự án phát triển công nghiệp, khai khoáng, đô thị, giao thông hầu như bỏ qua dự báo tác động sinh thái, tác động xã hội, thậm chí còn không có thông tin, số liệu sinh thái, đa dạng sinh học, dân tộc học, văn hóa bản địa, khảo cổ...”* (Lê Trình, 2017); *“Nội dung đánh giá tác động ĐDSH hầu như chỉ được thực hiện chung chung, sơ sài; thiếu yêu cầu chi tiết; không có các hướng dẫn cụ thể để xác định đối tượng ĐDSH cần đánh giá... Theo đó, các biện pháp giảm thiểu và phương án quản lý bảo tồn ĐDSH thường bị xem nhẹ và bỏ qua trong báo cáo ĐTM.”* (Hoàng Thị Thanh Nhân, 2015)...

Việc lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM của từng dự án về cơ bản được thực hiện một cách độc lập, đơn lẻ, không đặt trong bối cảnh khu vực; không đánh giá hoặc đánh giá chưa đầy đủ, toàn diện các tác động tích lũy, tác động tổng hợp; chưa xem xét sức chịu tải của môi trường tiếp nhận... gây ra các áp lực môi trường, gia tăng ô nhiễm khi dự án được triển khai thực hiện. Nhìn chung, *“Các dự báo tác động tích hợp của nhiều tác động trong cùng một dự án hoặc tác động của trên một dự án tại một vùng hầu như chưa có ĐTM nào làm được.”* (Lê Trình, 2013); *“Việc thiếu vắng đánh giá tổng hợp các tác động môi trường của các dự án và cơ sở đang hoạt động trong cùng một vùng sẽ không thấy hết được bức tranh tổng thể về tác động môi trường xảy ra ở vùng đó, từ đó, sẽ không có căn cứ chắc chắn để có thể quyết định cho phép hay không cho phép đầu tư thêm dự*

án vào một vùng nhất định.” (Mai Thế Toàn, 2014); “Không cân nhắc đúng mức các vấn đề nhạy cảm với môi trường khi lựa chọn vị trí triển khai dự án, đặc biệt không đánh giá khả năng chịu tải môi trường và tính đặc thù của hệ sinh thái” (Lê Hoàng Lan, 2015);... Cơ sở dữ liệu nền về môi trường chưa đầy đủ cũng là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến những khó khăn, hạn chế cho đơn vị tư vấn khi thực hiện ĐTM và cho cơ quan có thẩm quyền khi thẩm định ĐTM.

Trong mục tiêu phòng ngừa ô nhiễm, bảo vệ môi trường, vai trò của công cụ ĐTM trong định hướng áp dụng công nghệ mới, công nghệ thân thiện môi trường cũng còn mờ nhạt. Theo báo cáo của Ủy ban KHCNMT Quốc hội năm 2017, tốc độ đổi mới công nghệ của doanh nghiệp Việt Nam rất thấp; đặc biệt, một số ngành, lĩnh vực như nhiệt điện, xi măng, mía đường, luyện cán thép, khai khoáng... vẫn sử dụng công nghệ, máy móc, thiết bị lạc hậu 2 - 3 thế hệ. Theo xếp hạng của Diễn đàn Kinh tế thế giới WEF [65], mức độ sẵn sàng về công nghệ của Việt Nam đứng ở vị trí thứ 79/137 quốc gia và vùng lãnh thổ; chuyển giao công nghệ thứ 89; hấp thu công nghệ doanh nghiệp thứ 93 và khả năng tiếp thu công nghệ mới chỉ đứng thứ 112/137 quốc gia.

Sử dụng công nghệ, máy móc, thiết bị lạc hậu là một trong những nguyên nhân chính gây ô nhiễm, phá huỷ môi trường ở nước ta. Theo quy định của Luật chuyển giao công nghệ 2017, dự án đầu tư có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định của pháp luật về BVMT có sử dụng công nghệ phải được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư. Trong khi đó, Luật BVMT 2014 và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực môi trường hiện nay chưa quy định cụ thể nội dung này. Trên thực tế, phân tích, lựa chọn phương án công nghệ sản xuất hầu như vắng bóng trong báo cáo ĐTM của các dự án đầu tư ở nước ta; việc lựa chọn phương án, công nghệ trong báo cáo ĐTM, nếu có, chỉ liên quan đến phần công nghệ xử lý chất thải.

Cùng với việc quy định chưa rõ ràng về thẩm định công nghệ dự án đầu tư trong bảo vệ môi trường; việc thiếu các số liệu kiểm kê, thống kê về công nghệ sản xuất và tác động môi trường đặc trưng của các loại công nghệ đang ứng dụng của các cơ sở sản xuất thuộc các loại hình công nghiệp gây ô nhiễm môi trường cao đang hoạt động ở nước ta; thiếu các hướng dẫn kỹ thuật về công nghệ hiện có tốt nhất (BAT) trong điều kiện Việt Nam; thiếu quy định, yêu cầu xem xét đầu tư

dự án chưa gắn liền với sức chịu tải của môi trường thực hiện... cũng là những nguyên nhân dẫn đến hạn chế của ĐTM trong việc định hướng áp dụng công nghệ mới, công nghệ thân thiện môi trường để cải thiện ô nhiễm, nâng cao chất lượng môi trường sống.

Thứ năm, rủi ro đối với các nhà đầu tư dự án ở Việt Nam. Về nguyên tắc, chính sách ĐTM không chỉ có vai trò quan trọng đối với cơ quan quản lý nhà nước trong việc cân nhắc, ra quyết định chấp thuận, cho phép thực hiện dự án đầu tư nhưng không gây hại hoặc gây hại trong mức có thể chấp nhận đối với môi trường; mà còn rất quan trọng đối với bản thân các nhà đầu tư, chủ dự án vì những chi phí lợi ích liên quan đến kinh tế - môi trường - xã hội. Chính sách ĐTM hiệu quả thể hiện trong việc nâng cao chất lượng quản lý, bảo vệ môi trường, nhưng vẫn bảo đảm năng lực cạnh tranh quốc gia, tạo môi trường thuận lợi, ổn định cho nhà đầu tư dự án.

Trong những năm gần đây, các nhà đầu tư dự án ở Việt Nam cũng phải đối mặt với nhiều rủi ro đầu tư trong bối cảnh các chính sách về đầu tư, môi trường và xã hội cũng như các yêu cầu của thị trường quốc tế ngày càng khắt khe. Thực tế, nhiều doanh nghiệp đã mất các khoản đầu tư do không giải quyết được các vướng mắc về pháp lý, không đáp ứng được hoặc đáp ứng không kịp các yêu cầu đối với việc bảo vệ môi trường hoặc không giải quyết được các xung đột với cộng đồng sở tại. Đỗ Tiến sỹ và cộng sự (2019), trong nghiên cứu về mô hình đánh giá sự sẵn sàng đầu tư của khu vực tư nhân trong các dự án PPP giao thông ở Việt Nam [20] đã xác định “Sự chậm trễ trong phê duyệt và cấp phép” và “Sự thay đổi trong pháp luật và các quy định” là 2 trong số 33 nhân tố rủi ro liên quan đến thực hiện dự án PPP ở Việt Nam; đồng thời xác định “Hiệu quả của ĐTM” là một trong các tiêu chí sẵn sàng đầu tư của các nhà đầu tư tư nhân vào các dự án PPP giao thông ở Việt Nam.

Bên cạnh những rủi ro cho nhà đầu tư vì vướng mắc trong quy định về thời điểm ĐTM giữa các luật BVMT, luật đầu tư, xây dựng (như đã phân tích trong vấn đề Thứ nhất); các quy định về tổ chức tư vấn, quy trình thực hiện ĐTM, nội dung ĐTM... trong các văn bản pháp luật chưa rõ ràng, thường xuyên thay đổi cũng khiến nhà đầu tư gặp nhiều khó khăn trong quá trình tìm hiểu và thực hiện thủ tục. TS. Nguyễn Khắc Kinh (2016) cũng chỉ ra rằng *“trong khi cơ quan quản lý không cung cấp đủ cơ sở thông tin, dữ liệu cần thiết về tình trạng môi trường trong thời điểm hiện tại và dự báo cho các thời kỳ khác nhau trong tương lai, thì lại bắt các nhà đầu tư phải tự làm việc này khi thực hiện ĐTM. Đây là điều không*

tưởng, bởi vì nhà đầu tư không thể làm được trong khoảng thời gian nhất định do tính đặc thù của thông tin, dữ liệu về môi trường. Hệ lụy là nhà đầu tư (hoặc tư vấn được thuê) tự đo đạc hoặc lấy vài mẫu trong một vài ngày để đánh giá tình trạng hiện tại và dự báo tình trạng trong tương lai của môi trường...”

Đặc biệt, xét về tính hiệu lực pháp lý, việc coi ĐTM là công cụ quản lý xuyên suốt vòng đời dự án như hiện nay - vừa là căn cứ để quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy phép xây dựng, cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản, cấp giấy chứng nhận đầu tư (với các dự án còn lại) theo Điều 25 Luật BVMT; vừa là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án theo Điều 1 Nghị định 40/2019/NĐ-CP của Chính phủ (được hiểu là căn cứ gần như duy nhất để quản lý, kiểm soát môi trường trong suốt quá trình triển khai dự án và “cả đời” của một cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ) - đã khiến các nhà đầu tư phải tốn kém chi phí, mất nhiều thời gian, công sức xin phép cơ quan có thẩm quyền mỗi khi có bất kỳ sự điều chỉnh, thay đổi nào trong quá trình thực hiện dự án trên thực tế hoặc đối mặt với rủi ro bị xử phạt vi phạm hành chính vì có những thay đổi để phù hợp với tình hình, yêu cầu thực tế nhưng không đúng với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt từ trước rất lâu.

Bảng 3.2. Hiện trạng bất cập - vấn đề tồn tại - nguyên nhân cốt lõi đối với chính sách ĐTM ở Việt Nam

TT	Hiện trạng/ bất cập	Vấn đề tồn tại	Nguyên nhân cốt lõi
1	Sự lúng túng, bối rối của cả cơ quan quản lý và các chủ dự án ngay từ quá trình xác định thời điểm thực hiện, thẩm định, phê duyệt ĐTM.	Luật BVMT 2014 quy định quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM là căn cứ để cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án, cấp giấy phép xây dựng... Tuy nhiên, luật Đầu tư, Đầu tư công 2014 không yêu cầu nhà đầu tư phải nộp quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM trong hồ sơ đề nghị phê duyệt chủ trương đầu tư, chỉ yêu cầu đánh giá sơ bộ tác động môi trường	Quan điểm tiếp cận về ĐTM (xác định vai trò, quy trình ĐTM) chưa rõ ràng, phù hợp.
2	Các sự cố môi trường liên tiếp xảy ra, tác động trên diện rộng, đã ra gây ra hậu quả lớn về kinh tế, xã hội, môi trường trước mắt và lâu dài	Báo cáo ĐTM của các dự án còn sơ sài, chất lượng thấp; các vấn đề, tác động môi trường của dự án chưa được nhận diện, dự báo, đánh giá đầy đủ.	- Quy định về ĐTM chưa hoàn thiện. - Năng lực đơn vị tư vấn ĐTM kém. - Công tác thẩm định ĐTM hạn chế. - Kinh phí đầu tư thực hiện ĐTM thấp.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

TT	Hiện trạng/ bất cập	Vấn đề tồn tại	Nguyên nhân cốt lõi
		Ý thức, trách nhiệm thực thi các cam kết BVMT của chủ dự án nêu trong Báo cáo ĐTM còn thấp.	Ý thức trách nhiệm của chủ dự án thấp.
3	Nhiều dự án đầu tư tuy đã được thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM, cơ quan có thẩm quyền đã cấp phép đầu tư, nhưng ngay trong giai đoạn đầu thực hiện dự án đã phải tạm dừng, xem xét, đánh giá lại các tác động... do phát sinh các vấn đề môi trường, xã hội	Yếu tố tác động môi trường xã hội chưa được xem xét, đánh giá, dự báo đầy đủ, đúng mức trong các báo cáo ĐTM.	Quy định về đánh giá tác động xã hội trong ĐTM chưa rõ ràng.
		Hiệu quả công tác tham vấn cộng đồng trong quá trình thực hiện ĐTM của các dự án còn hạn chế, bất cập.	Quy định tham vấn cộng đồng trong ĐTM hạn chế.
4	Ô nhiễm môi trường, suy thoái đa dạng sinh học ở nước ta trong những năm trở lại đây vẫn gia tăng, đặc biệt tại các khu vực trọng điểm phát triển kinh tế, các khu vực nhạy cảm môi trường. Hiệu quả ĐTM trong việc phòng ngừa, bảo vệ môi trường còn thấp.	ĐTM các dự án thuộc loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, ĐTM các dự án trong các khu vực phát triển kinh tế, các khu vực nhạy cảm môi trường... hầu như không có tính đặc thù; việc nhận diện, xác định vấn đề và đánh giá các tác động chỉ tập trung vào vấn đề không thực sự quan trọng, thiếu tính trọng tâm, trọng điểm.	Chưa phân cấp, quy định ĐTM phù hợp cho từng nhóm loại hình dự án theo nguy cơ, mức độ tác động môi trường.
		Việc lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM của từng dự án về cơ bản được thực hiện một cách độc lập, đơn lẻ, không đặt trong bối cảnh khu vực; không đánh giá hoặc đánh giá chưa đầy đủ, toàn diện các tác động tích lũy, tác động tổng hợp; chưa xem xét sức chịu tải của môi trường tiếp nhận...	Thiếu các quy định về đánh giá tác động tích lũy, tác động tổng hợp trong ĐTM.
		Vai trò của công cụ ĐTM trong định hướng áp dụng công nghệ mới, công nghệ thân thiện môi trường cũng còn mờ nhạt	Quy định về ĐTM chưa tiếp cận định hướng công nghệ hiện có tốt nhất.
		Cơ sở dữ liệu nền về môi trường thiếu, không đầy đủ	Cơ sở dữ liệu, thông tin về môi trường nền thiếu, hạn chế.
5	Rủi ro đối với các nhà đầu tư dự án ở Việt Nam	Các quy định về tổ chức tư vấn, quy trình thực hiện ĐTM, nội dung ĐTM... trong các văn bản pháp luật chưa rõ ràng, lại thường xuyên thay đổi	Quy định ĐTM còn hạn chế, bất cập.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

TT	Hiện trạng/ bất cập	Vấn đề tồn tại	Nguyên nhân cốt lõi
		Coi ĐTM là công cụ quản lý xuyên suốt vòng đời dự án như hiện nay - vừa là căn cứ để quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy phép xây dựng, cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản, cấp giấy chứng nhận đầu tư; vừa là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án trong suốt quá trình hoạt động.	Quan điểm tiếp cận về ĐTM (xác định vai trò, quy trình của ĐTM) chưa phù hợp.

3.1.3. Những vấn đề cốt lõi cần giải quyết trong quá trình hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM ở Việt Nam

a) Quan điểm tiếp cận về ĐTM

Trải qua gần 30 năm với nhiều lần sửa đổi, điều chỉnh các quy định pháp luật về ĐTM, trước những vướng mắc, bất cập, tồn tại như đã phân tích nêu trên, cho thấy, một trong những vấn đề cốt lõi cần giải quyết triệt để để hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM ở Việt Nam là quan điểm tiếp cận đối với ĐTM.

Rõ ràng, với bản chất là “dự báo có tính khoa học”, trong điều kiện các cơ sở dữ liệu môi trường còn hạn chế, việc coi ĐTM là công cụ vận năng và quy định quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM có hiệu lực pháp lý xuyên suốt vòng đời dự án đầu tư (là căn cứ phê duyệt chủ trương đầu tư; là căn cứ giám sát, kiểm tra, thanh tra dự án trong toàn bộ các giai đoạn vòng đời dự án...) là cách tiếp cận cứng nhắc, dẫn đến nhiều bất cập. Đồng thời, việc đánh đồng ĐTM là một thủ tục hành chính, chỉ cần một lần xem xét, đánh giá, lập báo cáo trong thời điểm chuẩn bị dự án/nghiên cứu tiền khả thi; thẩm định, phê duyệt trong một thời gian ngắn và “gán” hiệu lực cho toàn bộ vòng đời dự án cũng đã vô hình chung làm sai lệch vai trò, vị trí, bản chất của ĐTM.

Tác động và sự biến đổi môi trường do các hoạt động của dự án từ giai đoạn xem xét đầu tư đến các giai đoạn thi công xây dựng, vận hành hoạt động thực tế chỉ có thể dần sáng tỏ và nhận định một cách chính xác nhất trong sự phát triển theo vòng đời dự án. Để giám sát, kiểm soát môi trường, phòng ngừa ô nhiễm môi trường hiệu quả đối với dự án đầu tư, không thể giải quyết tất cả các vấn đề chỉ trong một công cụ quản lý là ĐTM mà còn phải có sự kết hợp các công cụ quản lý môi trường hữu hiệu, phù hợp trong từng giai đoạn.

Làm rõ quan điểm tiếp cận ĐTM, xác định rõ vai trò, vị trí, bản chất, cách thức thực hiện ĐTM trong vòng đời dự án đầu tư phù hợp với điều kiện Việt Nam và hài hoà với thông lệ, kinh nghiệm quốc tế là một trong những điểm mấu chốt để bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật ở nước ta (giữa luật BVMT và các luật chuyên ngành như luật đầu tư, đầu tư công, xây dựng...) và giải quyết những vướng mắc, bất cập và tồn tại hiện hành. Đối với hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường, quan điểm này cũng phải được thể hiện rõ ràng, xuyên suốt, thống nhất giữa các cấp độ Luật, Nghị định và Thông tư.

b) Sàng lọc dự án đầu tư, thực hiện ĐTM và nội dung báo cáo ĐTM

- Về sàng lọc dự án đầu tư

Việc sàng lọc dự án đầu tư được điều chỉnh bởi Luật BVMT năm 2014, Nghị định số 18/2015/NĐ-CP “*Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường*” và gần đây nhất, được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 40/2019/NĐ-CP. Việc sàng lọc dự án đầu tư hiện nay ở nước ta được thực hiện theo phương pháp danh mục, trong danh mục đã tính đến các tiêu chí, yếu tố về loại hình sản xuất, quy mô, công suất, mức độ cần bảo vệ của môi trường thực hiện dự án. Tuy nhiên, có thể thấy sàng lọc môi trường thiếu vấn đề xã hội và các tiêu chí kèm theo. Đồng thời, các tiêu chí được xem xét riêng rẽ, độc lập; dẫn đến việc sàng lọc dự án đầu tư để thực hiện ĐTM, phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường trong giai đoạn xem xét đầu tư nói riêng và các giai đoạn trong vòng đời dự án nói chung chưa thực sự gắn liền với mức độ tác động môi trường của dự án.

- Về thực hiện ĐTM và nội dung báo cáo ĐTM

Việc thực hiện ĐTM và nội dung báo cáo ĐTM đã được quy định trong Luật BVMT 2014, Nghị định số 18/2015/NĐ-CP và được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 40/2019/NĐ-CP. Trên cơ sở các quy định hiện hành (bảng 3.1), thực trạng và hiệu quả ĐTM hiện nay, vấn đề thực hiện ĐTM, nội dung báo cáo ĐTM cần được xem xét, quy định, làm rõ theo hướng: i) bảo đảm sự thống nhất giữa luật BVMT và các luật Đầu tư, Đầu tư công... trong các bước thực hiện ĐTM; ii) quy trình thực hiện ĐTM, nội dung báo cáo ĐTM cần tương ứng với mức độ tác động, nguy cơ gây ô nhiễm môi trường của dự án đầu tư; có tính trọng tâm, trọng điểm; nâng cao tính chủ động trong việc thực hiện ĐTM và chất lượng báo cáo

ĐTM...

c) Sự tham gia của cộng đồng trong quá trình thực hiện, thẩm định, phê duyệt ĐTM

Các quy định về tham vấn cộng đồng trong quá trình thực hiện ĐTM đã có những sửa đổi, bổ sung để phù hợp, cụ thể và rõ ràng hơn (bảng 3.1). Tuy nhiên, với các quy định hiện hành (tham vấn khi đã thực hiện xong việc lập báo cáo ĐTM, tham vấn với hình thức gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan quản lý, họp cộng đồng dân cư...), hiệu quả hoạt động tham vấn của ĐTM vẫn còn nhiều hạn chế; sự tham gia của cộng đồng dân cư, các đối tượng bị ảnh hưởng trong giai đoạn hình thành ý tưởng, thiết kế dự án hầu như không có; tình trạng phản đối, cản trở, khiếu nại của các cộng đồng dân cư bị ảnh hưởng trong quá trình triển khai giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng còn tồn tại ở nhiều địa phương...

Sự tham gia của cộng đồng dân cư, các đối tượng bị ảnh hưởng trực tiếp, gián tiếp trong quá trình thiết kế dự án, đánh giá tác động môi trường là yếu tố quan trọng góp phần bảo đảm tính khả thi, bền vững của dự án. Do đó, trong quá trình hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM, nội dung tham vấn cộng đồng, công khai thông tin cũng phải được rà soát, sửa đổi, bổ sung một cách toàn diện, thống nhất về đối tượng, hình thức, nội dung, cách thức tham vấn... để tăng cường sự tham gia của các bên liên quan và nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động tham vấn.

d) Thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM; điều chỉnh ĐTM, thực hiện lại ĐTM

Trong quá trình xem xét, hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư, các quy định về thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM; điều chỉnh ĐTM, thực hiện lại ĐTM cũng cần được rà soát, sửa đổi bổ sung để phù hợp, hiệu quả hơn nếu cần. Việc thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM cần bảo đảm chất lượng, tính thống nhất; phù hợp với vai trò, bản chất của ĐTM và phù hợp điều kiện năng lực quản lý môi trường của các cơ quan quản lý; tăng cường vai trò, trách nhiệm quản lý toàn diện của cơ quan quản lý cấp tỉnh theo chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước hiện nay. Các quy định điều chỉnh ĐTM, thực hiện lại ĐTM phải chặt chẽ để kiểm soát, phòng ngừa ô nhiễm môi trường, nhưng đồng thời cũng phải phù hợp với tình hình thực tế, tạo sự thuận lợi, tối giản gây khó khăn, vướng mắc cho các nhà đầu tư.

e) Tăng cường năng lực tư vấn, thẩm định, các yếu tố hỗ trợ ĐTM và cơ chế phối hợp trong thực hiện, thẩm định, phê duyệt ĐTM

Chất lượng và hiệu quả ĐTM phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố, bao gồm: thể chế, chính sách, nguồn lực (nhân lực, tài chính...), điều kiện... với sự tham gia của nhiều bên liên quan có vai trò, cấp độ, mức độ khác nhau. Để giải quyết các tồn tại, vướng mắc, hướng đến công tác ĐTM hiệu quả, ĐTM phải được tiếp cận một cách tổng thể và toàn diện. Năng lực tư vấn, thẩm định, các yếu tố hỗ trợ ĐTM (ví dụ cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin về môi trường; trình độ khoa học kỹ thuật công nghệ; các hướng dẫn kỹ thuật...) và cơ chế phối hợp trong thực hiện, thẩm định, phê duyệt ĐTM cũng phải được quan tâm đúng mức trong quá trình hoàn thiện cơ sở pháp lý, hệ thống quy định pháp luật về ĐTM.

f) ĐTM tổng hợp, ĐTM xuyên biên giới

Vấn đề môi trường nói chung, tác động môi trường nói riêng không phụ thuộc vào ranh giới hành chính của một khu vực, một vùng hay một quốc gia. Chất lượng môi trường suy giảm, môi trường bị ô nhiễm có thể là hậu quả do tác động của một dự án đầu tư cụ thể; có thể là hệ quả tổng hợp từ tác động của nhiều dự án cùng hoạt động trong một khu vực, một vùng tập trung; hay cũng có thể là vấn đề ô nhiễm xuyên biên giới do tác động của một dự án đầu tư nằm ở quốc gia láng giềng. Tuy nhiên, các văn bản pháp luật hiện hành chưa quy định vấn đề ĐTM tổng hợp, ĐTM xuyên biên giới.

Để đáp ứng các yêu cầu bảo vệ môi trường trong thời kỳ mới hiện nay, công tác, nguồn lực, cơ chế phối hợp, thực hiện ĐTM tổng hợp, ĐTM xuyên biên giới cần được quan tâm, quy định, tạo hành lang pháp lý để hoàn thiện công tác BVMT nói chung và công tác ĐTM nói riêng trong tương lai.

3.2. Quy định pháp luật và thực trạng kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động

3.2.1. Quy định pháp luật hiện hành về các công cụ quản lý sau ĐTM ở Việt Nam

Theo quy định pháp luật hiện hành, trong giai đoạn chuẩn bị dự án, nếu không tính tới các công cụ quản lý có tính sàng lọc vĩ mô như Quy hoạch BVMT, đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC), thì ĐTM hiện là công cụ duy nhất để

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

sàng lọc, phòng ngừa, kiểm soát môi trường đối với một dự án đầu tư. Tuy nhiên, bước vào giai đoạn thực hiện dự án (sau ĐTM), thống kê sơ bộ trong Luật BVMT 2014, các văn bản dưới luật và trong một số văn bản luật của lĩnh vực khác có liên quan cho thấy, hiện có khoảng hơn 15 công cụ quản lý môi trường được quy định để kiểm soát, giám sát môi trường đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động; cơ bản là các công cụ có tính bắt buộc, một số đi kèm với yêu cầu về thủ tục hành chính (TTHC) (bảng 3.3, hình 3.7).

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

Bảng 3.3. Tổng hợp các công cụ quản lý môi trường đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động theo quy định của Luật BVMT 2014, các văn bản dưới luật và một số văn bản luật trong lĩnh vực khác có liên quan (tài nguyên nước, thủy lợi)

TT	Công cụ QLMT	Điều, khoản quy định trong Luật	Đối tượng thực hiện/ Nội dung quy định	Quy định trong văn bản QPPL dưới Luật	Tính bắt buộc hoặc khuyến khích thực hiện/ Quy định về TTHC	Ghi chú
1	Đánh giá tác động môi trường¹	Điều 18-28, Luật BVMT 2014	- <i>Đối tượng thực hiện:</i> quy định tại cột 3 Phụ lục II Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/2019/NĐ-CP. - <i>Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM bao gồm:</i> Thông tin dự án; các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án; các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án (chi tiết phương án, thông số kỹ thuật...); chương trình quản lý và giám sát môi trường; các điều kiện có liên quan đến MT (nếu có).	Điều 12-17, Nghị định 18/2015/NĐ-CP; sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 40/2019/NĐ-CP	Bắt buộc/TTHC	Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM có hiệu lực pháp lý bắt buộc thực hiện, là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về BVMT của dự án.
2	Kế hoạch BVMT²	Điều 29-34, Luật BVMT 2014	- <i>Đối tượng thực hiện:</i> a) Dự án đầu tư mới hoặc dự án đầu tư mở rộng quy mô, nâng công suất có tổng quy mô, công suất của cơ sở đang hoạt động và phần đầu tư mới thuộc đối tượng quy định tại cột 5 Phụ lục II Mục I ban hành kèm theo Nghị định 40/2019/NĐ-CP;	Điều 18-19, Nghị định 18/2015/NĐ-CP; sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 40/2019/NĐ-CP	Bắt buộc/TTHC	

¹ Báo cáo ĐTM được thẩm định, phê duyệt và Kế hoạch BVMT được cơ quan QLNN có thẩm quyền xác nhận trong giai đoạn chuẩn bị dự án; tuy nhiên do các quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM, xác nhận Kế hoạch BVMT có hiệu lực pháp lý ngay cả khi cơ sở sản xuất, kinh doanh đã đi vào hoạt động, là căn cứ để cơ quan QLNN có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động BVMT của cơ sở nên vẫn được tổng hợp, thống kê trong bảng này.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

TT	Công cụ QLMT	Điều, khoản quy định trong Luật	Đối tượng thực hiện/ Nội dung quy định	Quy định trong văn bản QPPL dưới Luật	Tính bắt buộc hoặc khuyến khích thực hiện/ Quy định về TTHC	Ghi chú
			b) Dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc dự án, phương án đầu tư mở rộng quy mô, nâng công suất các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, có phát sinh lượng nước thải từ 20 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 500 m ³ /ngày (24 giờ) hoặc chất thải rắn từ 01 tấn/ngày (24 giờ) đến dưới 10 tấn/ngày (24 giờ) hoặc khí thải từ 5.000 m ³ khí thải/giờ đến dưới 20.000 m ³ khí thải/giờ (bao gồm cả cơ sở đang hoạt động và phần mở rộng) trừ các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy định tại cột 3 Phụ lục II Mục I ban hành kèm theo Nghị định 40/2019/NĐ-CP.			
3	Xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường	Khoản 2 Điều 27 và Khoản 2 Điều 28, Luật BVMT 2014	- <i>Đối tượng thực hiện:</i> quy định tại cột 4 Phụ lục II Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định. - <i>Trình tự, thủ tục:</i> quy định tại Nghị định 40/2019/NĐ-CP, bao gồm các bước: thông báo kế hoạch vận hành công trình BVMT, báo cáo kết quả vận hành công trình BVMT, kiểm tra, đánh giá và xác nhận hoàn thành công trình BVMT.	Điều 16, 17 Nghị định 18/2015/NĐ-CP; sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 40/2019/NĐ-CP	Bắt buộc/TTHC	
4	Hệ thống quản lý môi trường	Khoản 3 Điều 68, Luật BVMT 2014	- <i>Đối tượng thực hiện:</i> Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát sinh lượng chất thải lớn, nguy cơ ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi	Điều 25-30, Nghị định 19/2015/NĐ-CP;	Bắt buộc/(TTHC)	Nghị định 19/2015/NĐ-CP quy định TTHC

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

TT	Công cụ QLMT	Điều, khoản quy định trong Luật	Đối tượng thực hiện/ Nội dung quy định	Quy định trong văn bản QPPL dưới Luật	Tính bắt buộc hoặc khuyến khích thực hiện/ Quy định về TTHC	Ghi chú
			<p>trường phải được xác nhận hệ thống quản lý môi trường theo quy định của Chính phủ.</p> <p>- Các thức thực hiện: hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001.</p> <p>- Thời điểm thực hiện: Thời hạn hoàn thành hệ thống quản lý môi trường đối với các đối tượng được quy định như sau:</p> <p>a) Trong thời hạn 02 năm kể từ ngày dự án đi vào vận hành;</p> <p>b) Trước ngày 31 tháng 12 năm 2020 đối với các cơ sở đang hoạt động.</p>	<p>được sửa đổi bổ sung tại Khoản 18 Điều 2 Nghị định 40/2019/NĐ-CP.</p>		<p>xác nhận hệ thống quản lý môi trường. Nghị định 40/2019/NĐ-CP không quy định TTHC đối với công cụ này, chuyển sang hình thức bắt buộc áp dụng Tiêu chuẩn ISO 14001. (Tuy nhiên, mở rộng đối tượng nhiều hơn Luật BVMT 2014.)</p>
5	Phương án bảo vệ môi trường	Điều 67, 68, 69, 93 Luật BVMT 2014	<p>- Đối tượng thực hiện: Cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, cơ sở đang hoạt động có loại hình, quy mô tương đương đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.</p> <p>- Phương án bảo vệ môi trường là kế hoạch quản lý môi trường được lập và triển khai thực hiện trong toàn bộ quá trình hoạt động của cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, cơ sở đang hoạt động và làng nghề.</p>	Điều 21-24, Thông tư 31/2016 /TT-BTNMT về BVMT cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	Bắt buộc/Không quy định về TTHC (chủ dự án tự xây dựng, lưu giữ, cập nhật và thực hiện)	

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

TT	Công cụ QLMT	Điều, khoản quy định trong Luật	Đối tượng thực hiện/ Nội dung quy định	Quy định trong văn bản QPPL dưới Luật	Tính bắt buộc hoặc khuyến khích thực hiện/ Quy định về TTHC	Ghi chú
6	Kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường	Khoản 1 Điều 108 Luật BVMT 2014	- <i>Đối tượng thực hiện:</i> Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, phương tiện vận tải có nguy cơ gây ra sự cố môi trường phải lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường. - <i>Yêu cầu thực hiện:</i> Không quy định rõ về TTHC. Khoản 4 Điều 1 Nghị định 40/2019/NĐ-CP quy định Nội dung chính của báo cáo ĐMT có phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong quá trình thi công xây dựng, vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành.	Khoản 4 Điều 1 Nghị định 40/2019/NĐ-CP	Bắt buộc/ Không quy định rõ về TTHC	
7	Kế hoạch quản lý môi trường		- <i>Đối tượng thực hiện:</i> Chủ dự án sau khi báo cáo ĐTM được phê duyệt phải lập kế hoạch quản lý môi trường của dự án trên cơ sở chương trình quản lý và giám sát môi trường đã đề xuất trong báo cáo ĐTM và niêm yết công khai tại trụ sở UBND cấp xã nơi tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện ĐTM.	Điều 16, Nghị định 18/2015/NĐ-CP; sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 40/2019/NĐ-CP	Bắt buộc/ Không quy định về TTHC (chủ cơ sở tự lập)	Hiện bãi bỏ theo quy định tại Nghị định 40/2015/NĐ-CP
8	Đăng ký sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Khoản 1 Điều 90, Luật BVMT 2014	- <i>Đối tượng thực hiện:</i> Chủ nguồn thải chất thải nguy hại phải lập hồ sơ về chất thải nguy hại và đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cấp tỉnh.	Điều 6 Nghị định 38/2015/NĐ-CP	Bắt buộc/TTHC	
9	Kiểm toán môi trường	Khoản 7 Điều 6, Luật BVMT 2014	- <i>Những hoạt động bảo vệ môi trường được khuyến khích:</i> thực hiện kiểm toán môi trường.		Khuyến khích	

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

TT	Công cụ QLMT	Điều, khoản quy định trong Luật	Đối tượng thực hiện/ Nội dung quy định	Quy định trong văn bản QPPL dưới Luật	Tính bắt buộc hoặc khuyến khích thực hiện/ Quy định về TTHC	Ghi chú
10	Giấy phép xử lý chất thải nguy hại	Khoản 2, 3 Điều 90, Luật BVMT 2014	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện và có giấy phép mới được xử lý chất thải nguy hại. - Bộ TNMT quy định danh mục chất thải nguy hại và cấp phép xử lý CTNH. - Yêu cầu, điều kiện để cấp giấy phép; trình tự, thủ tục cấp giấy phép xử lý CTNH quy định tại các Nghị định 38/2015/NĐ-CP, 136/2018/NĐ-CP, 40/2019/NĐ-CP và Thông tư 36/2015/TT-BTNMT. 	Điều 9-12 Nghị định 38/2015/NĐ-CP; sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 40/2019/NĐ-CP.	Bắt buộc/TTHC	Đối với dự án xử lý CTNH (bao gồm cả dự án có công đoạn xử lý rác thải sinh hoạt và chất thải công nghiệp thông thường), việc kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình BVMT được thực hiện theo quy trình cấp Giấy phép xử lý CTNH. Giấy phép xử lý CTNH thay thế giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT.
11	Giấy phép xả khí thải công nghiệp		<ul style="list-style-type: none"> - <i>Đối tượng thực hiện:</i> Dự án, cơ sở có phát sinh khí thải công nghiệp và thuộc đối tượng phải kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phải có giấy phép xả khí thải công nghiệp. - <i>Cách thức thực hiện:</i> chưa quy định TTHC. 	Điều 46, Nghị định 19/2015/NĐ-CP; sửa đổi bổ sung tại Nghị định 40/2019/NĐ-CP	Bắt buộc	Chưa triển khai trên thực tế

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

TT	Công cụ QLMT	Điều, khoản quy định trong Luật	Đối tượng thực hiện/ Nội dung quy định	Quy định trong văn bản QPPL dưới Luật	Tính bắt buộc hoặc khuyến khích thực hiện/ Quy định về TTHC	Ghi chú
12	Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước	Điều 37, Luật Tài nguyên nước 2012	<p>- <i>Đối tượng thực hiện:</i> Tổ chức, cá nhân xả nước thải vào nguồn nước, trừ trường hợp: NTSH hộ gia đình; xả thải dưới 5m³/ngày đêm không chứa độc hại, phóng xạ; xả vào hệ thu gom, xử lý nước thải tập trung đã có giấy phép; nuôi trồng thủy sản với lưu lượng xả thải dưới 10.000m³/ngày trên sông, hồ, suối, biển.</p> <p>- <i>Cách thức thực hiện:</i> TTHC quy định tại Nghị định 201/2013/NĐ-CP và Thông tư 27/2014/TT-BTNMT.</p>	Nghị định 201/2013/NĐ-CP, Thông tư 27/2014/TT-BTNMT.	Bắt buộc/TTHC	
13	Giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi	Điều 44 Luật Thủy lợi 2017	<p>- <i>Đối tượng thực hiện:</i> Tổ chức, cá nhân xả nước thải vào công trình thủy lợi, trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ.</p> <p>- <i>Cách thức thực hiện:</i> TTHC quy định tại Nghị định 67/2018/NĐ-CP.</p>	Nghị định 67/2018/NĐ-CP	Bắt buộc/TTHC	
14	Quan trắc môi trường	Điều 121, 125, 127 Luật BVMT 2014	<p>- <i>Đối tượng thực hiện:</i> Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, làng nghề, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải thực hiện chương trình quan trắc phát thải và các thành phần môi trường; báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về BVMT theo quy định của pháp luật.</p> <p>- <i>Cách thức thực hiện:</i> Quan trắc tự động liên tục, quan trắc định kỳ.</p>	Nghị định 38/2015/NĐ-CP; sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 40/2019/NĐ-CP	Bắt buộc	

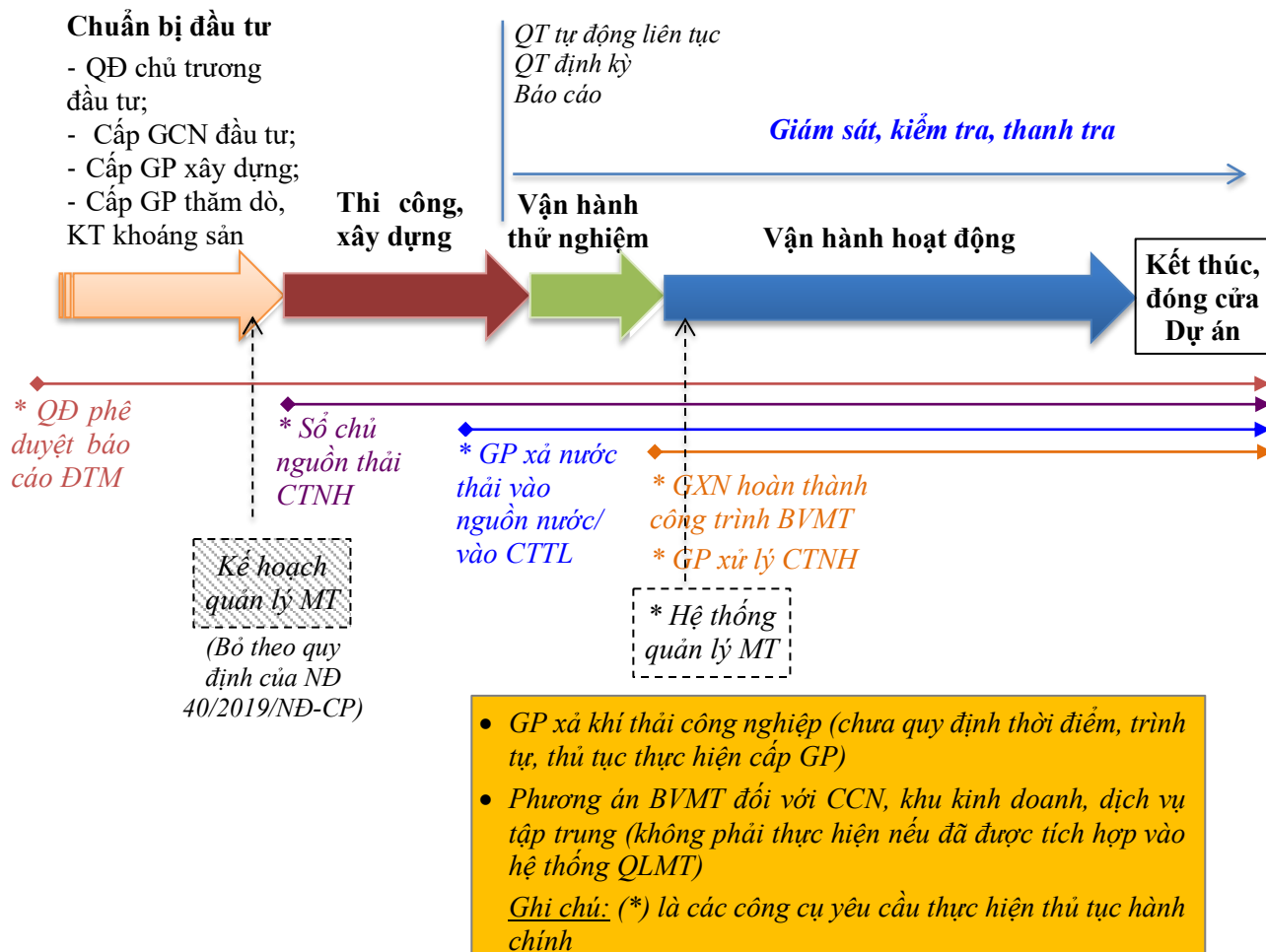
“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

TT	Công cụ QLMT	Điều, khoản quy định trong Luật	Đối tượng thực hiện/ Nội dung quy định	Quy định trong văn bản QPPL dưới Luật	Tính bắt buộc hoặc khuyến khích thực hiện/ Quy định về TTHC	Ghi chú
15	Báo cáo công tác BVMT	Luật BVMT 2014	<p>- <i>Đối tượng thực hiện:</i> Chủ dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ; Ban quản lý CCN, KCN, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung.</p> <p>- Các báo cáo định kỳ của chủ dự án, cơ sở và khu công nghiệp về: quan trắc và giám sát môi trường định kỳ, quan trắc tự động liên tục, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, quản lý chất thải nguy hại, quản lý phế liệu nhập khẩu, kết quả giám sát và phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản, hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và các báo cáo môi trường khác, được lồng ghép trong cùng một báo cáo công tác bảo vệ môi trường.</p>	Nghị định 18/2015/NĐ-CP; 19/2015/NĐ-CP; 38/2015/NĐ-CP; sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 40/2019/NĐ-CP; các thông tư trong lĩnh vực BVMT.	Bắt buộc	
16	Giám sát, kiểm tra, thanh tra	Luật BVMT 2014	<p>- Chủ dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ; Ban quản lý CCN, KCN, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung... kết nối, truyền số liệu quan trắc tự động, liên tục về Sở TNMT nơi thực hiện dự án.</p> <p>- Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, gây ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường, gây thiệt hại cho tổ chức và cá nhân khác, có trách nhiệm khắc phục ô nhiễm, phục hồi môi trường, bồi thường thiệt hại và xử lý theo quy định.</p>	Nghị định 155/2016/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT; Nghị định 38/2015/NĐ-CP; sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 40/2019/NĐ-CP	Bắt buộc	

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

TT	Công cụ QLMT	Điều, khoản quy định trong Luật	Đối tượng thực hiện/ Nội dung quy định	Quy định trong văn bản QPPL dưới Luật	Tính bắt buộc hoặc khuyến khích thực hiện/ Quy định về TTHC	Ghi chú
			- Cơ quan quản lý nhà nước thực hiện chức năng giám sát, kiểm tra, thanh tra hoạt động BVMT của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động.			
17	Quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường	Luật BVMT 2014	Các QCVN đối với chất thải (nước thải, khí thải...) của một số loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; các QCVN đối với thiết bị, công trình xử lý chất thải...	Các thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường	Bắt buộc	

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.



Hình 3.7. Quản lý môi trường sau ĐTM theo quy định pháp luật hiện hành

Song song với việc quy định các công cụ quản lý môi trường để kiểm soát, giám sát môi trường khi cơ sở sản xuất, kinh doanh đi vào hoạt động. Hệ thống pháp luật hiện hành của nước ta cũng có những quy định về trách nhiệm của các bên liên quan (chủ dự án; các cơ quan quản lý môi trường cấp Trung ương, địa phương; các cơ quan quản lý chuyên ngành; các tổ chức, cộng đồng dân cư) trong việc kiểm soát, giám sát môi trường tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động (bảng 3.4) và quy định về các chế tài cụ thể để xử lý các vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Theo đó, tùy vào hành vi, mức độ, đặc điểm vi phạm mà xem xét xử lý bằng các biện

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

pháp hành chính (theo Luật xử lý vi phạm hành chính và Nghị định 155/2016/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường), xử lý dân sự (theo Bộ luật Dân sự) hoặc xử lý hình sự (theo Bộ luật Hình sự).

Bảng 3.4. Trách nhiệm của các bên liên quan trong kiểm soát, giám sát môi trường tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động theo quy định pháp luật hiện hành

TT	Đối tượng	Trách nhiệm	Công cụ QLMT hỗ trợ	Ghi chú
1	Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh	- Tự kiểm soát, giám sát hoạt động BVMT và các hoạt động phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường của cơ sở.	- Chương trình, kế hoạch quản lý môi trường (báo cáo ĐTM); - Quan trắc môi trường; - Hệ thống quản lý môi trường.	Chịu trách nhiệm chính/mức độ cao và thường xuyên.
2	Cơ quan quản lý môi trường (Trung ương, địa phương)	- Kiểm soát chất thải phát sinh từ cơ sở để bảo đảm duy trì chất lượng môi trường nguồn tiếp nhận/môi trường khu vực. - Giám sát, kiểm tra, thanh tra hoạt động BVMT của cơ sở.	- Cấp, điều chỉnh các loại giấy phép về môi trường (giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT, giấy phép xả nước thải, sổ chủ nguồn thải CTNH, giấy phép xử lý CTNH...) - Quan trắc môi trường. - Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của cơ sở. - Kiểm tra, thanh tra hoạt động BVMT của cơ sở.	Chịu trách nhiệm chính/mức độ cao và thường xuyên.
3	Cơ quan quản lý chuyên ngành	- Giám sát, kiểm tra hoạt động BVMT của cơ sở thuộc ngành mình quản lý.	- Báo cáo về môi trường của cơ sở. - Kiểm tra, thanh tra hoạt động BVMT của cơ sở theo chức năng nhiệm vụ được giao.	Trách nhiệm phối hợp/mức độ thấp, không thường xuyên.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

TT	Đối tượng	Trách nhiệm	Công cụ QLMT hỗ trợ	Ghi chú
4	Cảnh sát môi trường	- Kiểm tra, phát hiện các hành vi vi phạm BVMT	- Kiểm tra hoạt động chấp hành pháp luật BVMT của cơ sở	Mức độ thấp, không thường xuyên.
5	Tổ chức xã hội, cộng đồng dân cư	- Giám sát, kiểm tra hoạt động BVMT của cơ sở trong khu vực.		Mức độ thường xuyên.

Hộp 3.4. Danh mục các loại hình sản xuất công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường

Nhóm I

1. Khai thác, làm giàu quặng khoáng sản độc hại;
2. Luyện kim; tinh chế, chế biến khoáng sản độc hại; phá dỡ tàu biển;
3. Sản xuất giấy, bột giấy, ván sợi (MDF, HDF);
4. Sản xuất hóa chất, phân bón hóa học (trừ loại hình phối trộn); thuốc bảo vệ thực vật hóa học;
5. Nhuộm (vải, sợi), giặt mài;
6. Thuộc da;
7. Lọc hóa dầu;
8. Nhiệt điện than, sản xuất than cốc, khí hóa than, điện hạt nhân;

Nhóm II

9. Xử lý, tái chế chất thải; sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất;
10. Có công đoạn xi mạ, làm sạch bề mặt kim loại bằng hóa chất;
11. Sản xuất pin, ắc quy;
12. Sản xuất clinker;

Nhóm III

13. Chế biến mũ cao su;
14. Chế biến tinh bột sắn; bột ngọt; bia, rượu, cồn công nghiệp;
15. Chế biến mía đường;
16. Chế biến thủy sản, giết mổ gia súc, gia cầm;
17. Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử.

(Nguồn: Phụ lục IIa, Mục I, Phụ lục Nghị định 40/2019/NĐ-CP)

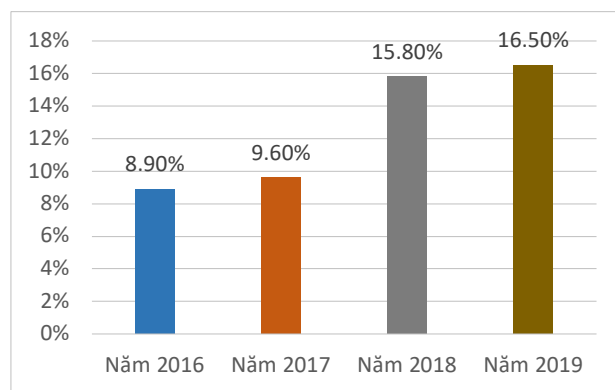
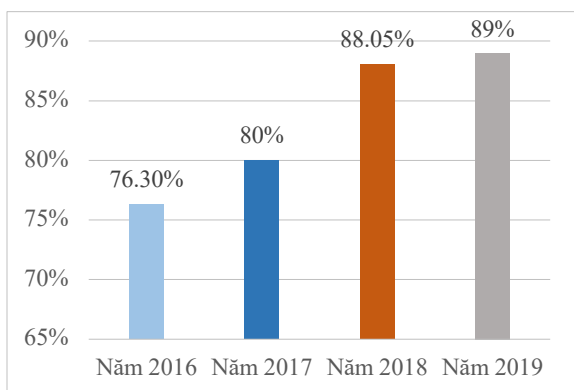
“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

3.2.2. Thực trạng kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động

Theo số liệu tổng hợp tại Báo cáo tổng kết 05 năm thực hiện Luật BVMT 2014 [1], tính đến hết năm 2019, cả nước có 372 khu công nghiệp (KCN) đã được thành lập, trong đó có 280 KCN đã đi vào hoạt động và 92 KCN đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản; 698 cụm công nghiệp (CCN) đang hoạt động. Trong số các KCN đang hoạt động, có 250/280 KCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung (đạt tỷ lệ 89%); có 32/63 địa phương trong cả nước, đặc biệt tại những địa phương có số lượng KCN lớn như TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, Long An, tỷ lệ số KCN có hệ thống xử lý nước thải đạt 100%. Việc đầu tư lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phục vụ việc theo dõi, giám sát, cảnh báo về môi trường đã được thực hiện với 219/250 KCN (đạt tỷ lệ 87,6%). Trong số 698 CCN đang hoạt động, chỉ có 276/698 CCN có báo cáo ĐTM hoặc đề án BVMT (đạt tỷ lệ 40%); 115 CCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung, trong đó 25/115 CCN có hệ thống quan trắc tự động nước thải (chỉ đạt tỷ lệ 21,7%).

Ngoài ra, cả nước hiện có 4.575 làng nghề, trong đó có 2.009 làng nghề và làng nghề truyền thống được công nhận; hàng chục các khu tổ hợp, liên hợp trong đó tập trung nhiều dự án, loại hình sản xuất về bauxite, gang thép, lọc hóa dầu, trung tâm điện lực; gần 120.000 cơ sở sản xuất công nghiệp; 13.674 cơ sở khám, chữa bệnh, trong đó có khoảng 1.253 bệnh viện; 31.668 trang trại nông nghiệp, trong đó có 19.639 trang trại chăn nuôi với khoảng 467 triệu con gia cầm, hơn 24 triệu con lợn.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.



a) Khu công nghiệp, khu chế xuất

b) Cụm công nghiệp

Hình 3.8. Tỷ lệ KCN, CCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 2016 – 2019 [1],

Xét riêng về đối tượng các cơ sở sản xuất, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, hiện trên cả nước có khoảng 1.677 cơ sở đang hoạt động; khu vực tập trung nhiều nhất là vùng Đông Nam Bộ với khoảng hơn 1.000 cơ sở, trong đó tính riêng tỉnh Bình Dương có đến 833 cơ sở. Do thực tiễn quá trình hình thành và phát triển, các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao nằm cả trong và ngoài các KCN tập trung, ví dụ, tỉnh Long An có 30/49 cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao nằm ngoài KCN, trong đó có 16 cơ sở sản xuất sắt thép, 10 cơ sở sản xuất giấy, bột giấy, 02 cơ sở dệt nhuộm và 02 cơ sở hóa chất; tỉnh Đồng Nai có 5/62 cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao nằm ngoài KCN...

Nhìn chung, chủ đầu tư dự án các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao đã có ý thức chấp hành thủ tục pháp lý về BVMT trong việc lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM, đề án BVMT, kế hoạch BVMT; đã xây dựng, vận hành các công trình BVMT theo báo cáo ĐTM được phê duyệt và thực hiện kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình BVMT; đã thực hiện quan trắc môi trường định kỳ và gửi kết quả quan trắc về Sở TNMT theo quy định...

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, việc kiểm soát, giám sát môi trường, đặc biệt tại các KCN, các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao vẫn

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

còn những tồn tại, khó khăn, cụ thể như sau [29]:

- *Việc tuân thủ các thủ tục pháp lý về BVMT của các chủ dự án vẫn còn nhiều hạn chế:* Tại các địa phương còn tồn tại khá nhiều KCN đã đi vào hoạt động nhưng chưa bảo đảm thủ tục pháp lý về BVMT theo quy định pháp luật: 65% KCN chưa được cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT; nhiều doanh nghiệp thứ cấp đã đi vào hoạt động trong các KCN nhưng chưa hoàn thiện hồ sơ, thủ tục pháp lý về BVMT. Ví dụ, trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, 32/880 cơ sở đã đi vào hoạt động trong các KCN chưa lập hồ sơ, thủ tục về BVMT; tại tỉnh Thái Nguyên, trong các KCN, còn tồn tại 06 dự án chưa được phê duyệt ĐTM hoặc đề án BVMT chi tiết, 19 dự án chưa được xác nhận kế hoạch BVMT, 08 dự án chưa đủ điều kiện được xác nhận hoàn thành công trình BVMT;...

Số lượng các cơ sở sản xuất quy mô nhỏ đang hoạt động ngoài KCN thuộc đối tượng có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao chưa bảo đảm thủ tục pháp lý về BVMT khá phổ biến; ví dụ: Thanh Hóa có 22/25 cơ sở sản xuất giấy đang hoạt động chưa được cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT; Thái Nguyên có 06/14 cơ sở chưa hoàn thiện thủ tục xác nhận hoàn thành công trình BVMT; Hưng Yên có 11 cơ sở chưa được xác nhận hoàn thành công trình BVMT... Đặc biệt tại tỉnh Bắc Ninh, 100% cơ sở sản xuất giấy, sản xuất thép quy mô nhỏ nằm trong các khu dân cư, làng nghề đều chưa lập hồ sơ môi trường.

- *Trong tuân thủ các quy định về xử lý chất thải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường:* Việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch tại một số KCN chưa hoàn chỉnh. Một số KCN đã đi vào hoạt động, thu hút đầu tư khi chưa bảo đảm hạ tầng BVMT: 11% KCN chưa xây dựng hệ thống XLNT tập trung; việc đấu nối, thu gom, xử lý nước thải, thoát nước mưa chảy tràn tại một số KCN còn bất cập, khó kiểm soát. Tại một số KCN, hệ thống XLNT tập trung vận hành chưa hiệu quả, chất lượng nước thải không ổn định, có thời điểm không đạt quy chuẩn xả thải; một số KCN chưa bố trí hồ ứng phó sự cố để kiểm soát nước thải trước khi xả ra môi trường.

- *Trong thực thi quy định về quan trắc môi trường, báo cáo:* còn khoảng 22%

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

số KCN chưa đầu tư lắp đặt hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục và truyền dữ liệu về Sở TNMT; một số KCN và cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao đã đầu tư hệ thống quan trắc tự động nước thải nhưng chưa truyền dữ liệu về Sở TNMT địa phương theo quy định. Thứ nhất là do hệ thống quan trắc tự động nước thải của cơ sở không phù hợp yêu cầu kỹ thuật về truyền dẫn số liệu của Sở TNMT địa phương; thứ hai là do Sở TNMT địa phương chưa hoàn thiện cơ sở hạ tầng để tiếp nhận số liệu quan trắc tự động của các nguồn thải trong địa bàn quản lý. Hệ thống quan trắc tự động, liên tục của các cơ sở chưa thực sự hoàn chỉnh, thiếu tính ổn định, chế độ duy tu bảo dưỡng chưa thường xuyên và hệ thống này cũng chưa phát huy tác dụng là công cụ kiểm soát ô nhiễm môi trường từ xa. Còn tồn tại những cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục nhưng chưa thực hiện theo quy định pháp luật.

Một số chủ đầu tư KCN chưa nghiêm túc trong việc lập, gửi báo cáo kết quả quan trắc định kỳ dẫn đến việc đánh giá diễn biến chất lượng môi trường tại các KCN chưa được đầy đủ và chính xác, khách quan. Một số cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao sử dụng chất lượng dịch vụ quan trắc môi trường không đảm bảo; chưa thực hiện chế độ báo cáo kết quả quan trắc môi trường định kỳ về Sở TNMT địa phương. Việc truyền dữ liệu quan trắc tự động về cơ quan quản lý hiện nay vẫn còn rất hạn chế, không đồng bộ, hệ thống kỹ thuật đầu tư tại Sở TNMT để tích hợp dữ liệu quan trắc tự động từ các doanh nghiệp chưa được đầu tư hoàn thành (tính đến giữa năm 2019, mới chỉ có khoảng 20 tỉnh đã thực hiện việc truyền dữ liệu và hình ảnh quan trắc môi trường tự động, liên tục về Sở TNMT).

- Trong công tác kiểm tra, thanh tra về BVMT, việc thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về BVMT đã được các cơ quan chức năng tiến hành thường xuyên, liên tục trong giai đoạn 2015-2019.

Tính riêng đối với Bộ TNMT, năm 2015 đã triển khai 07 Đoàn thanh tra với 1.045 đối tượng thanh tra về BVMT, 31 đối tượng thanh tra về BVMT và bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn 29 tỉnh/thành phố; xử phạt 706 đối tượng vi phạm với tổng số tiền phạt khoảng 80,2 tỷ đồng; năm 2016 đã tiến hành thanh tra chấp hành

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

pháp luật về môi trường đối với 929 cơ sở; lập biên bản và xử phạt vi phạm hành chính đối với 378 cơ sở với tổng số tiền xử phạt là 99,265 tỷ đồng; năm 2016 đã yêu cầu Công ty Formosa Hà Tĩnh bồi thường thiệt hại 500 triệu USD do sự cố gây hải sản chết hàng loạt tại các tỉnh ven biển miền Trung; năm 2017 đã tiến hành thanh tra chấp hành pháp luật về môi trường đối với 425 cơ sở trên địa bàn 21 tỉnh/thành phố theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất đối với 05 cơ sở. Kết quả đã lập biên bản và xử phạt vi phạm hành chính đối với 155 cơ sở với tổng số tiền xử phạt là 22,549 tỷ đồng; năm 2018: đã tổ chức thanh tra, kiểm tra đối với 282 cơ sở, trong đó thanh tra theo kế hoạch là 255 cơ sở, thanh tra đột xuất là 05 cơ sở; đã xử phạt đối với 102 cơ sở vi phạm với tổng số tiền là 20,224 tỷ đồng; năm 2019: đã triển khai thanh tra đối với 322 cơ sở; đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng mức phạt tiền là trên 20 tỷ đồng.

Ngoài Bộ TNMT, các cơ quan chức năng có thẩm quyền các cấp cũng đã tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. Số liệu năm 2019 cho thấy Bộ Công an đã phát hiện 26.640 vụ vi phạm pháp luật về môi trường, với 26.471 tổ chức, cá nhân; đã chuyển cơ quan Cảnh sát điều tra các cấp đề nghị khởi tố 375 vụ, 670 đối tượng; xử phạt vi phạm hành chính 21.889 vụ, số tiền trên 308,948 tỷ đồng. Bộ Y tế đã tổ chức các Đoàn kiểm tra liên ngành về công tác quản lý môi trường y tế tại 14 đơn vị trực thuộc Bộ Y tế và tại 21 tỉnh, thành phố; Bộ Quốc phòng tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật về BVMT đối với 07 công ty, Tổng công ty thuộc Tổng cục Hậu cần, Tổng cục Công nghiệp quốc phòng, Quân khu 7, Binh đoàn 15; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tổ chức 07 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên đề về BVMT trong hoạt động du lịch, tổ chức lễ hội tại 07 địa phương trên cả nước với 62 đơn vị...

Các kết quả thanh, kiểm tra trong lĩnh vực BVMT cho thấy, các vi phạm tập trung vào các nội dung như: Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các nội dung báo cáo ĐTM, hoặc cam kết BVMT (chiếm 68%); quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại không đúng theo quy định (chiếm 12%); xả nước thải vượt tiêu chuẩn cho phép (chiếm 5%); không có Giấy xác nhận hoàn thành công trình

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

BVMT trước khi đưa dự án vào vận hành; không lắp đặt thiết bị quan trắc tự động, liên tục; thực hiện không đúng chương trình giám sát môi trường định kỳ...

Việc thực hiện các kết luận kiểm tra, thanh tra cũng như khắc phục hậu quả do các hành vi vi phạm pháp luật về BVMT đối với KCN và CSONC chưa toàn diện, chưa quyết liệt. Một số cơ sở sản xuất chưa nghiêm túc thực hiện các kết luận thanh tra, kiểm tra, giám sát của các cơ quan có thẩm quyền, chậm khắc phục hậu quả nhưng cũng chưa được xử lý dứt điểm.

Hộp 3.5. Sự cố môi trường trong giai đoạn 2015-2019

Trong giai đoạn 2015 - 2019, các sự cố gây ô nhiễm môi trường tiếp tục diễn ra, nhiều vụ có phạm vi ảnh hưởng rộng và diễn biến phức tạp gây khó khăn cho quá trình xử lý, khắc phục. Phần lớn các sự cố môi trường xảy ra do một số chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh đổ thải trộm hoặc do công trình xử lý, lưu trữ chất thải của các cơ sở gặp sự cố, dẫn đến một lượng lớn chất thải chưa qua xử lý bị đưa vào môi trường. Điển hình như sự cố môi trường tại Khu liên hợp gang thép Formosa Hà Tĩnh gây ô nhiễm môi trường biển 04 tỉnh miền Trung là sự cố môi trường lớn, lần đầu tiên xảy ra trên diện rộng ở nước ta. Tiếp đó, đã xảy ra sự cố xả chất thải của Công ty Mía đường Hòa Bình và Công ty TNHH MTV Tân Hiếu Hưng gây cá chết hàng loạt trên sông Bưởi (Thanh Hóa) vào tháng 5/2016; sự cố tràn bùn từ hồ lắng quặng đuôi của Công ty Nhôm Đăk Nông - TKV; sự cố vỡ hồ chứa nước thải khai thác vàng của Công ty CP tập đoàn khoáng sản công nghiệp 6666 (Quảng Nam) tháng 3/2018; sự cố vỡ đập bờ bao hồ chứa chất thải của Nhà máy DAP số 2 (KCN Tầng Loong, Lào Cai) khiến khoảng 45.000 m³ nước và chất thải tràn ra ngoài gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới các hộ dân và môi trường nước mặt khu vực lân cận...

Đặc biệt, thời gian gần đây, liên tiếp các sự cố môi trường nghiêm trọng, không những ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe cộng đồng, còn đe dọa đến trật tự an ninh xã hội, điển hình như sự cố cháy nổ tại Công ty Cổ phần bóng đèn phích nước Rạng Đông, Hà Nội (tháng 8/2019) liên quan tới an toàn hóa chất và BVMT. Sự cố phát tán lượng thủy ngân ra ngoài môi trường ước khoảng 15,1 kg - 27,2 kg, đe dọa trực tiếp, nghiêm trọng đến sức khỏe con người, do đó toàn bộ dân cư trong phạm vi bán kính cách hàng rào nhà kho cháy từ 200m đến 500m được khuyến cáo áp dụng các biện pháp vệ sinh, theo dõi sức khỏe thường xuyên, định kỳ; sự cố xả thải dầu thải trên sông Đà (tháng 10/2019) gây khủng hoảng nước sạch kéo dài gần nửa tháng cho các hộ dân thuộc các quận Thanh Xuân, Hoàng

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

Mai, Hà Đông (Hà Nội)...

(Nguồn: Báo cáo tổng kết 5 năm thi hành Luật BVMT, Bộ TNMT, 2020 [1])

- Đối với các nguồn thải lớn, có tiềm ẩn nguy cơ cao về ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường, ngoài việc Chủ dự án tự tổ chức giám sát môi trường theo quy định của pháp luật, Bộ TNMT vẫn duy trì chương trình giám sát độc lập như: Khu liên hợp gang thép Formosa Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh; Nhà máy Giấy Lee&Man Việt Nam và Nhà máy nhiệt điện sông Hậu, tỉnh Hậu Giang; Nhà máy Lọc hoá dầu Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa; các Dự án tại Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân, tỉnh Bình Thuận; các Dự án tại Trung tâm Điện lực Thái Bình, tỉnh Thái Bình; Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh; Dự án Bôxít nhôm Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng; các cơ sở đang hoạt động trong KCN và KCN Tăng Loong, tỉnh Lào Cai; các cơ sở đang hoạt động tại Làng nghề Phong Khê và CCN giấy Phong Khê, tỉnh Bắc Ninh; cơ sở Khai thác chế biến Khoáng sản Núi Pháo, tỉnh Thái Nguyên; Nhà máy Bột - Giấy VNT19, Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất, Nhà máy lọc dầu Dung Quất và Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt, tỉnh Quảng Ngãi.

Một số Bộ, ngành, địa phương có nhiều dự án lớn (Bộ Công Thương; Bộ Giao thông vận tải; Bộ Xây dựng; Bộ Quốc phòng; TP. Hà Nội; các tỉnh: Hậu Giang, Bình Dương, Nghệ An, Hưng Yên...) cũng đã chủ động rà soát các dự án, nhà máy thuộc phạm vi quản lý để có yêu cầu, chấn chỉnh phù hợp các biện pháp BVMT.

3.2.3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế, vướng mắc, bất cập

Những tồn tại, hạn chế trong việc kiểm soát, giám sát môi trường môi trường như đã nêu trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, trong đó, phải kể đến những nguyên nhân chính như: ý thức tuân thủ, trách nhiệm thực thi quy định BVMT của các chủ dự án, chủ cơ sở còn thấp; hệ thống chính sách pháp luật còn những bất cập, hạn chế; nguồn lực cho công tác BVMT còn thiếu; trình độ khoa học, kỹ thuật, công nghệ còn yếu...

Về phương diện chính sách pháp luật, trên cơ sở rà soát các quy định của Việt Nam về các công cụ quản lý môi trường sau ĐTM, về kiểm soát, giám sát môi trường

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

đối với dự án, cơ sở và những tồn tại thực tế trong các năm qua, Tập thể tác giả nhận thấy có những nguyên nhân chính, cốt lõi cần xem xét và cần được điều chỉnh trong quá trình hoàn thiện cơ sở pháp lý lĩnh vực BVMT trong thời gian tới, cụ thể bao gồm:

- Về cơ bản, việc xây dựng, hoàn thiện các công cụ quản lý môi trường và chính sách kiểm soát, giám sát môi trường dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh trong nhiều năm qua đã tiến hành theo cách tiếp cận truyền thống: quy định chung, kiểm soát dàn trải đối với các dự án, cơ sở; chưa quy định rõ ràng, triệt để nguyên tắc tiếp cận quản lý môi trường theo từng loại hình, quy mô hay mức độ tác động đến môi trường của dự án, cơ sở

Đối với ĐTM, như đã phân tích trong mục 3.1, theo quy định của luật BVMT 2014, mặc dù đã có sự phân chia cấp độ đối với dự án: dự án phải thực hiện ĐTM và dự án lập kế hoạch BVMT; tuy nhiên, vẫn có quá nhiều loại hình dự án phải thực hiện ĐTM kèm theo mức độ yêu cầu về thủ tục bắt buộc thực hiện là như nhau giữa các đối tượng có những tính chất tác động đến môi trường khác nhau. Việc quy định hệ thống công cụ ĐTM và các công cụ quản lý môi trường sau ĐTM một cách chung chung, vừa thiếu tính kết nối, vừa dàn trải, không rõ ràng, triệt để nguyên tắc kiểm soát ô nhiễm theo mức độ tác động đến môi trường trong một thời gian khá dài vô hình chung đã dẫn đến: i) sự thiếu chủ động của các chủ dự án trong việc đầu tư thực hiện ĐTM, lập chương trình, kế hoạch quản lý môi trường, đầu tư kinh phí và nguồn lực cho công tác BVMT đối với dự án; ii) sự chủ quan của cơ quan quản lý trong thẩm định các phương án BVMT, phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và chương trình, kế hoạch quản lý môi trường của dự án (khi thẩm định ĐTM) cũng như trong kiểm soát, giám sát môi trường khi dự án đi vào thực hiện.

Thực tế, ý thức và quan điểm phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường các dự án, cơ sở sản xuất của Việt Nam, đặc biệt đối với các dự án, cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, đã được chấn chỉnh, tăng cường kể từ sau sự cố môi trường của Khu liên hợp gang thép Formosa Hà Tĩnh năm 2016. Tuy nhiên, nhìn chung, việc xây dựng, ban hành các văn bản pháp luật để triển khai cơ chế quản lý về BVMT

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

theo từng loại hình và mức độ tác động đến môi trường của dự án, cơ sở vẫn còn rất chậm. Ví dụ, mặc dù Nghị định 38/2015/NĐ-CP về quản lý chất thải và phế liệu quy định về quan trắc tự động, liên tục nước thải, khí thải đã được ban hành tháng 4/2015; nhưng phải đến tháng 9/2017, quy định, hướng dẫn cụ thể về quan trắc tự động, liên tục và kết nối, truyền số liệu quan trắc từ các cơ sở sản xuất về Sở TNTM mới được ban hành (Thông tư 24/2017/TT-BTNTM quy định kỹ thuật quan trắc môi trường). Và phải đến tháng 5/2019, danh mục các loại hình sản xuất công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường mới được quy định trong hệ thống pháp luật BVMT của Việt Nam với sự ra đời của Nghị định 40/2019/NĐ-CP (Hộp 3.4).

Tính đến thời điểm hiện nay, ngoại trừ một số quy định kiểm soát, giám sát ô nhiễm môi trường theo quy mô, loại hình dự án, cơ sở rải rác trong các văn bản đã nêu trên, nhìn chung, các quy định pháp luật để xác định, phân loại, kiểm soát các đối tượng có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, nhất là các dự án, cơ sở sản xuất lớn có nguy cơ xảy ra ô nhiễm, sự cố môi trường lớn để có biện pháp, cách thức quản lý, kiểm soát phù hợp ở nước ta vẫn còn chưa đầy đủ, thiếu tính toàn diện, đồng bộ, hệ thống.

- Số lượng các công cụ quản lý môi trường đối với dự án nhiều, tuy nhiên quy định không có tính hệ thống, một số công cụ bị sai lệch về vai trò, bản chất, khác với thông lệ và xu thế chung của Thế giới.

Theo các văn bản quy định trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và một số lĩnh vực liên quan, hiện nay có rất nhiều công cụ quản lý môi trường đang được áp dụng. Thống kê sơ bộ cho thấy, hiện có khoảng hơn 15 công cụ quản lý môi trường quy định cho các giai đoạn của vòng đời dự án đầu tư trong Luật BVMT 2014, các văn bản dưới luật và trong một số văn bản luật khác có liên quan. Về cơ bản đây là các công cụ có tính bắt buộc, một số đi kèm với thủ tục hành chính. Trong đó, có những công cụ theo quy định hiện hành bị sai lệch về vai trò, bản chất, khác với thông lệ và xu thế chung của Thế giới.

Điểm khác biệt quan trọng nhất là Việt Nam đang áp dụng báo cáo ĐTM ban

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

đầu như một công cụ để kiểm soát môi trường trong suốt vòng đời dự án, làm cho ĐTM phức tạp hơn nhưng không đúng về bản chất và kéo theo là làm sai lệch vai trò, ý nghĩa của ĐTM. Theo kinh nghiệm quốc tế, cần áp dụng hệ thống các công cụ quản lý môi trường theo vòng đời dự án và theo đó, ĐTM là một quá trình chứ không phải là một lần như cách nước ta đang áp dụng [21,8,22]. Về mặt khoa học, báo cáo ĐTM chỉ là một công cụ dự báo, phục vụ cho giai đoạn cấp phép cho dự án. Trên thực tiễn, trong giai đoạn vận hành thương mại, các vấn đề môi trường của cơ sở hoàn toàn có thể có khác biệt so với dự báo trong báo cáo ĐTM, do đó việc kiểm tra và tiến hành các biện pháp cưỡng chế, xử phạt dựa trên báo cáo này là không hợp lý.

Đối với kế hoạch quản lý môi trường, theo quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP và Thông tư số 27/2017/TT-BTNMT, sau khi báo cáo ĐTM được phê duyệt, chủ dự án có trách nhiệm lập kế hoạch quản lý môi trường của dự án trên cơ sở chương trình quản lý và giám sát môi trường đã đề xuất trong báo cáo ĐTM và gửi đến UBND cấp xã nơi tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện ĐTM để niêm yết công khai tại trụ sở UBND cấp xã trước khi khởi công xây dựng. Trường hợp có thay đổi chương trình quản lý và giám sát môi trường thì phải cập nhật kế hoạch quản lý môi trường. Tuy nhiên, đến Nghị định số 40/2019/NĐ-CP, nội dung quy định về trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo ĐTM được phê duyệt không còn quy định việc lập kế hoạch quản lý môi trường. Như vậy, kế hoạch quản lý môi trường đã được quy định trong hệ thống văn bản quy định về BVMT trước đây. Tuy nhiên, với quy định này, kế hoạch quản lý môi trường hầu như chỉ mang tính hình thức, chưa thực sự phát huy vai trò, ý nghĩa, không bảo đảm hiệu quả như kinh nghiệm thực tiễn của nhiều quốc gia tiên tiến trên Thế giới.

Tiếp tục sau giai đoạn vận hành thử nghiệm, chủ dự án bắt buộc thực hiện xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường đối với dự án phải có công trình xử lý chất thải. Tương tự quyết định phê duyệt ĐTM, giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT (với đầy đủ, chi tiết các thông tin về dự án, công trình thu gom, xử lý chất thải, chương trình quan trắc giám sát...) cũng được xem là một loại giấy phép, là căn cứ thanh, kiểm tra, giám sát môi trường của các cơ sở, sản xuất trong quá trình

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

hoạt động về sau. Vô hình chung, giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT bị sai lệch về vai trò, bản chất, chỉ có ở Việt Nam mà không như thông lệ và xu thế chung của Thế giới.

- Số lượng thủ tục hành chính phát sinh đi kèm với các công cụ quản lý môi trường nhiều, đôi khi còn những nội dung trùng lặp, chồng chéo, gây khó khăn cho dự án trong quá trình thực hiện

Các quy định của pháp luật về phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm đối với dự án, cơ sở sản xuất ở nước ta còn nặng về thủ tục hành chính (TTHC). Theo quy định pháp luật hiện hành của Luật BVMT 2014 và một số luật liên quan như Luật Tài nguyên nước 2012, Luật Thủy lợi 2017, sau giai đoạn ĐTM, phê duyệt dự án, trước khi dự án chính thức đi vào vận hành hoạt động, chủ dự án có thể phải thực hiện nhiều thủ tục hành chính (TTHC) trong lĩnh vực BVMT và các lĩnh vực khác có liên quan, bao gồm: giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường; giấy phép xả nước thải vào nguồn nước/vào công trình thủy lợi; giấy phép xả khí thải; giấy chứng nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất; giấy phép xử lý chất thải nguy hại; sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại;...

Việc cùng lúc tồn tại nhiều văn bản có tính pháp lý để giám sát, kiểm tra, thanh tra hoạt động BVMT của cơ sở như Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM, Giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT, Giấy phép xả nước thải... trong khi nội dung quy định đôi khi không thống nhất (do quy định trong những thời điểm khác nhau và các cơ quan cấp phép khác nhau) gây khó khăn đối với cơ quan quản lý trong công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật về BVMT của tổ chức, cá nhân và cũng làm chủ dự án lúng túng trong quá trình thực hiện.

Thực tế, có những trường hợp cùng một nội dung (chương trình quan trắc, yêu cầu chất lượng nước thải sau xử lý), nhưng giữa quyết định phê duyệt ĐTM, giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT và giấy phép xả nước thải vào nguồn nước lại có quy định khác nhau về thông số, tần suất, vị trí quan trắc. Bên cạnh đó, nhiều

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

trường hợp quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM cho Dự án cho phép chất lượng nước thải sau xử lý loại B, khi dự án thi công xây dựng và chuẩn bị đi vào vận hành hoạt động, chủ dự án đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước lại bị cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu phải xử lý nước thải đạt loại A; trong quá trình thẩm định, phê duyệt ĐTM không yêu cầu xây dựng hồ ứng phó sự cố, tuy nhiên khi cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước lại yêu cầu xây dựng hồ ứng phó sự cố... gây khó khăn, tốn kém, vướng mắc cho doanh nghiệp. Dẫn đến có những công trình trên thực tế đã được phê duyệt Báo cáo ĐTM, xác nhận hoàn thành công trình BVMT, đã xây dựng, vận hành thử nghiệm và đi vào hoạt động, nhưng chưa được cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước. Trong nhiều trường hợp, việc chậm trễ trong hoàn thành các giấy phép, hồ sơ về môi trường do các mâu thuẫn, vướng mắc phát sinh từ các văn bản của các cơ quan quản lý nhà nước nêu trên gây ra những phí tổn lớn do chậm trễ của các nhà thầu, khiến chủ đầu tư chịu rủi ro, thiệt hại vì bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT, tài nguyên nước.

Hiện nay, cải cách TTHC theo hướng giảm thiểu, tích hợp các TTHC, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia nhưng vẫn bảo đảm hiệu quả, chặt chẽ trong quản lý BVMT là chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước.

- Hiệu lực, hiệu quả của các công cụ quản lý môi trường còn chưa cao. Đặc biệt, các công cụ quản lý môi trường có tính khuyến khích chưa thực sự phát huy vai trò như vốn có, tính chủ động của chủ đầu tư trong BVMT trong các giai đoạn của dự án chưa cao, chưa xét đến các yếu tố hội nhập và xu thế chung của quốc tế.

Tại Việt Nam, bộ máy nhà nước từ Trung ương đến địa phương đều đã có các cơ quan chuyên trách về công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động BVMT của các cơ sở trong giai đoạn xây dựng, vận hành thương mại, tuy nhiên việc thiếu một công cụ phù hợp, thống nhất để phục vụ công tác này như tại các nước tiên tiến trên thế giới đã dẫn đến nhiều bất cập khi triển khai. Các vấn đề bức xúc, nổi cộm về ô nhiễm môi trường đã xảy ra ở nhiều địa phương, vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường xảy ra dưới nhiều hình thức, quy mô và mức độ khác nhau, nhiều vụ việc vi

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

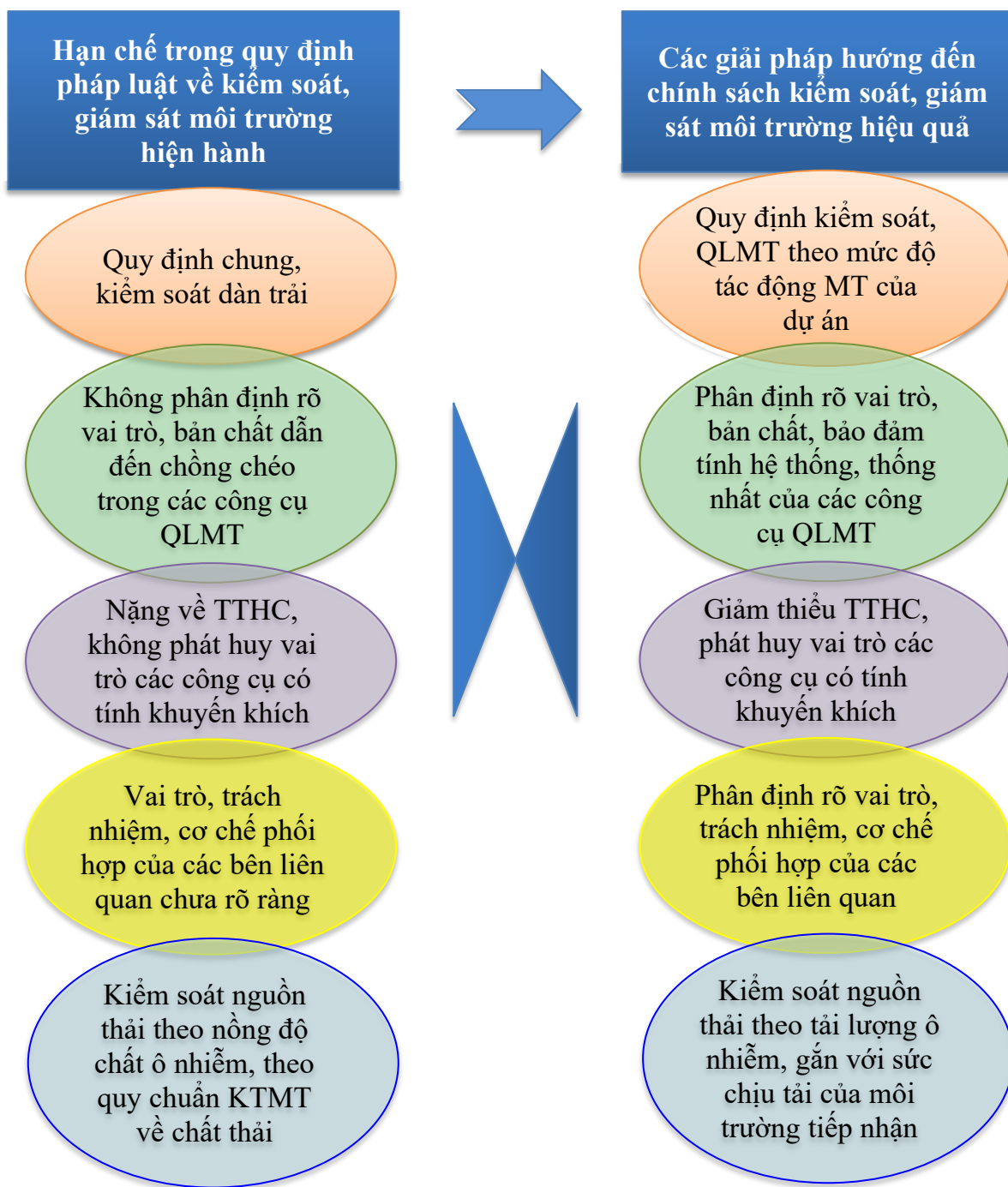
phạm kéo dài, gây hậu quả nghiêm trọng đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng. Điển hình là sự cố vỡ bể chứa chất thải nhà máy chì, kẽm của Công ty TNHH CKC (Cao Bằng), sự cố vỡ hồ chứa nước đăi titan của Công ty TNHH Tân Quang Cường (Bình Thuận), sự cố gây ô nhiễm môi trường của Nhà máy sản xuất Soda (Chu Lai), sự cố ô nhiễm môi trường biển miền Trung do hoạt động xả nước thải của Nhà máy Formosa (Hà Tĩnh),...

Trước yêu cầu của thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả quản lý các dự án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và đơn giản hóa thủ tục hành chính, cần thiết phải có nghiên cứu, đánh giá và đề xuất các công cụ quản lý dự án sau khi được phê duyệt báo cáo ĐTM. Các công cụ quản lý này cần được thống nhất đối với cơ sở khi đã đi vào giai đoạn hoạt động; là căn cứ để các cơ sở thực hiện các biện pháp BVMT và để các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm - thay cho việc kiểm tra căn cứ vào báo cáo ĐTM như hiện nay.

- Kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động nặng về kiểm soát theo quy chuẩn, tiêu chuẩn chất thải mà chưa thực sự hướng đến kiểm soát theo tải lượng ô nhiễm gắn với sức chịu tải của môi trường tiếp nhận.

Theo quy định pháp luật hiện hành, việc kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động căn cứ vào quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM, giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT, giấy phép xả nước thải vào nguồn nước... Về cơ bản, trong nhiều năm qua, các cơ quan quản lý nhà nước khi cấp phép, phê duyệt các văn bản nêu trên phần lớn chỉ căn cứ vào quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với chất thải để yêu cầu về chất lượng nước thải, khí thải sau xử lý của các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Do những hạn chế về cơ sở dữ liệu (cơ sở dữ liệu về môi trường tiếp nhận, sức chịu tải của môi trường, cơ sở dữ liệu về nguồn thải...), việc xem xét quy định, yêu cầu kiểm soát chất thải của các dự án, cơ sở theo tải lượng chất ô nhiễm được phép xả ra môi trường chưa được triển khai thực hiện. Dẫn đến trường hợp tại các khu vực tập trung nhiều cơ sở, dự án, điểm xả thải ra môi trường, chất lượng môi trường luôn bị suy thoái, ô nhiễm cục bộ, không thể phục hồi mặc dù các cơ sở xả thải đạt yêu cầu về chất lượng nước thải, khí thải theo quy định.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.



Hình 3.9. Các vấn đề cốt lõi cần giải quyết nhằm hướng đến hệ thống chính sách pháp luật về kiểm soát, giám sát môi trường hiệu quả

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

❖ Kết luận

Nội dung Chương 3 tập trung làm rõ:

- *Các chính sách, quy định pháp luật hiện hành về ĐTM và hiện trạng thực thi ĐTM ở Việt Nam.*
- *Các chính sách, quy định pháp luật hiện hành về kiểm soát, giám sát môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động và hiện trạng thực thi.*

Quá trình nghiên cứu, phân tích, đánh giá cũng đã chỉ ra những tồn tại, hạn chế, bất cập, vướng mắc trong hệ thống quy định pháp luật hiện hành ở nước ta về ĐTM đối với các dự án đầu tư nói riêng, về kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động nói riêng và về quản lý môi trường theo vòng đời dự án ở Việt Nam nói chung. Cũng trong Chương này, bên cạnh việc phân tích tình hình thực trạng, nguyên nhân vấn đề, Tập thể tác giả cũng đã định hướng các giải pháp chính cần hướng đến trong việc hoàn thiện cơ sở pháp lý để giải quyết hiệu quả những tồn tại, hạn chế trong giai đoạn hiện tại và đáp ứng các yêu cầu, thách thức đặt ra đối với công tác BVMT trong giai đoạn tiếp theo.

Trong các chương tiếp theo (Chương 4 và Chương 5), sẽ trình bày cụ thể các kết quả nghiên cứu về cơ sở khoa học, cách tiếp cận, xu hướng phát triển, cũng như các bài học kinh nghiệm thành công của các quốc gia tiên tiến trên thế giới và các tổ chức quốc tế quốc tế về ĐTM và kiểm soát, giám sát môi trường đối với dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh để xem xét kế thừa chọn lọc, phát triển, cụ thể hoá các giải pháp đã định hướng trong Chương 3, đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý, quy định pháp luật phù hợp với điều kiện Việt Nam và hài hoà với thông lệ quốc tế.

CHƯƠNG 4. CƠ SỞ KHOA HỌC, KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ ĐTM

4.1. Cơ sở khoa học về ĐTM

4.1.1. Các nguyên lý chung

ĐTM đã có lịch 50 năm trên thế giới và áp dụng gần 30 năm ở Việt Nam, tuy nhiên, cho đến nay có rất nhiều ý kiến lo ngại về chất lượng của báo cáo ĐTM, trong đó chủ yếu là về dự báo tác động và diễn biến các thành phần môi trường tự nhiên và xã hội do dự án thiếu cơ sở khoa học nên độ tin cậy không cao. Nhìn chung việc tiếp cận khoa học về ĐTM tại Việt Nam theo kinh nghiệm thế giới chưa đạt hiệu quả cao, đặc biệt là bao gồm cơ sở xác định các đối tượng và mức độ đánh giá tác động môi trường, quy trình thực hiện ĐTM, xác định phạm vi ĐTM, tham vấn cộng đồng. Việc sử dụng báo cáo ĐTM sau khi được phê duyệt như là công cụ để quản lý môi trường theo suốt vòng đời dự án là không phù hợp về khoa học. Về đối tượng thực hiện ĐTM, có những dự án có tác động môi trường và xã hội nhỏ nhưng vẫn cần thực hiện ĐTM, trong khi các dự án khác có tác động lớn đến môi trường chỉ phải chuẩn bị kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc không phải tiến hành ĐTM. Ngoài ra, các vấn đề xã hội liên quan đến thu hồi đất, tái định cư, sinh kế, dân tộc thiểu số không được giải quyết thỏa đáng theo Luật BVMT và các quy định liên quan đến ĐTM.

Quá trình ĐTM thiếu cơ sở khoa học hoặc cơ sở khoa học không chắc chắn sẽ dẫn đến các kết luận sai về quy mô, mức độ tác động của dự án, hậu quả là dự án được thông qua nhưng thực tế gây tác động lớn đến môi trường và xã hội. Vì vậy, việc áp dụng khoa học trong quá trình ĐTM là yếu tố có ý nghĩa rất quan trọng để đảm bảo ĐTM có chất lượng cao. Đây là lý do các hướng dẫn kỹ thuật ĐTM của nhiều tổ chức quốc tế và nhiều quốc gia sử dụng thuật ngữ “*nghiên cứu* đánh giá tác động môi trường” chứ không dùng thuật ngữ “*lập báo cáo* đánh giá tác động môi trường”; lập báo cáo ĐTM (EIA Statement) chỉ là công đoạn biên soạn báo cáo thể hiện kết quả nghiên cứu ĐTM.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

Từ nhiều tài liệu quốc tế và kinh nghiệm ở Việt Nam có thể nhận định: một ĐTM tốt phải cần kiến thức nhiều ngành khoa học tự nhiên và xã hội và phải có đủ cơ sở về số liệu và phương pháp nghiên cứu đúng đắn và cần đảm bảo các nguyên tắc chuẩn về khoa học và thực tiễn. Cụ thể là tính khoa học của ĐTM dựa vào 5 yếu tố sau:

(i) ĐTM là khoa học đa ngành: Bản chất và “trái tim” của ĐTM là dự báo các tác động đến môi trường tự nhiên và KT-XH của dự án. Vì vậy, ĐTM bao gồm nhiều nội dung nhưng quan trọng và phức tạp nhất là khoa học dự báo. Do vậy, ĐTM cần có sự tham gia của nhiều ngành khoa học (phù hợp đối với từng loại hình và vị trí dự án);

(ii) Dữ liệu nền môi trường: yếu tố quan trọng đảm bảo tính khoa học ĐTM: Muốn dự báo đúng ngoài sự kết hợp các ngành khoa học (như đã nêu) cần phải có số liệu đầy đủ và đúng đắn về đặc điểm môi trường tự nhiên và KT-XH vùng có thể bị tác động do dự án. Việc thiếu dữ liệu hoặc dữ liệu không đủ tin cậy thì dù có sự tham gia của nhiều ngành khoa học kết quả dự báo cũng không chính xác. Thí dụ: số liệu khí tượng không đủ hoặc thiếu chính xác thì kết quả dự báo phát tán ô nhiễm không khí sẽ sai; thiếu số liệu thủy văn nhiều năm thì không thể dự báo tác động do thay đổi dòng chảy và tính dòng chảy môi trường trong dự án thủy điện. Thiếu số liệu về thảm thực vật, động vật hoang dã, các vùng sinh thái nhạy cảm thì không thể dự báo tác động của dự án đến sinh thái, đa dạng sinh học. Số liệu nền (Baseline) chỉ có thể đảm bảo tính khoa học nếu từ kết quả khảo sát, đo đạc, quan trắc nhiều năm tại vùng cần dự báo tác động và phải do các đơn vị chuyên ngành thực hiện. Thí dụ: số liệu thủy văn tại các trạm thủy văn quốc gia, số liệu về tài nguyên rừng, đa dạng sinh học trên cạn, dưới nước phải do các đơn vị, chuyên gia chuyên ngành thực hiện qua nhiều cuộc khảo sát; số liệu về chất lượng nước sông suối hoặc không khí phải do đơn vị chuyên ngành thực hiện nhiều đợt chứ không phải số liệu khảo sát chỉ 1 lần (như hướng dẫn ĐTM hiện nay yêu cầu). Tóm lại, cần có cơ sở dữ liệu đủ và đúng về đặc điểm các thành phần môi trường vùng có thể bị tác động do dự án

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

(iii) Phương pháp dự báo đúng: yếu tố đảm bảo tính khoa học ĐTM

Nếu đã đủ thông tin về đặc điểm môi trường và xã hội và dù có đủ ngành chuyên môn tham gia ĐTM nhưng kết quả dự báo cũng chưa thể chính xác nếu không sử dụng các phương pháp dự báo phù hợp. Trên thế giới có hàng ngàn ngành, lĩnh vực khoa học công nghệ, hàng trăm phương pháp dự báo nhưng các nhà khoa học tổng kết lại chỉ có trên 10 nhóm phương pháp phù hợp cho dự báo tác động môi trường và xã hội. Phần lớn các nghiên cứu ĐTM đều áp dụng 1 số trong các nhóm phương pháp này. Các phương pháp cần được cập nhật kiến thức tiên tiến (thí dụ: cũng là mô hình hóa về lan truyền ô nhiễm không khí nhưng sử dụng các mô hình từ trước 2000 có độ chính xác thấp hơn các mô hình hiện nay); xác định đúng bản chất, độ lớn, chiều hướng, ý nghĩa của tác động; tuân thủ các nguyên tắc về khoa học và thực tiễn trong triển khai nghiên cứu ĐTM.

(iv) Phân biệt bản chất, độ lớn, chiều hướng, ý nghĩa của tác động - cơ sở đảm bảo tính khoa học của ĐTM

Tùy thuộc vào đặc điểm loại hình dự án (khai thác mỏ, sản xuất thép, nhiệt điện, thủy điện, giao thông đường bộ, du lịch, thủy sản...), quy mô dự án và vị trí dự án (nằm ở vùng đồng bằng, vùng sinh thái nhạy cảm, vùng rừng núi, khu dân cư, lưu vực sông suối...) mà tác động của dự án rất khác nhau. Vì vậy phân biệt bản chất, độ lớn, chiều hướng, ý nghĩa của tác động là cần thiết chứ không dàn trải. Đây là một trong các cơ sở khoa học trong ĐTM.

(v) Tuân thủ các nguyên tắc thực hành ĐTM: cơ sở quan trọng để đảm bảo tính khoa học và thực tiễn của ĐTM

Tổng kết kinh nghiệm và kết quả nghiên cứu ĐTM của nhiều quốc gia Hiệp hội Đánh giá tác động quốc tế (IAIA) nêu 11 nguyên tắc cần tuân thủ trong thực hành ĐTM để đảm bảo tính khoa học và thực tiễn, nâng cao chất lượng ĐTM và đảm bảo ĐTM là công cụ của phát triển bền vững.

Nguyên tắc 1: Tính mục tiêu - ĐTM cần thông tin cho cơ quan ra quyết định và cộng đồng về mức độ phù hợp của dự án đối với các yêu cầu về BVMT.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

Nguyên tắc 2: Tính nghiêm ngặt - ĐTM cần áp dụng “thực hành tốt nhất” (Best Practicable) về khoa học, sử dụng các phương pháp và kỹ thuật phù hợp đối với các vấn đề cần nghiên cứu.

Nguyên tắc 3: Tính thực tế - ĐTM cần đưa ra các kết quả có thể chấp nhận được để hỗ trợ nhà đầu tư giải quyết các vấn đề môi trường và xã hội.

Nguyên tắc 4: Tính thích hợp - ĐTM cần cung cấp các thông tin đầy đủ, khả dụng, thích hợp cho phát triển dự án phù hợp với quy hoạch phát triển.

Nguyên tắc 5: Tính hiệu quả về chi phí - Ngay cả khi bị giới hạn về thông tin, thời gian, nguồn lực và phương pháp ĐTM vẫn cần đạt các mục tiêu: dự báo cơ bản đầy đủ các tác động và đưa ra các giải pháp giảm thiểu, quản lý phù hợp.

Nguyên tắc 6: Tính tập trung - ĐTM cần tập trung vào các tác động đặc thù, có ý nghĩa cao của dự án để giúp cho quá trình ra quyết định được đúng đắn; không cào bằng về đánh giá dự báo tác động.

Nguyên tắc 7: Có sự tham gia - Quá trình ĐTM cần cung cấp thông tin cho cộng đồng bị ảnh hưởng và các tổ chức, cá nhân quan tâm. Đây là việc làm vừa để công khai thông tin và nhận được góp ý về nội dung, phương pháp, cơ sở khoa học để tư vấn ĐTM tránh sai sót do chủ quan hoặc thiếu kiến thức.

Nguyên tắc 8: Tính liên ngành - Quá trình ĐTM cần có sự tham gia của nhiều chuyên gia, áp dụng phương pháp từ nhiều ngành về môi trường tự nhiên, KT-XH phù hợp với từng loại hình dự án.

Nguyên tắc 9: Tính gắn kết - Quá trình ĐTM cần xem xét các mối liên kết, quan hệ giữa các thành phần môi trường tự nhiên, xã hội và kinh tế.

Nguyên tắc 10: Tính minh bạch - Quá trình ĐTM cần đảm bảo rõ ràng, công khai, đảm bảo rằng công chúng có thể tiếp cận thông tin.

Nguyên tắc 11: Tính hệ thống - Quá trình ĐTM cần xem xét tất cả các thông tin liên quan đối với các yếu tố môi trường bị tác động; dự báo các tác động; đề xuất các phương án thay thế và các biện pháp giám sát các tác động.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

4.1.2. Cơ sở khoa học trong việc xác định đối tượng phải thực hiện ĐTM và mức độ ĐTM

Về mặt khoa học, việc xác định đối tượng phải thực hiện ĐTM cần được dựa trên 3 yếu tố: (i) Quy mô phát sinh và mức độ độc hại của chất ô nhiễm; (ii) Phạm vi và mức độ chiếm dụng, xâm hại cảnh quan thiên nhiên, hệ sinh thái tự nhiên; (iii) Cấp độ nhạy cảm của phân vùng môi trường nơi thực hiện hoạt động phát triển. Dựa trên nguyên lý này, các nước trên thế giới và các tổ chức quốc tế đã áp dụng phương pháp sàng lọc (screening) để xác định dự án có phải thực hiện ĐTM hay không. Có 2 phương pháp sàng lọc bao gồm: sàng lọc dựa trên việc lập danh mục dự án và sàng lọc dựa trên bộ tiêu chí và kiến thức chuyên gia:

(i) Sàng lọc bằng việc lập danh mục dự án: Dựa trên kinh nghiệm quản lý, quy mô tính chất của dự án, tính nhạy cảm môi trường nơi thực hiện dự án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền (thường ở mức độ Chính phủ) xây dựng và ban hành danh mục các dự án phải thực hiện ĐTM ở mức độ khác nhau.

(ii) Sàng lọc dựa trên bộ tiêu chí: Cách tiếp cận của phương pháp này là dựa trên cơ sở các chỉ tiêu gồm: chỉ tiêu ngưỡng; chỉ tiêu về các vùng nhạy cảm và chỉ tiêu về các kiểu dự án. Cách sàng lọc này có độ chính xác, tuy nhiên cũng có những hạn chế cơ bản đó là thủ tục hành chính và nhiều khi mất thời gian, tốn kém kinh phí do khó đạt được sự đồng thuận giữa chủ dự án và cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền.

Từ kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn quản lý, sàng lọc dựa trên danh mục là phù hợp với bối cảnh Việt Nam. Điều quan trọng nhất là lập được danh mục đúng, xác định được mức độ ĐTM, quy trình ĐTM theo từng nhóm dự án và có tính đến đối tượng bị tác động.

- *Phương pháp xác định quy mô phát sinh và mức độ độc hại của chất ô nhiễm*

Về quy mô phát sinh và mức độ độc hại của chất ô nhiễm có thể tính toán dựa trên Chỉ số ô nhiễm (Pollution Index - PI) - là một hàm của khí thải (các chất ô nhiễm

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

không khí), nước thải (chất ô nhiễm nước), chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh và mức tiêu thụ tài nguyên. Ở Ấn Độ, năm 1989, Bộ Môi trường, Rừng và BDKH đã ban hành thông báo với mục tiêu nhằm cấm, hạn chế đầu tư hoặc triển khai một số ngành công nghiệp để bảo vệ thung lũng Doon có tính nhạy cảm về sinh thái. Với thông báo này, lần đầu tiên, khái niệm phân loại các ngành công nghiệp theo các nhóm danh sách Đỏ, Cam và Xanh đã được đề xuất nhằm tạo điều kiện thuận lợi khi đưa ra các quyết định liên quan đến vị trí xây dựng các dự án thuộc các ngành công nghiệp này. Sau đó, việc sử dụng khái niệm này đã được mở rộng trên toàn quốc, không chỉ cho mục đích liên quan đến vị trí các dự án mà còn cho các mục đích cấp phép, xây dựng các quy chuẩn liên quan đến giám sát, thanh kiểm tra các ngành công nghiệp. Báo cáo cuối cùng về phân loại sửa đổi các ngành công nghiệp theo các danh mục đỏ, cam, xanh và trắng được Ban kiểm soát ô nhiễm trung tâm Delhi, Ấn Độ ấn hành ngày 29 tháng 2 năm 2016. Đây là tài liệu có giá trị tham khảo tốt trong việc xác định mức độ ô nhiễm của dự án đến môi trường là cơ sở để xác định đối tượng, mức độ ĐTM và kiểm soát môi trường sau ĐTM.

- *Phương pháp xác định phạm vi và mức độ chiếm dụng, xâm hại cảnh quan thiên nhiên, hệ sinh thái tự nhiên và cấp độ nhạy cảm của phân vùng môi trường nơi thực hiện hoạt động phát triển*

Đối tượng chịu tác động cần dựa trên vùng nhạy cảm trên cơ sở căn cứ vào diện tích đất, mặt nước bị chiếm dụng bởi dự án, mối quan hệ của vị trí dự án với các vùng nhạy cảm môi trường như các khu vực đông dân cư, các khu vực cần bảo vệ nghiêm ngặt về lịch sử văn hóa tài nguyên thiên nhiên hoặc khu vực có điều kiện môi trường dễ bị suy thoái, phá hủy (vùng đất ngập nước, vùng cửa sông, khu vực có nguồn nước quan trọng...).

Trên cơ sở chỉ số PI và tính nhạy cảm về môi trường và xã hội nơi thực hiện dự án, có thể phân loại dự án thuộc đối tượng ĐTM và mức độ ĐTM theo từng nhóm dự án. Có thể phân loại dự án thành các nhóm: Nhóm I- có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao; Nhóm II- có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đáng kể; Nhóm III- có

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

nguy cơ gây ô nhiễm môi trường trung bình; nhóm IV- không có tác động đến môi trường hoặc tác động không đáng kể.

- Dự án thuộc nhóm I được đề xuất là dự án thuộc danh sách Đỏ và dự án thuộc danh sách Cam nhưng được thực hiện tại các khu vực nhạy cảm về môi trường và xã hội;

- Dự án nhóm II là dự án thuộc danh sách Cam và không thực hiện tại các khu vực nhạy cảm về môi trường và xã hội;

- Dự án nhóm III là các dự án có tính chất như các dự án thuộc danh sách Cam nhưng có quy mô, công suất nhỏ hơn.

4.1.3. Cơ sở khoa học của việc xác lập quy trình ĐTM

ĐTM có mục tiêu quan trọng, trước hết là hỗ trợ việc ra quyết định để ngăn ngừa sớm nhất có thể các dự án có tác động tiêu cực nghiêm trọng lên môi trường khi triển khai thực hiện. ĐTM là việc đánh giá một cách có hệ thống, toàn diện và có tính đa lĩnh vực các tác động tiềm tàng của các dự án cụ thể đối với môi trường tự nhiên, xã hội và sức khỏe cộng đồng (UNEP, 2002). Tương tự như việc lập kế hoạch thực hiện một dự án, chương trình bất kỳ, ĐTM cũng cần có kế hoạch/quy trình cụ thể. Quy trình ĐTM hiệu đơn giản là tìm ra mối liên hệ giữa mục đích, phương tiện, phương pháp làm việc. Phương pháp 5W- 1H -2C - 5M được coi như đường xương sống cơ bản để định hình được mục tiêu kế hoạch, cách xây dựng bản kế hoạch và quan trọng nhất là cần làm những gì để thực hiện bản kế hoạch quản trị đó. Từ phương pháp này, ĐTM có thể được xem là một quá trình chính thức để dự báo những hệ quả về môi trường (tích cực hay tiêu cực) của một dự án trước khi quyết định thực hiện, đồng thời đề xuất các biện pháp để điều chỉnh tác động đến mức chấp nhận hoặc để nghiên cứu giải pháp công nghệ mới. Mặc dù việc đánh giá có thể dẫn đến các quyết định kinh tế khó khăn hoặc mối quan tâm/lo ngại về chính trị và xã hội nhưng ĐTM sẽ luôn bảo vệ môi trường bằng cách cung cấp một nền tảng vững chắc cho sự phát triển hiệu quả và bền vững.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

Quá trình ĐTM trên Thế giới đều có nhiệm vụ nhận diện các vấn đề môi trường theo tiến trình phát triển dự án. Kết quả của ĐTM có thể đòi hỏi thay đổi thiết kế của dự án hoặc lựa chọn phương án khác.

4.1.4. Cơ sở khoa học xác định bản chất, phạm vi ĐTM

Tùy theo bản chất của dự án (loại hình, quy mô, công nghệ), vị trí dự án (vùng ven biển, đô thị, nông thôn, miền núi, vùng nhạy cảm về sinh thái, xã hội...) mà nghiên cứu ĐTM cần tập trung vào các đối tượng chính về môi trường tự nhiên và môi trường nhân văn nhằm đạt được các mục tiêu sau đây:

Mục tiêu 1. Đảm bảo rằng việc xem xét về môi trường và xã hội là rõ ràng và gắn kết với quá trình ra quyết định đầu tư.

Mục tiêu 2. Xác định và mô tả rõ ràng về tài nguyên và các giá trị môi trường ở vùng có thể bị tác động do dự án.

Mục tiêu 3. Xác định và dự báo rõ cường độ và quy mô của các tác động có thể có (potential impacts) của dự án đến môi trường tự nhiên và xã hội ở vùng bị ảnh hưởng.

Mục tiêu 4. Đề xuất và phân tích rõ các phương án thay thế (alternatives) để giảm thiểu tác động xấu nếu dự án cần phải thực hiện.

Mục tiêu 5. Đảm bảo rằng các biện pháp quản lý và công nghệ có tính hiệu quả và khả thi để giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án nhằm bảo vệ các hệ sinh thái và hạn chế ảnh hưởng xấu về xã hội.

Mục tiêu 6. Đảm bảo rằng Chương trình quản lý môi trường là đúng đắn để giảm thiểu các tác động xấu và quản lý tốt về môi trường trong các giai đoạn của dự án.

Mục tiêu lâu dài: Tăng cường phát triển bền vững bằng cách đảm bảo rằng các đề xuất phát triển (dự án) không đe dọa các nguồn tài nguyên, các thành phần của các hệ sinh thái, sức khỏe con người trong khi vẫn mang lại lợi ích cho xã hội.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

Mục tiêu cụ thể của ĐTM được nhiều quốc gia, tổ chức quốc tế xác lập như sau: (i) Đảm bảo rằng việc xem xét về môi trường và xã hội là rõ ràng và gắn kết với quá trình ra quyết định đầu tư; (ii) Xác định và mô tả rõ về tài nguyên và các giá trị môi trường ở vùng có thể bị tác động do dự án; (iii) Xác định và dự báo rõ cường độ và quy mô của các tác động có thể có/tác động tiềm tàng (potential impacts) của dự án đến môi trường tự nhiên và xã hội ở vùng bị ảnh hưởng; (iv) Đề xuất và phân tích rõ các phương án thay thế (alternatives) để giảm thiểu tác động xấu nếu dự án cần phải thực hiện; (v) Đảm bảo các biện pháp quản lý và công nghệ có tính hiệu quả và khả thi để giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án nhằm bảo vệ các hệ sinh thái và hạn chế ảnh hưởng xấu về xã hội; (vi) Chương trình hoặc Kế hoạch quản lý môi trường (Environmental Management Plan - EMP) phải bảo đảm quản lý tốt về môi trường trong các giai đoạn của dự án.

- Các đối tượng là môi trường tự nhiên (môi trường lý sinh: biophysical environment): Môi trường vật lý (physical environment); môi trường sinh học (biological environment):

- Các đối tượng là môi trường nhân văn (human environment, social environment): Các yếu tố dân tộc, dân số; cơ cấu cộng đồng; các yếu tố văn hóa; các yếu tố về sức khỏe cộng đồng; các yếu tố về kinh tế:

Tùy theo vùng dự án, quy mô và bản chất dự án mà tất cả hoặc chỉ 1 số trong số các yếu tố văn hóa, xã hội, kinh tế, sức khỏe nêu trên được khảo sát, đánh giá và dự báo tác động do dự án.

4.1.5. Cơ sở khoa học của việc xác định, lựa chọn phương pháp đánh giá tác động môi trường

Phương pháp ĐTM là một cách tiếp cận được phát triển để xác định, dự đoán và thay đổi giá trị của một hành động. Những thay đổi được phản ánh trong chuỗi các hoạt động, các bước, cũng như phạm vi các vấn đề môi trường được xem xét (vật lý, hóa học, sinh học, kinh tế xã hội, văn hóa, cảnh quan và các quá trình). Sử dụng

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

các phương pháp và kỹ thuật để định lượng hoặc để đủ điều kiện những thay đổi đó. Tất cả các khía cạnh và các biến có thể được đo lường, vấn đề là định giá chúng.

- Việc lựa chọn phương pháp đánh giá tác động môi trường phụ thuộc vào các yếu tố sau:

- Mối quan hệ giữa các hành động/các hoạt động của dự án (nguồn gây tác động) với các thành phần môi trường hoặc đặc tính của môi trường nơi thực hiện dự án (đối tượng bị tác động);

- Các biện pháp cụ thể và các thông tin cần thiết để xác định/ tính toán các tác động

- Các biện pháp giảm thiểu tác động, bồi hoàn và giám sát

- Trọng tâm của phương pháp đánh giá tác động môi trường

- Xác lập được danh mục các tác động tiềm năng đối với các thành phần môi trường được chọn

- Các phương pháp phải có tính năng động và tích hợp nhóm hệ thống yếu tố tự nhiên và xã hội

- Loại tác động theo thời gian và không gian. Một số tác động là ngay lập tức trong khi những tác động khác bị trì hoãn. Một số tác động xảy ra như là kết quả trực tiếp của một hoạt động; một số khác xảy ra như tác động thứ cấp hoặc cao hơn do thay đổi trong các thành phần môi trường khác

- Tiêu chí chung

Tiêu chí lựa chọn phương pháp ở một số giai đoạn của quá trình đánh giá có thể thay đổi. Mục tiêu là kết hợp một số các phương pháp để đánh giá nhằm đáp ứng nhu cầu đánh giá. Không có phương pháp duy nhất có thể đáp ứng tất cả các tiêu chí cần thiết.

- Các phương pháp được chọn phải tính đến:

- Tính đơn giản trong áp dụng

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

- Những hạn chế về nhân lực, tài chính và quỹ thời gian;
- Tính linh hoạt.
- Các phương pháp đánh giá tác động môi trường chính

Để có được một báo cáo ĐTM bao quát đầy đủ và chính xác các nội dung cần thiết thì phải có phương pháp tiếp cận hợp lý. Trong lĩnh vực ĐTM, hiện đang tồn tại nhiều phương pháp tiếp cận khác nhau, tùy theo sở trường của chuyên gia đánh giá, đối tượng được tiến hành đánh giá, mức độ quan trọng của dự án, đặc điểm công nghệ của các hoạt động phát triển trong dự án, ...

Hiện nay trên thế giới đang sử dụng những phương pháp tiếp cận khác nhau để tiến hành ĐTM. Các phương pháp đó có thể được phân loại theo nhiều cách khác nhau: theo thời gian xuất hiện, theo mức độ phức tạp trong kỹ thuật tiến hành đánh giá, theo quan điểm nhận xét tác động giữa con người và môi trường, hoặc theo đối tượng được đánh giá ... Các phương pháp được sử dụng rộng rãi bao gồm:

- Phương pháp nêu số liệu về môi trường.
- Phương pháp danh mục điều kiện môi trường.
- Phương pháp ma trận (bao gồm ma trận đơn giản, ma trận suy diễn, ma trận có trọng số, ma trận kép trọng số)
- Phương pháp sử dụng các chỉ thị và chỉ số môi trường.
- Phương pháp chập bản đồ.
- Phương pháp mạng lưới.
- Phương pháp phân tích chi phí - lợi ích.
- Phương pháp mô hình hoá.
- Phương pháp đánh giá nhanh.

4.2. Quy định, kinh nghiệm về ĐTM của một số quốc gia và tổ chức quốc tế trên thế giới

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

4.2.1. Cách tiếp cận chung của các mô hình quốc tế

4.2.1.1. Vai trò, mục tiêu của ĐTM

Mục tiêu cụ thể của ĐTM được nhiều quốc gia, tổ chức quốc tế xác lập như sau: (i) Đảm bảo rằng việc xem xét về môi trường và xã hội là rõ ràng và gắn kết với quá trình ra quyết định đầu tư; (ii) Xác định và mô tả rõ về tài nguyên và các giá trị môi trường ở vùng có thể bị tác động do dự án; (iii) Xác định và dự báo rõ cường độ và quy mô của các tác động có thể có/tác động tiềm tàng (potential impacts) của dự án đến môi trường tự nhiên và xã hội ở vùng bị ảnh hưởng; (iv) Đề xuất và phân tích rõ các phương án thay thế (alternatives) để giảm thiểu tác động xấu nếu dự án cần phải thực hiện; (v) Đảm bảo các biện pháp quản lý và công nghệ có tính hiệu quả và khả thi để giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án nhằm bảo vệ các hệ sinh thái và hạn chế ảnh hưởng xấu về xã hội; (vi) Chương trình hoặc Kế hoạch quản lý môi trường (Environmental Management Plan - EMP) phải bảo đảm quản lý tốt về môi trường trong các giai đoạn của dự án.

4.2.1.2. Quy trình thực hiện ĐTM

Quy trình ĐTM phổ biến trên thế giới được thể hiện tại hình 4.1.

- *Bước 1- Sàng lọc (Screening)*: Bước này nhằm phân loại các dự án và từ đó có quyết định dự án có phải thực hiện ĐTM hay không.

- *Bước 2- Xác định phạm vi (Scoping)*: Là quá trình xác định những vấn đề môi trường quan trọng nhất để nghiên cứu, giải quyết trong quá trình ĐTM.

- *Bước 3- Nghiên cứu lập cơ sở dữ liệu môi trường (Baseline studies)*: Bước này gồm các nghiên cứu lập cơ sở dữ liệu về đặc điểm hiện trạng môi trường vùng có thể bị tác động: khí hậu, địa hình, tài nguyên nước, đất đai, chất lượng môi trường nước, không khí, đa dạng sinh học, kinh tế, xã hội để tham chiếu. Trên cơ sở dữ liệu này, những thay đổi bất kỳ trong tương lai liên quan đến dự án có thể được đánh giá và cung cấp thông tin để sau đó giám sát hiệu quả về BVMT. Đây là tài liệu để lập "Hiện trạng môi trường vùng dự án".

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

- *Bước 4- Dự báo tác động (Impact assessment)*: Nghiên cứu dự báo và đề xuất các giảm thiểu chi tiết dựa trên kết quả báo cáo xác định phạm vi và được tiến hành song song với nghiên cứu khả thi. Dự báo và đánh giá tác động là cốt lõi của ĐTM. Quá trình này sẽ phân tích cụ thể các tác động đã được xác định trong bước "Xác định phạm vi".

- *Bước 5- Giảm thiểu tác động (Mitigations)*: Giảm thiểu nhằm loại trừ hoặc giảm bớt các tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên và xã hội. Các phương án giảm thiểu nói chung được xem xét theo thứ tự ưu tiên như sau: (1) Tránh tất cả các tác động xấu; (2) Giảm thiểu các tác động xấu khi không thể tránh được; (3) Phục hồi môi trường trở lại trạng thái ban đầu; (4) Cải tạo môi trường bị ảnh hưởng; (5) Đền bù tổn thất về môi trường, xã hội và kinh tế nếu không thể giảm thiểu.

- *Bước 6- Xem xét các phương án thay thế (Alternatives)*: Khi mọi biện pháp giảm thiểu đã được xác định, việc so sánh các phương án sẽ cho phép xác định phương án ít gây tổn hại nhất đến môi trường và xã hội. Đó là quá trình lặp đi lặp lại việc so sánh các tác động tiềm tàng và các phương án giảm thiểu của một loạt các phương án về thiết kế, địa điểm, công nghệ và vận hành của dự án để xác định phương án tối ưu thỏa mãn các yêu cầu về pháp lý của quốc gia và cơ quan tài trợ. Các phương án có thể bao gồm sự thay đổi vị trí dự án, công suất, quy trình công nghệ và xây dựng, và sàng lọc các nhà cung cấp để chọn những tổ chức có hệ thống quản lý môi trường thích hợp.

- *Bước 7- Lập Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội (Social and Environmental Management Plan- SEMP)*: Lập Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội (SEMP) là quá trình xác định các nguồn lực, vai trò và trách nhiệm để quản lý các tác động đến môi trường, xã hội và thực hiện các biện pháp giảm thiểu. SEMP tạo ra cầu nối giữa ĐTM và Hệ thống Quản lý môi trường và xã hội.

Các thành tố trung tâm của SEMP cần bao gồm mô tả theo thứ tự ưu tiên các hoạt động theo kế hoạch để giảm thiểu tác động, khung thời gian và xác định các nguồn lực để bảo đảm có thể được thực hiện, và kế hoạch truyền thông để công khai

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

thông tin về quá trình thực hiện SEMP. SEMP cũng cần định ra các yêu cầu giám sát môi trường để xác định việc giảm thiểu có thành công hay không

Bước 8- Báo cáo tác động môi trường (EIA report): Báo cáo tác động môi trường hoặc Báo cáo ĐTM là báo cáo về quá trình và các phát hiện của ĐTM. Báo cáo ĐTM cần đưa ra các thông tin, số liệu rõ ràng về các tác động tiềm tàng cũng như các biện pháp quản lý, giảm thiểu chúng. Báo cáo thường được làm cơ sở cho các hoạt động tham vấn cộng đồng và là tài liệu trình cho các cơ quan chức năng để ra quyết định. Công khai báo cáo này giúp các cộng đồng bị ảnh hưởng hiểu được các nguy cơ, tác động và cơ hội liên quan đến các dự án. Trong thực tế các Báo cáo ĐTM được biên soạn theo quy định về nội dung và cấu trúc do từng quốc gia hoặc tổ chức quốc tế quy định.



Hình 4.1. Quy trình ĐTM phổ biến trên thế giới (nguồn: UNEP, WB)

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

Tóm lại, kinh nghiệm thế giới cho thấy phương pháp tiếp cận ĐTM có những điểm giống nhau về thời điểm tiến hành (ĐTM được thực hiện trước khi hoạt động phát triển diễn ra), nguyên tắc khoa học (khoa học dự báo), các phương pháp ĐTM, các giải pháp giảm thiểu tác động tiêu cực; tuy nhiên có những khác nhau về quy trình thực hiện ở từng quốc gia.

4.2.2. Mô hình ĐTM tại Liên minh Châu Âu

Nhiều công cụ trong chính sách môi trường được Liên minh Châu Âu áp dụng, trong đó đã thiết lập cơ chế về các thủ tục bắt buộc và mềm dẻo để ĐTM. Chỉ thị 85/337/EEC về ĐTM lần đầu tiên được Liên minh Châu Âu ban hành vào năm 1985 và được sửa đổi vào các năm 1997, 2003, 2011. Có bảy vấn đề chính yêu cầu bắt buộc trong ĐTM của Liên minh Châu Âu:

(1) Mô tả dự án: Mô tả cụ thể dự án, nguồn tác động và yếu tố môi trường liên quan:

- Chia dự án thành các giai đoạn chính bao gồm xây dựng, vận hành, ngừng hoạt động;

- Đối với mỗi giai đoạn của dự án, liệt kê tất cả các nguồn tác động đến môi trường;

- Đối với mỗi giai đoạn của dự án, liệt kê tất cả các yếu tố đầu vào và đầu ra, ví dụ, ô nhiễm không khí, tiếng ồn, thủy văn...

(2) Xem xét các phương án chọn. Ví dụ: trong một nhà máy điện sinh khối, nhiên liệu sử dụng sẽ có nguồn từ địa phương hay quốc gia?

(3) Mô tả về môi trường: Liệt kê tất cả các khía cạnh của môi trường có thể bị ảnh hưởng bởi dự án. Ví dụ: quần thể, động vật, thực vật, không khí, đất, nước, con người, cảnh quan, di sản văn hóa.

(4) Mô tả các tác động đáng kể đến môi trường: Các nhận định “tác động đáng kể” phải được xác định cụ thể bằng các phương pháp định tính và định lượng. Một

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

phương pháp thường xuyên nhất được sử dụng ở đây là sử dụng các ma trận Leopold - một công cụ được sử dụng trong việc kiểm tra hệ thống tương tác tiềm năng.

(5) Giảm thiểu tác động: Dựa trên các dự báo, đánh giá tại mục (4), phần này đưa ra các giải pháp giảm thiểu tương ứng.

(6) Báo cáo ĐTM tóm tắt: Phần này hạn chế sử dụng thuật ngữ số liệu chuyên môn. Mục đích của phần này là để tham khảo ý kiến công chúng về dự án.

(7) Kết luận về những khó khăn kỹ thuật trong quá trình ĐTM: Chỉ ra những khó khăn kỹ thuật chưa thực hiện được trong quá trình ĐTM và định hướng về việc nghiên cứu trong tương lai; các vấn đề cần giám sát theo dõi khi thực hiện dự án.

4.2.3. Mô hình ĐTM tại Hoa Kỳ

Như đã đề cập ở trên, Mỹ là quốc gia đầu tiên phát triển hệ thống ĐTM. Cục Bảo vệ môi trường liên bang Mỹ (Environment protection Agency- EPA) đóng vai trò thống nhất trong quy trình quản lý của Đạo luật Chính sách Môi trường Quốc gia (NEPA). EPA có trách nhiệm chuẩn bị các tài liệu hướng dẫn chi tiết NEPA để bảo đảm sự tuân thủ. EPA chịu trách nhiệm theo Mục 309 của Đạo luật Không khí sạch để xem xét các báo cáo ĐTM của các cơ quan liên bang khác và bình luận về tính đầy đủ và sự chấp nhận của các tác động môi trường của dự án đề xuất. EPA cũng là kho lưu trữ cơ sở dữ liệu ĐTM do các cơ quan liên bang chuẩn bị.

Quy trình ĐTM tại Mỹ được chia thành 2 bước cơ bản: bước 1 - tiến hành đánh giá môi trường sơ bộ (environmental assesement- EA) để quyết định dự án có phải ĐTM chi tiết hay không; bước 2 - thực hiện đánh giá tác động môi trường chi tiết. Rất nhiều dự án tại Mỹ không phải thực hiện ĐTM chi tiết.

Đánh giá môi trường sơ bộ là một tài liệu công khai ngắn gọn do cơ quan hành động liên bang chuẩn bị nhằm cung cấp bằng chứng và phân tích để xác định nên chuẩn bị ĐTM hay không.

Cấu trúc của Đánh giá môi trường sơ bộ như sau:

- Tóm lược

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

- Giới thiệu: Bối cảnh, mục đích và nhu cầu phát triển của Dự án; các hoạt động được đề xuất; khung quyết định; sự tham gia của công chúng; các vấn đề cần quan tâm.

- Các lựa chọn thay thế, bao gồm hành động đề xuất, các lựa chọn khác; giảm nhẹ chung cho tất cả các lựa chọn thay thế; so sánh các giải pháp thay thế

- Hệ quả môi trường

- Tư vấn và điều phối

Thủ tục: Dự thảo Đánh giá môi trường sơ bộ sẽ được công bố rộng rãi trên các thông tin đại chúng để lấy ý kiến cộng đồng trong vòng 15 ngày (hoặc 30 ngày cho những trường hợp ngoại lệ). Ý kiến về dự thảo Đánh giá môi trường sơ bộ thường được thực hiện bằng văn bản hoặc email, gửi cho cơ quan soạn thảo. Trên cơ sở ý kiến được tổng hợp, nếu dự án phải thực hiện ĐTM, Đánh giá môi trường sơ bộ sẽ là tài liệu quan trọng có tính định hướng cho ĐTM. Việc chuẩn bị ĐTM sau đó tạo ra một quy trình tương tự nhưng thời gian dài hơn và tốn kém hơn.

Tại Mỹ, nội dung, chất lượng ĐTM có thể bị đưa ra Tòa án liên bang. Một số dự án lớn đã bị ngăn chặn do ĐTM không được chuẩn bị tốt. Một ví dụ nổi bật là việc xây dựng bãi chôn lấp và phát triển đường cao tốc Westway trong và dọc theo sông Hudson ở thành phố New York. Một trường hợp nổi bật khác là Sierra Club kiện Bộ Giao thông Nevada vì đã từ chối yêu cầu của câu lạc bộ để thực hiện ĐTM bổ sung nhằm giải quyết vấn đề khí thải của các hạt và các chất gây ô nhiễm không khí nguy hiểm trong trường hợp mở rộng Tuyến Hoa Kỳ 95 qua Las Vegas. Vụ kiện này đã được đưa ra Tòa án Kháng cáo Hoa Kỳ, dẫn đến việc xây dựng tuyến đường cao tốc bị tạm dừng cho tới khi có quyết định cuối cùng của tòa án.

Một số chính quyền tiểu bang đã thông qua "NEPAs nhỏ", luật của tiểu bang áp đặt yêu cầu ĐTM cho các dự án cụ thể của nhà nước. Một số luật tiểu bang như Đạo luật chất lượng môi trường California đề cập đến nghiên cứu tác động môi trường yêu cầu như là một báo cáo tác động môi trường. Sự đa dạng của các yêu cầu

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

ở cấp tiểu bang tạo ra dữ liệu dồi dào không chỉ dựa trên những tác động của các dự án tư nhân, mà còn trong các lĩnh vực khoa học chưa được nghiên cứu đầy đủ.

Qua nghiên cứu bước đầu về hệ thống BVMT nói chung và hệ thống ĐTM nói riêng cho thấy, hệ thống ĐTM của Mỹ khá hoàn chỉnh, bảo đảm tính dân chủ về môi trường và chú trọng đến quyền lợi của cư dân và đối tượng có thể bị tác động để quyết định cho phép triển khai dự án hay không. Hiện tại, Mỹ đang tiếp phát triển mô hình của mình tại các nước trong khu vực châu Á và toàn cầu. Trong quá trình triển khai đề tài này, cần tiếp tục nghiên cứu sâu hơn nữa mô hình ĐTM và sau ĐTM của Mỹ.

Thủ tục: Dự thảo Đánh giá môi trường sơ bộ sẽ được công bố rộng rãi trên các thông tin đại chúng để lấy ý kiến cộng đồng trong vòng 15 ngày (hoặc 30 ngày cho những trường hợp ngoại lệ). Ý kiến về dự thảo Đánh giá môi trường sơ bộ thường được thực hiện bằng văn bản hoặc email, gửi cho cơ quan soạn thảo. Trên cơ sở ý kiến được tổng hợp, nếu dự án phải thực hiện ĐTM, Đánh giá môi trường sơ bộ sẽ là tài liệu quan trọng có tính định hướng cho ĐTM. Việc chuẩn bị ĐTM sau đó tạo ra một quy trình tương tự nhưng thời gian dài hơn và tốn kém hơn.

4.2.4. Mô hình ĐTM tại Nhật Bản

Số loại hình cần bắt buộc ĐTM rất hạn chế, chỉ có 13 loại hình dự án cần lập báo cáo ĐTM (đường bộ, chỉnh trị sông, đường sắt, cảng hàng không, nhà máy điện, khu đổ thải, cải tạo đất, điều chỉnh sử dụng đất, khu dân cư mới, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng thành phố mới, tổ hợp trung tâm phân phối, phát triển đất ở và đất công nghiệp do các tổ chức chuyên dụng). Mỗi loại hình có một số kiểu dự án và được chia thành 2 loại (class) dự án: dự án loại 1 (class - 1) và dự án loại 2 (class - 2) theo quy mô hoặc diện tích. Mỗi loại có yêu cầu riêng về mức độ ĐTM. ĐTM được thực hiện rất thận trọng trong cả khâu nghiên cứu lập báo cáo và khâu thẩm định: Thời gian lập một báo cáo ĐTM cần trung bình 3 năm, chưa kể thời gian thẩm định. Chính sự thận trọng này giúp các dự án tại Nhật Bản hạn chế đến mức thấp nhất các tác động xấu đến môi trường tự nhiên và xã hội.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

4.2.5. Mô hình ĐTM tại Trung Quốc

Luật Đánh giá tác động môi trường yêu cầu ĐTM được hoàn thành trước khi xây dựng dự án. Tuy nhiên, nếu chủ dự án hoàn toàn bỏ qua yêu cầu này và xây dựng một dự án mà không nộp báo cáo ĐTM, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường sẽ yêu cầu chủ dự án đánh giá môi trường bổ sung (a make-up environmental assessment). Nếu chủ dự án không hoàn thành đánh giá này trong thời gian chỉ định, cơ quan có thẩm quyền sẽ xử phạt chủ dự án..

Theo số liệu tại Hội nghị ba bên Nhật Bản - Hàn Quốc - Trung Quốc lần thứ 2 về ĐTM, ĐMC đã được tổ chức vào tháng 11 năm 2013 tại Đại học Kinh tế Chiba - Nhật Bản, mỗi năm tại Trung Quốc có đến khoảng 30.000 báo cáo ĐTM đã được thực hiện cho các quy hoạch phát triển các vùng kinh tế, địa phương, ngành lĩnh vực, các lưu vực sông, các vùng kinh tế ven biển, vịnh biển... nhưng nhiều học giả Trung Quốc tự đánh giá: chất lượng ĐTM ở nước này vẫn còn chú trọng “phòng ngừa là chính”, nặng hình thức, ít thực chất so với Hàn Quốc và các nước tiên tiến trên thế giới. Tuy nhiên, tại Hồng Kông - Trung Quốc, hệ thống ĐTM của đã hài hòa với các quốc gia tiên tiến, các công cụ này không chỉ xem xét các tác động đến môi trường vật lý, môi trường sinh học mà còn đến tác động xã hội, chú trọng sự tham gia cộng đồng và công khai thông tin minh bạch nên được đánh giá thuộc loại tốt nhất châu Á.

4.2.6. Mô hình ĐTM tại Hàn Quốc

Theo thông tin từ Hiệp hội ĐTM Hàn Quốc (năm 2010) và các thông tin từ Hội nghị ba bên Nhật Bản - Hàn Quốc - Trung Quốc lần thứ 2 về ĐMC - ĐTM (tháng 11/2013), hiện nay ĐTM của Hàn Quốc khá tiên tiến: cơ sở pháp lý về ĐTM rõ ràng, các phương pháp, quy trình đã được xây dựng hoàn chỉnh, ĐTM rất chi tiết, có nghiên cứu khoa học. Đối tượng ĐTM là các dự án chiếm dụng nhiều đất, có ảnh hưởng lớn đa dạng sinh học và xã hội; ĐTM của hàn Quốc không chú trọng đến chất thải; vấn đề về chất thải được giải quyết thông qua Giấy phép môi trường.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

4.2.7. Mô hình ĐTM của một số nước trong khu vực Đông Nam Á

Trong khu vực Đông Nam Á, quy định về ĐTM đã được nhiều quốc gia áp dụng và triển khai thực hiện trên 40 năm. Ngoại trừ Singapore (vấn đề đánh giá tác động môi trường đối với hoạt động phát triển đầu tư đã được xem xét ngay từ khâu quy hoạch phát triển khu vực, do đó, không quy định thủ tục ĐTM cho các dự án riêng lẻ), hầu hết các nước trong khu vực đều có các văn bản quy định chính thức về ĐTM cho các dự án có khả năng tác động đến môi trường và xã hội và đây cũng được coi là công cụ quản lý môi trường quan trọng để phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường trong giai đoạn xem xét chấp thuận dự án đầu tư tại nhiều quốc gia khu vực Đông Nam Á.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

Bảng 4.1. Tổng hợp quy định về ĐTM hiện hành tại các quốc gia khu vực Đông Nam Á

Quốc gia	Công cụ ĐTM	Quy trình ĐTM	Tham vấn cộng đồng	Hiệu lực của quyết định ĐTM
Thái Lan	Đánh giá môi trường sơ bộ (IEE) Đánh giá tác động môi trường (EIA) Đánh giá tác động sức khỏe môi trường (EHIA)	Sàng lọc - Xác định phạm vi - Mô tả dự án và thu thập thông tin nền - Đánh giá tác động môi trường - Biện pháp giảm thiểu và chương trình quan trắc - Thẩm định, chấp thuận ĐTM	Tham vấn 02 lần: Trong quá trình Xác định phạm vi và đối với Báo cáo ĐTM	05 năm kể từ ngày nhận được quyết định chấp thuận ĐTM
Brunei	Phân tích tác động môi trường (EIA)	Sàng lọc - ĐTM sơ bộ - ĐTM chi tiết - Thẩm định, chấp thuận ĐTM	Không quy định cụ thể	Không quy định cụ thể
Campuchia	Đánh giá môi trường sơ bộ (IEE) Đánh giá tác động môi trường đầy đủ (FEIA)	Sàng lọc - Chuẩn bị, lập báo cáo ĐTM - Thẩm định, chấp thuận ĐTM	Tham vấn cộng đồng trong quá trình lập báo cáo ĐTM. Có yêu cầu công bố thông tin để tham vấn.	Không quy định cụ thể
Indonesia	Phân tích tác động môi trường (AMDAL) Kế hoạch quan trắc và quản lý môi trường (UKL-UPL) Hiện trạng quản lý và năng lực quan trắc môi trường (SPPL)	Sàng lọc - Xác định phạm vi - Chuẩn bị báo cáo ĐTM và chấp thuận - Kiến nghị cấp giấy phép môi trường	Tham vấn cộng đồng trong quá trình Xác định phạm vi.	Sau khi nhận được quyết định chấp thuận ĐTM, chủ đầu tư phải triển khai khởi công dự án trong vòng 03 năm

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

Quốc gia	Công cụ ĐTM	Quy trình ĐTM	Tham vấn cộng đồng	Hiệu lực của quyết định ĐTM
Lào	Đánh giá môi trường sơ bộ (IEE) Đánh giá tác động môi trường và xã hội (ESIA)	Sàng lọc - Xác định phạm vi - Chuẩn bị báo cáo ĐTM sơ bộ và Đánh giá tác động môi trường, xã hội - Thẩm định, chấp thuận các báo cáo ĐTM.	Tham vấn 02 lần: Trong quá trình Xác định phạm vi và lập Báo cáo ĐTM	02 năm kể từ ngày nhận được chứng nhận chấp thuận cả Đánh giá môi trường sơ bộ và Đánh giá tác động môi trường và xã hội
Malaysia	Đánh giá tác động môi trường sơ bộ (PEIA) Đánh giá tác động môi trường chi tiết (DEIA)	Sàng lọc - Xác định phạm vi - Chuẩn bị báo cáo ĐTM - Thẩm định, chấp thuận Báo cáo ĐTM - Giám sát Kế hoạch quản lý môi trường	Tham vấn 02 lần: Trong quá trình Xác định phạm vi và lập Báo cáo ĐTM. (Báo cáo tóm tắt của ĐTM sơ bộ được lấy ý kiến trên website)	02 năm
Myanma	Đánh giá môi trường sơ bộ (IEE) Đánh giá tác động môi trường (EIA)	Sàng lọc - Lựa chọn chuyên gia - Xác định phạm vi - Thực hiện ĐTM và lập báo cáo ĐTM - Thẩm định ĐTM - Chấp thuận báo cáo ĐTM và ban hành Chứng nhận tuân thủ môi trường	Tham vấn 03 lần: Trong quá trình Xác định phạm vi; thực hiện, lập Báo cáo ĐTM và quá trình Thẩm định ĐTM.	Chứng nhận tuân thủ môi trường sẽ có hiệu lực trong vòng 05 năm
Phillipine	Đánh giá môi trường sơ bộ (IEE) Báo cáo tác động môi trường (EIS)	Sàng lọc - Xác định phạm vi - Chuẩn bị báo cáo ĐTM - Thẩm định,	Tham vấn 03 lần: Trong quá trình Xác định phạm vi; Lập Báo cáo ĐTM và Thẩm định ĐTM.	Chứng nhận tuân thủ môi trường sẽ có hiệu lực trong vòng 05 năm.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

Quốc gia	Công cụ ĐTM	Quy trình ĐTM	Tham vấn cộng đồng	Hiệu lực của quyết định ĐTM
	Kế hoạch quản lý và báo cáo thực thi môi trường (EPRMP)	chấp thuận báo cáo ĐTM		Sau thời gian này, nếu dự án không bắt đầu triển khai sẽ phải thực hiện lại quy trình xin cấp lại.
Singapore	Nghiên cứu kiểm soát ô nhiễm (PCS) Đánh giá (định lượng) rủi ro (QRA)	Hệ thống quy định pháp luật Singapore không quy định cụ thể về ĐTM vì quy hoạch tổng thể sử dụng đất đã xem xét các vấn đề phát triển đầu tư và bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, theo Luật Quản lý và bảo vệ môi trường 2002, chủ dự án sẽ phải thực hiện Nghiên cứu kiểm soát ô nhiễm. Các dự án xử lý, dự trữ hoá chất nguy hại quy mô lớn phải thực hiện Đánh giá định lượng rủi ro.	Không quy định.	Không quy định cụ thể.

(Nguồn: Hướng dẫn ĐTM cho các dự án phát triển đầu tư trong Cộng đồng kinh tế ASEAN [55])

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

Mặc dù các quy định chính sách về ĐTM có tính pháp lý và tương đối cụ thể tại các quốc gia khu vực Đông Nam Á, tuy nhiên, theo báo cáo tổng quan của Hội nghị về ĐTM được tổ chức tại Nagoya Nhật Bản năm 2016, chất lượng của báo cáo ĐTM là một thách thức chung tại các nước Cambodia, Lào, Indonesia, Myanmar, Thái Lan và Việt Nam. Tại các quốc gia này, tính định lượng trong ĐTM còn hạn chế, ít cung cấp bản đồ hoặc số liệu điều tra, thường sao chép văn bản từ các tài liệu khác.

Đánh giá tác động là phần cốt lõi của báo cáo ĐTM, tuy nhiên, tại nhiều nước, nội dung này thường được hợp lý hóa do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân hạn chế về ngân sách và thời gian, yếu kém trong phân tích khoa học và thiếu vắng phòng thí nghiệm. Tính độc lập của chuyên gia tư vấn không được đảm bảo do mối quan hệ gần gũi giữa chủ dự án và chuyên gia tư vấn hoặc do lợi tài chính mà chủ dự án dành cho chuyên gia tư vấn.

Kế hoạch giám sát môi trường có vai trò hỗ trợ để giải quyết sự không chắc chắn của các dự báo trong quá trình ĐTM. Tuy nhiên, thách thức thường gặp là các kế hoạch giám sát môi trường thường quá chung chung để thực hiện, không có hệ thống phân cấp giảm thiểu tác động hoặc không có phương án thay thế. Đối với việc bảo vệ đa dạng sinh học/hệ sinh thái còn xem nhẹ. Ví dụ như tại Indonesia, thường khoảng 80% chi phí khảo sát được phân bổ cho các vấn đề môi trường vật lý, chỉ 20% được phân bổ cho các vấn đề sinh học và xã hội. Khả năng tiếp cận các phân tích khoa học, các phòng thí nghiệm ở một số nước (Myanmar, Lào) còn rất hạn chế.

Liên quan đến chất lượng, hiệu quả thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM, kiến thức của các cán bộ, nhân viên các cơ quan thẩm định có vai trò quyết định. Tuy nhiên đây đang là trở ngại tại các quốc gia trong khu vực. Ở Campuchia, ngoài các hoạt động thẩm định của Bộ Môi trường, các bộ, ngành khác và các tổ chức nhà nước, không có sự tham gia của các chuyên gia bên ngoài trong quá trình thẩm định báo cáo ĐTM.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

4.2.8. Mô hình ĐTM của một số tổ chức quốc tế

4.2.8.1. Mô hình ĐTM của Ngân hàng thế giới

Khung chính sách mới của NHTG đã đưa các quy định về môi trường và xã hội của NHTG hài hòa hơn với chính sách của các tổ chức phát triển khác, cũng như hài hòa với chính sách của một số ngân hàng thương mại khác (các ngân hàng áp dụng nguyên lý xích đạo trong quản lý rủi ro và tác động môi trường và xã hội), thể hiện nhiều tiến bộ quan trọng trong các lĩnh vực như minh bạch, chống phân biệt đối xử, hòa nhập xã hội, sự tham gia của người dân, trách nhiệm giải trình – bao gồm mở rộng vai trò của cơ chế giải quyết khiếu nại.

Khung chính sách Môi trường và Xã hội mới bao gồm cả nguyên tắc bảo vệ điều kiện lao động và làm việc toàn diện; một nguyên tắc bao trùm chống phân biệt đối xử; sức khỏe cộng đồng; các biện pháp để giải quyết những vấn đề về an toàn giao thông; ứng phó khẩn cấp và giảm nhẹ thiên tai; và trách nhiệm huy động sự tham gia của các bên liên quan trong suốt chu kỳ dự án.

Khung chính sách Môi trường và Xã hội mới thúc đẩy hơn nữa các đầu ra phát triển tốt hơn và bền vững hơn, giúp giảm thiểu rủi ro và tác động đối với các dự án, công ty, môi trường và con người; theo đó có quy định diện bao phủ và tiếp cận rộng hơn, mang lại lợi ích cho nhiều người hơn, đặc biệt là những nhóm người có hoàn cảnh khó khăn và dễ bị tổn thương. Khung chính sách cũng tăng cường quan hệ đối tác với các ngân hàng phát triển đa phương, đối tác phát triển và các nhà tài trợ song phương.

Khung chính sách Môi trường và Xã hội cho các Dự án đầu tư được xây dựng trên cơ sở 10 tiêu TCMTXH [62] gồm:

TCMTXH1: Đánh giá và Quản lý các rủi ro và tác động môi trường và xã hội

TCMTXH2: Lao động và điều kiện làm việc

TCMTXH3: Sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, phòng chống và kiểm soát ô nhiễm

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

TCMTXH4: Sức khỏe và an toàn cộng đồng

TCMTXH5: Thu hồi đất, những hạn chế sử dụng đất, và tái định cư không tự nguyện

TCMTXH6: Bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên

TCMTXH7: Dân tộc thiểu số

TCMTXH8: Di sản Văn hóa

TCMTXH9: Trung gian tài chính

TCMTXH10: Huy động sự tham gia của các bên liên quan và công khai thông tin.

Thời điểm thực hiện ĐTM:

Quá trình xây dựng dự án có nhiều giai đoạn, về nguyên tắc, quá trình thực hiện ĐTMX phải đi song song với quá trình xây dựng dự án. Mục tiêu cuối cùng của ĐTMX là phải có được một báo cáo ĐTMX để làm căn cứ xem xét, phê duyệt và triển khai dự án. Quy trình thực hiện ĐTMX trong các dự án vay vốn NHTG thường được bắt đầu sớm ngay từ giai đoạn Nghiên cứu tiền khả thi đến giai đoạn Nghiên cứu khả thi. Báo cáo ĐTMX được trình phê duyệt cùng với dự thảo cuối cùng của Báo cáo nghiên cứu khả thi.

Sàng lọc dự án:

Sàng lọc là bước thực hiện đầu tiên của quy trình ĐTM với mục tiêu: (i) xác định những vấn đề môi trường và xã hội chính của dự án; (ii) xác định những tiêu chuẩn môi trường và xã hội áp dụng cho dự án trên cơ sở yêu cầu cả các TCMTXH; (iii) phân loại dự án về môi trường và xã hội, Rủi ro cao, Rủi ro đáng kể, Rủi ro trung bình hoặc Rủi ro thấp theo yêu cầu trong TCMTXH1; (iv) xác định loại công cụ đánh giá môi trường và xã hội sẽ được sử dụng theo yêu cầu trong TCMTXH1 và các TCMTXH áp dụng cho dự án; và (v) xác định mức độ chi tiết của đánh giá môi trường và xã hội, chi tiết hay không chi tiết. Việc sàng lọc này được dựa trên cơ sở

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

kết quả xem xét, đánh giá sơ bộ mức độ nghiêm trọng của các tác động tiềm tàng của dự án lên môi trường và xã hội dựa trên thông tin hiện có tại thời điểm đề xuất sơ bộ dự án (Giai đoạn ý tưởng dự án).

Thời gian thực hiện sàng lọc phụ thuộc vào chủng loại dự án đề xuất, điều kiện môi trường và mức độ kinh nghiệm về các tác động tiềm năng. Thời gian sàng lọc có thể rất nhanh, song cũng có nhiều trường hợp có thể kéo dài hơn.

Ngân hàng Thế giới phân loại mọi dự án theo 4 nhóm theo mức độ về môi trường và xã hội: *Rủi ro cao, Rủi ro đáng kể, Rủi ro trung bình hoặc Rủi ro thấp*, có tính đến tất cả các rủi ro và tác động tiềm tàng có liên quan, bao gồm:

a) Loại, vị trí, mức độ nhạy cảm và quy mô của dự án, bao gồm nhưng không giới hạn ở các mối quan tâm về vật chất của dự án; loại cơ sở hạ tầng (ví dụ như đập và hồ chứa, nhà máy điện, sân bay, đường giao thông chính); khối lượng quản lý và tiêu hủy chất thải nguy hại, khu vực địa lý bị ảnh hưởng;

b) Tính chất và mức độ của những rủi ro và tác động tiềm tàng về môi trường và xã hội, bao gồm nhưng không giới hạn ở tác động đến những các địa bàn đầu tư mới; tác động đến những các địa bàn đầu tư bổ sung (ví dụ như hoạt động sửa chữa, bảo trì hoặc nâng cấp); tính chất của những rủi ro và tác động tiềm tàng (ví dụ, có rủi ro và tác động có thể không đảo ngược được không, có rủi ro và tác động chưa từng có hoặc phức tạp không); các hoạt động tái định cư; có sự sinh sống của người dân tộc thiểu số; và các biện pháp giảm thiểu có thể thực hiện, có tính đến nguyên tắc về trình tự giảm thiểu;

c) Năng lực và cam kết của Chính phủ trong việc quản lý những rủi ro và tác động đó nhất quán với các tiêu chuẩn môi trường và xã hội (TCMTXH), bao gồm nhưng không giới hạn ở các chính sách của quốc gia, khung pháp lý và thể chế; luật, quy định, quy tắc và quy trình thủ tục áp dụng cho lĩnh vực dự án, bao gồm các yêu cầu của khu vực và địa phương; năng lực chuyên môn và thể chế của Chính phủ; hồ sơ theo dõi thực hiện các dự án trước đây của Chính phủ; và nguồn lực tài chính và nhân lực hiện có để quản lý dự án;

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

d) Các lĩnh vực rủi ro khác có thể liên quan đến việc thực hiện những biện pháp và kết quả giảm thiểu môi trường và xã hội, tùy thuộc vào dự án cụ thể và bối cảnh mà dự án đang được phát triển, bao gồm nhưng không giới hạn ở tính chất của việc giảm thiểu và công nghệ đang được đề xuất, những cân nhắc liên quan đến sự ổn định, xung đột hoặc an ninh trong nước và/hoặc khu vực.

Ngân hàng Thế giới phân loại một dự án là ***Rủi ro cao*** sau khi xem xét, một cách tổng thể, các rủi ro và tác động của dự án, và xác định những điều sau đây:

a. Dự án có khả năng tạo ra một loạt các rủi ro và tác động bất lợi lớn đối với người dân hoặc môi trường. Điều này có thể là do tính chất phức tạp của dự án, quy mô (từ lớn đến rất lớn) hoặc độ nhạy cảm của (các) vị trí của dự án. Việc xếp hạng này có tính đến việc liệu các rủi ro và tác động tiềm tàng liên quan đến dự án có phần lớn hay tất cả những đặc điểm sau hay không:

(i) Rủi ro và tác động dài hạn, vĩnh viễn và/hoặc không thể đảo ngược (ví dụ như mất môi trường sống tự nhiên quan trọng hoặc chuyển đổi đất ngập nước), và không thể tránh hoàn toàn do tính chất của dự án;

(ii) Rủi ro và tác động có mức độ lớn và/hoặc trong phạm vi không gian rộng (diện tích địa lý hoặc quy mô dân số có khả năng bị ảnh hưởng lớn đến rất lớn);

(iii) Tác động bất lợi tích lũy rất lớn;

(iv) Tác động bất lợi xuyên biên giới rất lớn; và

(v) Xác suất xảy ra những tác động bất lợi nghiêm trọng đối với sức khỏe con người và/hoặc môi trường cao (ví dụ như do tai nạn, tiêu huỷ chất thải nguy hại,...);

b. Khu vực có thể bị ảnh hưởng có giá trị cao và nhạy cảm, ví dụ như các hệ sinh thái và sinh cảnh có giá trị và nhạy cảm (như khu bảo tồn, Công viên quốc gia, Di sản thế giới, Tràm chim quan trọng), đất đai hoặc quyền của người dân tộc thiểu số hoặc người thiểu số dễ bị tổn thương khác, hoạt động thu hồi đất hoặc tái định cư không tự nguyện tập trung hoặc phức tạp, tác động đến di sản văn hóa hoặc khu vực đô thị đông dân cư;

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

c. Một số rủi ro và tác động bất lợi về môi trường và xã hội của dự án không thể giảm thiểu hoặc các biện pháp giảm thiểu cụ thể có yêu cầu giảm thiểu phức tạp và/hoặc chưa được kiểm chứng, các biện pháp hoặc công nghệ đền bù, hoặc phân tích và biện pháp thực hiện xã hội phức tạp;

d. Có những mối quan ngại lớn là những tác động xã hội bất lợi của dự án, và các biện pháp giảm thiểu liên quan, có thể gây ra xung đột xã hội hoặc tổn hại đáng kể hoặc rủi ro cao đối với an ninh trật tự của người dân;

e. Có lịch sử bất ổn trong khu vực của dự án hoặc ngành, và có thể có những lo ngại đáng kể về các hoạt động của các lực lượng an ninh;

f. Dự án đang được phát triển trong môi trường pháp lý, mà không chắc chắn hoặc có xung đột lớn về thẩm quyền của các cơ quan đang cạnh tranh với nhau, hoặc các văn bản luật hoặc quy định pháp lý không xử lý được hết những rủi ro và tác động của dự án phức tạp, hoặc có những thay đổi về pháp luật hiện hành, hoặc khả năng thực thi còn yếu;

g. Kinh nghiệm trước đây của Chính phủ và các cơ quan thực hiện trong việc xây dựng dự án phức tạp còn hạn chế, hồ sơ theo dõi của họ về các vấn đề môi trường và xã hội cho thấy những khó khăn hoặc quan ngại lớn do tính chất rủi ro và tác động tiềm tàng trong dự án;

h. Có mối quan ngại lớn về năng lực và cam kết, và hồ sơ theo dõi của các bên liên quan trong dự án, liên quan đến sự tham gia của các bên liên quan;

i. Có một số yếu tố ngoài tầm kiểm soát của dự án có thể có tác động đáng kể đến hiệu quả và kết quả về môi trường và xã hội của dự án.

Ngân hàng Thế giới phân loại một dự án là **Rủi ro đáng kể** sau khi xem xét, một cách tổng thể, các rủi ro và tác động của dự án, và xác định những điều sau đây:

a. Dự án có thể không phức tạp như các dự án *Rủi ro cao*, quy mô và tác động về môi trường và xã hội có thể nhỏ hơn (từ lớn đến trung bình) và vị trí có thể không nằm trong khu vực nhạy cảm như vậy. Việc xếp hạng này có tính đến việc

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

liệu các rủi ro và tác động tiềm tàng liên quan đến dự án có phần lớn hay tất cả những đặc điểm sau hay không;

b. Phần lớn rủi ro và tác động tiềm tàng mang tính tạm thời, có thể dự đoán và/hoặc có thể đảo ngược và tính chất của dự án không loại trừ khả năng có thể tránh hoặc đảo ngược những rủi ro và tác động này (mặc dù có thể cần đầu tư thêm nhiều chi phí và thời gian);

c. Có những mối quan ngại lớn là những tác động xã hội bất lợi của dự án, và các biện pháp giảm thiểu liên quan, có thể gây ra một mức độ hạn chế về xung đột xã hội, thiệt hại hoặc rủi ro đối với an ninh trật tự của người dân;

d. Rủi ro và tác động tiềm tàng có độ lớn và/hoặc trong phạm vi không gian ở mức trung bình (khu vực địa lý và quy mô dân số có khả năng bị ảnh hưởng là từ trung bình đến lớn);

e. Có khả năng gây tác động tích lũy và/hoặc xuyên biên giới, nhưng mức độ nghiêm trọng ít hơn và dễ phòng tránh hoặc giảm nhẹ hơn so với các dự án có Rủi ro cao;

f. Xác suất xảy ra những tác động bất lợi nghiêm trọng đối với sức khỏe con người và/hoặc môi trường ở mức từ trung bình đến thấp (ví dụ như do tai nạn, tiêu huỷ chất thải nguy hại,...), và có cơ chế đã biết và đáng tin cậy để ngăn ngừa hoặc giảm thiểu các sự cố đó;

g. Tác động của dự án đối với các khu vực có giá trị hoặc độ nhạy cao sẽ thấp hơn các dự án có Rủi ro cao;

h. Các biện pháp giảm nhẹ và/hoặc đền bù có thể được thiết kế một cách dễ dàng và đáng tin cậy hơn so với các dự án có Rủi ro cao.

i. Dự án đang được phát triển trong môi trường pháp lý, mà không chắc chắn hoặc có xung đột lớn về thẩm quyền của các cơ quan đang cạnh tranh với nhau, hoặc các văn bản luật hoặc quy định pháp lý không xử lý được hết những rủi ro và tác

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

động của dự án phức tạp, hoặc có những thay đổi về pháp luật hiện hành, hoặc khả năng thực thi còn yếu

j. Kinh nghiệm trước đây của Chính phủ và các cơ quan thực hiện trong việc xây dựng dự án phức tạp còn hạn chế về một số khía cạnh, hồ sơ theo dõi của họ về các vấn đề môi trường và xã hội cho thấy một số quan ngại mà có thể dễ dàng được giải quyết khi có hỗ trợ thực hiện.

k. Có một số quan ngại về năng lực và cam kết quản lý sự tham gia của các bên liên quan, nhưng những quan ngại này có thể dễ dàng được giải quyết khi có hỗ trợ thực hiện.

Ngân hàng Thế giới phân loại một dự án là **Rủi ro trung bình** sau khi xem xét, một cách tổng thể, các rủi ro và tác động của dự án, và xác định những điều sau đây:

a. Những rủi ro và tác động bất lợi tiềm tàng đối với người dân và/hoặc môi trường có thể không lớn. Đó là nhờ dự án không phức tạp và/hoặc có quy mô lớn, không liên quan đến các hoạt động có tiềm năng cao gây hại cho con người hoặc môi trường và nằm cách xa các khu vực nhạy cảm về môi trường hoặc xã hội. Như vậy, các rủi ro, tác động và vấn đề tiềm tàng có thể có những đặc điểm sau:

(i) Có thể dự đoán được và dự kiến sẽ mang tính tạm thời và/hoặc có thể đảo ngược;

(ii) Có mức độ thấp;

(iii) Phát sinh tại địa điểm cụ thể, không có khả năng tác động ngoài khu vực thực tế của dự án;

(iv) Có xác suất xảy ra những tác động bất lợi nghiêm trọng đối với sức khỏe con người và/hoặc môi trường ở mức thấp (ví dụ như không liên quan đến việc sử dụng hoặc tiêu huỷ vật liệu nguy hại, các biện pháp phòng ngừa an toàn thường xuyên dự kiến sẽ đủ để ngăn ngừa tai nạn,...)

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

b. Các rủi ro và tác động có thể dễ dàng giảm nhẹ theo cách có thể đoán trước được.

Ngân hàng phân loại một dự án là ***Rủi ro thấp*** nếu các rủi ro và tác động bất lợi tiềm tàng của dự án đối với người dân và/hoặc môi trường có thể là nhỏ hoặc không đáng kể. Những dự án này, khi có ít hoặc không có rủi ro, tác động và vấn đề bất lợi, không cần phải đánh giá môi trường và xã hội bổ sung sau khi sàng lọc ban đầu.

NHTG đánh giá việc xếp hạng rủi ro môi trường và xã hội thường xuyên trong suốt vòng đời dự án để đảm bảo việc xếp hạng luôn phản ánh chính xác mức độ rủi ro của dự án. Cụ thể là NHTG xem xét các rủi ro hoặc tác động của dự án mà không được dự đoán trước được; những thay đổi trong Khung MTXH của Chính phủ; hiệu quả môi trường và xã hội hiện hành của dự án; cam kết của Chính phủ; và thông tin trong những báo cáo sau để đánh giá liệu việc xếp hạng rủi ro môi trường và xã hội phù hợp nữa hay không: i) Báo cáo thực hiện Kế hoạch cam kết môi trường và xã hội (CKMTXH); ii) Báo cáo giám sát hàng năm; và iii) Báo cáo tình hình và kết quả thực hiện dự án.

4.2.8.2. Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC)

Về cơ bản kinh nghiệm của IFC về hoạt động đánh giá tác động môi trường tương tự như của NHTG [16]. Sau đây là 1 số nội dung chính cụ thể có liên quan đến kinh nghiệm của IFC:

(i) Sàng lọc dự án

Việc phân hạng dự án được IFC dựa vào sự phân hạng (phân loại) IFC cũng thực hiện như của NHTG.

(ii) Định hướng thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm trong ĐTM:

Để giảm thiểu, hạn chế đến mức thấp nhất các tác động xấu của dự án đến môi trường tự nhiên và xã hội giảm thiểu của mỗi dự án IFC đưa ra 7 định hướng [16] theo trình tự như sau:

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

- Tránh (avoidance) tất cả các tác động xấu (Ví dụ: lựa chọn vị trí dự án phù hợp, tránh gây tổn thất cho các hệ sinh thái hoặc kinh tế - xã hội...);
- Ngăn ngừa (prevention): dự phòng ngăn ngừa các tác động xấu;
- Bảo vệ (preservation): bảo vệ khỏi các tác động xấu có thể do dự án gây ra trong tương lai;
- Giảm thiểu (minimization): với các tác động xấu khi không thể tránh được (thí dụ áp dụng các biện pháp về quản lý, công nghệ để kiểm soát ô nhiễm; bảo vệ sức khỏe; hạn chế tổn thất về đa dạng học, giảm nhẹ ảnh hưởng xấu đến KT-XH của địa phương...);
- Cải tạo (rehabilitation): sửa chữa, khắc phục các tổn thất về môi trường (thí dụ: các biện pháp hoàn thổ, vệ sinh môi trường sau thi công; cải tạo các nơi cư trú tự nhiên...);
- Hồi phục (restoration): khôi phục về trạng thái ban đầu các thành phần môi trường đã bị tác hại do hoạt động của dự án;
- Đền bù (compensation) tổn thất về môi trường, sức khỏe công nhân, cộng đồng bị ảnh hưởng nếu các tác động vẫn chưa được khắc phục (thí dụ: đền bù thiệt hại kinh tế do ô nhiễm môi trường, do chiếm dụng đất đai; trồng rừng đền bù do dự án làm mất rừng...).

Quy định này được nêu trong “IFC - Performance Standard 1 – Assessment and Management of Environmental and Social Risks and Impacts”, 01/2012 [16] và trong nhiều tài liệu quốc tế khác.

Ngoài ra, đối với 1 số dự án các tổ chức quốc tế còn yêu cầu thực hiện “Kiểm toán môi trường” (Environmental Auditing) trong quá trình thực hiện dự án. Phòng Thương mại quốc tế (ICC): “Kiểm toán môi trường là công cụ quản lý bao gồm việc đánh giá một cách hệ thống, lập tài liệu định kỳ và theo đối tượng để xác định công tác tổ chức, quản lý môi trường đạt kết quả như thế nào nhằm đảm bảo an toàn về môi trường”. Kiểm toán môi trường có tác dụng làm thuận tiện công tác giám sát

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

quản lý môi trường trong thực tế và đánh giá sự tuân thủ đối với các quy định về môi trường.

4.2.8.3. Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)

(i) Chính sách an toàn môi trường và xã hội của Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB)

Năm 1993, ADB đã đưa ra yêu cầu bắt buộc và quy trình thực hiện ĐTM cho các dự án và các chương trình muốn vay vốn từ ngân hàng này. Năm 2009 ADB ban hành “ADB’s Safeguard Policy Statement– SPS (6/2009)” thay cho các quy định trước đây.

ADB đã ban hành trên 20 hướng dẫn kỹ thuật về ĐTM, trong đó có nêu các biện pháp giảm thiểu, BVMT.

Sau đây là các nội dung chính liên quan đến chính sách bảo vệ của ADB:

Mục tiêu của Tuyên bố Chính sách bảo vệ của ADB

- Tránh được các tác động xấu của dự án đến môi trường và dân chúng;
- Giảm thiểu, làm nhẹ hoặc đền bù đối với các tác động xấu lên môi trường và dân chúng khi không tránh được tác động xấu;
- Hỗ trợ khách hàng/người vay cải thiện hệ thống an toàn và nâng cao khả năng quản lý các rủi ro về môi trường và xã hội.

Các chính sách an toàn môi trường và xã hội của ADB

- Yêu cầu an toàn môi trường và xã hội 1: Môi trường;
- Yêu cầu an toàn môi trường và xã hội 2: Tái định cư không tự nguyện;
- Yêu cầu an toàn môi trường và xã hội 3: Dân tộc thiểu số;
- Yêu cầu an toàn môi trường và xã hội 4: Các yêu cầu đặc biệt về các phương thức tài chính khác nhau.

(ii) Các yêu cầu chung về xem xét môi trường

- Sàng lọc và xếp hạng dự án (Screening and Categorization)

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

ADB sẽ thực hiện sàng lọc và xếp hạng dự án ngay ở giai đoạn sớm nhất khi có đủ thông tin cho mục đích này. Công tác sàng lọc và xếp hạng nhằm (i) phản ánh dấu hiệu các tác động và sự cố tiềm tàng mà dự án có thể gây ra; (ii) xác định mức độ cần đánh giá và nguồn lực thể chế cần có đối với các biện pháp bảo vệ và (iii) xác định các yêu cầu công khai dự án. ADB phân dự án thành 4 hạng (Category) là: Hạng A, Hạng B, Hạng C và Hạng FI.

- Tái định cư không tự nguyện (Involuntary Resettlement)

ADB sẽ thực hiện sàng lọc tất cả các dự án để xác định liệu dự án có vấn đề tái định cư không tự nguyện hay không.

- Dân tộc thiểu số (Indigenous Peoples)

ADB sẽ thực hiện sàng lọc tất cả các dự án để xác định liệu dự án có tác động đến dân tộc thiểu số hay không. Mức độ tác động được xác định bằng (i) Quy mô tác động đến quyền sử dụng đất đai và tài nguyên thiên nhiên; giáo dục, sức khỏe, KT-XH, văn hóa, hệ thống sinh kế, an toàn xã hội của người dân tộc thiểu số; (ii) Sự tổn thương của người dân tộc thiểu số do bị ảnh hưởng bởi dự án.

- Công khai thông tin

ADB sẽ làm việc với Bên vay/chủ dự án để đảm bảo các thông tin (tác động tích cực và tiêu cực) về xã hội và môi trường sẽ được công khai đúng thời điểm, địa điểm và bằng ngôn ngữ dễ hiểu đối với các hộ bị ảnh hưởng và các bên liên quan.

- Tham vấn và tham gia

ADB sẽ làm việc với Bên vay/chủ dự án để đảm bảo quá trình tham vấn có ý nghĩa.

- Đánh giá tuân thủ và xem xét (Due diligence and review)

ADB sẽ xem xét đánh giá sự tuân thủ của người vay/chủ dự án đối với các chính sách bảo vệ của ADB trong quá trình triển khai dự án. Việc đánh giá bao gồm cả điều tra thực địa và xem xét các hồ sơ, tài liệu tại văn phòng.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

- Cơ chế giải quyết khiếu kiện tại chỗ (Local Grievance Redress Mechanism)

ABD yêu cầu Bên vay/chủ dự án phải lập Cơ chế giải quyết khiếu kiện để thu nhận, giải quyết các khiếu nại về tác động môi trường và xã hội của dự án. Cho đến nay cả ADB và NHTG yêu cầu lập và thực hiện Cơ chế giải quyết khiếu kiện.

(iii) Phân hạng các dự án

Dựa vào ý nghĩa của các loại tác động và rủi ro tiềm tàng về môi trường và xã hội các dự án được phân thành bốn hạng (category) như sau:

- Hạng A: Các dự án có tác động xấu và rõ rệt đến môi trường và xã hội; tác động đến ngoài vùng dự án. Dự án thuộc hạng này cần có báo cáo ĐTM chi tiết kèm theo kế hoạch quản lý môi trường (KQM). Tuy nhiên ADB không quy định chi tiết theo loại hình, quy mô, công suất của dự án mà sẽ cử chuyên gia xem xét phân hạng khi nhận được báo cáo dự án và khảo sát thực địa.

- Hạng B: Các dự án có tác động xấu đến môi trường và xã hội nhưng ở mức độ nhẹ hơn so với các dự án hạng A; chủ yếu tác động trong phạm vi vùng dự án; phần lớn không gây tác động không thể phục hồi; các biện pháp giảm thiểu dễ dàng hơn dự án hạng A. Các dự án thuộc hạng B chỉ cần có ĐTM sơ bộ (Initial Environmental Examination, IEE) kèm theo KQM. Tuy nhiên ADB không quy định chi tiết theo loại hình, quy mô, công suất của dự án mà sẽ cử chuyên gia xem xét phân hạng khi nhận được báo cáo dự án và khảo sát thực địa.

- Hạng C: Các dự án dường như chỉ gây tác động tối thiểu hoặc không gây tác động xấu đến môi trường và xã hội. Các dự án này không cần ĐTM và cũng không cần ĐTM sơ bộ, mặc dù các vấn đề môi trường cũng cần được kiểm tra.

- Hạng FI: Các dự án vay vốn qua đầu tư tài chính trung gian. Các dự án này cần áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo phân hạng như trên trừ trường hợp các tiểu dự án không có tác động rõ rệt.

Tuy nhiên khác với NHTG, ADB không quy định rõ tiêu chí dự án loại nào thuộc hạng A, loại nào thuộc hạng B, hạng C. Vì vậy việc phân hạng dự án cần được

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

các chuyên gia ADB thực hiện qua thông tin về vị trí, diện tích, công nghệ, độ nhạy cảm... của dự án được đề xuất .

(iv) Xác định phạm vi

Điều khoản tham chiếu là bắt buộc phải có và cần được cơ quan quản lý môi trường hoặc ADB chấp nhận trước khi tiến hành ĐTM.

(v) Dự báo tác động môi trường và các biện pháp giảm thiểu

Theo quy định của ADB: Dự báo tác động môi trường và các biện pháp giảm thiểu được lồng ghép vào 1 chương (hoặc phần) duy nhất (chương “Dự báo tác động môi trường và xã hội và biện pháp giảm thiểu”).

(vi) Phân tích các phương án án thay thế

Cũng như NHTG: ADB yêu cầu lập riêng 1 chương riêng về “Phân tích các phương án án thay thế” (Analysis of alternatives) “. Chương này nêu các tác động môi trường tiềm tàng của các phương án thay thế về vị trí, công nghệ, thiết kế và vận hành dự án, bao gồm cả phương án “không có dự án”.

(vii) Nội dung và cấu trúc báo cáo ĐTM cho dự án hạng A và B

Quy định của ADB trong Tuyên bố Chính sách an toàn môi trường và xã hội (Safeguard Policy Statement, 4/2009) về nội dung và cấu trúc báo cáo ĐTM cho các dự án hạng A và B.

(viii) Yêu cầu về giám sát

ADB yêu cầu báo cáo giám sát tuân thủ giao nộp ADB cần bao gồm báo cáo quan trắc môi trường. Chuyên gia môi trường cần thực hiện giám sát sự thực hiện công tác quản lý môi trường/ chính sách bảo vệ môi trường và kế hoạch giám sát do các dự án phụ (tiểu dự án – sub-projects) thực hiện. Mục tiêu của giám sát tuân thủ là đánh giá sự tuân thủ các yêu cầu BVMT và nâng cao sự tuân thủ của dự án. Giám sát môi trường cũng cần đưa ra các biện pháp, hành động khắc phục các sai sót về quản lý môi trường, nếu có.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

(ix) Yêu cầu về tham vấn

ADB yêu cầu thực hiện tham vấn cộng đồng ngay trong quá trình tiến hành ĐTM. Trong các dự án Hạng A và B người vay vốn phải tham vấn các nhóm dân chúng bị ảnh hưởng do dự án và các tổ chức phi chính phủ tại địa phương.

Tham vấn cộng đồng cần thực hiện càng sớm càng tốt để thể hiện được ý kiến của dân chúng trong giai đoạn thiết kế và trong đề xuất các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực. Tham vấn cộng đồng còn cần được tiếp tục trong giai đoạn thực hiện dự án.

Các dự án Hạng A cần tối thiểu hai lần tham vấn cộng đồng: lần thứ nhất được tiến hành trong giai đoạn đầu của ĐTM; lần thứ hai được tiến hành khi báo cáo ĐTM hoàn thành, trước khi trình nộp ADB để thẩm định.

(x) Yêu cầu về công khai thông tin

ADB yêu cầu thực hiện công khai thông tin về các vấn đề môi trường của dự án. Theo đó các tóm tắt báo cáo ĐTM và báo cáo ĐTM sơ bộ phải được đưa lên mạng và thư viện ADB. Các báo cáo ĐTM đầy đủ và ĐTM sơ bộ cũng được sẵn sàng cung cấp nếu các bên yêu cầu.

ADB quy định thời gian cần công khai thông tin tối thiểu là 120 ngày trước khi Ban giám đốc ADB xem xét về cho vay vốn.

4.2.8.4. Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA)

Tháng 4, năm 2010 JICA đã ban hành quy định mới về “Hướng dẫn về xem xét môi trường và xã hội (ESC)” (Guidelines for Environmental and Social Consideration)[43] đối với các dự án vay vốn của Chính phủ Nhật Bản.

JICA nêu 7 nguyên tắc được xem là quan trọng trong xem xét môi trường và xã hội:

(i) Cần lưu ý nhiều loại tác động. Các loại tác động được JICA lưu ý bao gồm các nội dung về môi trường và xã hội. Các biện pháp xem xét môi trường và xã hội cần phải được thực hiện ở giai đoạn đầu đến giai đoạn giám sát của dự án.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

(ii) JICA áp dụng đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC/SEA) khi triển khai các nghiên cứu quy hoạch tổng thể và yêu cầu các chủ dự án đảm bảo xem xét môi trường và xã hội từ giai đoạn sơ khởi đến giai đoạn giám sát của dự án.

(iii) JICA chịu trách nhiệm khi thực hiện các dự án hợp tác.

(iv) JICA đảm bảo tính trách nhiệm và minh bạch khi thực hiện các dự án hợp tác

(v) JICA yêu cầu các bên liên quan tham gia: đưa các ý kiến của các bên liên quan vào quá trình xem xét môi trường và xã hội đối với dự án. JICA trả lời các câu hỏi của các bên liên quan. Các bên liên quan cần tham dự các cuộc họp và chịu trách nhiệm về ý kiến của họ.

(vi) JICA công bố thông tin: JICA tự công bố thông tin về xem xét môi trường và xã hội với sự kết hợp với chủ dự án nhằm đảm bảo tính trách nhiệm và thúc đẩy sự tham gia của các bên liên quan.

(vii) JICA hỗ trợ nâng cao năng lực về tổ chức và hoạt động cho các chủ dự án nhằm xem xét các yếu tố môi trường và xã hội phù hợp và hiệu quả suốt thời gian thực hiện dự án.

Về phân hạng các dự án, JICA thực hiện xem xét môi trường theo phân hạng của dự án và tham khảo bảng kiểm tra (checklist) môi trường tương ứng với mỗi ngành khi tiến hành xem xét dự án.

- *Hạng A (Category A)*: Là các dự án dường như gây tác động xấu rõ rệt đến môi trường và xã hội. Các loại hình dự án Hạng A là:

- *Hạng B (Category B)*: Các dự án có tiềm năng tác động môi trường và xã hội ở mức nhẹ hơn các dự án Hạng A. JICA không lập bảng danh mục các dự án Hạng B. Các dự án hạng B cũng cần lập ĐTM nhưng mức độ chi tiết phụ thuộc vào từng dự án. JICA sẽ xem xét các báo cáo ĐTM này.

- *Hạng C (Category C)*: Các dự án có tác động nhỏ hoặc hầu như không gây tác động xấu đến môi trường và xã hội. Nếu dự án được JICA xếp hạng C thì không

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

cần xem xét ĐTM.

- *Hạng FI (Category FI)*: Là các dự án do JICA tài trợ cho định chế tài chính trung gian: JICA sẽ kiểm tra liệu các định chế tài chính trung gian hoặc cơ quan thực hiện gian có xem xét các vấn đề môi trường và xã hội phù hợp hay không.

4.3. Bài học về ĐTM của quốc tế đối với Việt Nam

4.3.1. Sự giống nhau trong quy định về ĐTM của Việt Nam và quốc tế:

(i) Chủ thể có trách nhiệm thực hiện ĐTM: là chủ dự án (tiếng Anh thường gọi là Developer, Investor hoặc Project Owner; nếu là đơn vị vay vốn quốc tế thì được gọi là Borrower);

(ii) Cơ quan thẩm định ĐTM: là cơ quan quản lý nhà nước và nhà tài trợ quốc tế (nếu dự án vay vốn quốc tế);

(iii) Thời điểm thực hiện ĐTM: ngay khi lập dự án; trước khi triển khai dự án. Các tổ chức quốc tế khuyến khích thực hiện ĐTM càng sớm càng tốt;

(iv) Các bước chính trong quy trình ĐTM là tương tự: sàng lọc, nghiên cứu hiện trạng, dự báo tác động, đề xuất giảm thiểu, xây dựng chương trình quản lý môi trường, lập báo cáo, thẩm định, hậu kiểm;

(v) Nhiều nội dung chính cần xem xét trong ĐTM; các yêu cầu về giảm thiểu, giám sát môi trường;

(vi) Cấu trúc báo cáo ĐTM: phần lớn các nội dung cần trình bày là tương tự các yêu cầu của các Tổ chức quốc tế.

4.3.2. Sự khác nhau về yêu cầu ĐTM của Việt Nam và quốc tế

(i) Quan niệm về các thành phần môi trường cần xem xét: Bộ TNMT, các Sở TNMT, đơn vị tư vấn ĐTM và các hội đồng thẩm định ĐTM quan tâm lớn đến nguồn thải, ô nhiễm nhưng ít quan tâm tác động sinh thái, tác động xã hội. Mặc dù các quy định tại Thông tư 27/2015/TT-BTNMT đã nhấn mạnh hơn về yêu cầu đánh giá môi trường sinh học, đa dạng sinh học và kinh tế, xã hội nhưng chưa chi tiết như các yêu

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

cầu trong “Chính sách bảo vệ (Safeguard Policies)” của WB, IFC, ADB... và nhiều nước khác.

(ii) Phân hạng/phân loại (categorization) các loại hình dự án: có khác nhau nhưng không lớn: quy định của Nghị định 40/2019/NĐ-CP chi tiết hơn nhiều so với cách phân hạng của WB, ADB, JICA. Theo WB, JICA: các dự án được phân thành hạng (Category) A, B, C, F: dựa vào danh sách các loại hình dự án theo phân hạng (không dựa vào công suất, vị trí) có thể xác định ngay dự án có cần ĐTM chi tiết (dự án Hạng A) hay sơ bộ (dự án Hạng B), hoặc không cần ĐTM (dự án Hạng C). Theo phân hạng của ADB: phải cần nghiên cứu ĐTM sơ bộ (Initial Environmental Examination – IEE) mới xác định dự án thuộc Hạng A hay B và yêu cầu mức độ ĐTM chi tiết.

(iii) Quy trình các bước trong ĐTM: quy định hiện hành của Bộ TNMT không có các bước: lập đề cương ĐTM (lập TOR)/xác định phạm vi ĐTM (Scoping); và phân tích các phương án thay thế (Alternatives).

(iv) Cách tiếp cận và phương pháp dự báo, đánh giá tác động và giảm thiểu tác động xấu đến các yếu tố môi trường sinh học, đa dạng sinh học và xã hội: Bộ TNMT đã ban hành một số hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho một số loại hình dự án nhưng chưa có yêu cầu và hướng dẫn thích hợp về đánh giá tác động đặc thù: tác động sinh thái; tác động tích hợp; tác động sức khỏe; phân tích rủi ro/sự cố môi trường; tác động do biến đổi khí hậu; tác động đến tài sản vật thể, tác động đến dân tộc bản địa; tác động do giải phóng mặt bằng, tái định cư... trong khi nhiều tổ chức quốc tế đã hướng dẫn và yêu cầu xem xét các tác động này.

(v) Yêu cầu về dự báo, đánh giá mức độ và tầm quan trọng của các tác động: Nghị định số 40/2019/NĐ-CP và Thông tư số 25/2019/TT- BTNMT (cũng như hệ thống các Nghị định, Thông tư về ĐTM trước đây) chưa nêu các yêu cầu này, do vậy phần lớn các báo cáo ĐTM liệt kê rất nhiều loại tác động, nhất là tác động do chất thải, nhưng không tập trung xác định các tác động nào là quan trọng (có ý nghĩa lớn do ảnh hưởng lớn và lâu dài đến môi trường và xã hội).

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

(vi) Quan niệm về vai trò, phương pháp chuẩn bị và cách sử dụng “Chương trình/Kế hoạch quản lý môi trường”: Các Thông tư quy định về ĐTM (hiện nay là Thông tư số 25/2019/TT- BTNMT) chưa xem trọng “Chương trình/Kế hoạch quản lý môi trường” cả về nội dung và sử dụng thực tế vì xem đây chỉ là 1 chương của báo cáo ĐTM.

(vii) Vai trò và cách thức tham vấn cộng đồng, các bên liên quan; sự tham gia và công khai thông tin: Đây là vấn đề khác nhau lớn nhất vì có sự khác nhau về quan niệm vai trò của các bên liên quan: trong khi các quy định quốc tế và nhiều quốc gia yêu cầu tham vấn một cách thực chất (meaningful public consultation), nhiều lần trong giai đoạn nghiên cứu và thẩm định ĐTM (theo WB, ADB, JICA: tối thiểu 2 lần tham vấn) với các bên liên quan (stakeholders) và mọi người quan tâm, theo nhiều hình thức (gặp gỡ, họp, qua các phương tiện thông tin...). Trong khi đó Nghị định 40/2019/NĐ-CP cơ bản chỉ yêu cầu 1 lần tham vấn và chỉ tham vấn một số đối tượng có thể chịu ảnh hưởng trực tiếp.

(viii) Yêu cầu về các đối tượng cần giám sát, nội dung và thực hiện giám sát sau thẩm định ĐTM: Đây là vấn đề khác nhau rõ rệt. Trong khi các tổ chức quốc tế yêu cầu (i) giám sát, đánh giá tuân thủ của Chủ đầu tư với các yêu cầu quản lý, BVMT trong Kế hoạch QLMT và (ii) Giám sát tác động môi trường do dự án (giám sát thay đổi chất lượng/ô nhiễm môi trường, tác động sinh thái, xã hội vùng chịu tác động).

(ix) Điểm khác biệt quan trọng nhất là Việt Nam đang áp dụng báo cáo ĐTM ban đầu như một công cụ vạn năng để kiểm soát môi trường trong suốt vòng đời dự án, làm cho ĐTM phức tạp hơn nhưng không đúng về bản chất khoa học và kéo theo là làm sai lệch vai trò, ý nghĩa của ĐTM. Theo kinh nghiệm quốc tế, cần áp dụng hệ thống các công cụ quản lý môi trường theo vòng đời dự án và theo đó, đánh giá tác động môi trường là một quá trình chứ không phải là 1 lần như cách nước ta đang áp dụng.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

❖ Kết luận

Chương 4 đã làm rõ cơ sở khoa học của ĐTM và tổng hợp, hệ thống, cập nhật quan điểm, chính sách, kinh nghiệm và xu hướng ĐTM của các quốc gia, tổ chức quốc tế, đặc biệt là các quốc gia, tổ chức thành công trong việc triển khai ĐTM để phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường. Các nghiên cứu, phân tích, đánh giá cho thấy:

- Việc áp dụng khoa học trong quá trình ĐTM là yếu tố có ý nghĩa rất quan trọng để đảm bảo ĐTM có chất lượng cao. Các hướng dẫn kỹ thuật ĐTM của nhiều tổ chức quốc tế và nhiều quốc gia sử dụng thuật ngữ “nghiên cứu đánh giá tác động môi trường”, trong đó, “lập báo cáo đánh giá tác động môi trường” chỉ là công đoạn biên soạn báo cáo thể hiện kết quả nghiên cứu ĐTM.

- ĐTM là khoa học đa ngành; ĐTM hiệu quả, thực chất cần phải am hiểu kiến thức nhiều ngành khoa học tự nhiên và xã hội; phải có đủ cơ sở về số liệu, dữ liệu nền môi trường; phải áp dụng phương pháp nghiên cứu đúng đắn; phải phân biệt bản chất, độ lớn, chiều hướng, ý nghĩa của tác động và phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc chuẩn về khoa học và thực tiễn.

- Tính khoa học là yếu tố quan trọng, cần lưu tâm nhằm bảo đảm xây dựng chính sách ĐTM khả thi, hiệu quả. Yếu tố này cần được xem xét trong các nội dung quy định về ĐTM, bao gồm: xác định đối tượng, mức độ thực hiện ĐTM; xác lập quy trình ĐTM; xác định bản chất, phạm vi ĐTM; xác định, lựa chọn phương pháp đánh giá...

- Quy trình ĐTM phổ biến trên thế giới bao gồm các bước: Sàng lọc -> xác định phạm vi -> Nghiên cứu lập cơ sở dữ liệu môi trường -> Dự báo tác động -> Giảm thiểu tác động -> Xem xét các phương án thay thế -> Lập Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội -> Báo cáo tác động môi trường.

- Các quy định quốc tế và nhiều quốc gia yêu cầu tham vấn một cách thực chất, nhiều lần trong giai đoạn nghiên cứu và thẩm định ĐTM với các bên liên quan và mọi người quan tâm theo nhiều hình thức (gặp gỡ, họp, qua các phương tiện

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

thông tin, công khai tham vấn thông tin...).

- Theo kinh nghiệm quốc tế, ĐTM là một quá trình cần được tiếp diễn, xuyên suốt, tuy nhiên, vai trò, trách nhiệm được thay đổi phù hợp trong các giai đoạn của dự án. Khi dự án đi vào vận hành hoạt động, việc tuân thủ, thực hiện các hoạt động kiểm soát, giám sát sau ĐTM (EIA follow-up) trên cơ sở quy định của cơ quan quản lý (giấy phép môi trường) kết hợp với chương trình/kế hoạch quản lý môi trường và các công cụ hỗ trợ khác (kiểm toán môi trường, hệ thống quản lý môi trường...) là yếu tố cốt lõi.

Cùng với những phân tích về thực trạng ĐTM ở Việt Nam (đã nêu tại Chương 3), các kết quả nghiên cứu về cơ sở khoa học của ĐTM và hệ thống quan điểm tiếp cận, nguyên lý, chính sách, kinh nghiệm về ĐTM của quốc tế được tổng hợp, trình bày trong Chương này là những căn cứ quan trọng để Tập thể tác giả kế thừa, phát triển trong quá trình đề xuất hoàn thiện các cơ sở pháp lý về ĐTM ở Việt Nam (Chương 6).

CHƯƠNG 5. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ CÁC CÔNG CỤ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG SAU ĐTM VÀ KIỂM SOÁT, GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH ĐANG HOẠT ĐỘNG

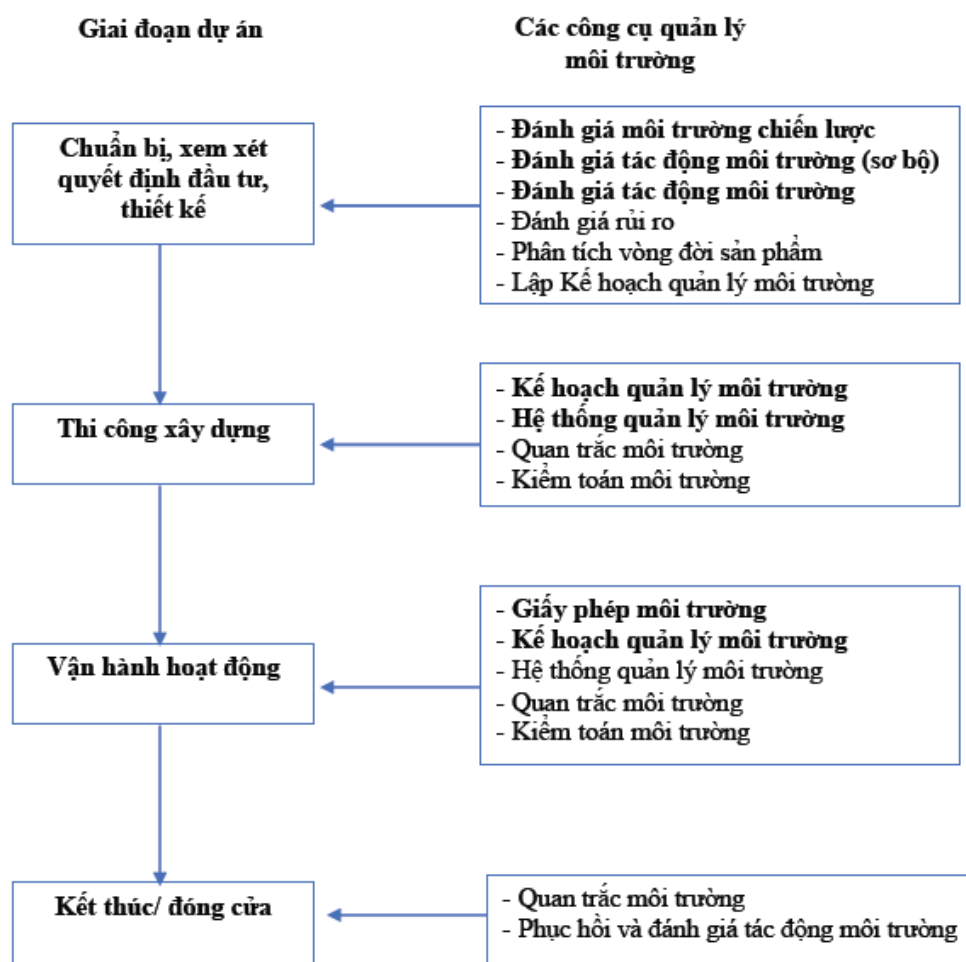
5.1. Nguyên lý chung

Về cơ bản mọi dự án đầu tư sản xuất kinh doanh đều tiềm ẩn và gây ra các tác động môi trường trong từng giai đoạn phát triển, từ giai đoạn đề xuất ý tưởng, thiết kế, hình thành dự án đến giai đoạn thực hiện dự án (bao gồm thi công, hoàn thiện, vận hành hoạt động) cho đến giai đoạn kết thúc, đóng cửa dự án. Tùy thuộc vào loại hình, công nghệ, quy mô sản xuất của dự án, đặc điểm môi trường khu vực thực hiện dự án, tác động môi trường của từng dự án đầu tư nói chung và từng giai đoạn trong quá trình phát triển của dự án nói riêng là khác nhau. Do đó, trong công tác bảo vệ môi trường, đòi hỏi phải có những biện pháp, cách thức, công cụ quản lý môi trường phù hợp để kiểm soát, giám sát đối với từng loại dự án, từng giai đoạn trong vòng đời của dự án để bảo đảm phát triển dự án đầu tư song song với phòng ngừa ô nhiễm, bảo vệ môi trường.

Tại các quốc gia tiên tiến trên Thế giới và theo yêu cầu của các tổ chức kinh tế Thế giới (WB, ADB...), công cụ đánh giá tác động môi trường ĐTM giữ vai trò then chốt trong việc dự báo cáo tác động môi trường, đề xuất biện pháp giảm thiểu tác động, phòng ngừa ô nhiễm môi trường trong giai đoạn xem xét đầu tư. Nhưng khi dự án đi vào thi công, vận hành hoạt động, cơ quan quản lý sẽ xem xét áp dụng các công cụ quản lý môi trường khác nhau để bảo đảm kiểm soát, giám sát việc tuân thủ về bảo vệ môi trường của chủ dự án như Kế hoạch quản lý môi trường, Giấy phép môi trường, Thanh tra môi trường, Kiểm toán môi trường, Hệ thống quản lý môi trường, Quan trắc chất lượng môi trường... Tùy vào mức độ rủi ro, nguy cơ gây ô nhiễm môi trường của dự án, các công cụ quản lý môi trường này được vận dụng đơn lẻ hay đồng thời, linh hoạt để bảo đảm tính hiệu quả và khả thi khi áp dụng.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

Từ thực tiễn quản lý môi trường của nhiều quốc gia phát triển trên Thế giới (Hoa Kỳ, Liên minh Châu Âu...), khi bàn về chu trình vòng đời dự án và vai trò của các công cụ quản lý môi trường, tác giả Bronwyn Ridgway đã tập hợp, đưa ra hệ thống các công cụ quản lý môi trường theo vòng đời dự án như sau (hình 5.1):



Hình 5.1. Chu trình dự án và vai trò các công cụ quản lý môi trường

(Bronwyn Ridgway, 1999 [34])

Nhìn chung hệ thống các công cụ quản lý môi trường sau ĐTM và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở đang hoạt động trên Thế giới rất đa dạng, về cơ bản có thể chia thành 2 nhóm tùy theo mức độ yêu cầu áp dụng:

- Nhóm các công cụ QLMT có tính bắt buộc, mệnh lệnh (ĐTM, giấy phép môi trường, quan trắc môi trường, thanh tra/ giám sát...)

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

- Nhóm các công cụ QLMT có tính khuyến khích (Kế hoạch quản lý môi trường, Kiểm toán môi trường, Hệ thống quản lý môi trường...)

Về cơ bản nhóm các công cụ QLMT có tính bắt buộc, mệnh lệnh ở các quốc gia tiên tiến trên Thế giới có sự phân định rõ vai trò, trách nhiệm của các bên liên quan theo xu thế hạn chế thủ tục hành chính, tăng cường trách nhiệm doanh nghiệp, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, xuyên suốt, không trùng lặp, chòng chéo giữa các công cụ quản lý.

5.2. Cơ sở khoa học, kinh nghiệm quốc tế về Giấy phép môi trường

Tại các nước tiên tiến trên thế giới, cơ quan quản lý không sử dụng báo cáo ĐTM làm công cụ quản lý đối với các cơ sở đang hoạt động, mà hầu hết sử dụng các loại giấy phép môi trường kết hợp với kế hoạch quản lý môi trường của chủ dự án để quản lý (như tại Hoa Kỳ, Nhật Bản, các nước EU, Australia, Trung Quốc...). Chỉ thị về Kiểm soát và phòng ngừa ô nhiễm (chỉ thị IPPC) của EU, Nhật Bản... đều quy định về giấy phép môi trường để kiểm soát hoạt động của cơ sở trong giai đoạn vận hành hoạt động.

Về mặt cấp phép môi trường, theo kinh nghiệm quốc tế, hiện có 2 phương thức chính: (i) giấy phép môi trường tổng hợp (như đang áp dụng tại các nước EU, các quốc gia trong khối OECD...), (ii) nhiều giấy phép môi trường đơn lẻ, mỗi vấn đề môi trường có một giấy phép riêng (như đang áp dụng tại Hoa Kỳ, Australia, Trung Quốc...). Việc áp dụng phương thức giấy phép tổng hợp hay đơn lẻ tùy thuộc vào hệ thống pháp luật và tình hình thực tế của từng nước, tuy nhiên, đều bảo đảm nguyên tắc không chòng chéo, một đối tượng cụ thể không bị áp dụng cả 2 phương thức cấp phép. Theo xu thế hiện nay, một số quốc gia, ví dụ Hàn Quốc, đang chuyển đổi từ phương thức giấy phép riêng lẻ sang giấy phép tổng hợp, đặc biệt đối với các dự án quy mô lớn, có tác động lớn đến môi trường. Tại một số nước EU (ví dụ Đức) giấy phép môi trường không chỉ quy định, cho phép đối với vấn đề môi trường, mà còn mở rộng quy định các yêu cầu, điều kiện về xây dựng...

Theo kinh nghiệm tại một số quốc gia (các nước trong EU như Đức), ĐTM

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

do chủ dự án tự tạo lập và chịu trách nhiệm, cơ quan quản lý không phê duyệt báo cáo ĐTM. Trong quá trình thẩm định, cấp giấy phép môi trường (bao gồm cả việc cho phép chủ dự án được phép xây dựng công trình dự án), thì thành phần hồ sơ bao gồm báo cáo ĐTM của chủ dự án tự tạo lập để làm tài liệu tham khảo. Đối với Hàn Quốc, trong một số trường hợp, chủ dự án có thể nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường, được xem xét cấp giấy phép mà không nhất thiết phải thực hiện ĐTM.

5.3. Kinh nghiệm quốc tế về Kế hoạch quản lý môi trường

5.3.1. Tiếp cận chung của quốc tế

Kế hoạch quản lý môi trường là công cụ lập kế hoạch thực hiện các biện pháp giảm thiểu được xem xét cho toàn bộ vòng đời của dự án và do cơ quan nhà nước hoặc cơ quan khác do nhà nước chỉ định thẩm duyệt. Kế hoạch này có tính linh hoạt, có thể sửa đổi khi cần thiết (ví dụ, cứ 3 năm điều chỉnh 1 lần).

Nhìn chung, kế hoạch quản lý môi trường theo quy định của các quốc gia và tổ chức quốc tế thường bao gồm các nội dung sau:

- Các biện pháp giảm nhẹ trong đó chỉ rõ các mục tiêu và chỉ tiêu môi trường cụ thể. Biện pháp giảm thiểu phải mô tả tất cả các hành động để loại bỏ, bù đắp, hoặc làm giảm tác động tiềm năng đáng kể đến mức chấp nhận được. Mỗi biện pháp giảm thiểu được mô tả ngắn gọn với tham chiếu đến tác động mà nó có liên quan và các điều kiện thực hiện. Trường hợp cần thiết, cần có các bản vẽ thiết kế trong đó nêu rõ công trình, thiết bị, quy trình vận hành. Các cục tiêu và các chỉ tiêu được thiết lập một cách định lượng, cụ thể. Chủ dự án có thể xem xét các đề xuất trong ĐTM trước đó;

- Các biện pháp bảo đảm đạt được các mục tiêu đề ra;

- Trách nhiệm của các bên;

- Chương trình giám sát môi trường cùng với các chỉ số môi trường đối với các tác động;

- Lịch trình rà soát và tiêu chí rà soát.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

5.3.2. Kinh nghiệm của Ngân hàng Thế giới

5.3.2.1. Quan điểm của Ngân hàng thế giới về Kế hoạch quản lý môi trường

Theo quan điểm của Ngân hàng Thế giới “Kế hoạch quản lý môi trường của dự án bao gồm tập hợp các biện pháp giảm thiểu, giám sát và thể chế được tiến hành trong quá trình thực hiện và hoạt động để loại trừ các tác động môi trường và xã hội bất lợi, bù trừ hoặc giảm chúng đến mức độ có thể chấp nhận được. Kế hoạch cũng bao gồm các hành động cần thiết để thực hiện những biện pháp đó.”

Dự báo các tác động tiêu cực đến môi trường và xã hội là “trái tim kỹ thuật” (cốt lõi) của quá trình ĐTM nhưng đề xuất các biện pháp nhằm loại bỏ, bù đắp, giảm nhẹ các tác động xấu đến mức có thể chấp nhận trong quá trình thực hiện dự án là yêu cầu cần thiết. Gắn kết các biện pháp này vào quá trình thực hiện dự án được hỗ trợ bằng việc xác định rõ các yêu cầu về (bảo vệ) môi trường trong một Kế hoạch Quản lý môi trường.

Kế hoạch quản lý môi trường là phần không thể thiếu của các ĐTM cho các dự án Hạng A. ĐTM cho các dự án Hạng B cũng có thể được yêu cầu lập Kế hoạch quản lý môi trường.

5.3.2.2. Mục tiêu của Kế hoạch quản lý môi trường

Theo hướng dẫn của Ngân hàng thế giới, các mục tiêu của Kế hoạch quản lý môi trường bao gồm:

- Bảo đảm tuân thủ luật, quy định, tiêu chuẩn và hướng dẫn của địa phương và quốc gia.
- Bảo đảm có phân bổ đủ nguồn lực trong ngân sách của dự án để thực hiện các hoạt động liên quan đến EMP
- Bảo đảm rằng các rủi ro môi trường đi kèm dự án được quản lý một cách thích đáng
- Đối phó các vấn đề môi trường phát sinh ngoài dự kiến chưa được xác định trong ĐTM của dự án

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

- Cung cấp phản hồi để cải thiện liên tục hiệu quả môi trường.

Kế hoạch quản lý môi trường là cơ sở để thương thuyết và đạt đến thỏa thuận giữa Ngân hàng thế giới và bên vay trên cơ sở hiệu quả môi trường và xã hội chủ chốt của dự án. Việc thực hiện Kế hoạch quản lý môi trường trở thành nghĩa vụ pháp lý của bên vay (trong Thỏa thuận vay) và các nhà thầu (trong các Hợp đồng).

5.3.2.3. Vai trò, ý nghĩa của Kế hoạch quản lý môi trường

Theo Ngân hàng thế giới, Kế hoạch quản lý môi trường là một công cụ giá trị để: (i) xác định chi tiết ai, cái gì và ở đâu việc quản lý môi trường và các biện pháp giảm thiểu được thực hiện; (ii) giúp các cơ quan chính phủ, các nhà thầu, đơn vị triển khai và những người có ảnh hưởng khác kiểm soát tốt hơn quá trình quản lý môi trường ngay tại chỗ trong suốt vòng đời của dự án; (iii) cho phép người đề xuất dự án/chủ đầu tư bảo đảm các nhà thầu của họ, nhân danh họ, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ môi trường, và (iv) để thể hiện tính tuân thủ. Ngoài ra, Kế hoạch quản lý môi trường thường được đòi hỏi là một phần của tài liệu mời thầu thực hiện dự án.

5.3.2.4. Trách nhiệm soạn thảo Kế hoạch quản lý môi trường

Theo quy định của Ngân hàng thế giới, chủ dự án chịu trách nhiệm chính về hiệu quả môi trường của các dự án của mình. Do đó, chủ dự án chịu trách nhiệm bảo đảm việc soạn thảo và thực hiện của Kế hoạch quản lý môi trường của dự án là chấp nhận được, bất kể là thi công hay vận hành. Trong đa số trường hợp, trong quá trình soạn thảo dự án, Ngân hàng thế giới có thể sẽ cung cấp trợ giúp kỹ thuật cho cả Ban quản lý dự án và tư vấn Kế hoạch quản lý môi trường để soạn thảo Kế hoạch quản lý môi trường.

Trong quá trình thi công và/hoặc vận hành dự án, việc thực hiện Kế hoạch quản lý môi trường của dự án hoặc tiểu dự án thường được chuyển đến nhà thầu

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

thông qua tiêu chuẩn kỹ thuật hợp đồng hoặc yêu cầu. Trong khi Kế hoạch quản lý môi trường có thể được nhà thầu thực hiện, trách nhiệm thực hiện các điều kiện phê chuẩn dự án vẫn thuộc chủ dự án.

Trong quá trình thực hiện dự án, Ngân hàng thế giới giám sát các khía cạnh môi trường của dự án trên cơ sở các nhận xét và đề nghị của trong báo cáo ĐTM, bao gồm các biện pháp được nêu ra trong thỏa thuận cho vay, Kế hoạch quản lý môi trường, và các tài liệu dự án khác.

5.3.2.5. Phạm vi của Kế hoạch quản lý môi trường

Để đạt được các mục đích trên, phạm vi chung của Kế hoạch quản lý môi trường cần phải bao hàm:

- Xác định các mục tiêu quản lý môi trường phải thực hiện trong vòng đời của dự án (tức là các giai đoạn tiền thi công, thi công, vận hành và/hoặc thanh lý) để tăng cường lợi ích và giảm các tác động môi trường bất lợi đến mức tối thiểu.

- Mô tả các hành động chi tiết cần thiết để đạt các mục tiêu đó, bao gồm sẽ đạt được chúng như thế nào, ai thực hiện, đến lúc nào sẽ đạt, với các nguồn lực nào, với sự giám sát/bằng chứng nào, và đến mục tiêu hoặc mức độ hiệu quả nào. Các cơ chế cũng phải được đưa ra để giải quyết những thay đổi trong quá trình thực hiện dự án, những tình huống khẩn cấp hoặc sự kiện ngoài dự kiến, và các qui trình phê chuẩn đi kèm.

- Làm rõ các cơ cấu thể chế, vai trò, các qui trình thông tin liên lạc và báo cáo như một phần của việc thực hiện Kế hoạch quản lý môi trường.

- Mô tả liên kết giữa Kế hoạch quản lý môi trường và các đòi hỏi pháp lý liên quan.

- Mô tả các yêu cầu về hồ sơ sổ sách, báo cáo, xét duyệt, kiểm toán và cập nhật Kế hoạch quản lý môi trường.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

Kế hoạch quản lý môi trường phải được trình bày rõ ràng chính xác sao cho dễ sử dụng. Các tham chiếu trong phạm vi kế hoạch phải có thể được nhận ra một cách rõ ràng và dễ dàng. Ngoài ra, phần văn bản chính của Kế hoạch quản lý môi trường càng rõ ràng và súc tích càng tốt, với các thông tin chi tiết được chuyển vào các phụ lục. Kế hoạch quản lý môi trường phải xác định rõ ràng các kết nối đến các kế hoạch khác có liên quan với dự án, chẳng hạn như các kế hoạch giải quyết vấn đề tái định cư hoặc dân cư bản địa.

5.3.2.6. Các nội dung của Kế hoạch quản lý môi trường

Theo yêu cầu Ngân hàng thế giới, Kế hoạch quản lý môi trường cần bao gồm 5 nội dung chính sau:

1. Giảm thiểu:

a. Xác định và tóm tắt tất cả các tác động xấu đã dự báo (bao gồm cả các vấn đề nhân tộc bản địa và tái định cư không tình nguyện)

b. Mô tả từng biện pháp giảm thiểu cần thực hiện trong quá trình thực hiện và vận hành dự án.

c. Ước đoán các tác động tiềm năng do các biện pháp này;

d. Gắn kết với các kế hoạch giảm thiểu khác.

2. Monitoring:

Kế hoạch quản lý môi trường cần xác định các mục tiêu giám sát/ quan trắc môi trường and nêu chi tiết các loại giám sát với gắn kết với đánh giá tác động trong báo cáo ĐTM và các biện pháp giảm thiểu đã nêu trong Kế hoạch quản lý môi trường.

3. Phát triển năng lực và đào tạo

Kế hoạch quản lý môi trường đề xuất đánh giá về hiện trạng, vai trò, và khả năng của các đơn vị quản lý môi trường tại hiện trường hoặc ở các cơ quan và bộ ngành.

4. Tiến độ thực hiện và Khái toán kinh phí

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

Kế hoạch quản lý môi trường cần cung cấp:

- a. Tiến độ thực hiện các biện pháp
- b. Nguồn vốn và ước tính vốn để thực hiện EMP.

5. Gắn kết Kế hoạch quản lý môi trường với dự án

Cần thiết lập Kế hoạch quản lý môi trường trong dự án để đảm bảo Kế hoạch quản lý môi trường sẽ được nhận vốn và được giám sát với các hợp phần khác.

5.3.2.7. Cấu trúc của EMP

Thông thường, một Kế hoạch quản lý môi trường theo yêu cầu của Ngân hàng thế giới cần có các nội dung dưới đây:

a) Mở đầu

Phần này đưa ra thông tin ngắn gọn về:

(i) Bối cảnh của Kế hoạch quản lý môi trường: mô tả Kế hoạch quản lý môi trường được điều chỉnh như thế nào cho phù hợp với quá trình lập kế hoạch tổng thể của dự án, liệt kê các nghiên cứu môi trường của dự án/tiểu dự án như báo cáo ĐTM, các tài liệu đã được phê chuẩn;

(ii) Mối liên quan giữa Kế hoạch quản lý môi trường với Khung quản lý môi trường và xã hội và dự án;

(iii) Các mục tiêu của Kế hoạch quản lý môi trường;

(iv) Chính sách, khuôn khổ pháp lý và hành chính;

b) Mô tả dự án

Phần mục tiêu và mô tả dự án/tiểu dự án phải được đưa ra với chi tiết đủ để xác định bản chất và phạm vi của dự án.

(i) vị trí địa điểm dự án: vị trí địa điểm phải được mô tả với vị trí của các hoạt động được đưa ra, bao gồm các bản đồ địa điểm cho thấy vị trí của vùng dự án cũng như chi tiết ở cấp tiểu dự án.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

(ii) các hoạt động thi công/vận hành: phần mô tả này có thể bao gồm mô tả vắn tắt các quá trình thi công và vận hành; giờ làm việc hoặc vận hành, bao gồm chi tiết về các hoạt động bất kỳ cần phải được thực hiện ngoài giờ; số lượng và loại nhân công; máy móc và thiết bị sẽ được sử dụng; vị trí và các phương tiện tại chỗ và lán trại cho công nhân; danh sách số lượng công trình dân dụng.

(iii) tính toán và sắp xếp thời gian: ngày bắt đầu và hoàn thành dự kiến phải được chỉ rõ. Nếu dự án sẽ được hoàn thành theo nhiều giai đoạn, các thời điểm riêng của từng giai đoạn cần phải được đưa ra.

c) Dữ liệu cơ sở về môi trường

Phần này phải đưa ra thông tin chủ chốt về nền môi trường vùng bị ảnh hưởng của dự án cũng như liên kết giữa nền môi trường với vùng dự án, bao gồm các bản đồ. Cần phải tập trung vào việc đưa ra dữ liệu rõ ràng về địa hình, mục đích sử dụng đất chính và sử dụng nước, loại đất, lưu lượng nước, và chất lượng/ô nhiễm nước. Cũng cần phải mô tả vắn tắt điều kiện kinh tế xã hội (nếu liên quan). Ảnh chụp thể hiện hiện trạng của các vùng dự án cũng cần phải được đưa vào.

d) Tác động tiềm tàng và biện pháp giảm thiểu

Phần này tổng kết các tác động tích cực và tiêu cực được dự báo đi kèm với dự án/tiêu dự án được đề xuất, đặc biệt là những gì thể hiện các tác động có tầm quan trọng từ trung bình đến cao. Cần phải đưa ra bản tóm tắt các tác động tích cực và tiêu cực được dự báo đi kèm với dự án được đề xuất và cần các hành động quản lý (tức là giảm tác động tiêu cực hoặc tăng tác động tích cực). Các tác động cần phải được mô tả đối với các giai đoạn tiền thi công, thi công, và vận hành. Sử dụng dạng thức ma trận có thể giúp hiểu tốt hơn mối liên quan giữa các tác động và giảm thiểu.

5.4. Kinh nghiệm quốc tế về Hệ thống quản lý môi trường

Năm 1992, BSI Group đã công bố hệ thống tiêu chuẩn quản lý môi trường đầu tiên trên thế giới, BS 7750. BS 7750 cung cấp mẫu cho sự phát triển của bộ tiêu

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

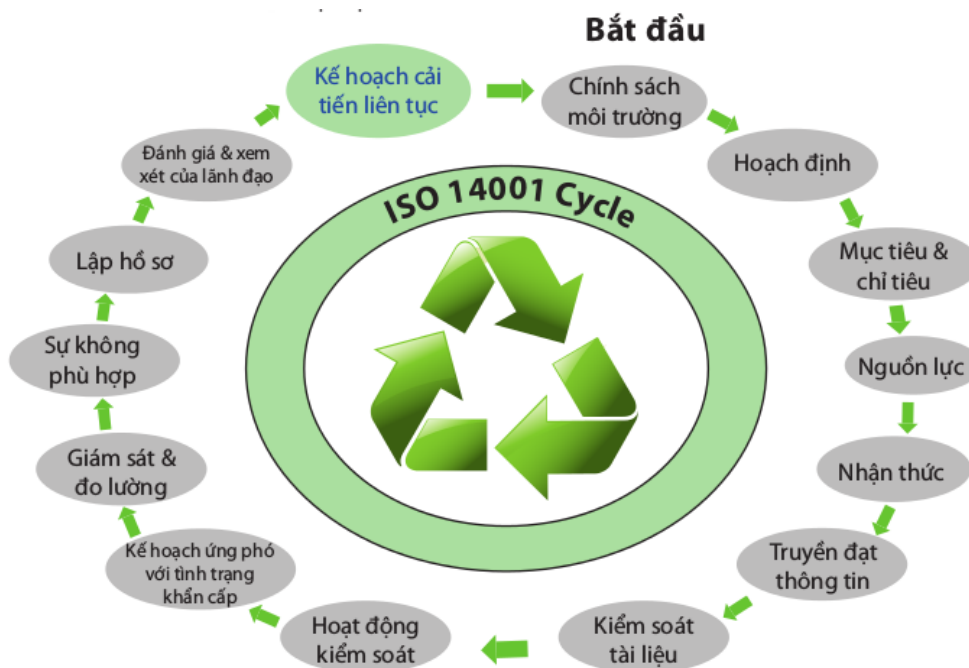
chuẩn ISO 14000 năm 1996, bởi Tổ chức Tiêu chuẩn Quốc tế, đại diện cho cộng đồng ISO thế giới (Clements 1996, Brorson & Larsson, 1999).

Cơ quan môi trường Châu Âu trong Sổ tay hướng dẫn công cụ quản lý môi trường cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ năm 1998[] cũng đã đề cập 9 công cụ môi quản lý môi trường quan trọng đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ để kiểm soát ô nhiễm, quản lý, bảo vệ môi trường hiệu quả trong quá trình hoạt động, bao gồm:

- Chính sách môi trường;
- Hệ thống quản lý môi trường;
- Kiểm toán môi trường;
- Chỉ số môi trường;
- Cân bằng sinh thái;
- Phân tích vòng đời sản phẩm;
- Dán nhãn môi trường;
- Báo cáo môi trường;

Mục tiêu chính của bộ tiêu chuẩn ISO 14000 là “đẩy mạnh việc quản lý môi trường hiệu quả trong tổ chức và cung cấp công cụ hữu ích để sử dụng hiệu quả chi phí, linh hoạt và phản ánh các tổ chức tốt nhất và thực hiện tốt nhất, tiếp nhận thông tin liên quan đến môi trường”. Bộ tiêu chuẩn ISO 14000 bao gồm nhiều hệ thống tiêu chuẩn, trong đó cốt lõi nhất là ISO 14001, thường được dùng làm khuôn mẫu để các tổ chức thiết kế và thực thi hiệu quả hệ thống quản lý môi trường (EMS). ISO 14001 đưa ra các yêu cầu đối với hệ thống quản lý môi trường và các hướng dẫn áp dụng. Các đơn vị áp dụng có thể chứng nhận phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn này. Phiên bản hiện hành của ISO 14001 là ISO 14001:2015.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

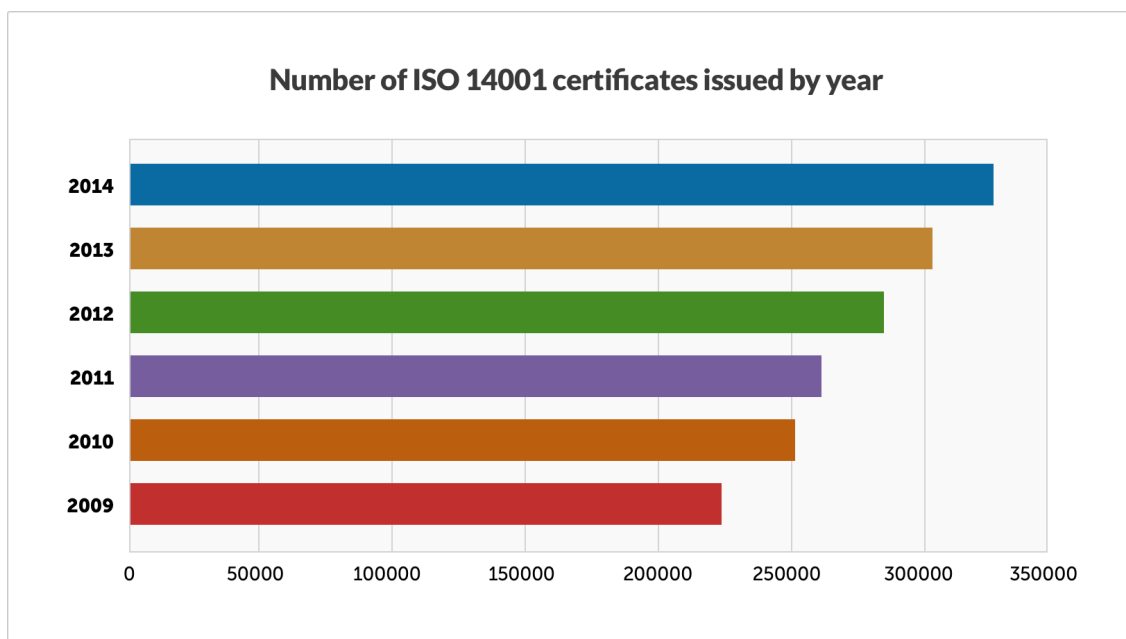


Hình 5.2. Chu trình đánh giá hệ thống quản lý môi trường ISO 14001

ISO 14001, như với các tiêu chuẩn ISO 14000 khác, là tự nguyện, với mục đích chính là hỗ trợ các công ty việc cải thiện liên tục môi trường của họ, trong khi tuân thủ bất kỳ luật áp dụng. Các tổ chức chịu trách nhiệm thiết lập mục tiêu và phương pháp thực hiện, với tiêu chuẩn hỗ trợ họ trong mục đích gỡ gãi và trong việc hiệu chỉnh và đo lường.

Trong một cuộc khảo sát chứng nhận ISO 14001 vào cuối năm 2013, số lượng các công ty đã triển khai một hệ thống quản lý môi trường ISO 14001 cho thấy một xu hướng tích cực chung trên toàn thế giới:

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.



Hình 5.3. Số lượng chứng chỉ ISO 14001 được chứng nhận hàng năm

(<http://www.iso.org/iso/home/standards/certification/iso-survey.htm>)

Theo khảo sát thường niên của Ủy ban ISO số lượng chứng chỉ ISO trên toàn thế giới được chứng nhận bởi các tổ chức chứng nhận được công nhận bởi Diễn đàn Công nhận Quốc tế (IAF) được cấp trong năm 2015 là: 1.519.952 chứng chỉ (Tăng 3% so với năm trước - năm 2014 là 1.476.504 chứng chỉ).

5.5. Kinh nghiệm quốc tế về Kiểm toán môi trường

5.5.1. Các định nghĩa, khái niệm về kiểm toán môi trường

Kiểm toán môi trường có nguồn gốc từ khu vực bắc Mỹ vào những năm 70 của thế kỷ XX. Đây là giai đoạn mà nền công nghiệp và kinh tế của khu vực Bắc Mỹ phát triển mạnh mẽ, các loại chất thải, nước thải, khí thải phát sinh từ các hoạt động công nghiệp và các hoạt động kinh tế khác đã làm ảnh hưởng xấu tới môi trường, sự ô nhiễm môi trường lan rộng và trở nên nghiêm trọng.

Trước các vấn đề bức xúc về môi trường thì hàng loạt các công cụ luật pháp, kinh tế đã được đưa ra nhằm quản lý tốt môi trường và bắt buộc các tổ chức, nhà

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

máy, cơ sở sản xuất phải tuân theo. Trong bối cảnh đó thì Kiểm toán môi trường đã được ra đời và được xem như là một công cụ quản lý sắc bén và hiệu quả.

Kiểm toán môi trường là một công cụ quản lý giúp cho các nhà quản lý nhận thức rõ những vấn đề môi trường đang xảy ra tại những nơi cần quan tâm, trên cơ sở đó đề ra các biện pháp ngăn ngừa và cải thiện môi trường một cách có hiệu quả.

Kiểm toán môi trường được tiến hành nhằm mục đích kiểm tra và đánh giá sự tuân thủ của các cơ sở sản xuất đối với các luật lệ và quy định khắt khe của môi trường. Ban đầu thì kiểm toán môi trường chỉ tập trung vào nhiệm vụ trên, tuy nhiên cùng với thời gian và yêu cầu thực tế thì kiểm toán môi trường ngày càng được mở rộng và bao trùm nhiều khía cạnh hơn.

Hiện nay trên thế giới có rất nhiều các định nghĩa khác nhau về kiểm toán môi trường. Năm 1998 Viện thương mại Quốc tế ICC (International Chamber of Commerce) đã đưa ra khái niệm ban đầu về kiểm toán môi trường như sau:

“Kiểm toán môi trường là một công cụ quản lý bao gồm sự ghi chép một cách khách quan, công khai công các tổ chức môi trường, sự vận hành các thiết bị, cơ sở vật chất với mục đích quản lý môi trường bằng cách trợ giúp quản lý, kiểm soát các hoạt động và đánh giá sự tuân thủ các chính sách của công ty bao gồm sự tuân thủ theo các tiêu chuẩn môi trường”.

Cộng đồng châu Âu (EC) cũng áp dụng định nghĩa này.

Theo tiêu chuẩn ISO 14010 (1996) phần 3.9 thì kiểm toán môi trường được định nghĩa như sau:

“Kiểm toán môi trường là một quá trình thẩm tra có hệ thống và được ghi thành văn bản, bao gồm việc thu thập và đánh giá một cách khách quan các bằng chứng nhằm xác định những hoạt động, sự kiện, hệ thống quản lý liên quan đến môi trường hay các thông tin về những kết quả của quá trình này cho khách hàng”.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

Tại Mỹ, Cục bảo vệ môi trường Mỹ cho rằng: *“Kiểm toán môi trường là sự xem xét (Review) có hệ thống, làm văn bản, theo định kỳ và khách quan về việc hoạt động và thực tế của 1 cơ sở nhằm đáp ứng các yêu cầu về môi trường”.*

Theo Quan điểm của Ngân hàng Thế giới, *“Kiểm toán môi trường là sự kiểm tra (examination) về tổ chức, cơ sở hoặc địa điểm nhằm xác minh cơ sở này đạt các tiêu chí kiểm toán chuyên biệt về quản lý môi trường đến mức nào.”*

Theo Chính sách an toàn của Ngân hàng phát triển Châu Á, khi dự án liên quan đến các hoạt động hay cơ sở đang tồn tại, các chuyên gia bên ngoài thích hợp sẽ thực hiện kiểm toán môi trường để xác định xem khu vực nào có thể bị rủi ro hay tác động môi trường bởi dự án hay không. Nếu dự án không có dự kiến mở rộng đáng kể nào, thì hoạt động kiểm toán sẽ là đánh giá môi trường cho dự án. Một báo cáo kiểm toán môi trường theo yêu cầu của ADB thông thường bao gồm những phần chính như sau: (i) tóm tắt tổng quan; (ii) mô tả cơ sở vật chất hiện có, bao gồm cả các hoạt động trước đây và hiện tại; (iii) tóm tắt luật, quy định và tiêu chuẩn về môi trường của quốc gia, địa phương hoặc mọi quy định khác đang được áp dụng; (iv) thủ tục kiểm toán và điều tra thực địa; (v) kết quả phát hiện và những lĩnh vực cần quan tâm; và (vi) kế hoạch hành động hiệu chỉnh trong đó nêu các hành động hiệu chỉnh phù hợp cho từng lĩnh vực quan tâm, bao gồm cả chi phí và lịch trình.

Theo INTOSAI WGEA, Kiểm toán môi trường là việc tiến hành kiểm toán tài chính, kiểm toán tuân thủ và kiểm toán hoạt động đối với các vấn đề môi trường của một tổ chức, đơn vị.

Theo Hướng dẫn kiểm toán môi trường của ASOSAI, kiểm toán môi trường là hoạt động kiểm toán có yêu cầu kỹ năng và tính định hướng vĩ mô rất cao. Kiểm toán môi trường không chỉ yêu cầu những kỹ năng kiểm toán, mà còn cần có sự hiểu biết sâu sắc về các vấn đề môi trường như các chính sách, chiến lược và chương trình bảo tồn, bảo vệ môi trường, việc kiểm soát biến đổi khí hậu của quốc gia, còn cần phải có sự hiểu biết nhất định đối với các điều ước và công ước quốc tế về các vấn đề môi trường.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

INTOSAI đưa các gợi ý và hướng dẫn về các chủ đề có thể thực hiện Kiểm toán môi trường như: Kiểm toán việc giám sát/quản lý của Chính phủ về việc tuân thủ pháp luật về môi trường; Kiểm toán các chương trình, dự án về môi trường của Chính phủ; Kiểm toán sự tác động đến môi trường của các chương trình, dự án; Kiểm toán các EMS; Cho ý kiến đối với dự thảo các chính sách và chương trình môi trường.

Ngoài ra, đối với các lĩnh vực môi trường cụ thể, INTOSAI/ASOSAI có những hướng kiểm toán chi tiết theo từng lĩnh vực như: kiểm toán quản lý chất thải, kiểm toán ĐDSH, kiểm toán nguồn nước, BDKH, ô nhiễm không khí...

Như vậy, Kiểm toán môi trường không khác so với các loại hình kiểm toán thông thường mà các SAI đã thực hiện, mà Kiểm toán môi trường có thể bao gồm tất cả các loại hình kiểm toán như kiểm toán tài chính (KTTC), kiểm toán tuân thủ (KTTT), kiểm toán hoạt động (KTHĐ) và đối tượng là các vấn đề môi trường.

Vai trò chính của SAI trong KTMT là nhằm đáp ứng sự kỳ vọng của người dân bằng cách thực hiện việc xác minh một cách độc lập, đáng tin cậy và khách quan các thông tin về môi trường do các cơ quan Nhà nước, các tổ chức, cá nhân cung cấp liên quan đến các hoạt động của họ và tác động của những hoạt động này đến môi trường. Mục tiêu và nội dung của mỗi cuộc kiểm toán tùy thuộc vào loại hình kiểm toán và chủ đề kiểm toán được thực hiện, có thể là kiểm toán tài chính, kiểm toán tuân thủ và kiểm toán hoạt động. Tùy theo từng chủ đề kiểm toán, tính chất của cuộc kiểm toán (là kiểm toán tài chính, kiểm toán tuân thủ hay kiểm toán hoạt động) mà cuộc KTMT có thể tiếp cận theo hệ thống, theo vấn đề hay theo kết quả.

5.5.2. Mục tiêu của kiểm toán môi trường

Các mục tiêu chính mà một cuộc kiểm toán môi trường hướng tới đó là:

- Đánh giá được sự tuân thủ, chấp hành của nhà máy, công ty đối với chính sách, pháp luật của nhà nước, các nguyên tắc, thủ tục Quốc tế về bảo vệ môi trường.
- Đánh giá được mức độ phù hợp, sự hiệu quả của các chính sách quản lý môi trường nội bộ của của công ty, nhà máy.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

- Thúc đẩy việc quản lý môi trường của các nhà máy diễn ra tốt hơn.
- Duy trì niềm tin của người dân đối với chính sách môi trường của Nhà nước.
- Nâng cao nhận thức của cán bộ, công nhân viên trong các nhà máy về việc thi hành các chính sách môi trường.
- Tìm kiếm các cơ hội cải tiến để sản xuất và bảo vệ môi trường tốt hơn.
- Thiết lập và thi hành được một hệ thống quản lý môi trường hữu hiệu, phù hợp cho các công ty.

5.5.3. Nội dung của kiểm toán môi trường

Các định nghĩa về kiểm toán môi trường đã chỉ ra ở phần trên chúng ta có thể thấy nội dung chính của kiểm toán môi trường trên Thế giới là:

- Kiểm toán môi trường đi xem xét, đánh giá sự tuân thủ với các thủ tục bảo vệ môi trường và các chính sách môi trường của một doanh nghiệp, tổ chức tuân theo các nguyên tắc giữ gìn môi trường trong sạch và phát triển bền vững. Trên thực tế qua trình kiểm toán môi trường có thể diễn ra một cách tự nguyện, nó chỉ bắt buộc trong những trường hợp đã được luật pháp quy định.

- Theo như định nghĩa thì kiểm toán môi trường thực chất là một công cụ quản lý nhằm kiểm tra, đánh giá tính hiệu quả, mức độ phù hợp của các nỗ lực bảo vệ môi trường hay các hệ thống quản lý môi trường của các nhà máy, doanh nghiệp địa phương. Đây là một cuộc rà soát có hệ thống, liên quan tới việc phân tích, kiểm tra và xác nhận các thủ tục và thực tiễn của hoạt động bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp, nhà máy nhằm đưa ra kết luận xem các cơ sở đó có tuân thủ theo những quy định pháp lý, các chính sách môi trường của nhà nước hay không, và cơ sở đó có được chấp nhận về mặt môi trường hay không.

- Bên cạnh đó một nội dung quan trọng khác của kiểm toán môi trường là nghiên cứu, kiểm tra kỹ các tài liệu, số liệu, các báo cáo môi trường của công ty, nhà máy trong một thời gian đủ dài nhằm tìm kiếm những sai sót, vi phạm trong các hoạt động bảo vệ môi trường của nhà máy, công ty đó. Từ đó đi đến kết luận xem các cơ

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

sở sản xuất này đã đạt được các mục tiêu bảo vệ môi trường đề ra hay chưa, đồng thời cũng đề đạt các biện pháp cải thiện một cách hợp lý, hiệu quả.

- Để có thể xem xét đánh giá các thông tin thì các chuyên gia kiểm toán phải căn cứ vào các tiêu chuẩn kiểm toán hay các chuẩn mực kiểm toán đã được thiết lập từ trước. Thông thường các tiêu chuẩn, các chuẩn mực này là các chính sách, các quy định, các tiêu chuẩn liên quan tới bảo vệ môi trường, quá trình sản xuất, sức khỏe của con người của các tổ chức, địa phương, Nhà nước và Quốc tế.

- Việc thu thập các thông tin của một cuộc kiểm toán được thông qua quá trình phỏng vấn trực tiếp các cán bộ chủ chốt, cán bộ công nhân viên của nhà máy, hoặc thông qua các bảng câu hỏi kiểm toán, thông qua quá trình thanh tra tại hiện trường... Từ đó để có thể đánh giá một cách chính xác nhất hoạt động bảo vệ môi trường và sự tuân thủ các chính sách, pháp luật môi trường của các cơ sở sản xuất.

- Một nội dung quan trọng khác của kiểm toán môi trường là phải đưa ra được các phát hiện kiểm toán, sự không phù hợp và các bằng chứng hỗ trợ, chứng minh cho những phát hiện này. Từ các phát hiện kiểm toán sẽ là cơ sở để thiết lập một kế hoạch hành động cải thiện và hiệu chỉnh tiếp theo.

- Nội dung cuối cùng của kiểm toán môi trường là phải thiết lập báo cáo kiểm toán và thông tin kết quả kiểm toán cho khách hàng và cơ sở bị kiểm toán.

5.5.4. Đối tượng, phạm vi của kiểm toán môi trường

- Đối tượng chính và thường gặp nhất của kiểm toán môi trường chính là các cơ sở sản xuất công nghiệp hoặc các công ty vừa sản xuất, vừa kinh doanh. Đây cũng chính là đối tượng chính gây ra những vấn đề về môi trường. Tuy nhiên, ngày nay kiểm toán môi trường đã được mở rộng và bao trùm rất nhiều các lĩnh vực khác nhau do đó đối tượng của nó ngày càng đa dạng và phong phú.

Việc tiến hành kiểm toán môi trường có thể được áp dụng cho toàn bộ quy trình sản xuất tức là bao gồm tất cả các yếu tố đầu vào và đầu ra: nguyên nhiên liệu, năng lượng, nước, các sản phẩm công nghiệp, các loại chất thải... Tuy nhiên việc

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

kiểm toán cũng có thể chỉ tiến hành đối với các yếu tố đầu vào hoặc đối với các yếu tố đầu ra, thậm chí chỉ là một phần nhỏ của yếu tố đầu vào hoặc yếu tố đầu ra (VD: Kiểm toán năng lượng, kiểm toán chất thải rắn, kiểm toán khí thải...).

- Tùy theo mục đích từng kiểm toán môi trường mà phạm vi kiểm toán có thể rất khác nhau. Bảng dưới đây là minh họa cho phạm vi kiểm toán môi trường nhằm đánh giá sự tuân thủ của công ty/dự án đối với các yêu cầu về BVMT, an toàn và sức khỏe.

5.5.5. Kinh nghiệm một số nước và tổ chức quốc tế về kiểm toán môi trường

5.5.5.1. Kinh nghiệm của Mỹ

Tại Mỹ, kiểm toán môi trường là một công cụ quản lý môi trường khuyến khích. Công cụ kiểm toán môi trường được Cục Bảo vệ môi trường Mỹ EPA xây dựng rất hiệu quả và phổ biến rộng rãi trên website để hỗ trợ doanh nghiệp dễ dàng triển khai thực hiện, đồng thời hỗ trợ hiệu quả cho cơ quan quản lý trong quá trình thanh, kiểm tra.

5.5.5.2. Kinh nghiệm của Liên minh Châu Âu

Tại Liên minh Châu Âu EU, Kiểm toán môi trường và quản lý sinh thái (EMAS) là công cụ quản lý môi trường tự nguyện, cho phép các doanh nghiệp tham gia đánh giá, cải thiện hiệu quả môi trường và phổ biến, công khai các thông tin môi trường tới cộng đồng các bên liên quan. Các tổ chức tham gia EMAS sẽ phải thực hiện quy trình theo các bước: Rà soát/đánh giá môi trường ban đầu; xây dựng chính sách môi trường, chương trình môi trường; thiết lập hệ thống quản lý môi trường; thực hiện kiểm toán môi trường nội bộ; xây dựng báo cáo EMAS theo quy định; xác minh, xác nhận, đăng ký và nhận logo EMAS để chứng nhận độ tin cậy. Mặc dù là công cụ QLMT có tính khuyến khích, EU cũng đã ban hành Chỉ thị số 1221/2009/EC ngày 25/11/2009 để hướng dẫn cụ thể đối với công cụ này.

5.5.5.3. Kinh nghiệm của Ngân hàng Thế giới

a) Các loại kiểm toán môi trường

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

- *Kiểm toán sự tuân thủ (compliance audits)*: là loại kiểm toán nhằm đánh giá sự tuân thủ đối với các tiêu chí của luật pháp, quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn, giới hạn cho phép hoặc hướng dẫn của các tổ chức (như WB).

- *Kiểm toán đánh giá trách nhiệm (liability audits)*: là loại kiểm toán được thực hiện qua thu thập thông tin từ các cuộc phỏng vấn, qua nghiên cứu các thông tin trong quá khứ và qua thanh tra tại các địa điểm để đánh giá trách nhiệm của các bên.

- *Kiểm toán chuyên biệt (specialized audits)*: là loại kiểm toán bổ sung, là loại hình chuyên biệt của KTMT như kiểm toán đánh giá rủi ro, nguy hại, giảm thiểu chất thải và kiểm toán năng lượng.

b) Quy trình kiểm toán môi trường

Kiểm toán môi trường được thực hiện qua ba bước:

- Chuẩn bị kiểm toán (Pre-audit);
- Kiểm toán tại cơ sở (Site audit);
- Hoạt động sau kiểm toán (Post-audit activities).

Chuẩn bị kiểm toán

Trong bước này cần phải lập Điều khoản tham chiếu (TOR) với mô tả dự án, phạm vi, mục đích và tiêu chí kiểm toán và cung cấp thông tin cơ bản có liên quan.

Kiểm toán tại cơ sở

Công tác khảo sát tại cơ sở để kiểm toán môi trường có thể mất 1 đến 10 ngày, chưa kể thời gian thu mẫu nếu cần thiết (phải mất 1 đến vài tuần).

Công tác khảo sát cần bắt đầu bằng cuộc họp có sự tham gia của người quản lý cơ sở và các bên tham gia vào kiểm toán.

Các thông tin sẽ được thu thập trong thời gian ngắn bằng cách hỏi và nhận câu trả lời của quản lý cơ sở. Việc kiểm toán này có thể làm người trả lời câu hỏi bị căng thẳng ngay cả khi cơ sở tuân thủ tốt các yêu cầu môi trường.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

Hoạt động sau kiểm toán

Trong giai đoạn sau kiểm toán báo cáo kiểm toán cần được hoàn thiện trên cơ sở kết luận của cuộc họp tổng kết.

Báo cáo dự thảo thường được giao nộp cho đơn vị được kiểm toán và khách hàng để họ cho ý kiến bình luận.

Báo cáo kiểm toán cần trình bày các mục đích kiểm toán, phạm vi và tiêu chí kiểm toán; các nhân sự tham gia (kể cả bên kiểm toán và bên được kiểm toán); phương pháp áp dụng; quy trình kiểm toán; các phát hiện chính và kết luận.

Đối với các dự án WB báo cáo KTMT cần đưa vào các đề xuất ưu tiên để giảm thiểu tác động xấu và các hành động khác và kinh phí cần có. Báo cáo KTMT cần đánh giá khách quan, không thiên vị; khách hàng và đơn vị được kiểm toán không được phép thay đổi các kết luận chính của đơn vị/cơ quan kiểm toán.

5.5.5.4. Kinh nghiệm của Ngân hàng Châu Á

Theo Chính sách môi trường của ADB, Báo cáo kiểm toán xác định và giải trình các biện pháp phù hợp để giảm thiểu tác động của các lĩnh vực quan tâm, ước tính chi phí của các giải pháp, và khuyến nghị lịch trình thực thi. Đối với một số dự án nhất định, báo cáo đánh giá môi trường có thể chỉ bao gồm một phần kiểm toán môi trường; trong những trường hợp khác, kiểm toán chỉ là một phần của tài liệu đánh giá môi trường.

Trong thủ tục tài trợ doanh nghiệp nói chung, khi các khách hàng có hoạt động tại nhiều nơi tìm kiếm tài trợ, bên vay/ khách hàng phải thuê các chuyên gia độc lập có năng lực và kinh nghiệm tiến hành kiểm toán doanh nghiệp đối với hệ thống quản lý môi trường và xã hội hiện tại của họ, tình hình thực hiện trước đây và hiện tại của công ty so với các mục tiêu, nguyên tắc và yêu cầu của tuyên bố chính sách bảo trợ xã hội của ADB. Hoạt động kiểm toán sẽ:

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

(i) Đánh giá khả năng của khách hàng trong việc quản lý và giải quyết mọi rủi ro và tác động môi trường và xã hội có liên quan đến hoạt động kinh doanh và dự án họ;

(ii) Đánh giá tình hình tuân thủ của khách hàng đối với luật pháp và quy định hiện hành của địa phương nơi dự án hoạt động liên quan đến các vấn đề môi trường và xã hội, bao gồm cả quy định thực hiện các nghĩa vụ của nước sở tại theo luật pháp quốc tế; và

(iii) Xác định các nhóm đối tượng liên quan chính của công ty và các hoạt động hiện tại thu hút sự tham gia của các bên liên quan.

Một báo cáo kiểm toán môi trường thông thường sẽ bao gồm các phần chính như sau:

(i) Tóm tắt tổng quan;

(ii) Mô tả cơ sở vật chất hiện có, bao gồm cả các hoạt động trước đây và hiện tại;

(iii) Tóm tắt luật, quy định và tiêu chuẩn môi trường của quốc gia, địa phương hoặc mọi quy định khác có liên quan đến môi trường đang được áp dụng;

(iv) Thủ tục kiểm toán và điều tra thực địa;

(v) Kết quả phát hiện và những lĩnh vực cần quan tâm; và

(vi) Kế hoạch hành động hiệu chỉnh trong đó nêu các hành động hiệu chỉnh phù hợp cho từng lĩnh vực quan tâm, bao gồm cả chi phí và lịch trình.

Trong một số trường hợp, trong quá trình đánh giá môi trường theo quy định của ADB, quá trình kiểm toán quản lý môi trường là cần thiết để thiết lập được các thông tin, dữ liệu thực tế để đánh giá chính xác hiệu quả công tác quản lý, triển khai thực thi môi trường của dự án. Trong trường hợp này, kiểm toán quản lý môi trường bao gồm các nội dung sau:

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

(i) Tổng hợp, thống kê và xử lý các dữ liệu quan trắc môi trường để lập báo cáo về những thay đổi liên quan đến việc vận hành triển khai dự án;

(ii) Kiểm định tất cả hoặc lựa chọn kiểm định một số thông số, phương pháp để đo đạc thông số môi trường là một phần trong chương trình quan trắc tuân thủ với các quy định định kỳ, các chính sách và tiêu chuẩn nội bộ, các giới hạn chất lượng môi trường;

(iii) So sánh các tác động dự báo với các tác động thực tế để đánh giá tính chính xác của các dự báo;

(iv) Đánh giá hiệu quả của các hệ thống quản lý môi trường, quá trình thực thi thực tế và các thủ tục thực thi liên quan đến môi trường;

(v) Xác định mức độ, phạm vi để cải thiện, hiệu chỉnh trong trường hợp có sự chưa tuân thủ hoặc trong trường hợp chưa đạt được mục tiêu môi trường đặt ra.

Theo quy định của ADB, Báo cáo kiểm toán môi trường (với các nội dung nêu trên và bao gồm kế hoạch hiệu chỉnh hành động nếu có) sẽ được công bố với công chúng theo yêu cầu công bố thông tin do ADB quy định. Đối với các dự án xếp loại A về môi trường (các dự án có nguy cơ gây tác động môi trường cao) có các cơ sở và/ hoặc các hoạt động kinh doanh đã đang hoạt động hoặc đang được xây dựng, bên vay/ khách hàng phải đệ trình báo cáo kiểm toán cho ADB để ADB công bố trên website của ADB tối thiểu 120 ngày trước khi Ban giám đốc ADB phê duyệt khoản vay.

5.6. Kinh nghiệm quốc tế về Tuân thủ và giám sát môi trường

5.6.1. Kinh nghiệm của Hoa Kỳ

Tại Mỹ, hoạt động thanh tra, kiểm tra môi trường nằm chung trong nhóm giám sát tuân thủ môi trường. Nhóm các hoạt động công việc nằm trong giám sát tuân thủ bao gồm:

- Xây dựng, triển khai các chiến lược, kế hoạch giám sát tuân thủ.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

- Giám sát tuân thủ trực tiếp tại cơ sở: thanh kiểm tra, đánh giá, khảo sát điều tra (các hoạt động này này bao gồm cả việc xem xét các loại giấy phép, dữ liệu và các tài liệu, hồ sơ của cơ sở).

- Giám sát tuân thủ từ xa: thu thập dữ liệu, đánh giá, báo cáo, các chương trình phối hợp, giám sát, hỗ trợ.

- Đào tạo thanh tra viên, cấp giấy chứng nhận và các hoạt động hỗ trợ đào tạo nghiệp vụ.

Hoạt động thanh tra là hoạt động cơ bản Trong nhóm các hoạt động giám sát tuân thủ. Đây là công cụ rất quan trọng để đánh giá chính thức mức độ tuân thủ các quy định, yêu cầu về môi trường của cơ sở. Cục Bảo vệ môi trường Mỹ EPA và các đối tác pháp lý của mình cơ bản tiến hành các cuộc thanh tra theo thẩm quyền nội dung đã được quy định. Theo đó, thanh tra là việc đến các cơ sở (cơ sở sản xuất kinh doanh, đơn vị hành chính, bãi chôn lấp chất thải...) nhằm thu thập các thông tin xác minh sự tuân thủ quy định, yêu cầu về môi trường của cơ sở. Quá trình thanh tra thông thường bao gồm các hoạt động tiền thanh tra như thu thập các thông tin chung về cơ sở trước khi đi thanh tra thực tế. Các hoạt động khác được tiến hành trong quá trình thanh tra thực tế bao gồm:

- Phỏng vấn chủ đại diện cơ sở;
- Xem xét các báo cáo và số liệu lưu trữ;
- Chụp ảnh, thu thập, lấy mẫu;
- Giám sát các hoạt động, vận hành của cơ sở.

Các cuộc thanh tra thường được tiến hành cho từng lĩnh vực riêng ví dụ triển khai theo chương trình quy định của Đạo luật nước sát, tuy nhiên cũng có thể tiến hành thanh tra kết hợp nhiều lĩnh vực cùng lúc.

Các cuộc thanh tra cũng có thể tiến hành để xác định các vấn đề môi trường cụ thể (ví dụ xác định chất lượng nước trên sông), đối với từng loại hình sản xuất (ví dụ cơ sở sản xuất hoá chất), tiến hành theo quy mô khu vực địa lý (một vùng, một

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

địa phương) hoặc theo quy mô hệ sinh thái (ví dụ lưu vực sông...). Cường độ và phạm vi của một đợt thanh tra có thể dao động từ kiểu thanh tra nhanh trong một buổi hoặc thanh tra mở rộng có tiền hành lấy mẫu kéo dài nhiều tuần.

Ở Hoa Kỳ không có luật riêng về thanh tra môi trường. Tuy nhiên, nội dung thanh tra và thẩm quyền thanh tra (cán bộ, đơn vị có chức năng tiến hành hoạt động thanh tra) đối với các lĩnh vực môi trường được quy định cụ thể trong các đạo luật riêng về lĩnh vực môi trường. Ví dụ, Đạo luật không khí sạch (Clean Air Act) quy định thanh tra viên có thẩm quyền là các thanh tra viên của EPA, các thanh tra viên (làm việc trong một số cơ quan tài phán) cộng tác với EPA, hoặc các cán bộ trong cơ quan quản lý bang được EPA cấp chứng nhận và giao nhiệm vụ. Cũng theo quy định của Đạo luật không khí sạch, các thanh tra viên có quyền đến cơ sở để tiếp cận, copy các tài liệu, thanh tra các thiết bị quan trắc môi trường, lấy mẫu để đối chứng với quy chuẩn, xác định vi phạm và thu thập các thông tin liên quan khác để thực thi luật pháp (Điều 42 U.S.C.A., 7414 (a,b)).

Các thanh tra viên cũng được quyền vào bất kỳ cơ sở sản xuất thiết bị, động cơ mô tô hoặc vào các cơ sở được cơ sở đang thanh tra thuê sử dụng để thanh tra theo đúng trách nhiệm được quy định để kiểm tra thiết bị, động cơ hoặc kiểm tra số liệu, văn bản, dữ liệu, quy trình, cách thức quản lý kiểm soát của cơ sở và các hạng mục công trình được sử dụng... (Điều 42 U.S.C.A., 7525 (c), 7542 (b)).

Theo quy định của Đạo luật Nước sạch (Clean Water Act), thanh tra viên có quyền đến các cơ sở có hoạt động xả thải để sao chép các dữ liệu, kiểm tra thiết bị quan trắc, lấy mẫu nước thải để đối chứng quy chuẩn, xác định vi phạm hoặc tiến hành các hoạt động khác theo quy định của luật. Thanh tra viên cũng có quyền đến các phương tiện vận tải thủy, ngoại trừ các phương tiện vận tải phục vụ công cộng được quy định tại Điều 33 U.C.S, 1321 (a) (4) để tiếp cận, sao chép các ghi chép, dữ liệu lưu trữ, kiểm tra thiết bị quan trắc và lấy mẫu chất thải theo quy định của luật.

Tương tự, trong các Đạo luật khác như Đạo luật về trách nhiệm, bồi thường và đền bù môi trường (CERCLA), Đạo luật quản lý thuốc diệt chuột, thuốc trừ sâu,

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

diệt nấm liên bang (FIFRA), Đạo luật thải bỏ chất thải (SWDA) đã được sửa đổi thành Đạo luật phục hồi và bảo tồn môi trường (RCRA), Đạo luật Nước sinh hoạt an toàn (SDWA) và Đạo luật kiểm soát chất độc (TSCA) đều quy định rõ đối tượng có thẩm quyền thực hiện thanh tra và các nội dung cho phép khi tiến hành hoạt động thanh tra.

Bên cạnh đó, Cục Bảo vệ môi trường Mỹ EPA cũng phát triển các hướng dẫn về kiểm toán môi trường cho phép doanh nghiệp tự thực hiện để đánh giá mức độ tuân thủ của họ đối với các quy định, yêu cầu về môi trường theo quy định và luật của liên bang.

5.6.2. Kinh nghiệm của Singapore

Để đảm bảo cho các đạo luật có hiệu lực thi hành trên thực tế, thì các biện pháp cưỡng chế là không thể thiếu, do đó pháp luật về môi trường của Singapore cũng đã đặt ra các biện pháp cưỡng chế khác nhau cho các mức vi phạm pháp luật về môi trường như sau:

- *Biện pháp xử lý hình sự*: Pháp luật môi trường Singapore lấy chế tài hình sự là công cụ cơ bản để thực thi, biện pháp này được áp dụng đối với người bị kết án phạt tiền, phạt tù, bắt bồi thường và đối với những vi phạm nhỏ thì phạt cải tạo lao động bắt buộc (chỉ áp dụng với những bị cáo đủ 16 tuổi trở lên và đủ tiêu chuẩn y tế). Cụ thể là:

+ *Hình phạt tiền*: Đây là hình phạt phổ biến nhất trong các đạo luật về môi trường của Singapore, phạt tiền được xem là công cụ hữu hiệu trong việc tăng cường hiệu lực pháp luật về BVMT của Singapore. Theo các đạo luật ở Singapore thì có nhiều mức độ vi phạm tiền khác nhau, tùy thuộc vào các đạo luật khác nhau và mức độ nguy hiểm của hành vi gây ra.

Ví dụ trường hợp đổ rác nơi công cộng, nếu bị Tòa án kết tội thì người vi phạm sẽ bị phạt đến 10.000\$ với vi phạm lần đầu và nếu tái phạm sẽ bị phạt tới 20.000\$. Ngoài ra, các đạo luật về môi trường của Singapore cũng quy định phạt tiền một cách rất linh hoạt đối với các vi phạm ít nghiêm trọng, đó là việc cho phép người

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

vi phạm trả một khoản tiền thích hợp cho Bộ Môi trường Singapore và vụ việc sẽ tự kết thúc mà không phải đưa ra Toà.

+ Hình phạt tù: Đây là chế tài nghiêm khắc nhất nhằm trừng trị những người vi phạm ngoan cố, khi mà các hành vi phạm tội có thể mang lại cho người phạm tội những khoản lợi nhuận lớn nếu họ không bị phát hiện và hình phạt tiền vẫn không ngăn chặn được các hành vi mà người đó gây ra.

Ví dụ: theo Đạo luật về môi trường sức khoẻ cộng đồng và Đạo luật kiểm soát ô nhiễm thì những người vi phạm lần đầu bị buộc tội về hành vi đưa chất thải hoặc các chất độc hại vào nguồn nước ngầm có thể bị phạt tù đến 12 tháng. Đối với những người tái phạm thì có thể bị phạt tù với chế độ khắc nghiệt từ 1 đến 12 tháng.

+ Tạm giữ và tịch thu: Một số luật về môi trường quy định về việc tạm giữ và tịch thu các công cụ, phương tiện được sử dụng vào việc phạm tội. Ngoài ra, nếu trường hợp thực phẩm không phù hợp cho con người có thể bị tịch thu và tiêu huỷ theo Đạo luật về môi trường và sức khoẻ cộng đồng và Đạo luật về mua bán thực phẩm.

+ Lao động cải tạo bắt buộc: Lao động cải tạo bắt buộc là biện pháp mà qua thực tiễn thực thi pháp luật về môi trường ở Singapore cho thấy đây là một biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn các vi phạm nhỏ, những người vi phạm đã bị áp dụng hình phạt lao động cải tạo bắt buộc ít khi lặp lại hành vi đã vi phạm, đặc biệt rất ít người tái phạm. Bên cạnh các quy định cụ thể nêu trên, pháp luật về môi trường của Singapore cũng xác định trách nhiệm tuyệt đối với việc phạm tội mà có thể là nguyên nhân gây hại đối với môi trường hoặc sức khoẻ của cộng đồng nói chung, trong một số trường hợp toà án có thể phán quyết về hành vi phạm tội đã được thực hiện không cần công tố phải chứng minh bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi đó.

- *Biện pháp hành chính*: Tuy pháp luật Singapore xem chế tài hình sự là quan trọng nhất trong việc BVMT nhưng không vì thế mà xem nhẹ các chế tài hành chính và dân sự. Không giống như các chế tài hình sự và dân sự thường là các biện pháp tức thời, các chế tài hành chính thường có hiệu lực trong việc bảo đảm các biện pháp

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

liên tục. Một số chế tài hành chính đã được chấp nhận là các kế hoạch sử dụng đất, giấy phép và việc ban hành các mệnh lệnh thông báo. Cụ thể là:

+ Kế hoạch sử dụng đất: Việc lập kế hoạch sử dụng đất trong kiểm soát môi trường cơ bản có tính chất phòng ngừa. Các khu vực dành cho công nghiệp nặng, công nghiệp vừa và công nghiệp làm sạch được phân ranh giới rõ ràng. Có sự phối hợp chặt chẽ giữa Bộ Môi trường và các cơ quan liên quan như Ủy ban tái phát triển đô thị và Cục kiểm soát xây dựng.

+ Giấy phép, giấy chứng nhận: Việc cấp giấy phép và giấy chứng nhận thuộc thẩm quyền của Bộ Môi trường nhằm đảm bảo kiểm soát và quản lý chặt chẽ các hoạt động có khả năng tác động có hại tới môi trường. Cụ thể là trước khi một hoạt động được phép tiến hành, Bộ Môi trường phải đảm bảo là hoạt động đó sẽ không gây ra tác hại gì cho môi trường. Ví dụ về Đạo luật kiểm soát ô nhiễm về môi trường, các hoạt động công nghiệp có khả năng gây ô nhiễm không khí đều phải được phép của Bộ Môi trường trước khi công việc được triển khai.

+ Thông báo và lệnh: Thông báo và lệnh được áp dụng trong trường hợp người chủ sở hữu hoặc quản lý một tài sản không tuân thủ các quy định tiêu chuẩn hoặc điều kiện về môi trường được quy định trong các đạo luật liên quan. Thông báo và lệnh này sẽ yêu cầu chủ sở hữu hoặc quản lý tài sản phải tuân thủ các yêu cầu đặt ra trong đó. Nếu không thực hiện các yêu cầu đó, chủ sở hữu hoặc quản lý phải chịu trách nhiệm trước toà án và phải chịu hình phạt. Bên cạnh các quy định về thông báo và lệnh để đảm bảo yếu tố dân chủ trong việc thực thi pháp luật trong nhiều đạo luật khác nhau, người nhận được lệnh hoặc thông báo nếu không đồng ý với yêu cầu đề ra trong đó thì sẽ nộp đơn phản đối. Đơn phản đối đó sẽ được Bộ trưởng Bộ có liên quan quyết định: giữ nguyên, thay đổi hoặc bãi bỏ lệnh hoặc thông báo đề ra. Quyết định này của Bộ trưởng là quyết định cuối cùng (Điều 93 Luật về môi trường sức khoẻ cộng đồng).

Ngoài ra, chế tài hành chính còn thực hiện chức năng giám sát nhằm đảm bảo hạn chế tiếng ồn tại các công trường không được vượt quá giới hạn cho phép. Nếu

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

có tiếng khiếu nại từ phía dân chúng, Bộ Môi trường phải tiến hành đánh giá độc lập về mức độ tiếng ồn. Nếu tiếng ồn vượt quá mức độ quy định, thì chủ sở hữu, người quản lý công trường xây dựng có liên quan, căn cứ vào chứng cứ đã có quản chi một khoản tiền phạt tối đa là 2.000USD, nếu tái phạm phải nộp 100USD cho mỗi ngày tái phạm tiếp theo. Do tính cấp thiết của pháp luật về môi trường cho nên trong các Đạo luật về môi trường cũng đã trao cho Bộ Môi trường một số quyền hạn để thực thi các công việc khẩn cấp, nhằm thi hành ngay bất kỳ nhiệm vụ nào nếu nhiệm vụ đó là cấp bách đối với sự an toàn xã hội, sức khoẻ hay dịch vụ cộng đồng (Điều 90 Luật BVMT).

- *Biện pháp dân sự:* Bên cạnh các chế tài về Hình sự và Hành chính, các Đạo luật môi trường Singapore cũng quy định nhiều hình thức chế tài dân sự. Cụ thể như: Yêu cầu cá nhân gây ô nhiễm phải nộp phạt, bồi thường thiệt hại, chi phí và các khoản phí tổn mà cơ quan có thẩm quyền phải chịu để làm sạch môi trường... Theo Điều 97 của Luật BVMT của Singapore thì Chính phủ có thể thu giữ lại từ người sở hữu hoặc quản lý tài sản các phí tổn và chi phí đã được sử dụng trong quá trình thực hiện bất kỳ nào đã được quy định trong luật. Trong vòng 14 ngày theo quy định, nếu chi phí này chưa được thanh toán thì vụ việc sẽ được đưa ra Toà.

- *Thanh tra môi trường:* Trách nhiệm thanh tra môi trường ở Singapore do Cục Kiểm soát ô nhiễm thực thi, bao gồm các hoạt động: thanh tra, giám sát, kiểm tra, quan trắc, lấy mẫu và kiểm chứng.

Nội dung thanh tra môi trường được quy định trong Luật Kiểm soát ô nhiễm môi trường bao gồm các lĩnh vực: kiểm soát ô nhiễm khí thải công nghiệp, khí thải giao thông, ô nhiễm nước, chất thải nguy hại, hoá chất độc hại và ô nhiễm tiếng ồn.

Theo quy định của Luật, các cơ sở sản xuất được phân chia thành 3 nhóm (A, B, C) dựa vào mức độ, nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, cụ thể:

- Nhóm A: gồm các cơ sở thuộc loại hình sản xuất tinh luyện dầu, nhiệt điện, hoá chất, dệt nhuộm, sản xuất thép, mạ kim loại. Các cơ sở này yêu cầu phải có giấy phép trước khi đi vào vận hành.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

- Nhóm B: gồm các cơ sở tác động môi trường ở mức độ thấp, thuộc các loại hình: sản xuất điện tử, đồ uống, các trạm xăng...

- Nhóm C: gồm các cơ sở hầu như không có tác động đến môi trường như nhà xưởng, cơ sở in ấn.

Chương trình giám sát, thanh tra môi trường được quy định tiến hành hàng tháng đối với cơ sở thuộc nhóm A, hàng quý với cơ sở thuộc nhóm B và hàng năm đối với cơ sở thuộc nhóm C.

5.6.3. Kinh nghiệm các nước Châu Âu

Các nước thuộc Liên minh Châu Âu phân loại hoạt động thanh tra, kiểm tra về BVMT như sau:

- Thanh tra, kiểm tra thường xuyên và khi có các khiếu nại, tố cáo. Trong đó, các cuộc kiểm tra thường xuyên chiếm phần lớn. Hầu hết các cuộc kiểm tra định kỳ được thực hiện theo lịch trình cụ thể.

- Thanh tra, kiểm tra tổng hợp và kiểm tra cụ thể. Trong đó, thanh tra, kiểm tra tổng hợp là thanh tra kiểm tra tất cả các khía cạnh trong giấy phép môi trường và thanh tra, kiểm tra cụ thể là chỉ thanh tra, kiểm tra một thành phần môi trường cụ thể nào đó (đất, nước, không khí...). Ở hầu hết các quốc gia Châu Âu, thanh tra, kiểm tra tổng hợp và kiểm tra cụ thể đều được thực hiện.

Tiêu chí thiết lập thứ tự ưu tiên trong một cuộc thanh tra, kiểm tra gồm có:

- + Số lượng các kiểm tra bắt buộc
- + Số lượng khiếu nại, tố cáo.
- + Khả năng gây ô nhiễm
- + Loại phát thải gây ô nhiễm
- + Khu vực địa lý
- + Mức độ tài nguyên sử dụng
- + Các mùa trong năm
- + Các hệ thống quản lý môi trường hiện có

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

+ Kết hợp với các chương trình kiểm tra khác...

Trong đó, khả năng, rủi ro gây ô nhiễm trong thực tế thường là tiêu chí quan trọng trong việc thiết lập các ưu tiên thanh tra, kiểm tra tại các quốc gia thành viên Châu Âu.

Thanh tra viên có nhiệm vụ xác định thứ tự ưu tiên và công tác chuẩn bị cho hoạt động thanh tra, kiểm tra. Các thanh tra viên thu thập thông tin cần thiết để xác định việc tuân thủ các điều kiện, quy định áp dụng trong giấy phép môi trường và các yêu cầu khác.

- Bước đầu tiên trong việc chuẩn bị thanh tra, kiểm tra là nghiên cứu hồ sơ để xác định các vấn đề môi trường quan trọng nhất cần được xử lý trong quá trình kiểm tra, bao gồm các thông tin môi trường thiết yếu và các quy định chính có trong giấy phép môi trường. Thanh tra viên sau đó có thể xác định cách thức và trọng tâm thực hiện kiểm tra và được xác định trong Kế hoạch kiểm tra.

- Bước thứ hai là quyết định sử dụng công cụ kiểm tra nào. Một trong những công cụ có thể là một danh sách kiểm tra, trong đó bao gồm các yếu tố cần lưu ý hay phối hợp với các hoạt động kiểm tra khác hay sử dụng dữ liệu phù hợp với dữ liệu thu được từ cơ sở dữ liệu khác.

Việc tiến hành cuộc thanh tra, kiểm tra được thực hiện theo các công việc sau: (a) Phát hành thông báo cho đối tượng thanh tra, kiểm tra; (b) thông báo cho các cơ quan liên quan; (c) lập kế hoạch, thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra; (d) cập nhật hồ sơ, thông báo kết quả thanh tra, kiểm tra; (đ) theo dõi thực hiện kết quả thanh tra, kiểm tra.

Tương tự ở Mỹ, các quốc gia Châu Âu có 3 hình thức xử phạt vi phạm môi trường là xử phạt hành chính, xử lý dân sự và xử lý hình sự. Trong đó, Thanh tra về môi trường chủ yếu thi hành các xử lý hành chính, thực thi các quy tắc về xử lý vi phạm hành chính về môi trường.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

5.6.4. Kinh nghiệm của Ấn Độ

Năm 1989, Bộ Môi trường, Rừng và BDKH (MoEFCC) của Ấn Độ đã ban hành thông báo với mục tiêu nhằm cấm, hạn chế đầu tư hoặc triển khai một số ngành công nghiệp để bảo vệ thung lũng Doon có tính nhạy cảm về sinh thái. Với thông báo này, lần đầu tiên, khái niệm phân loại các ngành công nghiệp theo các nhóm danh sách Đỏ, Cam và Xanh đã được đề xuất nhằm tạo điều kiện thuận lợi khi đưa ra các quyết định liên quan đến vị trí xây dựng các dự án thuộc các ngành công nghiệp này. Sau đó, việc sử dụng khái niệm này đã được mở rộng trên toàn quốc, không chỉ cho mục đích liên quan đến vị trí các dự án mà còn cho các mục đích cấp phép, xây dựng các quy chuẩn liên quan đến giám sát, thanh kiểm tra các ngành công nghiệp.

Tại Ấn Độ, cán bộ của Ban Kiểm soát ô nhiễm bang có quyền tiến hành các hoạt động thanh, kiểm tra tại các nhà máy, bao gồm cả việc kiểm tra các quy trình xử lý chất thải, lấy mẫu để kiểm chứng, xem xét các số liệu lưu trữ, thực hiện nghiên cứu đánh giá và đưa ra chỉ dẫn cho các ngành sản xuất để kiểm soát ô nhiễm môi trường.

Ban Kiểm soát ô nhiễm Trung ương và các Ban Kiểm soát ô nhiễm bang thực hiện các thủ tục để xử phạt vi phạm trong trường hợp phát hiện xảy ra các vi phạm theo quy định tại các luật BVMT, luật không khí và luật nước.

5.7. Đánh giá chung về kinh nghiệm quốc tế đối với hệ thống công cụ QLMT sau ĐTM và kiểm soát, giám sát môi trường dự án

Từ các kinh nghiệm quốc tế nêu trên, có thể ghi nhận những bài học quan trọng sau đây đối với công tác ĐTM và thiết lập hệ thống công cụ quản lý môi trường theo vòng đời dự án để kiểm soát, giám sát môi trường như sau:

(i) Phân hạng các dự án theo mức độ tác động đến môi trường dựa trên các yếu tố: (1) Quy mô phát sinh và mức độ độc hại của chất ô nhiễm; (2) Phạm vi và mức độ chiếm dụng, xâm hại cảnh quan thiên nhiên, hệ sinh thái tự nhiên; (3) Cấp độ nhạy cảm của phân vùng môi trường nơi thực hiện hoạt động phát triển. Từ đây,

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

đề xuất mức độ ĐTM, kiểm soát môi trường theo các giai đoạn của dự án (Giấy phép môi trường/đăng ký môi trường; quan trắc, giám sát, thanh tra, kiểm tra).

(ii) Nhìn chung hệ thống các công cụ quản lý môi trường trên Thế giới rất đa dạng, về cơ bản có thể chia thành 2 nhóm tùy theo mức độ yêu cầu áp dụng: Nhóm các công cụ QLMT có tính bắt buộc, mệnh lệnh (ĐTM, Giấy phép môi trường, quan trắc môi trường, thanh tra/ giám sát...); Nhóm các công cụ QLMT có tính khuyến khích (Kế hoạch quản lý môi trường, Kiểm toán môi trường, Hệ thống quản lý môi trường...). Về cơ bản nhóm các công cụ QLMT có tính bắt buộc, mệnh lệnh ở các quốc gia tiên tiến trên Thế giới có sự phân định rõ vai trò, trách nhiệm của các bên liên quan theo xu thế hạn chế thủ tục hành chính, tăng cường trách nhiệm doanh nghiệp, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, xuyên suốt, không trùng lặp, chồng chéo giữa các công cụ quản lý.

(iii) Tại các nước tiên tiến trên thế giới, cơ quan quản lý không sử dụng báo cáo ĐTM làm công cụ quản lý đối với các cơ sở đang hoạt động, mà hầu hết sử dụng các loại Giấy phép môi trường kết hợp với kế hoạch quản lý môi trường của chủ dự án để quản lý, trong đó nêu rất rõ vai trò, phạm vi, nội dung, thời hạn của từng công cụ.

Giấy phép môi trường theo kinh nghiệm quốc tế được cấp theo nguyên tắc:

- Đúng thẩm quyền, đúng đối tượng và trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; minh bạch, công khai thông tin;
- Bảo đảm lợi ích của nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan; bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;
- Phù hợp với quy hoạch và khả năng chịu tải của môi trường;
- Đối với các dự án được phân kỳ đầu tư theo nhiều giai đoạn, Giấy phép môi trường có thể được cấp cho từng giai đoạn và sẽ được tích hợp sau khi tất cả các hạng mục công trình của dự án đã hoàn thành;
- Đơn giản các thủ tục hành chính;
- Các tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép phải chịu trách nhiệm thực hiện

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

hiện các quy định của giấy phép.

❖ Kết luận

Chương 5 trình bày các kết quả nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về các công cụ quản lý môi trường sau ĐTM và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động, bao gồm: giấy phép môi trường, kế hoạch quản lý môi trường, kiểm toán môi trường, hệ thống quản lý môi trường, tuân thủ và giám sát môi trường. Với mục tiêu đề ra, Tập thể tác giả không đi sâu nghiên cứu về hướng dẫn kỹ thuật đối với từng công cụ (hướng nghiên cứu này đã được triển khai với các đề tài nghiên cứu trong nước), mà chủ yếu tập trung vào làm rõ quan điểm, cách tiếp cận, bài học kinh nghiệm quốc tế về vai trò, hệ thống và áp dụng các công cụ quản lý môi trường theo vòng đời dự án đầu tư (đối với từng giai đoạn của dự án) và trách nhiệm của các bên liên quan trong triển khai, thực hiện.

Các kinh nghiệm quốc tế trong việc thiết lập hệ thống công cụ quản lý môi trường theo vòng đời dự án để kiểm soát, giám sát môi trường hiệu quả đối với các dự án đầu tư và các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động được trình bày tại Chương này (mục 5.7) là những bài học hữu ích, thiết thực để nghiên cứu, cụ thể hoá phương án, biện pháp cho các giải pháp chính sách đã được định hướng ở Chương 3, đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý giải quyết những bất cập, tồn tại về mặt chính sách pháp luật trong kiểm soát, giám sát môi trường hiện nay ở nước ta (Chương 6).

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

CHƯƠNG 6. ĐỀ XUẤT HOÀN THIỆN KHUNG PHÁP LÝ, QUY TRÌNH KỸ THUẬT VỀ ĐTM VÀ KIỂM SOÁT, GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH ĐANG HOẠT ĐỘNG TRONG ĐIỀU KIỆN VIỆT NAM HIỆN NAY

Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu về cơ sở khoa học của ĐTM, Giấy phép môi trường; quy định, kinh nghiệm quốc tế về ĐTM, Giấy phép môi trường và các công cụ quản lý môi trường theo vòng đời dự án của các quốc gia tiên tiến, các tổ chức kinh tế, môi trường thế giới; hệ thống các quy định hiện hành, thực trạng ĐTM và công tác quản lý, kiểm soát, giám sát môi trường đối với các dự án đầu tư của Việt Nam..., tập thể tác giả đã xem xét kế thừa có chọn lọc và phát triển đề xuất hoàn thiện khung pháp lý về ĐTM và các công cụ để kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động ở Việt Nam. Trong đó, phân tích, đánh giá, đề xuất các nội dung quan trọng để giải quyết các hạn chế, bất cập về ĐTM và các công cụ quản lý môi trường sau ĐTM ở Việt Nam như đã nêu trên (xem dự thảo Luật và dự thảo Nghị định). Các đề xuất tập trung vào các nội dung chính sau:

6.1. Xác định bản chất, vai trò, vị trí của ĐTM, Giấy phép môi trường và các công cụ quản lý môi trường sau ĐTM và đề xuất khung pháp lý các công cụ quản lý môi trường theo vòng đời dự án đầu tư ở Việt Nam

Xác định ĐTM là công cụ chính trong giai đoạn xem xét phê duyệt đầu tư dự án; đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang vận hành hoạt động, việc tuân thủ, kiểm soát, giám sát môi trường căn cứ vào Giấy phép môi trường, kế hoạch quản lý môi trường, kiểm toán môi trường, hệ thống quản lý môi trường (hình 6.1).

6.2. Phân loại dự án và đề xuất các công cụ, cơ chế quản lý môi trường theo các mức độ tác động đến môi trường của dự án:

Trên cơ sở các yếu tố: loại hình dự án gắn với quy mô và mức độ độc hại của các chất ô nhiễm và chất thải rắn phát sinh; quy mô, mức độ xâm hại đối với cảnh

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

quan thiên nhiên, các hệ sinh thái tự nhiên; cấp độ nhạy cảm môi trường nơi thực hiện hoạt động đầu tư phát triển, dự án đầu tư được phân nhóm theo 04 mức độ, bao gồm:

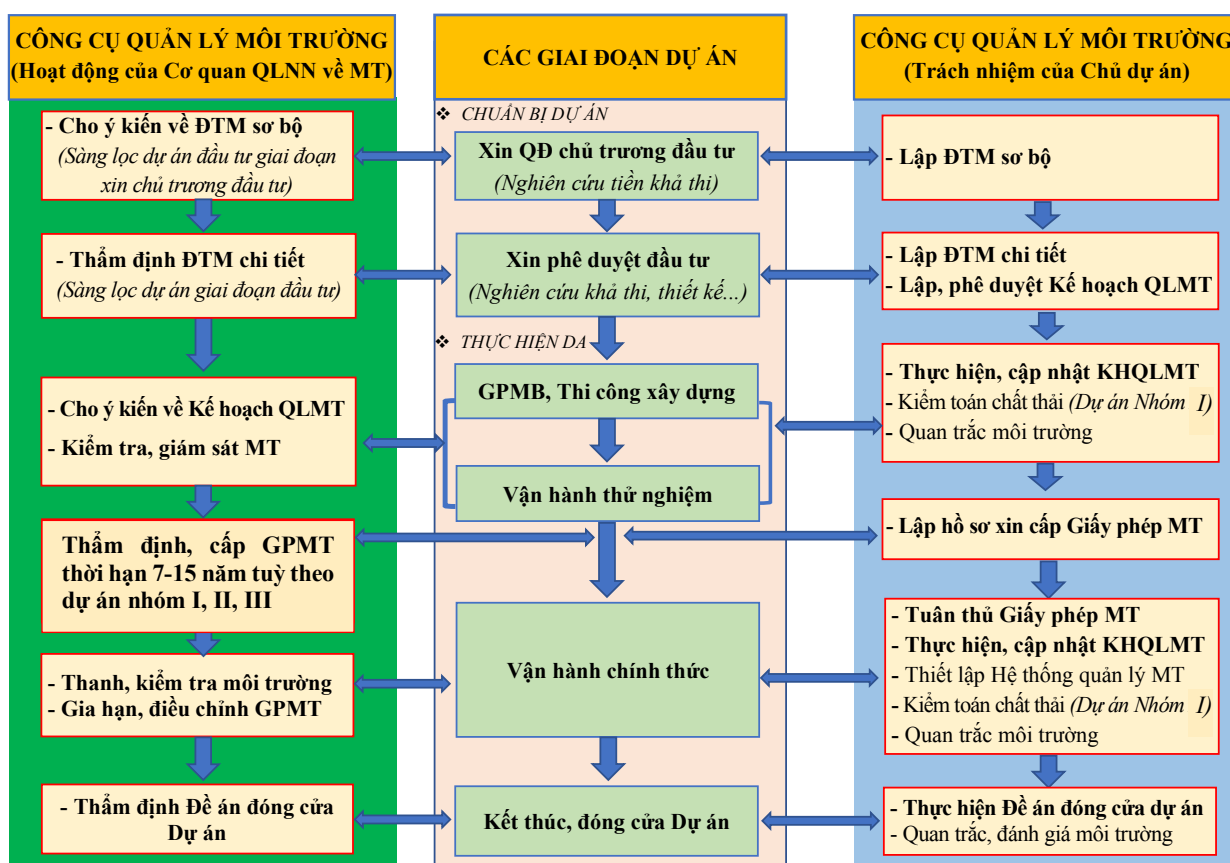
Nhóm I - Tác động môi trường cao;

Nhóm II - Tác động môi trường trung bình cao;

Nhóm III - Tác động môi trường trung bình;

Nhóm IV- Không có tác động hoặc tác động không đáng kể đến môi trường.

Yêu cầu, quy định về thực hiện ĐTM; giấy phép về môi trường; cơ chế giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với các nhóm dự án theo vòng đời dự án là khác nhau.



Hình 6.1. Quy trình quản lý môi trường theo vòng đời dự án.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

6.3. Đề xuất hoàn thiện khung pháp lý, quy trình kỹ thuật về ĐTM

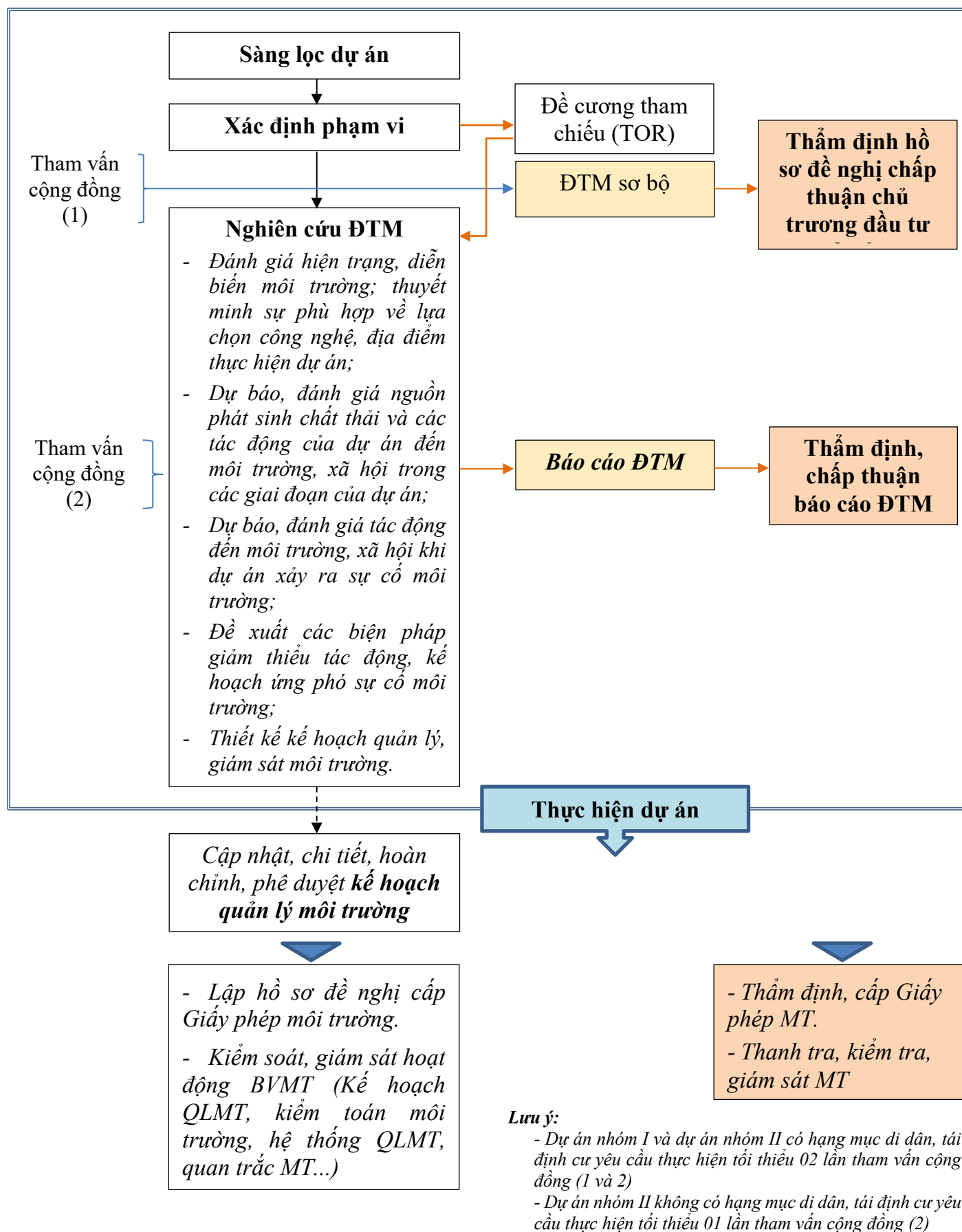
6.3.1. Đề xuất quy trình ĐTM phù hợp với mức độ tác động đến môi trường, thông lệ quốc tế và điều kiện Việt Nam

Tương ứng với các mức độ tác động đến môi trường của các nhóm dự án, yêu cầu về mức độ và quy trình thực hiện ĐTM là khác nhau, cụ thể:

Quy trình ĐTM đầy đủ đề xuất đối với dự án thuộc nhóm I, II (dự án có tác động đến môi trường mức độ cao và mức độ trung bình cao) gồm các bước: Sàng lọc dự án - Xác định phạm vi tác động - Nghiên cứu đánh giá tác động môi trường - Tham vấn ý kiến cộng đồng - Thẩm định báo cáo ĐTM - Hoàn chỉnh, phê duyệt kế hoạch quản lý môi trường - Giám sát môi trường.

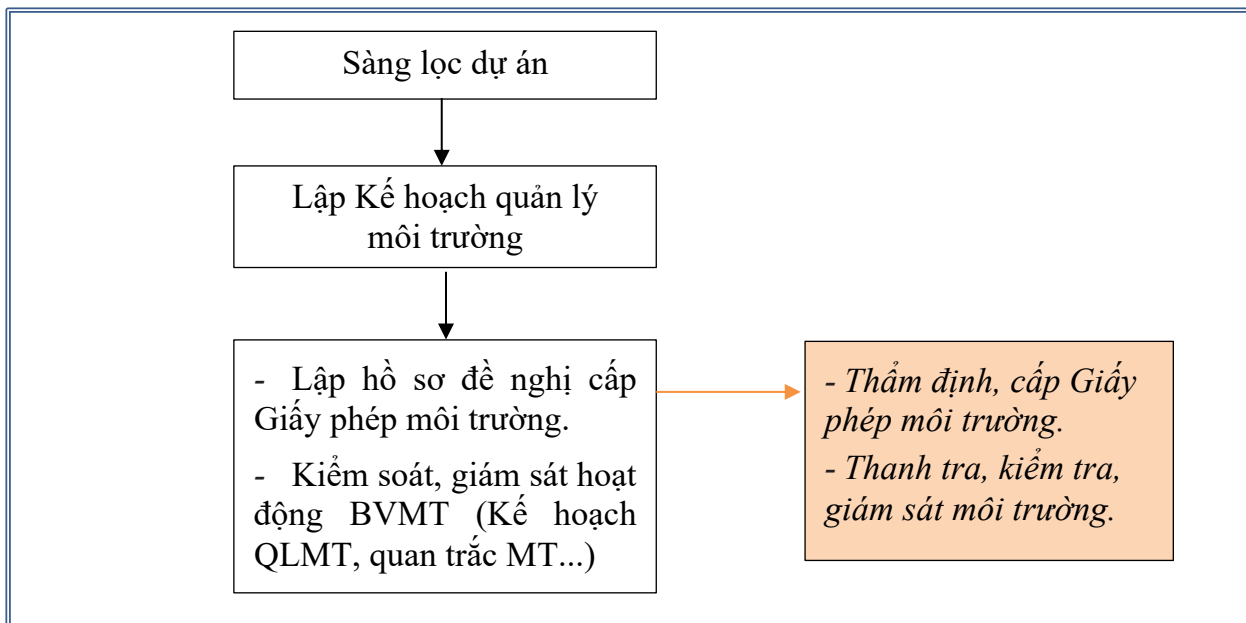
Quy trình ĐTM đề xuất đối với dự án thuộc nhóm III (dự án có tác động đến môi trường mức độ trung bình) gồm các bước: Sàng lọc dự án - Lập kế hoạch quản lý môi trường - Giám sát môi trường.

Về mặt thủ tục hành chính và công cụ quản lý, báo cáo ĐTM là thành phần hồ sơ, là căn cứ quan trọng chủ dự án trình cơ quan có thẩm quyền để xem xét quyết định phê duyệt đầu tư (giai đoạn chuẩn bị dự án), vai trò của báo cáo ĐTM được xem như dừng lại khi dự án đã được phê duyệt, chuyển sang giai đoạn thực hiện; trong giai đoạn thực hiện dự án, chủ dự án lập kế hoạch quản lý môi trường, tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường, triển khai các công cụ quản lý môi trường khác nhau như hệ thống quản lý môi trường, kiểm toán môi trường nếu cần thiết để bảo đảm giám sát môi trường hiệu quả. Tuy nhiên, về mặt khoa học, dù có thể được gọi tên bằng các công cụ quản lý môi trường khác nhau trong từng giai đoạn (ĐTM, kế hoạch quản lý môi trường, kiểm toán môi trường...), thực chất đây vẫn luôn là quá trình phân tích, dự báo, đánh giá, điều chỉnh xuyên suốt để bảo đảm tính hiệu quả, bền vững giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường của dự án.



Hình 6.2. Quy trình thực hiện ĐTM đối với dự án nhóm I, II

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.



Hình 6.3. Quy trình thực hiện ĐTM đối với dự án nhóm III

Để giải quyết sự mâu thuẫn về quy định ĐTM giữa luật bảo vệ môi trường và luật đầu tư, quá trình đề xuất các bước trong quy trình ĐTM cũng đã xem xét bảo đảm tính thống nhất, tương ứng trong hệ thống pháp luật giữa các lĩnh vực này ở mức độ phù hợp trong điều kiện đặc thù của Việt Nam. Cụ thể, với các dự án thuộc đối tượng phải thực hiện xin chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, trong giai đoạn nghiên cứu tiền khả thi hoặc đề xuất chủ trương đầu tư của dự án, chủ đầu tư sẽ tiến hành thực hiện sàng lọc dự án và xác định phạm vi, từ đó thực hiện lập báo cáo ĐTM sơ bộ để nhận diện các vấn đề, tác động chính của dự án đến môi trường, xã hội nhằm cung cấp thông tin cơ bản cho các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định các vấn đề liên quan đến đầu tư dự án và bảo vệ môi trường như quy mô dự án, công nghệ áp dụng, địa điểm thực hiện, diện tích mặt đất, mặt nước sử dụng.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

6.3.2. Đề xuất bổ sung, hoàn thiện các nội dung, yêu cầu đối với ĐTM sơ bộ, xác định phạm vi ĐTM, nghiên cứu và lập báo cáo ĐTM, tham vấn ý kiến cộng đồng, thẩm định báo cáo ĐTM... để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác ĐTM

Các nội dung chính đề xuất sửa đổi, bổ sung bao gồm:

- Nguyên tắc ĐTM:

- + ĐTM phải được bắt đầu thực hiện từ giai đoạn lập đề xuất dự án cho đến quyết định hoặc chấp thuận dự án;
- + ĐTM phải phân tích các phương án thay thế đối với các hoạt động đã đề xuất của dự án đầu tư.
- + Công chúng có quyền truy cập thông tin về dự án đầu tư và tham gia vào hoạt động tham vấn cộng đồng trong quá trình ĐTM, trừ các dự án thuộc danh mục bí mật nhà nước. Trong quá trình ĐTM, chủ dự án, cơ quan quản lý môi trường phải tạo điều kiện cho hoạt động tham vấn cộng đồng và theo quy định của pháp luật.
- + Quá trình ĐTM phải toàn diện và minh bạch và phù hợp với các nguyên tắc pháp lý, quy hoạch phát triển, phương pháp khoa học và phát triển bền vững.
- + ĐTM phải được áp dụng đối với tất cả các hoạt động trong phạm vi dự án đầu tư mà các hoạt động này có thể gây tác động xấu rõ rệt đến môi trường và sức khỏe cộng đồng, đồng thời phải đánh giá tác động đến các nhóm dễ tổn thương như các dân tộc thiểu số bản địa, cộng đồng địa phương có cuộc sống phụ thuộc vào tài nguyên.
- + Trường hợp trong một khu vực có nhiều dự án đầu tư, việc ĐTM của dự án đầu tư sau phải đánh giá tổng hợp các tác động tất cả các dự án trước đó.
- + ĐTM cần được thực hiện bằng chuyên môn đa ngành hoặc liên ngành, sử dụng khoa học thực tế tốt nhất.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

- *Đối tượng phải thực hiện ĐTM:* Dự án thuộc các nhóm I, II và III phải thực hiện ĐTM; dự án thuộc nhóm IV không phải thực hiện ĐTM.

- *ĐTM sơ bộ:* Dự án thuộc đối tượng xin chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, xây dựng phải thực hiện ĐTM sơ bộ. ĐTM sơ bộ được xây dựng trong giai đoạn nghiên cứu tiền khả thi hoặc đề xuất chủ trương đầu tư của dự án. Nội dung ĐTM sơ bộ bao gồm:

- + Sự phù hợp của dự án với quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh
- + Đặc điểm nổi bật, mức độ nhạy cảm về môi trường tự nhiên và xã hội khu vực thực hiện dự án; các phương án lựa chọn địa điểm thực hiện dự án; đánh giá mức độ nhạy cảm về môi trường của khu vực thực hiện dự án theo các phương án về địa điểm thực hiện dự án;
- + Dự báo các tác động chính của dự án đến môi trường và xã hội; các loại và quy mô phát sinh chất thải;
- + Phương án giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường; phương án xử lý chất thải; phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường;
- + Kết quả tham vấn cộng đồng;
- + Những vấn đề cần lưu ý trong quá trình nghiên cứu đánh giá tác động môi trường.

- *Xác định phạm vi ĐTM:* Chủ dự án có trách nhiệm tự mình hoặc thuê đơn vị tư vấn có đủ điều kiện thực hiện xác định phạm vi ĐTM của dự án; kết quả của quá trình xác định phạm vi ĐTM là Đề cương tham chiếu, là cơ sở để tiến hành đánh giá tác động môi trường của dự án. Chủ dự án thực hiện việc lấy ý kiến các cơ quan quản lý đối với Đề cương tham chiếu.

Nội dung đề cương tham chiếu:

- + Cơ sở pháp lý ĐTM cần tuân thủ;

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

- + Xác định phạm vi không gian và thời gian của ĐTM;
- + Xác định các tác động tiềm tàng làm biến đổi về môi trường cần đánh giá (có tính đến các yếu tố liên quan đến biến đổi khí hậu trong khu vực thực hiện dự án);
- + Lý giải về những tác động không phải xem xét đến;
- + Mức độ chi tiết của các nghiên cứu ĐTM, xác định các phương án thay thế của dự án cần được xem xét;
- + Các phương pháp, giải pháp để giảm thiểu các tác động xấu;
- + Xác định các phương pháp ĐTM thích hợp, các tiêu chí và thủ tục tư vấn;
- + Đánh giá mối quan tâm của cộng đồng nhằm xác định cách giải quyết hoặc không giải quyết tiếp các mối quan tâm đó;
- + Xác định các yêu cầu về điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, dữ liệu về môi trường cần thiết;
- + Tổ chức thực hiện ĐTM bao gồm: đề xuất chuyên gia theo các chuyên môn phù hợp; các cá nhân tổ chức sẽ tham vấn; phương pháp đánh giá, mức độ chi tiết đối với từng loại tác động;
- + Lịch trình thực hiện ĐTM và nhu cầu về kinh phí.

- *Nghiên cứu ĐTM*: Nghiên cứu ĐTM là bước cơ bản trong quy trình thực hiện ĐTM. Trên cơ sở đề cương tham chiếu (TOR) đã được phê duyệt sau bước xác định phạm vi, tổ chức thực hiện ĐTM tiến hành quá trình nghiên cứu, dự báo, đánh giá các tác động môi trường của dự án; đề xuất, lựa chọn các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực; sơ bộ thiết kế chương trình, kế hoạch quản lý môi trường chính cho các giai đoạn của dự án... Kết quả của nghiên cứu ĐTM được thể hiện thành báo cáo ĐTM.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

Quy định các nội dung trong quá trình nghiên cứu ĐTM cũng nêu rõ cần tập trung vào việc đánh giá các tác động chính, quan trọng của dự án đối với môi trường và các yêu cầu có tính đặc thù, ví dụ:

- + Dự án khai thác khoáng sản phải có nội dung về phương án cải tạo, phục hồi môi trường;
- + Dự án bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt hợp vệ sinh phải có nội dung xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường khi đóng bãi;
- + Dự án có tác động đến cảnh quan thiên nhiên quan trọng phải có nội dung phân tích, đánh giá, dự báo tác động đến cảnh quan thiên nhiên quan trọng và biện pháp duy trì vẻ đẹp, bảo vệ tính toàn vẹn, sử dụng lâu bền các thành phần và toàn bộ của cảnh quan thiên nhiên quan trọng, phân phối công bằng, hợp lý các lợi ích phát sinh từ việc sử dụng cảnh quan;
- + Dự án tác động lớn đến đa dạng sinh học phải có nội dung phân tích, đánh giá hiện trạng và dự báo tác động đến đa dạng sinh học và có phương án bồi hoàn đa dạng sinh học;
- + Dự án thủy điện phải có nội dung đánh giá và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực tới dòng chảy, nhu cầu sử dụng nước của người dân và hệ sinh thái thủy sinh phía hạ du;
- + Dự án nhận chìm ở biển phải bao gồm đánh giá toàn bộ quá trình từ khu vực lưu giữ, nạo vét vật, chất; quá trình vận chuyển và quá trình nhận chìm ở biển;
- + Dự án có các tác nhân gây biến đổi khí hậu và có tiềm năng chịu rủi ro biến đổi khí hậu phải có nội dung đánh giá tác động của các tác nhân liên quan biến đổi khí hậu (ví dụ phát thải khí nhà kính) và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến việc gia tăng khả năng, cường độ tác động xảy ra sự cố môi trường của dự án;
- + Dự án có hoạt động khai thác cát, sỏi, nạo vét, khơi thông luồng, kè bờ,

san, lấp, lấn sông, xây dựng công trình trên sông, ven sông phải có nội dung đánh giá tác động đến khả năng tiêu thoát lũ, ảnh hưởng lòng, bờ, bãi sông và phương án bảo vệ lòng, bờ, bãi sông;

+ Dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động phải có nội dung về đánh giá tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của cơ sở và đánh giá tác động tổng hợp của dự án đến môi trường.

- *Tham vấn cộng đồng trong quá trình ĐTM:*

+ Đối với các dự án nhóm I hoặc dự án nhóm II có hạng mục di dân, tái định cư, chủ dự án phải thực hiện tham vấn tối thiểu 02 lần, trong quá trình ĐTM sơ bộ và trong quá trình nghiên cứu ĐTM. Khuyến khích chủ dự án tham vấn trong quá trình xác định phạm vi, xây dựng đề cương tham chiếu.

+ Cơ quan có thẩm quyền thẩm định báo cáo ĐTM tham vấn ý kiến cộng đồng trong trường hợp cần thiết.

+ Tham vấn trong quá trình ĐTM sơ bộ nhằm có ý kiến của các bên có liên quan đối với các vấn đề môi trường của dự án, làm cơ sở chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư dự án theo hướng phát triển bền vững.

+ Tham vấn trong quá trình xác định phạm vi ĐTM, xây dựng, xét duyệt Đề cương tham chiếu nhằm rà soát, lựa chọn các vấn đề cần quan tâm nghiên cứu, xác định các tác động môi trường nghiêm trọng, tiềm ẩn của dự án và lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp trong quá trình đánh giá tác động môi trường.

+ Tham vấn trong quá trình nghiên cứu ĐTM, lập báo cáo ĐTM nhằm mục tiêu hoàn thiện báo cáo ĐTM, hạn chế tới mức thấp nhất các tác động tiêu cực đến môi trường và con người;

+ Hình thức tham vấn: tham vấn được thực hiện qua 03 hình thức: i) họp cộng đồng; 2) phiếu điều tra; 3) công bố trên cổng thông tin điện tử của Cơ quan có thẩm quyền thẩm định báo cáo ĐTM và của Sở TNMT cấp tỉnh nơi

thực hiện dự án.

- + Nội dung tham vấn: Nội dung tham vấn trong quá trình ĐTM sơ bộ bao gồm: đặc điểm nổi bật, mức độ nhạy cảm về môi trường tự nhiên và xã hội khu vực thực hiện dự án; dự báo các tác động chính của dự án đến môi trường và xã hội; các phương án giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, xử lý chất thải; những vấn đề chính cần lưu ý trong quá trình thực hiện ĐTM về vấn đề xã hội. Nội dung tham vấn trong quá trình nghiên cứu ĐTM bao gồm: cơ sở dữ liệu nền về môi trường và xã hội; các tác động trực tiếp, gián tiếp, tích lũy tiềm tàng đối với các đối tượng tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư bị ảnh hưởng trực tiếp, gián tiếp trên cơ sở xem xét việc khai thác, sử dụng tài nguyên; quản lý chất thải, ô nhiễm môi trường; sức khỏe, an toàn của cộng đồng; lao động và điều kiện làm việc; thu hồi đất, di dân, tái định cư; dân tộc thiểu số; di sản văn hoá; rủi ro, sự cố môi trường, ô nhiễm, suy thoái môi trường và nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng; các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và xã hội; các biện pháp ứng phó sự cố môi trường, rủi ro môi trường; chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án.
- *Thẩm định, phê duyệt ĐTM*: Trường hợp báo cáo ĐTM đạt yêu cầu sau quá trình thẩm định, cơ quan quản lý có thẩm quyền sẽ ban hành Văn bản chấp thuận báo cáo ĐTM là căn cứ để cấp có thẩm quyền thực hiện các việc sau:
 - + Phê duyệt dự án đầu tư đối với các dự án do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định đầu tư;
 - + Cấp, điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản đối với dự án khai thác khoáng sản;
 - + Phê duyệt kế hoạch thăm dò, kế hoạch phát triển mỏ đối với dự án thăm dò, khai thác dầu khí;
 - + Phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công (trường hợp dự án chỉ yêu cầu thiết kế một

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

bước) đối với dự án đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

- Ngoài ra, Tập thể tác giả đã rà soát, nghiên cứu và đề xuất các nội dung khác có liên quan, bao gồm: Yêu cầu, điều kiện của tổ chức thực hiện ĐTM; thực hiện lại ĐTM; trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo ĐTM được chấp thuận;...

(Các đề xuất chi tiết xem trong Dự thảo Luật Đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường kèm theo Báo cáo)

6.4. Đề xuất các quy định về Giấy phép môi trường

Giấy phép môi trường được nghiên cứu, đề xuất theo hình thức giấy phép tổng hợp đang được áp dụng tại nhiều quốc gia trên thế giới, bảo đảm tính khoa học, phù hợp điều kiện Việt Nam, đồng thời tích hợp để giảm thiểu các thủ tục hành chính hiện hành (giấy xác nhận công trình bảo vệ môi trường, giấy phép xả nước thải, giấy phép xử lý chất thải...) theo chủ trương xây dựng, hoàn thiện pháp luật của nước ta trong giai đoạn hiện nay. Giấy phép môi trường chủ yếu được cấp cho các dự án, cơ sở có phát sinh chất thải lớn ra môi trường; là căn cứ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm soát, giám sát môi trường các dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh trong giai đoạn hoạt động; đồng thời là công cụ linh hoạt cho phép cơ quan quản lý điều tiết tải lượng ô nhiễm các nguồn thải, duy trì, cải thiện chất lượng môi trường. Đối với các nhóm dự án quy mô nhỏ, phát sinh chất thải thông thường với lưu lượng không đáng kể, đề xuất thực hiện đăng ký môi trường với mục đích cung cấp cơ sở dữ liệu về nguồn thải cho cơ quan quản lý môi trường.

Các nội dung chính đề xuất bao gồm:

- *Đối tượng phải có Giấy phép môi trường: Là dự án, cơ sở sản xuất có phát sinh chất thải khối lượng lớn trong giai đoạn vận hành chính thức; thực hiện dịch vụ quản lý chất thải rắn nguy hại; thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn thông thường; hoặc có sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất.*

- *Thời điểm cấp Giấy phép môi trường: Dự án đầu tư thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường phải có giấy phép trước khi xây dựng, lắp đặt công trình, thiết*

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

bị, dây chuyền sản xuất có phát sinh chất thải và công trình xử lý chất thải của dự án.

- *Các nội dung chính của Giấy phép môi trường*: các nội dung chính của Giấy phép môi trường bao gồm:

- + Thông tin chung về dự án, cơ sở;
- + Quy mô, lưu lượng nước thải phát sinh; nguồn tiếp nhận nước thải; các yêu cầu về biện pháp, công trình thu gom, xử lý, dẫn xả nước thải; giá trị giới hạn, vị trí, phương thức xả nước thải; các yêu cầu bảo đảm an toàn công trình thủy lợi đối với trường hợp xả nước thải vào công trình thủy lợi;
- + Quy mô, khối lượng khí thải phát sinh; các yêu cầu về biện pháp, công trình thu gom, xử lý; giá trị giới hạn, phương thức xả thải đối với khí thải;
- + Giá trị tiếng ồn, độ rung cho phép và các biện pháp, công trình giảm thiểu;
- + Quy mô, khối lượng, chủng loại chất thải rắn phát sinh; các yêu cầu về biện pháp, thiết bị, công trình thu gom, lưu trữ, xử lý;
- + Đối với dự án, cơ sở xử lý chất thải nguy hại: Mã chất thải nguy hại; khối lượng, phạm vi thu gom, vận chuyển, xử lý; các yêu cầu về biện pháp, hệ thống, công trình, trang thiết bị lưu giữ, vận chuyển, trung chuyển, sơ chế, xử lý; các loại sản phẩm tái chế;
- + Đối với dự án, cơ sở thực hiện dịch vụ quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và điều kiện kèm theo: chủng loại, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường; các yêu cầu về biện pháp, hệ thống, công trình, trang thiết bị lưu giữ, vận chuyển, trung chuyển, sơ chế, xử lý; các loại sản phẩm tái chế (đối với dự án, cơ sở đối với dự án, cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường);
- + Đối với dự án, cơ sở Sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất: Chủng loại, khối lượng phế liệu được phép nhập khẩu và các yêu cầu, điều

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

kiện về kho, bãi lưu giữ; hệ thống thiết bị tái chế; phương án xử lý tạp chất; phương án tái xuất (đối với dự án, cơ sở có sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất);

+ Phương án, biện pháp, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường; quan trắc chất thải, thành phần môi trường; ghi chép, lưu giữ, báo cáo, công khai thông tin và các yêu cầu, điều kiện cụ thể khác nhằm mục đích bảo vệ môi trường, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân khác có liên quan;

+ Thời hạn của giấy phép;

+ Quyền, nghĩa vụ của chủ giấy phép.

- *Thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường:*

+ Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận báo cáo ĐTM của dự án có trách nhiệm cấp Giấy phép môi trường đối với dự án hoặc đối với cơ sở có quy mô, công suất, tính chất tương đương.

+ UBND cấp huyện có trách nhiệm cấp Giấy phép môi trường đối với dự án thuộc nhóm III hoặc cơ sở có quy mô, công suất, tính chất tương đương.

- *Căn cứ cấp Giấy phép môi trường:* Ngoài hồ sơ đáp ứng yêu cầu về thành phần, kỹ thuật theo quy định, việc cấp Giấy phép môi trường phải căn cứ vào các yếu tố sau:

+ Quy hoạch bảo vệ môi trường hoặc quy hoạch tỉnh; phân vùng xả thải, sức chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

+ Quy mô, tính chất ô nhiễm của nguồn thải; hiện trạng các thành phần môi trường trong khu vực;

+ Quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quy định về việc áp dụng công nghệ hiện có tốt nhất do cơ quan có thẩm quyền ban hành (nếu có);

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

+ Các quy định khác của pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên nước và bảo vệ công trình thủy lợi có liên quan.

- Các nội dung khác liên quan đến hồ sơ, trình tự thủ tục cấp Giấy phép môi trường; các trường hợp điều chỉnh, cấp lại, đình chỉ hiệu lực, thu hồi giấy phép; quyền, trách nhiệm của chủ giấy phép và cơ quan cấp phép.

(Các đề xuất chi tiết xem trong Dự thảo Luật Đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường kèm theo Báo cáo)

6.5. Đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý đối với các công cụ quản lý môi trường sau ĐTM nhằm nâng cao hiệu quả việc tuân thủ, kiểm soát, giám sát môi trường đối với các dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động

Trong khuôn khổ Đề tài, 04 công cụ quản lý môi trường sau ĐTM đã được nghiên cứu, phân tích, đánh giá bao gồm: Kế hoạch quản lý môi trường, Kiểm toán môi trường, Hệ thống quản lý môi trường, Thanh tra và giám sát tuân thủ môi trường.

Trên cơ sở hiện trạng quy định và tình hình thực thi ở Việt Nam (phân tích trong Chương 3) và các kinh nghiệm quốc tế (trình bày trong Chương 5), Tập thể tác giả đề xuất giải pháp chính sách, quy định để hoàn thiện cơ sở pháp lý đối với các công cụ nêu trên nhằm nâng cao hiệu quả kiểm soát, giám sát môi trường đối với các dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động như sau:

6.5.1. Đối với kế hoạch quản lý môi trường

- *Đối tượng phải lập kế hoạch quản lý môi trường*: bao gồm các dự án thuộc các nhóm I, II, III. Kế hoạch quản lý môi trường của dự án được phê duyệt là cơ sở để chủ dự án thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường của dự án, đồng thời là cơ sở để cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp Giấy phép môi trường của dự án, thanh tra, kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường của dự án khi đi vào giai đoạn thực hiện dự án.

- *Nội dung của kế hoạch quản lý môi trường*: được xây dựng trên cơ sở tham khảo báo cáo ĐTM đã được chấp thuận, bao gồm các nội dung chính sau:

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

- + Thông tin chung về quá trình thực hiện, kế hoạch xây dựng, vận hành hoạt động; công nghệ sản xuất; nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng của dự án, cơ sở; những thay đổi về quy mô, công suất, công nghệ so với phương án trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được chấp thuận (nếu có);
- + Đặc điểm phát sinh chất thải; phương án, biện pháp, công trình, thiết bị thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải; kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải (nếu có);
- + Hiện trạng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, các công trình và biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; kế hoạch, kết quả vận hành thử nghiệm, vận hành chính thức các công trình bảo vệ môi trường (thông tin được cập nhật tùy theo giai đoạn thực hiện của dự án);
- + Các biện pháp giảm nhẹ trong đó chỉ rõ các mục tiêu và chỉ tiêu môi trường cụ thể; Biện pháp giảm thiểu phải mô tả tất cả các hành động để loại bỏ, bù đắp, hoặc làm giảm thiểu tác động. Mỗi biện pháp giảm thiểu được mô tả ngắn gọn với tham chiếu đến tác động và các điều kiện thực hiện. Trường hợp cần thiết, cần có các bản vẽ thiết kế trong đó nêu rõ công trình, thiết bị, quy trình vận hành;
- + Các biện pháp bảo đảm đạt được các mục tiêu đề ra;
- + Trách nhiệm của các bên;
- + Chương trình giám sát môi trường cùng với các chỉ số môi trường đối với các tác động;
- + Lịch trình rà soát và tiêu chí rà soát.

- Cập nhật, thực hiện kế hoạch quản lý môi trường:

+ Chủ dự án lập, cập nhật, phê duyệt kế hoạch quản lý môi trường và chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và trước pháp luật về nội dung kế hoạch quản lý môi trường do mình phê duyệt;

+ Đối với dự án thuộc đối tượng phải lập thiết kế nhiều bước theo pháp luật

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

về xây dựng, trước khi được cấp Giấy phép môi trường cho dự án, chủ dự án cập nhật, phê duyệt kế hoạch quản lý môi trường theo các bước thiết kế dự án;

+ Trường hợp dự án đã có báo cáo ĐTM được chấp thuận nhưng chưa đến giai đoạn lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường nhưng có những thay đổi về quy mô, công suất, công nghệ, các tác động môi trường, chất thải phát sinh từ những thay đổi, nguồn tiếp nhận thải nước thải, nơi lưu giữ chất thải rắn, các biện pháp giảm thiểu tác động, xử lý chất thải phát sinh kèm theo các thay đổi quản lý, giám sát môi trường, chủ dự án có trách nhiệm báo cáo cơ quan có thẩm quyền chấp thuận báo cáo ĐTM và được thể hiện trong nội dung kế hoạch quản lý môi trường để được xem xét giải quyết. Chủ dự án chỉ được thực hiện các thay đổi này sau khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.

+ Sau khi được cấp Giấy phép môi trường cho dự án, định kỳ hàng năm, chủ dự án phải cập nhật kế hoạch quản lý môi trường cho dự án và gửi về cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường cho dự án.

+ Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường môi trường theo Giấy phép môi trường và kế hoạch quản lý môi trường đã được phê duyệt.

6.5.2. Đối với kiểm toán môi trường

- Kiểm toán môi trường là công cụ quản lý môi trường tự nguyện, khuyến khích các chủ dự án áp dụng để kiểm tra các hoạt động bảo vệ môi trường nhằm đánh giá mức độ tuân thủ chính sách, quy định pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường để nâng cao hiệu quả quản lý chất thải, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, ngăn ngừa, giảm thiểu, kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường của cơ sở.

- Nội dung kiểm toán môi trường bao gồm:

+ Kiểm toán tuân thủ chính sách, quy định pháp luật, mục tiêu về bảo vệ môi trường của các tổ chức, cơ sở bao gồm: đánh giá việc chấp hành chính sách, quy định pháp luật, tiêu chuẩn về môi bảo vệ môi trường của tổ chức, cơ sở sản xuất kinh

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

doanh, dịch vụ; đánh giá việc thực hiện các mục tiêu về bảo vệ môi trường của các tổ chức, cơ sở.

+ Kiểm toán đánh giá hiệu quả của hoạt động quản lý chất thải, năng lượng của tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ bao gồm: thu thập thông tin, số liệu về nguyên liệu, vật liệu, nước, năng lượng được sử dụng tại từng công đoạn; đánh giá, xác định loại hình, nguồn phát sinh, thành phần chất thải và khối lượng chất thải phát sinh tại từng công đoạn; tính toán cân bằng vật chất, nguyên nhân phát sinh chất thải; đề xuất các giải pháp giảm thiểu phát sinh chất thải.

+ Kiểm toán tác động xã hội của dự án: đánh giá hiệu quả công khai, minh bạch thông tin môi trường; phát triển cộng đồng và đóng góp tài chính; mức độ hài lòng của cộng đồng dân cư sống xung quanh và chính quyền địa phương về công tác BVMT; sức khỏe môi trường trong, ngoài cơ sở; môi trường làm việc, phúc lợi của nhân viên và bình đẳng giới.

- Kết quả thực hiện kiểm toán môi trường được thể hiện dưới hình thức báo cáo kiểm toán môi trường. Báo cáo kiểm toán môi trường được cơ quan quản lý nhà nước về môi trường sử dụng làm tài liệu để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát hoạt động bảo vệ môi trường tại cơ sở.

- Đối với các cơ sở thuộc loại hình có mức độ tác động môi trường cao (nhóm I), cần quy định trong thành phần hồ sơ cấp lại giấy phép môi trường phải có báo cáo kiểm toán môi trường.

- Chính phủ ban hành cơ chế khuyến khích cơ sở tự thực hiện kiểm toán môi trường của đơn vị mình hoặc thuê đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về trình tự, thủ tục và phương pháp thực hiện kiểm toán môi trường tại cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

6.5.3. Đối với hệ thống quản lý môi trường

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô lớn, thuộc loại hình có nguy

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

cơ gây ô nhiễm môi trường bắt buộc phải có hệ thống quản lý môi trường được chứng nhận. Để bảo đảm sự thuận tiện cho chủ cơ sở, phù hợp thông lệ quốc tế và thực tế hiện nay, hệ thống quản lý môi trường được quy định theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001:2015. Các cơ sở đã được cấp chứng nhận TCVN ISO 14001:2015 hoặc chứng nhận tương đương bởi tổ chức đánh giá sự phù hợp đã đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật về môi trường, khoa học công nghệ (bao gồm tổ chức quốc tế đã được công nhận hoặc tổ chức Việt Nam đủ điều kiện thực hiện) đều có giá trị pháp lý như nhau.

- Chính phủ ban hành cơ chế khuyến khích các cơ sở không thuộc các đối tượng nêu trên tự tổ chức thực hiện mô hình hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001:2015.

6.5.4. Đối với thanh tra và giám sát tuân thủ môi trường

- Bổ sung quy định về nguyên tắc đối với việc tổ chức và hoạt động của thanh tra về BVMT để xử lý cho việc quy định những đặc thù riêng trong thanh tra về BVMT ngoài quy định của pháp luật thanh tra.

- Bổ sung quy định về đối tượng thanh tra, các trường hợp thanh tra, tiêu chí lựa chọn đối tượng thanh tra theo loại hình, quy mô và mức độ tác động môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

- Bổ sung quy định về kiểm tra môi trường.

- Bổ sung quy định về công khai thông tin đối với các dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh để tạo điều kiện cho các tổ chức xã hội, cộng đồng dân cư tham gia vào hoạt động giám sát, kiểm tra hoạt động BVMT của cơ sở.

- Bổ sung quy định không phải gửi trước quyết định thanh tra cho đối tượng thanh tra đột xuất để bảo đảm phản ánh đúng thực trạng, tăng cường hiệu quả thanh tra đối với các trường hợp khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật về BVMT và khi có dấu hiệu xảy ra sự cố môi trường nghiêm trọng, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, đe dọa sự an toàn sức khỏe cộng đồng.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

- Bổ sung quy định cụ thể phân công trách nhiệm của Bộ TNMT và các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các cấp trong thanh tra BVMT; giao Chính phủ quy định việc phối hợp trong hoạt động thanh tra BVMT.

6.6. Đề xuất cơ chế phối hợp kiểm soát, giám sát môi trường đối với các dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động

6.6.1. Phân loại mức độ kiểm soát, giám sát và xác định các chủ thể giám sát

6.6.1.1. Phân loại mức độ kiểm soát, giám sát

Dựa trên kết quả phân nhóm dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh theo mức độ tác động đến môi trường, mức độ kiểm soát, giám sát môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động được chia thành 3 mức:

- Mức 1 - Kiểm soát, giám sát đặc biệt: Áp dụng đối với các dự án, cơ sở có tác động cao về môi trường và xã hội (Dự án Nhóm I). Đối với trường hợp này, việc kiểm soát, giám sát đòi hỏi các yếu tố: chương trình quan trắc môi trường chặt chẽ, hình thành các tổ giám sát môi trường với sự tham gia đầy đủ các cơ quan quản lý môi trường Trung ương, địa phương; các bộ, ngành liên quan; cảnh sát môi trường; chính quyền địa phương; các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng dân cư khu vực dự án và các nhà khoa học.

- Mức 2 - Kiểm soát, giám sát mức độ cao: Áp dụng đối với các dự án Nhóm II. Đối với trường hợp này, việc kiểm soát, giám sát dựa trên việc phối kết hợp các biện pháp tự giám sát của chủ dự án; giám sát, kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường, cảnh sát môi trường, chính quyền địa phương; các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng dân cư khu vực dự án.

- Mức 3 - Kiểm soát, giám sát mức độ trung bình: Áp dụng đối với các dự án Nhóm III. Đối với trường hợp này, việc kiểm soát, giám sát chủ yếu dựa trên biện pháp tự giám sát của chủ dự án, có sự giám sát từ xa hoặc kiểm tra định kỳ, đột xuất của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

- Dự án thuộc đối tượng kiểm soát, giám sát môi trường mức độ trung bình (mức 3) nếu để xảy ra các vi phạm về BVMT sẽ được nâng lên mức Kiểm soát, giám sát mức độ cao (mức 2).

6.6.1.3. Phân loại chủ thể giám sát:

Việc giám sát được thực hiện đồng thời bởi các chủ thể:

- Chủ dự án tự giám sát (giám sát nội bộ)
- Các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện giám sát.
- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, cộng đồng dân cư.
- Tổ chức tín dụng cho vay vốn (nếu có).

6.6.2. Tổ chức thực hiện giám sát

6.6.2.1. Giám sát, kiểm soát môi trường của chủ dự án

Chủ dự án có trách nhiệm:

- Bố trí đội ngũ nhân sự có chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp để thực hiện các hoạt động BVMT của cơ sở. Thiết lập hệ thống quản lý môi trường đạt yêu cầu ISO 14001:2015 (trường hợp được quy định).
- Giám sát việc thực hiện các yêu cầu của Giấy phép môi trường, Kế hoạch quản lý môi trường, bao gồm:
 - + Giám sát việc thu gom, xử lý nước thải phát sinh tại cơ sở. Giám sát, kiểm soát việc vận hành các hệ thống xử lý chất thải, hiệu quả xử lý và chất lượng nước thải, khí thải.
 - + Thực hiện quan trắc tự động, liên tục nước thải, khí thải sau xử lý và kết nối, truyền số liệu về Sở TNMT. Hệ thống quan trắc nước thải tự động phải bao gồm thiết bị lấy mẫu tự động được niêm phong và quản lý bởi Sở TNMT, lắp đặt camera được kết nối internet để giám sát cửa xả của hệ thống xử lý và lưu giữ hình ảnh trong vòng 3 tháng gần nhất.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

- + Thực hiện quan trắc định kỳ chất thải và chất lượng môi trường xung quanh (nếu có) theo quy định của giấy phép môi trường hoặc yêu cầu của cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền.
- Lập, cập nhật Kế hoạch quản lý môi trường theo tiến trình dự án.
- Thực hiện kiểm toán môi trường định kỳ (đối với các dự án được yêu cầu).
- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất về công tác BVMT của dự án theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
- Công bố số liệu quan trắc môi trường để tạo điều kiện cho chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư tham gia giám sát, kiểm tra hoạt động BVMT của cơ sở.
- Xây dựng, hoàn thành phương án, định kỳ kiểm tra, tập huấn công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, lưu trữ cơ sở dữ liệu và kết nối về hệ thống cơ sở dữ liệu môi trường khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

6.6.2.2. Kiểm soát, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường

Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định danh mục dự án cần giám sát đặc biệt trên cơ sở kết quả thẩm định báo cáo ĐTM hoặc theo đề xuất của địa phương và Bộ, ngành khác. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì việc giám sát đặc biệt. Việc giám sát được thực hiện theo Giấy phép môi trường, Kế hoạch quản lý môi trường được phê duyệt với phân công cụ thể vai trò, trách nhiệm của các bên liên quan (bảng 6.1).

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

Bảng 6.1. Phân công kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động thuộc nhóm cần giám sát đặc biệt

Bộ Tài nguyên và Môi trường		Các bộ ngành có liên quan	Địa phương
Phân loại theo thẩm quyền	Trách nhiệm		
1. Nhóm 1: Dự án do Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo ĐTM và cấp Giấy phép môi trường	<p>CHỦ TRÌ</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Có văn bản yêu cầu chủ dự án gửi kế hoạch quản lý môi trường của dự án sau khi báo cáo ĐTM được phê duyệt 2. Xem xét tính phù hợp của kế hoạch quản lý môi trường do chủ dự án xây dựng; 3. Thành lập Tổ giám sát đặc biệt (có đại diện của Bộ ngành có liên quan, đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện, đại diện UBMTTQVN) 4. Xây dựng quy chế/chương trình giám sát theo khung 2 5. Lập nhật ký về giám sát 6. Lựa chọn đơn vị tư vấn giám sát độc lập, ký hợp đồng giám sát 7. Phê duyệt chương trình giám sát của đơn vị tư vấn độc lập. 8. Xem xét kết quả giám sát của chủ dự án; kết quả giám sát của đơn vị giám sát độc lập 9. Gửi Công văn đề nghị cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp Trung ương và cấp địa phương cung cấp thông tin về dự án (nếu cần thiết) 	<p>PHỐI HỢP</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cử đại diện tham gia Tổ giám 2. Tham gia kiểm tra thực địa 3. Giám sát việc khắc phục sai phạm 	<p>PHỐI HỢP</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cử đại diện tham gia Tổ giám 2. Tham gia kiểm tra thực địa; 3. Thông tin kịp thời về Bộ Tài nguyên và Môi trường về tình thực hiện công tác BVMT khi có dấu hiệu bất thường 4. Giám sát việc khắc phục sai phạm 5. Báo cáo giám sát, xác nhận thực địa khi Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

Bộ Tài nguyên và Môi trường		Các bộ ngành có liên quan	Địa phương
Phân loại theo thẩm quyền	Trách nhiệm		
	10. Gửi Công văn cho Chủ dự án đề nghị rà soát, tăng cường công tác bảo vệ môi trường (công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng) 11. Gửi Công văn cho Chủ dự án thông báo kế hoạch kiểm tra, giám sát 12. Tiến hành kiểm tra thực địa, lập biên bản kiểm tra; 13. Có công văn thông báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát 1. Kiến nghị hoặc ban hành quyết định xử phạt theo thẩm quyền (nếu có) 14. Giám sát việc khắc phục sai phạm 15. Điều chỉnh chương trình giám sát 16. Cung cấp các thông tin về chương trình giám sát và kết quả giám sát cho các bên có liên quan 17. Định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả giám sát		
2. Dự án nhóm 2: Dự án do Bộ, ngành khác phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường	Tương tự như dự án nhóm 1	1. Gửi hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt về Bộ Tài nguyên và Môi trường và UBND cấp tỉnh nói thực hiện dự án	1. Cử đại diện tham gia Tổ giám 2. Tham gia kiểm tra thực địa 3. Thông tin kịp thời về Bộ Tài nguyên và Môi trường về tình thực hiện công tác BVMT khi có dấu hiệu bất thường

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

Bộ Tài nguyên và Môi trường		Các bộ ngành có liên quan	Địa phương
Phân loại theo thẩm quyền	Trách nhiệm		
		<ol style="list-style-type: none"> 2. Cử đại diện tham gia Tô giám sát 3. Tham gia kiểm tra thực địa 4. Phối hợp giám sát việc khắc phục sai phạm 	<ol style="list-style-type: none"> 4. Báo cáo giám sát, xác nhận thực địa khi Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị
3. Dự án nhóm 3: Dự án do UBND cấp tỉnh phê duyệt báo cáo ĐTM và cấp Giấy phép môi trường	Tương tự như dự án nhóm 1	<ol style="list-style-type: none"> 1. Cử đại diện tham gia Tô giám 2. Tham gia kiểm tra thực địa 3. Phối hợp giám sát việc khắc phục sai phạm 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Gửi hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt về Bộ Tài nguyên và Môi trường và UBND cấp tỉnh nói thực hiện dự án 2. Cử đại diện tham gia Tô giám 3. Tham gia kiểm tra thực địa; 4. Thông tin kịp thời về Bộ Tài nguyên và Môi trường về tình thực hiện công tác BVMT khi có dấu hiệu bất thường 5. Báo cáo giám sát, xác nhận thực địa khi Bộ Tài

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

Bộ Tài nguyên và Môi trường		Các bộ ngành có liên quan	Địa phương
Phân loại theo thẩm quyền	Trách nhiệm		
			nguyên và Môi trường đề nghị

Bảng 6.2. Phân công kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động thuộc nhóm cần giám sát thường xuyên

Phân loại dự án theo thẩm quyền thẩm định ĐTM và cấp giấy phép môi trường			Trách nhiệm cụ thể về cơ chế kiểm tra, giám sát		
			Bộ Tài nguyên và Môi trường	Địa phương	Bộ, ngành khác
1	Nhóm dự án do địa phương chịu trách nhiệm hoàn toàn về kiểm tra, giám sát	Dự án được địa phương phê duyệt báo cáo ĐTM và không thuộc dự án cần giám sát đặc biệt	HỖ TRỢ <ol style="list-style-type: none"> 1. Phát hành công văn đề nghị địa phương kiểm tra 2. Hướng dẫn đề địa phương sàng lọc và phân loại mức độ cần giám sát 3. Định kỳ tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả giám sát 	CHỦ TRÌ <ol style="list-style-type: none"> 1. Gửi Công văn cho Chủ dự án đề nghị rà soát, tăng cường công tác bảo vệ môi trường (công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng) 2. Xây dựng chương trình giám sát theo mục 4.2 3. Lập nhật ký về giám sát 4. Lựa chọn đơn vị tư vấn giám sát độc lập, ký hợp đồng giám sát 5. Phê duyệt chương trình giám sát của đơn vị tư vấn độc lập. 6. Xem xét kết quả giám sát của chủ dự án; kết quả giám sát của đơn vị giám sát độc lập 	PHỐI HỢP <ol style="list-style-type: none"> 1. Cử đại diện tham gia Tổ Giám sát 2. Cung cấp các thông tin về dự án khi có đề nghị của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc địa phương;

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

Phân loại dự án theo thẩm quyền thẩm định ĐTM và cấp giấy phép môi trường			Trách nhiệm cụ thể về cơ chế kiểm tra, giám sát		
			Bộ Tài nguyên và Môi trường	Địa phương	Bộ, ngành khác
				7. Gửi Công văn đề nghị cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp Trung ương và về dự án (nếu cần thiết) 8. Gửi Công văn cho Chủ dự án đề nghị rà soát, tăng cường công tác bảo vệ môi trường (công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng) 9. Gửi Công văn cho Chủ dự án thông báo kế hoạch kiểm tra, giám sát 10. Tiến hành kiểm tra thực địa, lập biên bản kiểm tra; 11. Có Công văn thông báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát 12. Kiến nghị hoặc ban hành quyết định xử phạt theo thẩm quyền (nếu có) 13. Giám sát việc khắc phục sai phạm 14. Điều chỉnh chương trình giám sát 15. Cung cấp các thông tin về chương trình giám sát và kết quả giám sát cho các bên có liên quan 16. Định kỳ báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường về kết quả giám sát	

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

Phân loại dự án theo thẩm quyền thẩm định ĐTM và cấp giấy phép môi trường			Trách nhiệm cụ thể về cơ chế kiểm tra, giám sát		
			Bộ Tài nguyên và Môi trường	Địa phương	Bộ, ngành khác
2	Nhóm dự án do địa phương chịu trách nhiệm chính về kiểm tra, giám sát, Bộ Tài nguyên và Môi trường hỗ trợ	<ol style="list-style-type: none"> Dự án được địa phương phê duyệt báo cáo ĐTM tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng Dự án được địa phương phê duyệt báo cáo ĐTM nhưng sai thẩm quyền Dự án được Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc Bộ ngành khác phê duyệt báo cáo ĐTM và không thuộc đối tượng giám sát đặc biệt 	HỖ TRỢ <ol style="list-style-type: none"> Gửi hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt do Bộ phê duyệt Phát hành công văn đề nghị địa phương kiểm tra đối với các dự án do Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Báo cáo ĐTM Hướng dẫn để địa phương nội dung giám sát; Cử đại diện tham gia đoàn kiểm tra (nếu cần) Tham gia kiểm tra thực địa (nếu cần) Hỗ trợ về chuyên môn và lấy mẫu phân tích (nếu cần) Định kỳ tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả giám sát 	CHỦ TRÌ <ol style="list-style-type: none"> Gửi Công văn cho Chủ dự án đề nghị rà soát, tăng cường công tác bảo vệ môi trường (công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng) Xây dựng chương trình giám sát theo mục 4.2 Lập nhật ký về giám sát Lựa chọn đơn vị tư vấn giám sát độc lập, ký hợp đồng giám sát Phê duyệt chương trình giám sát của đơn vị tư vấn độc lập. Xem xét kết quả giám sát của chủ dự án; kết quả giám sát của đơn vị giám sát độc lập Gửi Công văn đề nghị cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp Trung ương và cấp địa phương cung cấp thông tin về dự án (nếu cần thiết) Gửi Công văn cho Chủ dự án đề nghị rà soát, tăng cường công tác bảo vệ môi trường (công khai trên các 	

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

Phân loại dự án theo thẩm quyền thẩm định ĐTM và cấp giấy phép môi trường			Trách nhiệm cụ thể về cơ chế kiểm tra, giám sát		
			Bộ Tài nguyên và Môi trường	Địa phương	Bộ, ngành khác
				phương tiện thông tin đại chúng) 9. Gửi Công văn cho Chủ dự án thông báo kế hoạch kiểm tra, giám sát 10. Tiến hành kiểm tra thực địa, lập biên bản kiểm tra; 11. Có công văn thông báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát 12. Kiến nghị hoặc ban hành quyết định xử phạt theo thẩm quyền (nếu có) 13. Giám sát việc khắc phục sai phạm 14. Điều chỉnh chương trình giám sát 15. Cung cấp các thông tin về chương trình giám sát và kết quả giám sát cho các bên có liên quan 16. Định kỳ báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường về kết quả giám sát	
3	Nhóm dự án do các Bộ, ngành chịu trách nhiệm chính về kiểm tra, giám sát	1. Dự án do các Bộ, ngành phê duyệt báo cáo ĐTM tiềm ẩn nguy cơ gây ô	HỖ TRỢ 1. Gửi hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt do Bộ phê duyệt	PHỐI HỢP 1. Cử đại diện tham gia đoàn kiểm tra 2. Tham gia kiểm tra thực địa 3. Hỗ trợ về chuyên môn và lấy mẫu phân tích (nếu cần)	CHỦ TRÌ 1. Gửi Công văn cho Chủ dự án đề nghị rà soát, tăng cường công tác bảo vệ môi trường (công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng)

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

Phân loại dự án theo thẩm quyền thẩm định ĐTM và cấp giấy phép môi trường			Trách nhiệm cụ thể về cơ chế kiểm tra, giám sát		
			Bộ Tài nguyên và Môi trường	Địa phương	Bộ, ngành khác
		nhiệm môi trường 2. Dự án Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo ĐTM nhưng thuộc diện quản lý của ngành mình	2. Cử đại diện tham gia đoàn kiểm tra (nếu cần) 3. Tham gia kiểm tra thực địa (nếu cần) 4. Hỗ trợ về chuyên môn và lấy mẫu phân tích (nếu cần) 5. Định kỳ tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả giám sát;		2. Xây dựng chương trình giám sát theo mục 4.2 3. Lập nhật ký về giám sát 4. Lựa chọn đơn vị tư vấn giám sát độc lập, ký hợp đồng giám sát 5. Phê duyệt chương trình giám sát của đơn vị tư vấn độc lập. 6. Xem kết quả giám sát của chủ dự án; kết quả giám sát của đơn vị giám sát độc lập 7. Gửi Công văn đề nghị cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp Trung ương và cấp địa phương cung cấp thông tin về dự án (nếu cần thiết) 8. Gửi Công văn cho Chủ dự án đề nghị rà soát, tăng cường công tác bảo vệ môi trường (công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng) 9. Gửi Công văn cho Chủ dự án thông báo kế hoạch kiểm tra, giám sát 10. Tiến hành kiểm tra thực địa, lập biên bản kiểm tra;

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

Phân loại dự án theo thẩm quyền thẩm định ĐTM và cấp giấy phép môi trường			Trách nhiệm cụ thể về cơ chế kiểm tra, giám sát		
			Bộ Tài nguyên và Môi trường	Địa phương	Bộ, ngành khác
					11. Có công văn thông báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát 12. Kiến nghị hoặc ban hành quyết định xử phạt theo thẩm quyền (nếu có) 13. Giám sát việc khắc phục sai phạm 14. Điều chỉnh chương trình giám sát 15. Cung cấp các thông tin về chương trình giám sát và kết quả giám sát cho các bên có liên quan 16. Định kỳ báo cáo Bộ TNMT về kết quả giám sát

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BĐKH.27/16-20.

6.6.2.3. Giám sát, kiểm tra của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, cộng đồng dân cư

• Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tuyên truyền, vận động các tổ chức thành viên và nhân dân tham gia hoạt động bảo vệ môi trường.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện tư vấn, phản biện, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. Cơ quan quản lý nhà nước các cấp có trách nhiệm tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia bảo vệ môi trường.

- Phối hợp tham gia các hoạt động giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường khi cần thiết.

• Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp

- Yêu cầu chủ dự án cung cấp thông tin về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Tham vấn đối với dự án có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

- Tư vấn, phản biện về bảo vệ môi trường với cơ quan quản lý nhà nước và chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có liên quan theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp tham gia các hoạt động giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường khi cần thiết.

- Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

• Cộng đồng dân cư

- Đại diện cộng đồng dân cư trên địa bàn chịu tác động môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có quyền yêu cầu chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ cung cấp thông tin về bảo vệ môi trường thông qua đối thoại trực tiếp hoặc bằng văn bản; tổ chức tìm hiểu thực tế về công tác bảo vệ môi trường của cơ

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BĐKH.27/16-20.

sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; thu thập, cung cấp thông tin cho cơ quan có thẩm quyền và chịu trách nhiệm về thông tin cung cấp.

- Đại diện cộng đồng dân cư trên địa bàn chịu tác động môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có quyền yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có liên quan cung cấp kết quả thanh tra, kiểm tra, xử lý đối với cơ sở.

- Đại diện cộng đồng dân cư có quyền tham gia đánh giá kết quả bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; thực hiện các biện pháp để bảo vệ quyền và lợi ích của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật.

- Tham gia các hoạt động giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường khi được cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường yêu cầu.

CHƯƠNG 7. HƯỚNG DẪN ĐTM ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN, DỰ ÁN SẢN XUẤT THÉP

Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu khoa học và thực tiễn đề xuất hoàn thiện quy trình, các yêu cầu về ĐTM đã được thực hiện, tập thể tác giả cũng đã nghiên cứu, cập nhật và xây dựng các hướng dẫn lập, thẩm định báo cáo ĐTM cho các loại hình dự án khai thác khoáng sản lộ thiên, hầm lò, khai thác khoáng sản có chứa phóng xạ, các dự sản xuất thép. Không chỉ có giá trị tham khảo hữu ích cho các chủ dự án, cơ quan quản lý trong việc thực thi các quy định pháp luật hiện hành về báo cáo ĐTM, các hướng dẫn này còn có giá trị hữu ích cho nhiều đối tượng nghiên cứu để tiếp cận đúng bản chất khoa học về ĐTM khi ứng dụng đối với các đối tượng dự án cụ thể.

7.1. Nguyên tắc xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định báo cáo ĐTM

Các hướng dẫn lập, thẩm định báo cáo ĐTM được xây dựng trên các nguyên tắc sau đây:

- Tiếp cận theo quy trình thực hiện ĐTM, thẩm định báo cáo ĐTM và các nội dung hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đã được Tập thể tác giả đề xuất (trình bày tổng quan trong mục 6.3 Chương 6 và chi tiết trong các dự thảo nội dung Luật, Nghị định, Thông tư về ĐTM của Đề tài);

- Kế thừa có chọn lọc các mẫu hướng dẫn lập báo cáo ĐTM đã được ban hành trong các văn bản pháp luật về môi trường trong các năm gần đây, và kế thừa có chọn lọc các hướng dẫn kỹ thuật lập báo cáo ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, dự án sản xuất thép đã có trước đây trên cơ sở tiếp thu ý kiến các chuyên gia trong lĩnh vực môi trường, ĐTM, khoáng sản, sản xuất thép...

- Hướng dẫn được xây dựng chung cho dự án khai thác khoáng sản, dự án thép thuộc nhóm có mức độ tác động môi trường cao (Nhóm I) nhằm hỗ trợ chủ đầu tư, đơn vị tư vấn, cơ quan thẩm định nắm được toàn diện, đầy đủ nhất các vấn đề cần xem xét, dự báo và đánh giá tác động môi trường đối với loại hình dự án này, bao gồm quy trình thực hiện, phương pháp thực hiện, các nội dung cần thực

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BĐKH.27/16-20.

hiện... đối với nhóm dự án này. Trong đó, chú trọng đến các bước/ vấn đề cốt lõi như ĐTM sơ bộ, xác định phạm vi ĐTM, Nghiên cứu thực hiện ĐTM, tham vấn cộng đồng; các nội dung chi tiết cần trình bày trong Báo cáo ĐTM hoặc cần thẩm định đối với Báo cáo ĐTM.

Căn cứ vào kết quả sàng lọc dự án, khi thực hiện lập, thẩm định báo cáo cho các dự án thuộc nhóm có mức độ tác động môi trường trung bình cao (Nhóm II), các tổ chức, cá nhân xem xét lược bỏ các nội dung không yêu cầu tương ứng.

7.2. Hướng dẫn lập, hướng dẫn thẩm định ĐTM đối với các dự án khai thác khoáng sản

Các hướng dẫn đều hướng tới mục tiêu bảo đảm cung cấp các thông tin về hoạt động của quá trình khai thác mỏ, hiện trạng môi trường nền khu vực khai thác mỏ, các nguồn gây ô nhiễm từ các khâu xây dựng cơ bản mỏ, nổ mìn, bóc xúc quặng, đất đá, vận chuyển, đánh giá định lượng mức độ ô nhiễm và đề xuất các biện pháp khống chế ô nhiễm, phòng chống sự cố môi trường và chương trình quản lý môi trường (quan trắc môi trường, ký quỹ phục hồi môi trường, đóng cửa mỏ...). Trên cơ sở phân tích các đặc điểm mỏ, qui trình khai thác nguyên liệu, điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội tại khu vực hoạt động mỏ, hướng dẫn đã đưa ra yêu cầu về những thông tin cần thiết để đầu tư khai thác và chế biến khoáng sản một cách hiệu quả gắn liền với các giải pháp bảo vệ môi trường, đảm bảo tính hợp lý giữa trữ lượng và khai thác, giữa phát triển sản xuất và bảo vệ môi trường.

Đặc biệt, lần đầu tiên, tại Việt Nam, đề tài đã đề xuất nội dung thẩm định báo cáo ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản bằng phương pháp lộ thiên, hàm lò, dự án khai thác khoáng sản có tính phóng xạ với các nội dung cơ bản như sau:

- Thẩm định các căn cứ để tiến hành ĐTM, phương pháp ĐTM:

- + Căn cứ pháp luật
- + Căn cứ kỹ thuật
- + Tài liệu, dữ liệu tự tạo lập
- + Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng
- + Phương pháp áp dụng trong quá trình ĐTM

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BĐKH.27/16-20.

+ Tổ chức thực hiện ĐTM

- *Thẩm định về mô tả tóm tắt dự án*

+ Vị trí địa lý khu vực thực hiện dự án

+ Mục tiêu của dự án

+ Công nghệ khai thác mỏ và các nguồn thải

+ Nguyên, nhiên, vật liệu của dự án

+ Biện pháp, khối lượng thi công xây dựng các công trình dự án

+ Tổ chức sản xuất và bố trí lao động

+ Tổ chức quản lý

- *Thẩm định về mô tả điều kiện môi trường tự nhiên và kinh tế – xã hội khu vực dự án*

+ Vị trí địa lý

+ Điều kiện địa chất

+ Điều kiện về khí tượng

+ Điều kiện về thủy văn, hải văn

+ Hiện trạng chất lượng các thành phần môi trường vật lý

+ Hiện trạng môi trường vật lý phi phóng xạ

+ Hiện trạng chất lượng môi trường không khí

+ Hiện trạng tiếng ồn, độ rung

+ Hiện trạng chất lượng nước mặt

+ Hiện trạng chất lượng nước ngầm

+ Hiện trạng tài nguyên sinh vật khu vực dự án và xung quanh

+ Điều kiện kinh tế - xã hội

+ Điều kiện về kinh tế

+ Điều kiện về xã hội

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BĐKH.27/16-20.

- Thẩm định về đánh giá các tác động môi trường

+ Nguyên tắc đánh giá tác động

+ Đánh giá tác động đến cơ cấu kinh tế, sử dụng đất và các yếu tố xã hội

- + Đánh giá tác động của quá trình san lấp mặt bằng
- + Đánh giá tác động đến môi trường nước
- + Giai đoạn thi công xây dựng mỏ
- + Giai đoạn hoạt động khai thác mỏ
- + Đánh giá tác động tới môi trường không khí, tiếng ồn, độ rung
- + Đánh giá tác động tới môi trường đất
- + Đánh giá tác động do chất thải rắn
- + Chất thải nguy hại
- + Tác động đến môi trường sinh học
- + Tác động đến kinh tế - xã hội
- + Tác động đến chất lượng cuộc sống của con người
- + Tác động đến kinh tế
- + Tác động đến xã hội
- + Tác động đến tài nguyên và môi trường con người sử dụng
- + Đánh giá rủi ro sự cố môi trường

- Thẩm định về biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực của dự án đến môi trường

- + Biện pháp phòng ngừa ô nhiễm, sự cố an toàn lao động và sự cố môi trường
- + Quy hoạch hợp lý tổng mặt bằng của dự án
- + Áp dụng công nghệ, thiết bị tiên tiến

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BĐKH.27/16-20.

- + Chế độ vận hành thiết bị công nghệ, định lượng chính xác nguyên vật liệu, nhiên liệu
- + Phòng tránh sự cố
- + An toàn lao động, phòng ngừa và ứng cứu sự cố tai nạn lao động
- + Giải pháp về quản lý, tổ chức lao động
- + Giải pháp kỹ thuật chung đảm bảo an toàn lao động tại khu mỏ
- + Phòng ngừa sự cố sập lò, sập tầng khai thác, bãi thải
- + Ứng cứu sự cố sập lò, sập tầng khai thác, bãi thải
- + Giải pháp kỹ thuật chống bụi nước hầm lò
- + Giải pháp kỹ thuật chống nổ khí mê tan
- + Giải pháp về phòng hộ cá nhân
- + Giải pháp về y tế
- + Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy rừng
- + Phòng ngừa tai nạn giao thông tại mỏ
- + Trách nhiệm của chủ dự án
- + Các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường vật lý
- + Giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước
- + Giảm thiểu tác động gây ô nhiễm không khí, ô nhiễm ồn, rung
- + Giảm thiểu tác động môi trường của chất thải rắn
- + Giảm thiểu tác động môi trường của chất thải nguy hại
- + Giảm thiểu tác động đến môi trường sinh học
- + Biện pháp giảm thiểu tác động đến tài nguyên sinh vật trong giai đoạn thi công xây dựng mỏ
- + Biện pháp giảm thiểu tác động đến tài nguyên sinh vật trong giai đoạn khai thác mỏ

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BĐKH.27/16-20.

+ Biện pháp giảm thiểu tác động đến tài nguyên sinh vật trong giai đoạn đóng cửa mỏ

+ Giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội

+ Hoàn phục môi trường sau khai thác

- *Thẩm định về chương trình quản lý, quan trắc và giám sát môi trường*

+ Chương trình quản lý môi trường

+ Chương trình quan trắc, giám sát môi trường

+ Quan trắc chất lượng môi trường trong mỏ và xung quanh

+ Quan trắc chất lượng và ô nhiễm không khí

+ Quan trắc chất lượng và ô nhiễm nước

+ Quan trắc ô nhiễm đất

+ Quan trắc hệ sinh thái nước

+ Quan trắc hệ sinh thái cạn

- *Thẩm định về tham vấn ý kiến cộng đồng*

+ Thời điểm tham vấn

+ Đối tượng tham vấn

+ Hình thức tham vấn

+ Kết quả tham vấn

- *Thẩm định về kết luận, kiến nghị và cam kết*

+ Kết luận

+ Kiến nghị

- Cam kết

Đối với Hướng dẫn lập, thẩm định báo cáo ĐTM của dự án khai thác khoáng sản có tính phóng xạ, tập thể tác giả đã tập trung vào những nội dung và các tác động đặc thù trong khai thác các loại khoáng sản có tính phóng xạ, hướng dẫn cụ thể các yêu cầu về đánh giá tác động môi trường và các biện pháp phòng

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BĐKH.27/16-20.

ngừa, giảm thiểu tác động của các hợp chất phóng xạ đối với môi trường và sức khỏe con người.

7.3. Hướng dẫn lập, hướng dẫn thẩm định ĐTM đối với các dự án sản xuất thép

Hướng dẫn lập và hướng dẫn thẩm định đã tập trung làm rõ các nội dung cần quan tâm đối với ĐTM của dự án sản xuất thép, đưa ra các yêu cầu cụ thể về mô tả đặc điểm công nghệ, sơ đồ công nghệ với các dòng thải, thiết bị công nghệ (chủng loại, công suất, số lượng, hãng, năm sản xuất) đối với các công nghệ: Công nghệ thiêu kết; Công nghệ luyện gang lò cao; Công nghệ luyện thép và đúc liên tục; Công nghệ cán thép

Các hướng dẫn đã chỉ rõ các nguồn phát sinh khí thải (bụi và các chất khí độc hại) trong từng công đoạn sản xuất, từng loại thiết bị công nghệ và gây ảnh hưởng đến môi trường không khí, cũng như đặc trưng chất thải và các tác động tới môi trường từ các công đoạn sản xuất thép sau đây:

- Cung cấp năng lượng
- Xử lý nguyên liệu
- Tạo khối kết viên
- Luyện than cốc (than cốc)
- Lưu kho, xử lý phế liệu sắt
- Lò cao
- Lò ôxy
- Lò hồ quang
- Tinh luyện thứ cấp
- Rót khuôn (đúc)
- Cán nóng
- Cán nguội
- Phủ / mạ

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BĐKH.27/16-20.

- Xử lý nước thải
- Lọc khí
- Tàng trữ hoá chất
- Nghiền than
- Khâu tiền nung than
- Nạp liệu
- Lọt qua cửa lò
- Đẩy lò
- Dập tắt không kiểm soát
- Dập tắt với xe đẩy
- Khí thải ống khói
- Xử lý cốc

Các hướng dẫn đã xây dựng phương pháp xác định tải lượng các chất ô nhiễm trong nước thải của ngành công nghiệp sản xuất thép (than cốc hoá, luyện gang thép, cán thép...). Các chất ô nhiễm đặc trưng là dầu mỡ khoáng, các chỉ tiêu COD, BOD, Phenol, Cyanua và một số chỉ tiêu độc hại khác trong nước thải theo quy định của QCVN 08- MT: 2015/BTNMT.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Đề tài “Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Mã số BDKH.27/16-20 là công trình nghiên cứu có tính hệ thống, toàn diện, chuyên sâu về cơ sở khoa học, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế về đánh giá tác động môi trường, kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý, qui trình kỹ thuật về đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động ở Việt Nam. Đây là công trình nghiên cứu khoa học, đồng thời cũng là nhiệm vụ quan trọng được thực hiện nhằm hỗ trợ việc hoàn thiện các quy định về BVMT trong Luật bảo vệ môi trường và các luật có liên quan theo chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Với một số cách tiếp cận mới về ĐTM và kiểm soát, giám sát môi trường trên cơ sở học hỏi các kinh nghiệm từ các quốc gia thành công trong công tác BVMT trên thế giới, bao gồm: *tiếp cận quản lý môi trường theo vòng đời dự án, theo mức độ tác động môi trường của dự án và tiếp cận kiểm soát ô nhiễm môi trường tổng hợp*, Tập thể tác giả đã nghiên cứu, xem xét và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý để giải quyết những tồn tại, vướng mắc, bất cập hiện hành trong công tác ĐTM và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh hiện nay, đồng thời đáp ứng các yêu cầu, thách thức về BVMT trong thời kỳ mới của nước ta.

Các kết quả nghiên cứu thu được cho thấy, Đề tài đã thực hiện được một khối lượng công việc nghiên cứu không nhỏ, bảo đảm đáp ứng đầy đủ các mục tiêu, yêu cầu về khối lượng, chất lượng, tiến độ đặt ra. Các đóng góp chủ yếu của đề tài bao gồm:

1) Đã đánh giá được thực trạng hệ thống ĐTM hiện hành và thực trạng công tác quản lý, kiểm soát, giám sát môi trường của Việt Nam (bao gồm thực trạng hệ thống chính sách pháp luật và thực trạng thực thi quy định pháp luật); chỉ ra được những tồn tại, bất cập và giải pháp khắc phục.

2) Đã thu thập, tổng hợp, cập nhật và hệ thống một cách tương đối toàn diện, đầy đủ các nghiên cứu, chính sách, quy định pháp luật của các quốc gia trên thế giới, các tổ chức quốc tế về ĐTM, về các công cụ kiểm soát, giám sát môi trường đối với các dự án đầu tư, các cơ sở sản xuất, kinh doanh.

3) Đã phân tích, luận giải, làm rõ cơ sở khoa học của ĐTM, xác định rõ bản chất, vai trò, vị trí của ĐTM, Giấy phép môi trường, các công cụ quản lý môi trường sau ĐTM.

4) Đã làm rõ cơ sở khoa học, đề xuất phân loại dự án theo mức độ tác động đến môi trường và đề xuất các công cụ, cơ chế quản lý môi trường theo các mức độ tác động đến môi trường của dự án.

Đồng thời, đã đề xuất khung pháp lý ĐTM, giấy phép môi trường và các công cụ quản lý môi trường theo vòng đời dự án đầu tư ở Việt Nam

5) Đã đề xuất hoàn thiện khung pháp lý, qui trình kỹ thuật đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư, bao gồm:

i) Đề xuất quy trình ĐTM phù hợp với mức độ tác động đến môi trường, thông lệ quốc tế và điều kiện Việt Nam;

ii) Đề xuất bổ sung, hoàn thiện các nội dung, yêu cầu đối với ĐTM sơ bộ, xác định phạm vi ĐTM, nghiên cứu và lập báo cáo ĐTM, tham vấn ý kiến cộng đồng, thẩm định báo cáo ĐTM... để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác ĐTM.

6) Đã đề xuất hoàn thiện khung pháp lý, qui trình kỹ thuật về Giấy phép môi trường và các công cụ kiểm soát, giám sát môi trường nhằm nâng cao hiệu

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BĐKH.27/16-20.

quả việc tuân thủ, kiểm soát, giám sát môi trường đối với các dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động, bao gồm:

i) Đề xuất các quy định về Giấy phép môi trường;

ii) Đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý đối với Kế hoạch quản lý môi trường; Kiểm toán môi trường, Hệ thống quản lý môi trường, Thanh tra và giám sát tuân thủ;

iii) Đề xuất cơ chế phối hợp kiểm soát, giám sát môi trường đối với các dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động.

7) Đã kế thừa, phát triển đề xuất Dự thảo Luật, Nghị định quy định chi tiết và Thông tư hướng dẫn về Đánh giá tác động môi trường, Giấy phép môi trường trên cơ sở các quy định hiện hành, các nghiên cứu trong nước và các kinh nghiệm quốc tế... làm cơ sở xem xét ban hành các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan trong lĩnh vực BVMT ở Việt Nam.

8) Đã xây dựng 06 hướng dẫn kỹ thuật lập báo cáo ĐTM, hướng dẫn kỹ thuật thẩm định báo cáo ĐTM cho các dự án khai thác khoáng sản theo loại hình công nghệ và một số khoáng sản đặc thù, gồm: khai thác khoáng sản lộ thiên, khai thác khoáng sản hầm lò, khai thác quặng có chứa phóng xạ;

9) Đã xây dựng 02 hướng dẫn kỹ thuật lập báo cáo ĐTM, hướng dẫn kỹ thuật thẩm định báo cáo ĐTM cho các dự án sản xuất thép.

Các kết quả nghiên cứu của Đề tài đã được gửi đến Tổng cục Môi trường và Ban soạn thảo, Tổ biên tập Luật BVMT sửa đổi để nghiên cứu, tham khảo, xem xét tiếp thu trong quá trình rà soát, xây dựng, hoàn thiện Luật BVMT sửa đổi.

Đồng thời, qua các hội thảo, các buổi làm việc, trao đổi với các bên liên quan trong quá trình thực hiện Đề tài nói chung và quá trình áp dụng thử nghiệm các kết quả nghiên cứu của Đề tài nói riêng, Tập thể tác giả cũng đã chuyển tải được cách tiếp cận đúng bản chất khoa học, phù hợp với điều kiện Việt Nam và

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

hài hoà với kinh nghiệm, thông lệ quốc tế về ĐTM, kiểm soát, giám sát môi trường đến các chủ dự án, đơn vị tư vấn, một số cơ quan quản lý môi trường ở địa phương..., hỗ trợ các đối tượng này cải thiện tình hình hiện tại, nâng cao hiệu quả thực thi ĐTM, kiểm soát, giám sát môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động.

2. Kiến nghị

Hoàn thiện cơ sở pháp lý trong hệ thống pháp luật về BVMT, bảo đảm thực hiện hiệu quả ĐTM đối với các dự án đầu tư, kiểm soát, giám sát môi trường phù hợp, chặt chẽ các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động là một trong những nội dung cốt lõi quan trọng nhằm đạt được các mục tiêu về BVMT, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, phát triển bền vững mà Đảng và Chính phủ Việt Nam đã đề ra. Quá trình hoàn thiện các chính sách này đòi hỏi quyết tâm cao, sự vào cuộc quyết liệt từ các cấp có thẩm quyền và nỗ lực thực hiện từ các cơ quan, tổ chức, các nhà khoa học và cộng đồng xã hội.

Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu cùng các sản phẩm đã hoàn thành của Đề tài như đã nêu trên, Tập thể tác giả thực hiện Đề tài xin đề xuất một số kiến nghị như sau:

1) Trước mắt, đề nghị Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường (Quốc hội), Bộ Tài nguyên và Môi trường cùng Ban soạn thảo, Tổ biên tập Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi xem xét nghiên cứu, tiếp thu trọn vẹn, lồng ghép phù hợp các nội dung đề xuất cốt lõi của chính sách quản lý môi trường theo vòng đời dự án, bao gồm đề xuất về phân loại các nhóm dự án dựa theo mức độ tác động môi trường; các đề xuất hoàn thiện quy định vai trò, đối tượng, nguyên tắc, quy trình kỹ thuật ĐTM đối với các dự án đầu tư; các đề xuất khung pháp lý, quy trình kỹ thuật về giấy phép môi trường và các công cụ kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động (kế hoạch quản lý môi trường, kiểm toán môi trường, hệ thống quản lý môi trường, thanh tra và giám sát tuân thủ môi trường)... vào Dự thảo Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi đang được xây dựng, hoàn thiện và dự kiến trình Quốc hội thông qua vào kỳ họp thứ 10 năm 2020 sắp tới.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BĐKH.27/16-20.

Các quy định, đề xuất chi tiết của các nội dung nêu trên đề nghị các cơ quan soạn thảo, ban hành (Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Chính phủ) xem xét, nghiên cứu đưa vào các Nghị định, Thông tư các năm tiếp theo (2021-2022) theo lộ trình xây dựng chương trình văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật BVMT sửa đổi.

2) Về lâu dài, từ kinh nghiệm lập pháp của một số quốc gia tiên tiến trên thế giới cho thấy, bên cạnh văn bản luật quy định chung về môi trường (ví dụ luật/đạo luật về môi trường, luật cơ bản về môi trường), đánh giá tác động môi trường và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đã được thể chế hoá thành các luật riêng như Luật về Đánh giá tác động môi trường (Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Canada, Đức, Phillipines...), Luật Kiểm soát và phòng ngừa ô nhiễm môi trường (các nước Liên minh Châu Âu, Ấn Độ, Phillipines...) và được triển khai thực thi rất hiệu quả. Do đó, với vai trò, ý nghĩa vô cùng quan trọng của các công cụ này trong quản lý BVMT và hướng tới phát triển bền vững, Tập thể tác giả kiến nghị xem xét việc xây dựng, ban hành luật riêng cho các nội dung này ở Việt Nam trong tương lai nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của ĐTM và kiểm soát ô nhiễm môi trường theo vòng đời dự án.

3) Đối với các sản phẩm hướng dẫn kỹ thuật lập, thẩm định ĐTM dự án khai thác khoáng sản, dự án sản xuất thép của Đề tài, sau khi Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi và các văn bản dưới luật (Nghị định, Thông tư) được ban hành, kiến nghị Tổng cục Môi trường xem xét, rà soát, cập nhật một số nội dung trong các hướng dẫn kỹ thuật này để bảo đảm sự thống nhất, tương thích với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật mới và đăng tải trên cổng thông tin điện tử, tạo điều kiện cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan được cập nhật rộng rãi trong quá trình áp dụng, thực thi pháp luật.

4) Phát triển các hướng nghiên cứu chuyên sâu: Quan điểm, nguyên tắc tiếp cận quản lý môi trường theo vòng đời dự án, theo mức độ tác động môi trường của dự án và tiếp cận kiểm soát ô nhiễm môi trường tổng hợp là những quan điểm tiếp cận quản lý môi trường có tính khoa học, thực tiễn và đã cho thấy hiệu quả trong công tác BVMT ở nhiều quốc gia tiên tiến trên thế giới. Trong khuôn khổ mục tiêu của Đề tài, các vấn đề nghiên cứu về ĐTM, về công cụ kiểm soát, giám

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BĐKH.27/16-20.

sát môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động được tiếp cận theo các nguyên tắc này; tuy nhiên chỉ dừng lại ở góc độ hoàn thiện cơ sở pháp lý và quy trình kỹ thuật để phục vụ quá trình xây dựng, hoàn thiện chính sách pháp luật hiện hành. Trên cơ sở tiền đề từ các kết quả nghiên cứu đã đạt được của Đề tài, Tập thể tác giả kiến nghị việc xem xét phát triển các nghiên cứu khoa học chuyên sâu có liên quan để hỗ trợ công tác quản lý, bảo vệ môi trường trong chủ đề này trong thời gian tới, tập trung vào các nghiên cứu chuyên sâu như:

- i) Nghiên cứu xây dựng các hướng dẫn kỹ thuật ĐTM, kế hoạch quản lý môi trường, kiểm toán môi trường, thanh tra giám sát môi trường... cho các loại hình dự án trong danh mục các ngành nghề có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường;
- ii) Nghiên cứu hướng dẫn triển khai cấp giấy phép môi trường với các tiếp cận quản lý môi trường tổng hợp;
- iii) Nghiên cứu phương pháp kỹ thuật hướng dẫn kiểm kê phát thải (công nghệ sản xuất, đặc trưng nguồn thải, công nghệ xử lý chất thải...) đối với một số loại hình dự án thuộc danh mục gây ô nhiễm môi trường cao;
- iv) Nghiên cứu xây dựng các tài liệu hướng dẫn công nghệ hiện có tốt nhất cho các loại hình dự án công nghiệp gây ô nhiễm môi trường nhằm hỗ trợ kỹ thuật cho ĐTM và cấp giấy phép môi trường;
- v) Nghiên cứu xây dựng, vận hành, kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu môi trường nhằm hỗ trợ công tác ĐTM, kiểm soát, giám sát môi trường các dự án...

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường (4/2020), *Báo cáo tổng kết 05 năm thực hiện luật Bảo vệ môi trường 2014.*
2. Bộ Tài nguyên và Môi trường (5/2018), *Báo cáo Kết quả triển khai thực hiện chỉ thị số 25/CT-Ttg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường năm 2017.*
3. Nguyễn Đình Cung, Nguyễn Minh Thảo và nnk (20/2016), *Những hạn chế trong quy định pháp luật liên quan đến việc hình thành và thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.*
4. Cục Thăm định và Đánh giá tác động môi trường (2009), *Hướng dẫn lập báo cáo ĐTM cho dự án luyện gang, thép.*
5. Nguyễn Việt Dũng, Nguyễn Hải Vân (3/2015), *Lồng ghép tiêu chí đa dạng sinh học trong đánh giá tác động môi trường ở Việt Nam. Một số thảo luận và khuyến nghị*, Trung tâm Con người và Thiên nhiên, Hà Nội.
6. Phạm Ngọc Hồ, Hoàng Xuân Cơ (2001), *Đánh giá tác động môi trường*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
7. Nguyễn Thị Quỳnh Hương - Viện Khoa học Môi trường (2018), *Sách chuyên khảo “Giấy phép môi trường – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”*. 2018.
8. Nguyễn Khắc Kinh (9/2016), *Đánh giá tác động môi trường trong quá trình ra quyết định đối với các dự án phát triển - Một số bất cập lớn trong thực tiễn thực hiện ở Việt Nam.*
9. Lê Hoàng Lan (3/2015) - Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam, *Lồng ghép đa dạng sinh học trong đánh giá tác động môi trường - Hiện trạng và kiến nghị.*

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

10. Lê Hoàng Lan (6/2020), *Nghiên cứu và đề xuất nội dung lồng ghép, đánh giá rủi ro khí hậu vào các quy định về đánh giá tác động môi trường trong Luật Bảo vệ môi trường*, Tổ chức Winrock International, Hà Nội.

11. Vũ Ngọc Long, Lê Anh Tuấn, Đào Trọng Tú và nnk (5/2015), *Dự án Cải tạo cảnh quan và phát triển đô thị ven sông Đồng Nai, quy mô 8,4ha tại phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai – Những vấn đề tác động cần làm rõ.*

12. *Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13*, được Quốc hội Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 23/6/2014.

13. *Luật Đầu tư số 67/2014/QH13*, được Quốc hội Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.

14. *Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14*, được Quốc hội Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 13/6/2019.

15. Hoàng Thị Thanh Nhân (3/2015), *Đánh giá tác động đa dạng sinh học trong các dự án phát triển: sự cần thiết và các yêu cầu thực tiễn.*

16. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (12/2019), *Báo cáo Chồng chéo pháp luật về đầu tư kinh doanh.*

17. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (12/2019), *Báo cáo Dòng chảy pháp luật kinh doanh năm 2019.*

18. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - Tổng cục Môi trường (3/2019), *Báo cáo khảo sát Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường và chất lượng môi trường sống*, Hà Nội.

19. Phùng Chí Sỹ, Trịnh Thị Thanh, Nguyễn Thị Kim Hoa (6/2019), *Báo cáo Hỗ trợ chỉnh sửa các quy định về đánh giá tác động môi trường và xã hội*, Ngân hàng Thế giới, Hà Nội.

20. Đỗ Tiến Sỹ, Nguyễn Anh Thư, Trần Nguyễn Nhật Nam (3/2019), *Mô hình đánh giá sự sẵn sàng đầu tư của khu vực tư nhân trong các dự án PPP giao thông ở Việt Nam.*

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BĐKH.27/16-20.

21. Mai Thế Toàn (9/2014), *Đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường ở Việt Nam*, Báo cáo Hội nghị quốc gia về Đánh giá môi trường chiến lược và Đánh giá tác động môi trường, Hà Nội.

22. Mai Thế Toàn, Hoàng Thanh Nguyệt (8/2016), *Thực trạng và đề xuất kiến nghị nhằm hoàn thiện hệ thống đánh giá tác động môi trường trong quá trình xét duyệt dự án đầu tư*, Tạp chí Môi trường.

23. Mai Thế Toàn và nnk (2007), *Nghiên cứu xác lập cơ sở khoa học phục vụ công tác đánh giá tác động môi trường chuyên ngành đối với các dự án khai thác mỏ lộ thiên*. Đề tài KHCN Bộ Tài nguyên và Môi trường.

24. Mai Thế Toàn và nnk (2010), *Nghiên cứu xác lập cơ sở khoa học phục vụ công tác đánh giá tác động môi trường chuyên ngành đối với các dự án khai thác mỏ hầm lò*. Đề tài KHCN Bộ Tài nguyên và Môi trường.

25. Lê Trình (12/2015), *Đánh giá tác động môi trường và xã hội - Các dự án đầu tư trong nước và quốc tế*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.

26. Lê Trình (12/2013), *Các kết quả, hạn chế chính của đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kiến nghị tiếp tục bổ sung chỉnh sửa các nội dung này trong dự thảo Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi 2014*.

27. Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và phát triển công tác xã hội (4/2018), *Báo cáo đánh giá tác động môi trường xã hội Dự án Đầu tư khai thác và tuyển quặng sắt mỏ Thạch Khê, Hà Tĩnh*, Báo cáo Chính phủ về nhiệm vụ rà soát Dự án Mỏ Thạch Khê.

28. Hoàng Dương Tùng (4/2020), *Đề xuất áp dụng giấy phép môi trường – công cụ quản lý môi trường cho dự thảo Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi 2020*, Báo cáo dự án GIZ, Hà Nội.

29. Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường Quốc hội (9/2019), *Báo cáo kết quả giám sát “Việc ban hành và thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường đối với khu công nghiệp, khu chế xuất và cơ sở sản xuất có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao”*.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BĐKH.27/16-20.

30. Trần Văn Ý, Lê Đức An, Trương Quang Hải và nnk. “Đánh giá tác động môi trường các dự án phát triển (quy trình và hướng dẫn kỹ thuật). NXB Thống kê, 2006.

Tiếng Anh

31. Asian Development Bank (3/2009), *ADB Safeguard Policy Statement*.

32. Aaron J. MacKimon, Peter N. Duinker and Tony R. Walker (2018), *Application of Science in Environmental impact assessment*, Routledge.

33. H. Abaza, Ron Bisset, Barry Sadler (2004), *Environmental Impact Assessment and Strategic Environmental Assessment: Towards an Integrated Approach*, UNEP.

34. Bronwyn Ridgway (1999), *The Project cycle and the roles of EIA and EMS*. The Journal of Environmental Assessment Policy and Management (JEAPM), vol. 01, issue 04, 393-405.

35. European Commission. *Environmental Impact Assessment (EIA) Directive (2014/52/EU)*

36. European Commission. *Studies, reports and guidance documents on EIA*. (<https://ec.europa.eu/environment/eia/eia-support.htm>)

37. European Commission. *Directive 2010/75/EU on Industrial Emissions (IED)*.

38. *Hanoi Core Statement on Aid Effectiveness*, Jun., 2005.

39. IFC (2012), *Performance Standards, Environmental and Social Sustainability*.

40. IFC (2007), *Environmental, Health and Safety (EHS) Guidelines*. (https://www.ifc.org/wps/wcm/connect/topics_ext_content/ifc_external_corporate_site/sustainability-at-ifc/policies-standards/ehs-guidelines).

41. International Association for Impact Assessment (01/1999), *Principles of EIA Best Practice*.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BĐKH.27/16-20.

42. Ingvar Anderson (1998), *Environmental Management Tools for SMEs: A Handbook*. European Environmental Agency,.

43. JICA (4/2010), *Guidelines for Environmental and Social Considerations*.

44. L.W.Canter (2012), *Environmental impact assessment*.

45. Cashmore (2004), *The role of Science in environmental impact assessment: process and procedure versus purpose in the development of theory*. Environmental Impact Assessment Review 24, 403–426.

46. Environmental Law Alliance Worldwide (2010), *Guidebook for Evaluating Mining Project EIAs*.

47. Koos Neefies (2000), *Environments and Livelihoods: Strategies for Sustainability*. The Oxfam publishing.

48. E. D. Yaylaci (2005), *Towards A Sustainable Mining Industry: Actions and Tools*. The 19th International Mining Congress and Fair of Turkey, IMCET.

49. OECD (2005), *Integrated Environmental Permitting Guidelines For EECCA Countries*.

50. OECD (2007), *Guiding Principles of Effective Environmental Permitting Systems*.

51. OECD (1999), *Environmental Requirements for Industrial Permitting: Vol 1 - Approaches and Instruments*.

52. Nguyen Van Son, Martin H. Leniha, Nguyen Duy Thang (2015), *Vietnam: Environmental And Social Country Safeguards Framework Assessment*, World Bank.

53. United Nations University, RMIT University, and UNEP (January, 2007), *EIA Course - Principles of EIA administration and practice*.

54. The United Nations Conference on Environment and Development (June, 1992), *Rio Declaration on Environment and Development*.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BĐKH.27/16-20.

55. Thailand Ministry of Natural Resources and Environment and PTT Public Company Limited (November, 2018), *Environmental Impact Assessment Guidelines for Business Project Development in ASEAN Economic Community*.

56. UNEP (Feb. 2017), Project: *General Guideline on Biodiversity Assesment, ...and Offset Principles for Russia' Energy Sector*.

57. UNEP (2018), *Assessing Environmental Impact – A Global Review of Legislation*.

58. US EPA (1998), *Principles of Environmental Impact Assessment Review*.

59. US EPA. *A series of Environmental Impact Assessment Guidelines*.

60. US EPA. *Environmental Permitting and Licensing*.

61. US EPA (2011), *EIA Technical Review Guidelines: Non-metal and Metal Mining (Volume I, II)*.

62. World Bank (2016), *The Environmental and Social Framework (ESF)*.

63. World Bank (1999, revised 2013), *Operational Manual – OP4.01 – Environmental Assessment*.

64. World Summit on Sustainable Development Johannesburg (Sep., 2002), *Declaration on Sustainable Development*.

65. World Economic Forum (2018), *The Global Competitiveness Index 2017-2018 edition – Vietnam*.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH VỀ ĐTM Ở VIỆT NAM

(Tổng hợp, cập nhật theo Luật BVMT 2014, Luật Đầu tư công 2020, Nghị định số 18/2015/NĐ-CP và Nghị định 40/2019/NĐ-CP)

	Quy định hiện hành	Văn bản quy định	Đánh giá tổng quan
Sàng lọc dự án đầu tư / Đối tượng thực hiện ĐTM	<ul style="list-style-type: none"> - Dự án loại 1: phải lập báo cáo ĐTM, gồm 107 loại, trong đó: 01 loại xét theo thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư (số 01); 02 loại xét theo đặc thù môi trường thực hiện dự án (số 02 và 106); 101 loại xét theo loại hình sản xuất/đầu tư, quy mô, công suất (số 03-103); 01 loại xét theo yếu tố phát sinh chất thải (số 104); 01 loại xét yếu tố đầu tư mở rộng, nâng công suất (số 105) và 01 loại dự án có hạng mục thuộc các yếu tố trên. - Dự án loại 2: phải đăng ký Kế hoạch Bảo vệ môi trường, gồm 83 loại hình, về cơ bản xét theo loại hình, quy mô, công suất dự án đầu tư. - Dự án loại 3: không phải thực hiện ĐTM và đăng ký Kế hoạch BVMT. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật BVMT 2014 (Điều 18); - Nghị định 18/2015/NĐ-CP (Phụ lục II của Nghị định); - Gần đây nhất, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 40/2019/NĐ-CP (Phụ lục II, mục I, Phụ lục của Nghị định) 	<p>Sàng lọc trong ĐTM các dự án đầu tư ở Việt Nam có những đặc điểm chính như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp sàng lọc: cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập danh mục các dự án phải thực hiện lập báo cáo ĐTM và danh mục các dự án phải xác nhận “Kế hoạch BVMT”. - Tiêu chí để phân loại dự án gồm: tính chất, quy mô (diện tích đất chiếm dụng, công suất) của dự án và tính nhạy cảm môi trường (khu vực được bảo vệ) của khu vực đầu tư dự án theo danh mục định trước. - Danh mục dự án phải thực hiện lập báo cáo ĐTM: Trên cơ sở thực trạng đầu tư và yêu cầu của công tác

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BĐKH.27/16-20.

	Quy định hiện hành	Văn bản quy định	Đánh giá tổng quan
			BVMT, danh mục dự án phải thực hiện lập báo cáo ĐTM luôn được cập nhật và thay đổi theo thời gian cả về số lượng và tiêu chí phân loại.
Thời điểm thực hiện ĐTM	<p>- ĐTM phải thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị dự án.</p> <p>- Chủ dự án trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định báo cáo ĐTM trước các thời điểm sau đây:</p> <p>a) Đối với dự án khai thác khoáng sản, trình trước khi cơ quan có thẩm quyền thẩm định để cấp, điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản;</p> <p>b) Đối với dự án thăm dò, khai thác dầu khí, trình trước khi cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt kế hoạch thăm dò, kế hoạch phát triển mỏ;</p> <p>c) Đối với dự án đầu tư xây dựng, trình trước khi cơ quan có thẩm quyền thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công (trường hợp dự án chỉ yêu cầu thiết kế một bước).</p> <p>Trường hợp dự án có cùng một cơ quan thẩm định báo cáo ĐTM và thẩm định thiết kế cơ sở hoặc thiết kế bản vẽ thi công thì các hồ sơ nêu trên được trình đồng thời để thẩm định theo quy định;</p>	<p>- Luật BVMT 2014 (Khoản 2, Điều 19);</p> <p>- Nghị định 40/2019/NĐ-CP (Khoản 5, Điều 1)</p>	

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

	Quy định hiện hành	Văn bản quy định	Đánh giá tổng quan
	<i>d) Đối với các dự án khác không thuộc đối tượng quy định tại các điểm a, b và c khoản này, trình trước khi quyết định đầu tư dự án.</i>		
Thực hiện ĐTM	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ dự án thuộc đối tượng phải thực hiện ĐTM tự mình hoặc thuê tổ chức tư vấn thực hiện ĐTM; chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thực hiện ĐTM và các thông tin, số liệu được sử dụng trong báo cáo ĐTM. - Tổ chức tư vấn thực hiện ĐTM chịu trách nhiệm trước chủ dự án và trước pháp luật về kết quả thực hiện ĐTM và các thông tin, số liệu do mình tạo lập trong báo cáo ĐTM. - Kết quả thực hiện ĐTM thể hiện dưới hình thức báo cáo ĐTM. - Một dự án đầu tư chỉ lập một báo cáo ĐTM. <p><i>Đối với dự án đầu tư công: Trường hợp thật sự cần thiết tách riêng việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập, đối với dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội xem xét, quyết định; đối với dự án nhóm A do Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền. Việc tách riêng dự án độc lập được thực hiện khi phê duyệt chủ trương đầu tư dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí lập, thẩm định báo cáo ĐTM thuộc nguồn vốn đầu tư dự án do chủ dự án chịu trách nhiệm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật BVMT 2014 (Điều 19); - Luật Đầu tư công 2019 (Khoản 1, Điều 5) - Nghị định 18/2015/NĐ-CP (Điều 12); - <i>Nghị định 40/2019/NĐ-CP (Khoản 5 Điều 1).</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Với quy định hiện hành, ĐTM chỉ yêu cầu thực hiện 01 bước và nhấn mạnh kết quả thực hiện ĐTM: báo cáo ĐTM. - Quy định về thực hiện ĐTM không nêu rõ quy trình, quá trình thực hiện ĐTM; không có sự phân cấp mức độ thực hiện ĐTM giữa các nhóm dự án đầu tư theo mức độ tác động đến môi trường của dự án.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

	Quy định hiện hành	Văn bản quy định	Đánh giá tổng quan
Nội dung báo cáo ĐTM	<p>Nội dung chính của báo cáo ĐTM:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ của dự án, chủ dự án, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án; phương pháp đánh giá tác động môi trường. - Đánh giá việc lựa chọn công nghệ, hạng mục công trình và các hoạt động của dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường. - Đánh giá hiện trạng môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội nơi thực hiện dự án, vùng lân cận và thuyết minh sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án. - Đánh giá, dự báo các nguồn thải và tác động của dự án đến môi trường và sức khỏe cộng đồng. - Đánh giá, dự báo, xác định biện pháp quản lý rủi ro của dự án đến môi trường và sức khỏe cộng đồng. - Biện pháp xử lý chất thải. - Các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường và sức khỏe cộng đồng. - Kết quả tham vấn. - Chương trình quản lý và giám sát môi trường. - Dự toán kinh phí xây dựng công trình bảo vệ môi trường và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường. - Phương án tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật BVMT 2014 (Điều 22); - Nghị định 18/2015/NĐ-CP trước đây không quy định về nội dung chính của báo cáo ĐTM (thực hiện theo Luật BVMT); <i>tuy nhiên gần đây được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 40/2019/NĐ-CP (Khoản 4 Điều 1)</i> 	<p>Quy định hiện hành về nội dung chính báo cáo ĐTM là cơ bản phù hợp, tuy nhiên có những vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không yêu cầu báo cáo ĐTM phải có phần trình bày về các phương án lựa chọn (bao gồm lựa chọn về vị trí, lựa chọn về quy mô dự án, lựa chọn về công nghệ... và lý giải về phương án được lựa chọn trên cơ sở những xem xét về tác động môi trường); - Không yêu cầu đánh giá tác động trực tiếp, gián tiếp, tích lũy, tổng hợp đối với dự án. - Không yêu cầu làm rõ phạm vi các vấn đề báo cáo ĐTM cần giải quyết. - Đối với tác động môi trường xã hội, chỉ yêu cầu đánh giá đối với sức khỏe cộng đồng. <p>Nghị định 40/2019/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung quy định yêu cầu làm rõ một số vấn đề trọng tâm, trọng điểm, các đặc thù phải lưu ý đối với một số loại hình dự án (báo cáo ĐTM của dự án</p>

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BĐKH.27/16-20.

	Quy định hiện hành	Văn bản quy định	Đánh giá tổng quan
	<p>- Một số nội dung quy định cụ thể như sau:</p> <p>a) Về các biện pháp xử lý chất thải: Phải đánh giá giải pháp và lựa chọn phương án công nghệ xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường. Đối với dự án đầu tư xây dựng có công trình xử lý chất thải để thẩm định về môi trường phải có phần thuyết minh và phương án thiết kế cơ sở (đối với dự án có nhiều bước thiết kế) hoặc phương án thiết kế bản vẽ thi công (đối với dự án chỉ yêu cầu thiết kế một bước) của công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải theo quy định của pháp luật về xây dựng; có phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong quá trình thi công xây dựng, vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành;</p> <p>b) Chương trình quản lý và giám sát môi trường được thực hiện trong giai đoạn thi công xây dựng dự án; dự kiến chương trình quản lý và quan trắc môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành;</p> <p>c) Phương án tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường gồm:</p> <p>- Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng dự án (chất thải rắn, khí thải, chất thải nguy hại, rác thải sinh hoạt, nước thải sinh hoạt, các loại chất thải lỏng khác như hóa chất thải, hóa</p>		<p>đầu tư xây dựng khu công nghiệp và các dự án thuộc loại hình sản xuất công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường phải có phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; báo cáo ĐTM của dự án khai thác khoáng sản phải có phương án cải tạo, phục hồi môi trường; báo cáo ĐTM của dự án khai thác cát, sỏi và khoáng sản khác trên sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa và vùng cửa sông, ven biển phải có nội dung đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông); tuy nhiên chưa đầy đủ và toàn diện cho các loại hình dự án đặc thù cần quan tâm, chú trọng (ví dụ các dự án thủy điện; dự án ảnh hưởng lớn, gây thiệt hại đến đa dạng sinh học, cảnh quan thiên nhiên quan trọng; các dự án có hạng mục di dân – di cư, liên quan đến dân tộc thiểu số...)</p>

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

	Quy định hiện hành	Văn bản quy định	Đánh giá tổng quan
	<p><i>chất súc rửa đường ống,...), bảo đảm theo quy định về bảo vệ môi trường;</i></p> <p><i>- Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường, thiết bị xử lý chất thải, thiết bị quan trắc nước thải và khí thải tự động, liên tục đối với trường hợp phải lắp đặt theo quy định; kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác phục vụ giai đoạn vận hành của dự án;</i></p> <p><i>d) Đối với dự án mở rộng quy mô, nâng công suất hoặc thay đổi công nghệ của cơ sở, khu công nghiệp đang hoạt động, trong báo cáo ĐTM phải có thêm một phần đánh giá về tình hình hoạt động và thực hiện công tác bảo vệ môi trường của cơ sở, khu công nghiệp hiện hữu; đánh giá tổng hợp tác động môi trường của cơ sở, khu công nghiệp hiện hữu và dự án mở rộng quy mô, nâng công suất hoặc thay đổi công nghệ của dự án mới;</i></p> <p><i>đ) Đối với các dự án đầu tư xây dựng khu công nghiệp và các dự án thuộc loại hình sản xuất công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, trong báo cáo ĐTM phải có phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với khí thải; phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải theo quy định;</i></p> <p><i>e) Đối với dự án khai thác khoáng sản, trong báo cáo ĐTM phải có phương án cải tạo, phục hồi môi trường; đối với dự án khai thác cát, sỏi và khoáng sản khác trên sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa và vùng cửa sông, ven biển phải có nội</i></p>		

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

	Quy định hiện hành	Văn bản quy định	Đánh giá tổng quan
	<i>dung đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.</i>		
Tham vấn trong quá trình hiện ĐTM, công khai thông tin ĐTM	<p>Tham vấn cộng đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham vấn trong quá trình thực hiện ĐTM nhằm hoàn thiện báo cáo ĐTM, hạn chế thấp nhất các tác động xấu đến môi trường và con người, bảo đảm sự phát triển bền vững của dự án. - Chủ dự án phải tổ chức tham vấn cơ quan, tổ chức, cộng đồng chịu tác động trực tiếp bởi dự án. - Các dự án không phải thực hiện tham vấn gồm: a) Phù hợp với quy hoạch của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung đã được phê duyệt báo cáo ĐTM cho giai đoạn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng; b) Thuộc danh mục bí mật nhà nước. - Trong quá trình thực hiện ĐTM, chủ dự án phải tiến hành tham vấn UBND cấp xã nơi thực hiện dự án, các tổ chức và cộng đồng chịu tác động trực tiếp bởi các vấn đề môi trường của dự án (nước thải, khí thải, bụi, chất thải rắn, chất thải nguy hại, sụt lún, sạt lở, bồi lắng, tiếng ồn, đa dạng sinh học); nghiên cứu, tiếp thu, giải trình những ý kiến của các đối tượng liên quan được tham vấn để hạn chế thấp nhất tác động bất lợi của dự án đến chất lượng môi trường sống, đa dạng sinh học. - <i>Tham vấn cơ quan chính quyền địa phương:</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật BVMT 2014 (Điều 21); - Nghị định 18/2015/NĐ-CP (khoản 4,5,6 Điều 12); được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 40/2019/NĐ-CP. 	<p>Tham vấn cộng đồng trong ĐTM, công khai thông tin ĐTM của các dự án đầu tư ở Việt Nam có những đặc điểm chính như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trách nhiệm tham vấn là của chủ dự án. - Đối tượng tham vấn: cơ quan, tổ chức, cộng đồng chịu tác động trực tiếp bởi dự án. (Với Nghị định 40/2019/NĐ-CP: đối tượng tham vấn, lấy ý kiến được mở rộng đối với một số đối tượng: chuyên gia, nhà khoa học, tổ chức có chuyên môn về mô hình). - Thời điểm tham vấn: không quy định cụ thể số lần tham vấn, tuy nhiên, với quy định hiện hành, chủ dự án thường chỉ tham vấn các bên liên quan 01 lần khi báo cáo ĐTM đã được lập xong. - Hình thức tham vấn: 02 hình thức: lấy ý kiến bằng văn bản, tổ chức họp/hội thảo (có biên bản họp).

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

	Quy định hiện hành	Văn bản quy định	Đánh giá tổng quan
	<p>+ Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng viễn thông và tuyến đường dây tải điện liên tỉnh, liên huyện, chủ dự án chỉ tham vấn UBND cấp tỉnh nếu dự án nằm trên địa bàn từ hai tỉnh trở lên hoặc UBND cấp huyện nếu dự án nằm trên địa bàn từ hai huyện trở lên.</p> <p>+ Dự án nằm trên vùng biển, thêm lục địa không xác định được trách nhiệm quản lý hành chính của UBND cấp xã, chủ dự án chỉ tham vấn UBND cấp tỉnh nơi tiếp nhận chất thải vào bờ của dự án.</p> <p>+ Dự án nhận chìm chất thải, vật chất nạo vét ở biển; dự án có tổng khối lượng nước thải từ 10.000 m³/ngày (24 giờ) trở lên, xả trực tiếp nước thải vào sông liên tỉnh, sông giáp ranh giữa các tỉnh hoặc xả trực tiếp nước thải ra biển ven bờ, chủ dự án tham khảo thêm ý kiến của UBND cấp tỉnh liền kề có sông liên tỉnh, sông giáp ranh hoặc biển ven bờ để phối hợp giải quyết những vấn đề bảo vệ môi trường trong khu vực.</p> <p>- <i>Cách thức, hình thức, quy trình tham vấn cơ quan chính quyền địa phương, tổ chức chịu tác động trực tiếp của dự án:</i></p> <p>a) Chủ dự án gửi báo cáo ĐTM của dự án đến UBND các cấp và các tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án kèm theo văn bản đề nghị cho ý kiến;</p>		<p>- Nội dung tham vấn: các vấn đề môi trường của dự án (nước thải, khí thải, bụi, chất thải rắn, chất thải nguy hại, sụt lún, sạt lở, bồi lắng, tiếng ồn, đa dạng sinh học).</p> <p>- Việc công khai thông tin chỉ thực hiện sau khi báo cáo ĐTM đã được phê duyệt. Công khai thông tin không liên quan đến tham vấn cộng đồng.</p>

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

	Quy định hiện hành	Văn bản quy định	Đánh giá tổng quan
	<p>b) UBND các cấp và các tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án có văn bản phản hồi trong thời hạn tối đa 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của chủ dự án, hoặc không cần có văn bản phản hồi trong trường hợp chấp thuận việc thực hiện dự án.</p> <p>- <i>Tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi các vấn đề môi trường của dự án được tiến hành dưới hình thức họp cộng đồng dân cư do chủ dự án và UBND cấp xã nơi thực hiện dự án đồng chủ trì với sự tham gia của những người đại diện cho UB MTTQ cấp xã, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ dân phố, thôn, bản. Ý kiến của các đại biểu tham dự cuộc họp phải được thể hiện đầy đủ, trung thực trong biên bản họp cộng đồng.</i></p> <p>- <i>Tham vấn chuyên gia, nhà khoa học (đối với dự án thuộc loại hình gây ô nhiễm môi trường). Tham vấn ý kiến của các nhà khoa học, chuyên gia liên quan đến lĩnh vực hoạt động của dự án và chuyên gia môi trường thông qua hình thức hội thảo, tọa đàm.</i></p> <p>- <i>Tham vấn tổ chức chuyên môn về tính chuẩn xác của mô hình: mô tả cách thức lấy ý kiến của tổ chức chuyên môn về tính chuẩn xác của mô hình; ý kiến nhận xét của tổ chức chuyên môn; ý kiến giải trình, tiếp thu và cam kết thực hiện của chủ dự án.</i></p> <p>Công khai thông tin ĐTM:</p>		

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

	Quy định hiện hành	Văn bản quy định	Đánh giá tổng quan
	<p>- Thông tin môi trường phải được công khai gồm có báo cáo ĐTM.</p> <p>- Nghị định 18/2015/NĐ-CP trước đây quy định: “Sau khi báo cáo ĐTM được phê duyệt, chủ dự án phải lập kế hoạch quản lý môi trường của dự án trên cơ sở chương trình quản lý và giám sát môi trường đã đề xuất trong báo cáo ĐTM và niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện ĐTM”.</p> <p>Đến Nghị định 40/2019/NĐ-CP, quy định về công khai thông tin trong ĐTM được sửa đổi, bổ sung như sau:</p> <p>+ Cơ quan thẩm định báo cáo ĐTM phải công khai quyết định phê duyệt và báo cáo ĐTM trên cổng thông tin điện tử của mình.</p> <p>+ Sau khi báo cáo ĐTM được phê duyệt, chủ dự án phải phối hợp với UBND cấp xã nơi đã lấy ý kiến trong quá trình lập báo cáo ĐTM tổ chức niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM tại trụ sở UBND cấp xã, trừ trường hợp được miễn tham vấn theo quy định. (bỏ quy định lập và niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường của dự án).</p>		
Thẩm định, phê duyệt ĐTM	<p>Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM</p> <p>a) Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM của các dự án quy định tại Phụ lục III</p>	- Luật BVMT 2014 (Điều 23,24,25);	- Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM được phân công, phân cấp giữa Trung ương (Bộ TNMT, Quốc

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

	Quy định hiện hành	Văn bản quy định	Đánh giá tổng quan
	<p>Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/2019/NĐ-CP, trừ các dự án thuộc bí mật quốc phòng, an ninh;</p> <p>b) Bộ, cơ quan ngang bộ tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM của các dự án thuộc thẩm quyền quyết định phê duyệt đầu tư của mình, trừ các dự án thuộc Phụ lục III Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.</p> <p>Trường hợp bộ, cơ quan ngang bộ không có cơ quan chuyên môn về môi trường để thẩm định báo cáo ĐTM thì bộ, cơ quan ngang bộ gửi văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường do chủ dự án trình tới Bộ TNMT hoặc UBND cấp tỉnh nơi thực hiện dự án để lấy ý kiến trước khi xem xét, phê duyệt báo cáo ĐTM. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ do bộ, cơ quan ngang bộ gửi tới, Bộ TNMT hoặc UBND cấp tỉnh phải có văn bản trả lời các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường gửi bộ, cơ quan ngang bộ để làm cơ sở xem xét, phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án;</p> <p>c) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án thuộc bí mật quốc phòng, an ninh và các dự án thuộc thẩm quyền quyết định phê duyệt đầu tư của mình, trừ các dự án thuộc Phụ lục III Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/2019/NĐ-CP;</p>	<p>- Nghị định 18/2015/NĐ-CP (Điều 14); được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 40/2019/NĐ-CP (Khoản 5, Điều 1)</p>	<p>phòng, Công an, các Bộ, cơ quan ngang Bộ khác) và địa phương (UBND cấp tỉnh); cập nhật, thay đổi theo từng giai đoạn phụ thuộc vào chủ trương, ý chí của cơ quan quản lý.</p> <p>- Hình thức thẩm định: 02 hình thức, bao gồm: thông qua Hội đồng thẩm định hoặc lấy ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan.</p> <p>- Quyết định phê duyệt ĐTM theo quy định hiện hành rất chi tiết, cụ thể (bao gồm cả quy mô, số lượng chất thải phát sinh; đặc điểm hệ thống thu gom, xử lý chất thải, các thông số kỹ thuật; nguồn tiếp nhận...)</p>

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

	Quy định hiện hành	Văn bản quy định	Đánh giá tổng quan
	<p>d) UBND cấp tỉnh tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM của các dự án đầu tư trên địa bàn không thuộc đối tượng quy định tại các điểm a, b và c khoản này.</p> <p>Hình thức thẩm định báo cáo ĐTM</p> <p>- Thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan được giao thẩm định tổ chức việc thẩm định báo cáo ĐTM thông qua hội đồng thẩm định hoặc thông qua việc lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thẩm định.</p> <p>Các dự án thẩm định thông qua việc lấy ý kiến gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Các dự án đầu tư trong khu công nghiệp mà các khu công nghiệp đó đã được phê duyệt báo cáo ĐTM hoặc đã hoàn thành các thủ tục về môi trường tương đương, đã hoàn thiện kết cấu hạ tầng xử lý nước thải và được xác nhận hoàn thành công trình BVMT theo quy định của pháp luật, phù hợp với nhóm ngành nghề được phép thu hút đầu tư vào khu công nghiệp, trừ các dự án thuộc đối tượng phải lập báo cáo ĐTM quy định tại Phụ lục IIa Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/2019/NĐ-CP; + Các dự án thuộc đối tượng phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường quy định; + Các dự án áp dụng phương pháp kỹ thuật tốt nhất hiện có và kinh nghiệm quản lý môi trường tốt nhất theo quy định của Bộ trưởng Bộ TNMT. 		

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BĐKH.27/16-20.

	Quy định hiện hành	Văn bản quy định	Đánh giá tổng quan
	<p>- Thành viên hội đồng thẩm định và cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến chịu trách nhiệm trước pháp luật về ý kiến của mình.</p> <p>- Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định tổ chức khảo sát thực tế, lấy ý kiến phản biện của cơ quan, tổ chức và chuyên gia để thẩm định báo cáo ĐTM.</p> <p>- Nội dung thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:</p> <p>a) Sự phù hợp của dự án đối với chiến lược, quy hoạch (nếu có), quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;</p> <p>b) Sự phù hợp của các phương pháp đánh giá tác động môi trường được sử dụng;</p> <p>c) Sự phù hợp của các đánh giá về việc lựa chọn công nghệ sản xuất, hạng mục công trình và các hoạt động của dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường;</p> <p>d) Kết quả phân tích, tổng hợp số liệu về hiện trạng môi trường, kinh tế - xã hội nơi thực hiện dự án và sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án;</p> <p>đ) Việc đánh giá và dự báo về nguồn thải, sự phát sinh, quy mô, tính chất nguy hại của nước thải, khí thải, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại và các loại chất thải đặc thù khác; các tác động của chất thải và các tác động khác của dự án đến môi trường và sức khỏe cộng</p>		

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

	Quy định hiện hành	Văn bản quy định	Đánh giá tổng quan
	<p>đồng; đánh giá, dự báo các rủi ro sự cố môi trường do chất thải gây ra;</p> <p>e) Các yêu cầu, quy định, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn về môi trường áp dụng đối với dự án;</p> <p>g) Sự phù hợp của các giải pháp bảo vệ môi trường, bao gồm: phương án thu gom, quản lý chất thải; biện pháp, công nghệ xử lý nước thải; biện pháp, công nghệ giảm thiểu, xử lý bụi, khí thải; phương án lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại; phương án lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường; phương án quản lý, biện pháp, công nghệ xử lý chất thải khác; phương án cải tạo, phục hồi môi trường (nếu có); các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác của dự án đến môi trường; các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường do chất thải của dự án gây ra;</p> <p>h) Sự phù hợp của chương trình quản lý và giám sát môi trường;</p> <p>i) Các cam kết bảo vệ môi trường của chủ dự án.</p> <p>- Thời hạn thẩm định báo cáo ĐTM:</p> <p>a) Thời hạn tổ chức thẩm định thông qua hội đồng thẩm định của Bộ Tài nguyên và Môi trường không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; riêng đối với các dự án thuộc danh mục các loại hình sản xuất công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thời hạn thẩm</p>		

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

	Quy định hiện hành	Văn bản quy định	Đánh giá tổng quan
	<p>định không quá 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;</p> <p>b) Thời hạn tổ chức thẩm định thông qua hội đồng thẩm định của các bộ, cơ quan ngang bộ và UBND cấp tỉnh không quá 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; riêng đối với các dự án thuộc danh mục các loại hình sản xuất công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thời hạn thẩm định không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;</p> <p>c) Thời hạn thẩm định thông qua việc lấy ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan không quá 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>Thành phần hồ sơ, trình tự thủ tục thẩm định báo cáo ĐTM:</p> <p>- Quy định cụ thể tại Nghị định 40/2019/NĐ-CP</p> <p>Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM:</p> <p>- <i>Nghị định 18/2015/NĐ-CP và Thông tư 27/2015/TT-BTNMT trước đây quy định Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM gồm các nội dung chính sau:</i></p> <p>+ Phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án (tên dự án) được lập bởi (tên chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây: 1. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án; 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án; 3. Các điều kiện kèm theo (nếu có)...</p>		

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

	Quy định hiện hành	Văn bản quy định	Đánh giá tổng quan
	<p>+ Chủ dự án có trách nhiệm: 1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của dự án để niêm yết công khai theo quy định pháp luật; 2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện nêu tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; 3. Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường (chỉ áp dụng đối với các dự án thuộc cột 4 Phụ lục II Nghị định số 18/2015/NĐ-CP); 4. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của (cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM).</p> <p>+ Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Theo quy định của Nghị định 40/2019/NĐ-CP, Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM hiện nay gồm các nội dung chính sau:</p> <p>+ Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án (tên Dự án) của (Chủ dự án) thực hiện tại (địa</p>		

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

	Quy định hiện hành	Văn bản quy định	Đánh giá tổng quan
	điểm thực hiện dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này ¹ .		

¹ Phụ lục bao gồm:

1. Thông tin về dự án (Nêu đầy đủ các thông tin về dự án, chủ đầu tư, địa điểm, địa chỉ và các thông tin chính khác; phạm vi, quy mô, công suất, công nghệ sản xuất của dự án; các hạng mục, công trình chính của dự án,...)

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án (Các tác động môi trường chính của dự án; Quy mô, tính chất của nước thải; Quy mô, tính chất của bụi, khí thải; Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường; Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại; Quy mô, tính chất của chất thải khác (nếu có))

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án: (Từng công trình xử lý chất thải, công trình bảo vệ môi trường khác, biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực của dự án đến môi trường,... phải được cụ thể hóa bằng các yêu cầu về thông số kỹ thuật cơ bản, quy trình vận hành, công suất thiết kế; các quy chuẩn, tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường áp dụng đối với dự án, trong đó nêu rõ nguồn tiếp nhận, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng kèm theo hệ số áp dụng đối với từng nguồn chất thải, mục đích tái sử dụng chất thải sau xử lý nếu có,...)

+) Về thu gom và xử lý nước thải: Nêu đầy đủ từng hạng mục công trình xử lý nước thải (hệ thống thoát nước trong và ngoài dự án; hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt, công nghiệp, súc rửa đường ống, nước thải đặc thù khác nếu có,...), gồm: số lượng, quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành; nguồn tiếp nhận, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng với các hệ số áp dụng cho từng nguồn nước thải, mục đích tái sử dụng nước thải sau xử lý (nếu có); thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục với camera theo dõi, giám sát (nếu có),...

+) Về xử lý bụi, khí thải: Nêu đầy đủ từng hạng mục công trình xử lý bụi, khí thải (hệ thống đường ống, thiết bị thu gom và xử lý bụi, khí thải; các thiết bị công nghệ đồng bộ xử lý bụi, khí thải; thiết bị hợp khối hoặc các thiết bị xử lý khác), gồm: kiểu loại, số lượng, quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành; trình độ công nghệ (mới, tiên tiến, thân thiện môi trường,...); nguồn gốc, xuất xứ của công nghệ (nước ngoài hoặc trong nước); nguồn tiếp nhận, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng với các hệ số áp dụng cho từng nguồn, khu vực phát thải; mục đích tái sử dụng khí đốt sạch sau xử lý (nếu có); thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục với camera theo dõi, giám sát (nếu có),...

+) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường: Nêu đầy đủ các hạng mục công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường kèm theo các thông số kỹ thuật cơ bản. Công trình xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường phải thể hiện đầy đủ thông tin, gồm: số lượng, quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành; phương án thu gom, lưu giữ và xử lý hoặc chuyển giao xử lý,...

+) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại: Nêu đầy đủ các hạng mục công trình lưu giữ chất thải nguy hại kèm theo các thông số kỹ thuật cơ bản. Công trình xử lý chất thải nguy hại phải thể hiện đầy đủ thông tin, gồm: số lượng, quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành; phương án thu gom, lưu giữ và xử lý hoặc chuyển giao xử lý,...

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

	Quy định hiện hành	Văn bản quy định	Đánh giá tổng quan
	<p>+ Chủ dự án có trách nhiệm: 1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật (trừ trường hợp được miễn tham vấn); 2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.</p> <p>- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm</p>		

+) Công trình, biện pháp lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải khác (nếu có): Nêu đầy đủ các hạng mục công trình lưu giữ chất thải khác kèm theo các thông số kỹ thuật cơ bản. Đối với công trình xử lý chất thải phải thể hiện đầy đủ thông tin, gồm: số lượng, quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành; phương án thu gom, lưu giữ và xử lý hoặc chuyển giao xử lý,....;

+) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác: Nêu đầy đủ các hạng mục công trình, biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác kèm theo các thông số kỹ thuật cơ bản. Công trình, biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác phải thể hiện đầy đủ thông tin, gồm: số lượng, quy mô, phương pháp, quy trình vận hành...; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng đối với từng nguồn ô nhiễm;....

+) Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường (đối với dự án khai thác khoáng sản): Tóm tắt thông tin chính về: phương án cải tạo, phục hồi môi trường được lựa chọn thực hiện; danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường; kế hoạch thực hiện; kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường (nêu cụ thể số tiền ký quỹ trong từng lần ký quỹ).

+) Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường: Làm rõ phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường (đối với: bụi, khí thải; nước thải; chất độc hại khác,...) áp dụng đối với dự án là phương án nào. Trường hợp dự án phải có công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường thì phải thể hiện đầy đủ thông tin, gồm: số lượng, quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành và yêu cầu kỹ thuật đối với từng công trình.

+) Các biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có).

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án: Nêu rõ những công trình bảo vệ môi trường chính sẽ được kiểm tra trước khi cho phép vận hành thử nghiệm và xác nhận hoàn thành để đi vào vận hành theo quy định.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án: Các nội dung, yêu cầu, tần suất, thông số giám sát ứng với từng giai đoạn của dự án.

6. Các điều kiện có liên quan đến MT (nếu có).

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BĐKH.27/16-20.

	Quy định hiện hành	Văn bản quy định	Đánh giá tổng quan
	quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.		
Hiệu lực pháp lý	<p>- Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM là căn cứ để cấp có thẩm quyền thực hiện các việc sau:</p> <p>a) Quyết định chủ trương đầu tư dự án đối với các đối tượng quy định tại Điều 18 của Luật này trong trường hợp pháp luật quy định dự án phải quyết định chủ trương đầu tư;</p> <p><i>Đối với dự án đầu tư công, cấp có thẩm quyền căn cứ đánh giá sơ bộ tác động môi trường để quyết định chủ trương đầu tư; căn cứ ĐTM để quyết định đầu tư đối với các đối tượng quy định tại Điều 18 của Luật này.</i></p> <p>b) Cấp, điều chỉnh giấy phép thăm dò, giấy phép khai thác khoáng sản đối với dự án thăm dò, khai thác khoáng sản;</p> <p>c) Phê duyệt kế hoạch thăm dò, kế hoạch phát triển mỏ đối với dự án thăm dò, khai thác dầu khí;</p> <p>d) Cấp, điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với dự án có hạng mục xây dựng công trình thuộc đối tượng phải có giấy phép xây dựng;</p> <p>đ) Cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án không thuộc đối tượng quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này.</p> <p>- <i>Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM có hiệu lực pháp lý bắt buộc thực hiện, là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm</i></p>	<p>- Luật BVMT 2014 (Điều 25);</p> <p>- Luật Đầu tư công 2019 (Điều 99)</p> <p>- Nghị định 40/2019/NĐ-CP (Khoản 5, Điều 1)</p>	<p>- Đối với dự án đầu tư công, ĐTM thực hiện theo 2 bước: ĐTM sơ bộ (làm căn cứ để quyết định chủ trương đầu tư) và ĐTM (căn cứ để quyết định đầu tư).</p> <p>- Đối với dự án đầu tư: ĐTM vẫn là căn cứ quyết định chủ trương đầu tư. (Quy định này đang mâu thuẫn với quy định của Luật Đầu tư 2014 vì Luật Đầu tư 2014 không yêu cầu phải có quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM khi đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư).</p> <p>- Với quy định hiện hành (được bổ sung bằng Nghị định 40/2019/NĐ-CP), quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM có giá trị hiệu lực pháp lý xuyên suốt vòng đời dự án đầu tư.</p>

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

	Quy định hiện hành	Văn bản quy định	Đánh giá tổng quan
	<i>quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.</i>		
Thực hiện lại ĐTM/ lập lại báo cáo ĐTM	<p>Chủ dự án phải lập lại báo cáo ĐTM trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Không triển khai dự án trong thời gian 24 tháng kể từ thời điểm quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;</p> <p>(Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình, việc không triển khai dự án trong thời hạn 24 tháng quy định là việc chủ dự án không triển khai thực hiện hạng mục nào trong giai đoạn thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về xây dựng.)</p> <p>b) Thay đổi địa điểm thực hiện dự án so với phương án trong báo cáo ĐTM đã được phê duyệt;</p> <p>c) Tăng quy mô, công suất, thay đổi công nghệ làm tăng tác động xấu đến môi trường so với phương án trong báo cáo ĐTM đã được phê duyệt.</p> <p><i>(Dự án chưa đi vào vận hành phải lập lại báo ĐTM bao gồm:</i></p> <p>+ <i>Tăng quy mô, công suất (mở rộng dây chuyền sản xuất chính, bổ sung công trình, hạng mục chính) của dự án làm phát sinh chất thải vượt quá khả năng xử lý chất thải của các công trình bảo vệ môi trường so với phương án trong quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM;</i></p>	<p>- Luật BVMT 2014 (Điều 20);</p> <p>- Nghị định 18/2015/NĐ-CP (Điều 15); được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 40/2019/NĐ-CP (Khoản 6, Điều 1)</p>	

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

	Quy định hiện hành	Văn bản quy định	Đánh giá tổng quan
	<p>+ Thay đổi công nghệ sản xuất sản phẩm chính của dự án; thay đổi công nghệ xử lý chất thải của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường so với phương án trong quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM;</p> <p>+ Mở rộng quy mô đầu tư của khu công nghiệp; bổ sung vào khu công nghiệp ngành nghề đầu tư thuộc các loại hình sản xuất công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.)</p> <p>- Chủ dự án thuộc đối tượng không triển khai dự án, thay đổi địa điểm thực hiện dự án chỉ được tiếp tục triển khai thực hiện dự án sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt lại báo cáo ĐTM; chủ dự án thuộc đối tượng tăng quy mô, công suất, thay đổi công nghệ làm tăng tác động xấu đến môi trường chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt lại báo cáo ĐTM.</p> <p>- Việc lập, thẩm định và phê duyệt lại báo cáo ĐTM thực hiện theo trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM bằng hình thức lấy ý kiến.</p> <p>- Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM sau thay thế cho quyết định phê duyệt trước đó.</p>		
Điều chỉnh báo cáo ĐTM đã được phê	<p>- Trong quá trình triển khai xây dựng dự án, chủ dự án có những thay đổi quy mô, công suất, công nghệ làm tăng tác động xấu đến môi trường so với phương án trong báo cáo ĐTM đã được phê duyệt nhưng chưa đến mức phải lập lại</p>	<p>- Luật BVMT 2014 (Điều 20);</p> <p>- Nghị định 18/2015/NĐ-CP (Điều 15); được sửa đổi, bổ sung</p>	<p>- Quy định rõ hơn về đối tượng, thủ tục trong trường hợp dự án có điều chỉnh, thay đổi quy mô, công suất, công nghệ làm tăng tác động xấu đến môi trường</p>

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

	Quy định hiện hành	Văn bản quy định	Đánh giá tổng quan
duyệt/ thủ tục chấp thuận về môi trường	<p>báo cáo ĐTM phải báo cáo bằng văn bản cho cơ quan đã phê duyệt báo cáo ĐTM và chỉ được thực hiện thay đổi sau khi có quyết định chấp thuận về môi trường của cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp có bổ sung ngành nghề đầu tư loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường;</p> <p>b) Tăng quy mô, công suất; thay đổi công nghệ của dự án thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường mà không thuộc trường hợp phải lập lại báo cáo ĐTM.</p> <p>- Việc xem xét, chấp thuận về môi trường được thực hiện thông qua hình thức lấy ý kiến của ít nhất 03 chuyên gia làm cơ sở để cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM xem xét, quyết định.</p>	<p>bởi Nghị định 40/2019/NĐ-CP (Khoản 6, Điều 1)</p>	<p>so với phương án trong báo cáo ĐTM đã được phê duyệt nhưng chưa đến mức phải lập lại báo cáo ĐTM. (Giảm bớt số lượng trường hợp chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chờ chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền khi có bất kỳ sự thay đổi, điều chỉnh nào so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt như trước đây).</p>
Trách nhiệm chủ dự án sau phê duyệt ĐTM	<p>- Tổ chức thực hiện biện pháp bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM.</p> <p>- Phối hợp với UBND cấp xã nơi đã lấy ý kiến trong quá trình lập báo cáo ĐTM tổ chức niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM tại trụ sở UBND cấp xã, trường hợp được miễn tham vấn theo quy định. (Bỏ quy định “Lập kế hoạch quản lý môi trường của dự án trên cơ sở chương trình quản lý và giám sát môi trường đã đề xuất trong báo cáo ĐTM và niêm yết công khai tại trụ sở UBND</p>	<p>- Luật BVMT 2014 (Điều 26, 27);</p> <p>- Nghị định 18/2015/NĐ-CP (Điều 16, 17), được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 40/2019/NĐ-CP (Khoản 9, 10, Điều 1)</p>	<p>- Bỏ quy định Lập kế hoạch quản lý môi trường đối với chủ dự án sau phê duyệt ĐTM, chỉ yêu cầu niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án.</p> <p>- Quy định chi tiết, phức tạp hơn đối với vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải và kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi</p>

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

	Quy định hiện hành	Văn bản quy định	Đánh giá tổng quan
	<p><i>cấp xã nơi tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường” quy định tại Nghị định 18/2015/NĐ-CP).</i></p> <p>- Trường hợp thay đổi quy mô, công suất, công nghệ làm tăng tác động xấu đến môi trường so với phương án trong báo cáo ĐTM đã được phê duyệt nhưng chưa đến mức phải lập lại báo cáo ĐTM, chủ đầu tư dự án phải báo cáo bằng văn bản với cơ quan phê duyệt và chỉ được thực hiện sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM. <i>(Xem quy định về Điều chỉnh báo cáo ĐTM đã được phê duyệt và thủ tục chấp thuận về môi trường)</i></p> <p>- Phải báo cáo cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ vận hành dự án đối với dự án lớn, có nguy cơ tác động xấu đến môi trường do Chính phủ quy định. Những dự án này chỉ được vận hành sau khi cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường.</p> <p><i>(Danh mục dự án phải lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường quy định tại cột 4 Phụ lục II Mục I Phụ lục Nghị định 40/2019/NĐ-CP. Quy định về Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án và Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án được</i></p>		<p>trường theo quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án.</p>

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

	Quy định hiện hành	Văn bản quy định	Đánh giá tổng quan
	<i>quy định cụ thể tại khoản 9, 10 Điều 1, Nghị định 40/2019/NĐ-CP).</i>		

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

PHỤ LỤC 2. CÁC LOẠI GIẤY PHÉP LIÊN QUAN VỀ MÔI TRƯỜNG DOANH NGHIỆP PHẢI THỰC HIỆN SAU PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐTM

(Theo quy định của Luật BVMT 2014, Luật Tài nguyên nước 2012, Luật Thủy lợi 2017 và hệ thống các văn bản dưới luật)

Tiêu chí	Xác nhận hoàn thành công trình BVMT	Số chủ nguồn thải CTNH	Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (Lĩnh vực TNN)	Giấy phép xử lý CTNH	Giấy xác nhận đủ điều kiện về BVMT trong NK phế liệu	Giấy phép xả khí thải	Giấy phép xả nước thải vào CT thủy lợi (Lĩnh vực TL)
Đối tượng	Dự án lớn, có nguy cơ tác động xấu đến MT	Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát sinh CTNH, trừ - Thời gian hoạt động dưới 01 năm - Không quá 600kg/năm, trừ danh mục POP - Cơ sở dầu khí ngoài biển	Tổ chức, cá nhân xả nước thải vào nguồn nước, trừ trường hợp: - NTSH hộ gia đình; + Dưới 5m ³ /ngày đêm không chứa độc hại, phóng xạ + Xả vào hệ thu gom, xử lý nước thải tập trung đã có GP + NTTS < 10.000m ³ /trên sông, hồ, suối, biển...	Đủ điều kiện theo Điều 9 Nghị định 38/2015	Tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất sử dụng phế liệu nhập khẩu + Đáp ứng yêu cầu tại K2, 3 Điều 76 Luật BVMT + Có ĐTM được Bộ TNMT phê duyệt có nội dung sử dụng PLNK hoặc Giấy phép xử lý CTNH trong đó có nội dung sử dụng PLNK đã đi vào vận hành.	Dự án phát sinh khí thải công nghiệp và thuộc đối tượng phải kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường quy định	Tổ chức, cá nhân xả nước thải vào công trình thủy lợi, trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ. Xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ là: - Xả nước thải sinh hoạt của cá nhân, hộ gia đình; - Xả nước thải của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với quy mô không vượt quá

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

Tiêu chí	Xác nhận hoàn thành công trình BVMT	Sở chủ nguồn thải CTNH	Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (Lĩnh vực TNN)	Giấy phép xử lý CTNH	Giấy xác nhận đủ điều kiện về BVMT trong NK phế liệu	Giấy phép xả khí thải	Giấy phép xả nước thải vào CT thủy lợi (Lĩnh vực TL)
							5 m3/ngày đêm và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ.
Thời điểm	Sau khi vận hành thử nghiệm, trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức	Bắt đầu có hoạt động phát sinh CTNH	Chưa xả thải: giai đoạn chuẩn bị đầu tư Đã xả thải.	Khi có nhu cầu xử lý CTNH	Khi có nhu cập nhập khẩu phế liệu thuộc danh mục làm nguyên liệu sản xuất	- Chưa quy định TTHC	
Hồ sơ	NĐ 40/2019 - VB đề nghị - Báo cáo kết quả thực hiện kèm kết quả quan trắc - Bản sao ĐTM - VB của Sở TNMT tỉnh thông báo kết quả kiểm tra vận hành thử nghiệm công trình xử lý CT	Điều 13 TT 36 - Đơn - Bản sao đăng ký doanh nghiệp hoặc tương đương - Đơn đăng ký tự TSD, tái chế, sơ chế...(nếu có) Hoặc Báo cáo QLCTNH định kỳ	NĐ 201/2013 -Đơn -Đề án xả nước thải kèm quy trình vận hành hoặc Báo cáo hiện trạng xả nước thải với trường hợp đã xả thải - Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước tiếp nhận tại vị trí xả thải; kế quả phân tích chất lượng nước thải trước và sau xử lý với trường hợp đang xả thải - Sơ đồ vị trí khu vực xả nước thải	Điều 16- TT 36 - Đơn - Bản sao ĐTM - Bản sao văn bản quy hoạch về QLCT cấp tỉnh phê duyệt - Giấy tờ pháp lý với trạm trung chuyển - mô tả, hồ sơ theo mẫu PL5B1 - Kế hoạch vận hành thử	NĐ 40/2019 - VB đề nghị - Báo cáo điều kiện BVMT - Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp, đăng ký MST - Bản sao ĐTM - Thông báo của Sở TNMT kiểm tra công trình xử lý chất thải (DA vận hành thử nghiệm) hoặc thông báo kết quả ktra vận hành thử nghiệm (DA mới, kết thúc	- Chưa quy định TTHC	NĐ 67/2018 - Đơn đề nghị cấp GP - Bản đồ tỷ lệ 1/5.000 khu vực xử lý nước thải, vị trí xả nước thải vào hệ thống CTTL - Văn bản thỏa thuận của tổ chức, cá nhân khai thác CTTL - Bản vẽ thiết kế thi công, quy trình vận hành hệ thống XLNT

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

Tiêu chí	Xác nhận hoàn thành công trình BVMT	Số chủ nguồn thải CTNH	Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (Lĩnh vực TNN)	Giấy phép xử lý CTNH	Giấy xác nhận đủ điều kiện về BVMT trong NK phế liệu	Giấy phép xả khí thải	Giấy phép xả nước thải vào CT thủy lợi (Lĩnh vực TL)
				nghiệm xử lý CTNH	<ul style="list-style-type: none"> vận hành thử nghiệm) - Bản sao Giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT; hoặc giấy phép XLCTNH hoặc giấy xác nhận đủ điều kiện BVMT NKPL - Bản sao hợp đồng chuyển giao, xử lý tạp chất, chất thải với đơn vị có chức năng phù hợp (nếu không tự xử lý) - Bản cam kết tái xuất hoặc xử lý, tiêu hủy PLNK 		<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả phân tích chất lượng nước, nước thải - Đề án xả nước thải vào CTTL đối với trường hợp chưa xả nước thải; báo cáo hiện trạng xả nước thải đối với trường hợp đang xả nước thải vào CTTL - Bản sao giấy tờ quyền sử dụng đất khu vực đặt hệ thống XLNT.
Nội dung chính	Công trình thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải Công trình lưu giữ, xử lý CTCNTT, CTNH	Mã số QLCTNH Cơ sở phát sinh CTNH Danh sách CTNH đã đăng ký phát sinh thường xuyên	-Tên, vị trí xả nước thải vào nguồn nước; -Nguồn nước tiếp nhận nước thải; -Quy mô, công suất, lưu lượng, thông số chủ yếu của công trình xả nước thải;	-Địa bàn hoạt động, -số lượng và loại CTNH được phép xử lý, -các phương tiện, hệ thống, thiết bị cho	- Phế liệu được phép nhập khẩu trong thời hạn của GXN -Thời hạn hiệu lực - Điều kiện về BVMT trong NKPL: kho, bãi, công nghệ, sản phẩm, thiết bị tái	- Chưa quy định TTHC	-Tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép; - Tên hoạt động trong phạm vi bảo vệ CTTL; - Phạm vi đề nghị cấp phép cho hoạt

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

Tiêu chí	Xác nhận hoàn thành công trình BVMT	Số chủ nguồn thải CTNH	Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (Lĩnh vực TNN)	Giấy phép xử lý CTNH	Giấy xác nhận đủ điều kiện về BVMT trong NK phế liệu	Giấy phép xả khí thải	Giấy phép xả nước thải vào CT thủy lợi (Lĩnh vực TL)
	<p>Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố MT</p> <p>Công trình, biện pháp BVMT khác</p> <p>Chương trình quan trắc môi trường</p> <p>Các yêu cầu BVMT khác</p>	Danh sách CTNH đã đăng ký tự TSD... (nếu có)	<ul style="list-style-type: none"> - Chế độ, phương thức xả nước thải; - Thời hạn của giấy phép; - Yêu cầu, điều kiện cụ thể - Quyền, nghĩa vụ của chủ giấy phép 	<ul style="list-style-type: none"> việc vận chuyển và xử lý CTNH (kể cả sơ chế, tái chế, đồng xử lý, thu hồi năng lượng), - các yêu cầu khác đối với chủ xử lý CTNH - DS cơ sở xử lý, trạm trung chuyển - Xác nhận hoàn thành công trình BVMT - Thời hạn GP 	<ul style="list-style-type: none"> chế, TSD; công nghệ thiết bị xử lý tạp chất - Công trình BVMT của dự án: công trình thu gom, xử lý nước thải, thiết bị xử lý khí thải; lưu giữ, xử lý CTR; CTNH; công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố - Chương trình quan trắc môi trường - Yêu cầu khác 		<ul style="list-style-type: none"> động; vị trí xả nước thải vào CTTL; - Quy mô, công suất, thông số chủ yếu của các hoạt động đề nghị cấp phép; lưu lượng, phương thức, chế độ xả nước thải; - Thời hạn của GP; - Các yêu cầu đối với hoạt động trong phạm vi bảo vệ CTTL để bảo đảm an toàn công trình, bảo vệ chất lượng nước trong CTTL - Quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được cấp GP.
Thẩm quyền	<p>Theo thẩm quyền thẩm định ĐTM</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ TNMT - Các bộ, ngành 	Sở TNMT	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ TNMT - UBND cấp tỉnh 	Bộ TNMT	Bộ TNMT		Bộ NNPTNT UBND cấp tỉnh

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

Tiêu chí	Xác nhận hoàn thành công trình BVMT	Sở chủ nguồn thải CTNH	Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (Lĩnh vực TNN)	Giấy phép xử lý CTNH	Giấy xác nhận đủ điều kiện về BVMT trong NK phế liệu	Giấy phép xả khí thải	Giấy phép xả nước thải vào CT thủy lợi (Lĩnh vực TL)
	- UBND cấp tỉnh						
Thời hạn thực hiện TTHC	15 ngày làm việc (không bao gồm thời gian chủ dự án hoàn thiện hồ sơ và phân tích mẫu chất thải)	- 20 ngày làm việc. - 35 ngày làm việc đối với trường hợp TSD, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở phát sinh CTNH.	- 45 ngày làm việc (trường hợp không phải bổ sung, hoàn thiện đề án/báo cáo) - 65 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, hoàn thiện đề án/báo cáo).	- 10 ngày làm việc xem xét, chấp thuận kế hoạch vận hành thử nghiệm. - Sau khi kết thúc vận hành thử nghiệm, 25 ngày làm việc kiểm tra, cấp GP (không bao gồm thời gian chủ dự án bổ sung, hoàn thiện hồ sơ).	Cấp mới: 25 ngày làm việc Cấp lại: 20 ngày làm việc	- Chưa quy định TTHC	- 33 ngày làm việc.
Thời hạn GP	Không quy định	Chỉ thực hiện 1 lần, không gia hạn, điều chỉnh	Tối đa 10 năm, tối thiểu 3 năm; gia hạn nhiều lần, mỗi lần gia hạn từ 2-5 năm	05 năm Gia hạn 03 năm	05 năm	- Chưa quy định	Tối đa 05 năm và được xem xét gia hạn nhiều lần, mỗi lần gia hạn tối đa 03 năm.
Phí, lệ phí	Không	Không	Trung ương: 17-35,4 triệu đ/đề án Địa phương: 0,3-4,2 triệu/ HCM Ybai: 0,57-13,87	Trung ương: 12,3- 39,2 Cấp lại, điều chỉnh: 3,6-11,5	TW: 48-72tr Địa phương: 22-32 tr		

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

Tiêu chí	Xác nhận hoàn thành công trình BVMT	Số chủ nguồn thải CTNH	Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (Lĩnh vực TNN)	Giấy phép xử lý CTNH	Giấy xác nhận đủ điều kiện về BVMT trong NK phế liệu	Giấy phép xả khí thải	Giấy phép xả nước thải vào CT thủy lợi (Lĩnh vực TL)
			Dnai: 2,5-7,5 Lcai: 0,5-7 An Gig: 0,3-5,8 TTH: 0,58-13,25 Qngai: 0,6-5.88 HN: 5-9				
Giá trị pháp lý	Căn cứ đi vào vận hành; Thanh tra, kiểm tra	Thực hiện nghĩa vụ chủ nguồn thải	Tuân thủ pháp luật về TNN của chủ GP Thanh, kiểm tra	Thay thế giấy xác nhận hoàn thành Căn cứ đi vào vận hành; thanh tra, kiểm tra	Thay thế giấy xác nhận hoàn thành Căn cứ đi vào vận hành; thanh tra, kiểm tra		Tuân thủ pháp luật về bảo vệ CTTL. Thanh, kiểm tra
Cấp đổi/sao lục	Không quy định	Không quy định	Không		GXN bị mất hoặc hư hỏng	- Chưa quy định TTHC	
Cấp lại	- Trường hợp có sự thay đổi công trình BVMT - Xác nhận lại theo đề nghị của chủ dự án	Thay đổi tên, địa chỉ, số lượng cơ sở Thay đổi, bổ sung phương án tự TSD, tái chế...	a) Giấy phép bị mất, bị rách nát, hư hỏng; b) Tên của chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do nhận chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức làm thay đổi chủ xả nước thải vào nguồn nước nhưng không có sự thay đổi các nội dung khác của giấy phép	-Hết thời hạn -GP bị mất hoặc hư hỏng	Hết thời hạn GXN	- Chưa quy định TTHC	a) Giấy phép bị mất, bị rách, hư hỏng; b) Tên của chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

Tiêu chí	Xác nhận hoàn thành công trình BVMT	Số chủ nguồn thải CTNH	Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (Lĩnh vực TNN)	Giấy phép xử lý CTNH	Giấy xác nhận đủ điều kiện về BVMT trong NK phế liệu	Giấy phép xả khí thải	Giấy phép xả nước thải vào CT thủy lợi (Lĩnh vực TL)
Điều chỉnh	Không	Không	<p>a) Nguồn nước không còn khả năng tiếp nhận nước thải;</p> <p>b) Nhu cầu xả nước thải tăng mà chưa có biện pháp xử lý, khắc phục;</p> <p>c) Xảy ra các tình huống khẩn cấp cần phải hạn chế việc xả nước thải vào nguồn nước;</p> <p>d) Do chuyển đổi chức năng nguồn nước;</p> <p>đ) Chủ giấy phép đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khác (trừ điều chỉnh về lượng xả vượt quá 25%; Thông số, nồng độ các chất ô nhiễm, quy chuẩn áp dụng quy định trong giấy phép xả nước thải, trừ trường hợp cơ quan cấp phép yêu cầu điều chỉnh hoặc chủ giấy phép đề nghị áp dụng mức quy chuẩn cao hơn</p>	Thay đổi về địa bàn hoạt động; số lượng, loại chất thải; các phương tiện, hệ thống, thiết bị vận chuyển, xử lý; số lượng trạm trung chuyển; số lượng cơ sở xử lý	Không	- Chưa quy định TTHC	<p>Các nội dung trong GP được điều chỉnh:</p> <p>a) Phạm vi hoạt động;</p> <p>b) Quy mô, công suất, thông số chủ yếu của các hoạt động đề nghị cấp phép;</p> <p>c) Vị trí, lưu lượng, phương thức, chế độ xả nước thải vào công trình thủy lợi.</p>

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

Tiêu chí	Xác nhận hoàn thành công trình BVMT	Sở chủ nguồn thải CTNH	Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (Lĩnh vực TNN)	Giấy phép xử lý CTNH	Giấy xác nhận đủ điều kiện về BVMT trong NK phế liệu	Giấy phép xả khí thải	Giấy phép xả nước thải vào CT thủy lợi (Lĩnh vực TL)
Thu hồi	Không quy định	Không quy định	<p>a) Chủ giấy phép bị phát hiện giả mạo tài liệu, kê khai không trung thực các nội dung trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa chữa làm sai lệch nội dung của giấy phép;</p> <p>b) Tổ chức là chủ giấy phép bị giải thể hoặc bị tòa án tuyên bố phá sản; cá nhân là chủ giấy phép bị chết, bị tòa án tuyên bố là đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị tuyên bố mất tích;</p> <p>c) Chủ giấy phép vi phạm quyết định đình chỉ hiệu lực của giấy phép, tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần các quy định của giấy phép;</p> <p>d) Giấy phép được cấp không đúng thẩm quyền;</p>	<p>Điều 21 TT 36</p> <p>-Vi phạm quy định QLCTNH hoặc quy định trong GP đến mức phải thu hồi</p> <p>-Chủ xử lý CTNH không hoạt động sau 01 năm</p> <p>-Chủ xử lý chấm dứt hoạt động về CTNH hoặc phá sản, giải thể</p>	<p>-Vi phạm đến mức bị tước quyền sử dụng GXN hoặc đình chỉ hoạt động mà hết thời hạn chưa hoàn thành việc khắc phục</p> <p>-Chấm dứt hoạt động NKPL làm nguyên liệu sản xuất hoặc phá sản, giải thể</p>	- Chưa quy định	<p>a) Nội dung kê khai trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép bị phát hiện không đúng sự thật;</p> <p>b) Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép bị giải thể hoặc bị tòa án tuyên bố phá sản; bị chết, bị tòa án tuyên bố là đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị tuyên bố mất tích;</p> <p>c) Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép vi phạm quyết định đình chỉ hiệu lực của giấy phép;</p> <p>d) Trường hợp bảo đảm quốc phòng, an ninh hoặc vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng.</p>

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

Tiêu chí	Xác nhận hoàn thành công trình BVMT	Số chủ nguồn thải CTNH	Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (Lĩnh vực TNN)	Giấy phép xử lý CTNH	Giấy xác nhận đủ điều kiện về BVMT trong NK phế liệu	Giấy phép xả khí thải	Giấy phép xả nước thải vào CT thủy lợi (Lĩnh vực TL)
			<p>đ) Khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi giấy phép vì lý do quốc phòng, an ninh hoặc vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng;</p> <p>e) Giấy phép đã được cấp nhưng chủ giấy phép không thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.</p>				
Đặc thù	Được thay thế bằng giấy phép xử lý CTNH hoặc giấy xác nhận đủ điều kiện BVMT trong nhập khẩu phế liệu.						

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

PHỤ LỤC 3.

Các vướng mắc, khó khăn liên quan đến ĐTM và công tác kiểm soát, giám sát môi trường các đơn vị sản xuất, kinh doanh của các địa phương trong quá trình điều tra, khảo sát

(Tổng hợp thông tin tham vấn các địa phương điều tra, khảo sát trong khuôn khổ thực hiện Đề tài các năm 2017, 2020)

TT	Tỉnh/thành phố	Các vấn đề tồn tại, vướng mắc, khó khăn và đề xuất giải pháp khắc phục
A	MIỀN BẮC	
1	Hà Giang	<p>Thống nhất giữa Luật Bảo vệ môi trường và Luật đầu tư, Luật đầu tư công về thời điểm lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và cấp chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư cho dự án.</p> <p>Xem xét thống nhất, tích hợp thủ tục ĐTM, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường và cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước để thống nhất các quy định trong quyết định, giấy phép.</p>
2	Tuyên Quang	Xem xét ban hành cơ chế phối hợp giám sát, kiểm soát môi trường đối với các dự án sau khi được Bộ phê duyệt báo cáo ĐTM.
3	Quảng Ninh	<p>Rà soát hệ thống văn bản pháp luật về tài nguyên và môi trường, đầu tư nhằm hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật và các thể chế pháp luật một cách đồng bộ (thống nhất về ĐTM sơ bộ; thời điểm phải lập và xin phê duyệt ĐTM; thời điểm lập, thẩm định cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước...)</p> <p>Rà soát và tổng hợp hiệu quả công tác cải tạo, phục hồi môi trường đối với các dự án khai thác khoáng sản trong cả nước; có chế tài phù hợp để bảo đảm chủ dự án khai thác khoáng sản phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.</p> <p>Xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu về môi trường trong cả nước để quản lý môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động.</p>
4	Hải Phòng	Rà soát, giảm bớt đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại phụ lục II Nghị định số 18/2015/NĐ-CP; Quy định cụ thể về Đánh giá sơ bộ tác động môi trường, ĐTM để thống nhất giữa các văn bản luật hiện hành.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

TT	Tỉnh/thành phố	Các vấn đề tồn tại, vướng mắc, khó khăn và đề xuất giải pháp khắc phục
5	Lào Cai	Rà soát, quy định cụ thể, rõ ràng về trách nhiệm quan trắc môi trường (quan trắc chất thải, quan trắc chất lượng môi trường xung quanh) của cơ quan quản lý nhà nước, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động.
6	Thái Nguyên	Thống nhất giữa luật BVMT và luật đầu tư, xây dựng về ĐTM. Xem xét tăng cường năng lực ĐTM, kiểm soát, giám sát môi trường cho các Sở TNMT và hỗ trợ kinh phí đầu tư cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu về ĐTM, giấy phép môi trường, thanh tra, giám sát môi trường...
B	Miền Trung	
7	Thanh Hoá	Các cơ sở dữ liệu về môi trường còn thiếu, chưa đầy đủ, khó khăn trong công tác thẩm định ĐTM, cấp giấy phép môi trường... Cần xem xét xây dựng, triển khai vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu về môi trường; chia sẻ thông tin giữa các Bộ, ngành, Trung ương và các địa phương.
8	Hà Tĩnh	Đề nghị kiểm soát chặt chẽ tình trạng ô nhiễm môi trường tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, cơ sở chế biến thực phẩm và quan tâm đầu tư các nhà máy xử lý rác thải với quy trình khép kín.
9	Quảng Trị	Cần quy định thống nhất và tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp về thủ tục ĐTM, xác nhận hoàn thành công trình BVMT, cấp giấy phép môi trường... đối với các dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động...
10	Lâm Đồng	Triển khai xây dựng, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu môi trường và tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh báo cáo môi trường online. Cần có chế tài, biện pháp xử lý vi phạm phù hợp đối với các chủ dự án khai thác khoáng sản cố tình trốn tránh việc cải tạo, phục hồi môi trường. Xem xét có cơ chế phối hợp, tăng cường tính chủ động của cơ quan quản lý nhà nước địa phương trong việc thanh, kiểm tra hoạt động BVMT của các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động.
11	Đắk Nông	Việc yêu cầu nhà đầu tư phải thực hiện thủ tục lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trước thời điểm Quyết định chủ trương đầu tư hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư là không phù hợp với thực tế triển khai dự án đầu tư, vì tại thời điểm này, nhà đầu tư mới đề xuất địa điểm và chưa có dự án

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

TT	Tỉnh/thành phố	Các vấn đề tồn tại, vướng mắc, khó khăn và đề xuất giải pháp khắc phục
		đầu tư được phê duyệt nên không có đủ căn cứ để lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Rà soát, sửa đổi để bảo đảm sự thống nhất giữa luật BVMT và luật đầu tư, luật khoáng sản...
12	Bình Thuận	<p>Bộ Tài nguyên và Môi trường rà soát điều chỉnh lại Phụ lục 5.1 Thông tư số 27/2015/TT-BNTMT cho phù hợp với quy định tại Nghị định số 18/2011/NĐ-CP của Chính phủ.</p> <p>Hiện chưa có hướng dẫn về loại thủ tục môi trường cần lập đối với đối tượng đã đi vào vận hành chính thức hoặc đang xây dựng nhưng chưa có hồ sơ môi trường (trước ngày 01/4/2018 là lập Đề án BVMT)</p> <p>Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét ban hành quy chuẩn riêng quy định về chất lượng nước dùng cho tưới tiêu để khuyến khích các doanh nghiệp tái sử dụng nước sau xử lý để hạn chế việc thải bỏ gây lãng phí tài nguyên nước.</p> <p>Tăng cường cùng với tỉnh trong công tác kiểm tra, giám sát đối với các dự án sau khi được Bộ phê duyệt báo cáo ĐTM.</p> <p>Sau khi các dự án trên địa bàn tỉnh Bình Thuận được Bộ phê duyệt báo cáo ĐTM đề nghị Bộ gửi đầy đủ các hồ sơ liên quan về Sở Tài nguyên và Môi trường để tạo điều kiện thuận lợi cho Sở trong công tác quản lý, phối hợp.</p> <p>Bộ Tài nguyên và Môi trường tham mưu Thủ tướng Chính phủ quan tâm, hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương nhằm xử lý triệt để một số cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích (bãi rác Bình Tú tại xã Tiến Thành, thành phố Phan Thiết) nhằm xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.</p> <p>Có hướng dẫn cụ thể về công tác quản lý nhà nước đối với việc duy tu, bảo trì công trình cải tạo, phục hồi môi trường; công tác trồng dặm, chăm sóc cây sau khi doanh nghiệp đã được cấp Quyết định đóng cửa mỏ, được hoàn trả tiền ký quỹ; đất được giao về địa phương quản lý.</p>
C	Miền Nam	

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

TT	Tỉnh/thành phố	Các vấn đề tồn tại, vướng mắc, khó khăn và đề xuất giải pháp khắc phục
13	Hồ Chí Minh	Kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh sách cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo tiêu chí quy định tại Thông tư 04/2012/TT-BTNMT để làm cơ sở pháp lý cho việc triển khai di dời.
		Chủ trì, phối hợp với các địa phương trong lưu vực sông ban hành quy định phân vùng tiếp nhận nước thải đối với các tuyến sông liên tỉnh; xác định tải lượng tối đa các chất ô nhiễm cho phép thải vào các tiểu lưu vực.
		Ban hành cơ chế, chính sách tăng cường thẩm quyền và sự chủ động của thành phố trong công tác kiểm tra, thanh tra các đơn vị xử lý CTNH trên địa bàn Tp.HCM (do Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc Tổng cục Môi trường cấp phép) để đảm bảo hiệu quả quản lý nhà nước tại địa phương.
		Chỉ đạo các đơn vị xử lý CTNH trên địa bàn cả nước tổng hợp khối lượng CTNH thu gom và xử lý theo từng năm trên địa bàn từng địa phương, gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các tỉnh thành và Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh thành để tổng hợp làm cơ sở dữ liệu trong công tác quản lý CTNH.
14	Đồng Nai	Cần triển khai xây dựng và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu về môi trường cho lưu vực sông, cho vùng và trên cả nước, bao gồm các cơ sở dữ liệu về chất lượng môi trường nền, nguồn thải (nước thải, khí thải, chất thải rắn), hệ thống quản lý môi trường (quyết định phê duyệt ĐTM, xác nhận hoàn thành công trình BVMT, các loại giấy phép môi trường, kết quả thanh, kiểm tra...) đối với các dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động.
		Ban hành cơ chế phối hợp trong thanh tra, kiểm tra, giám sát môi trường; phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường giữa các Bộ, ngành, Trung ương và địa phương.
15	Bình Dương	Rà soát hệ thống văn bản pháp luật về tài nguyên và môi trường nhằm hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật và các thể chế pháp luật một cách đồng bộ, đặc biệt trong: Việc quy hoạch khu công nghiệp; phân cấp, phân quyền ..., tạo cơ sở thống nhất trong việc triển khai thực hiện. Ngoài ra, cần ban hành và cụ thể hóa các chính sách nhằm khuyến khích thu hút đầu tư vào khu/cụm công nghiệp, nhất là đối

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

TT	Tỉnh/thành phố	Các vấn đề tồn tại, vướng mắc, khó khăn và đề xuất giải pháp khắc phục
		<p>với đầu tư vào cụm công nghiệp; các chính sách nhằm khuyến khích, động viên sự tham gia của cộng đồng vào công tác bảo vệ môi trường.</p>
		<p>Thống nhất giữa Luật Bảo vệ môi trường và Luật đầu tư về thời điểm lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và cấp chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư cho dự án. Giữa Luật Bảo vệ môi trường và Luật Tài nguyên nước về cấp phép xả thải đối với doanh nghiệp.</p>
		<p>Theo quy định của Luật Tài nguyên nước thì doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục hồ sơ cấp giấy phép xả thải. Theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường thì doanh nghiệp phải thực hiện việc xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức. Thực tế, bản chất của hai thủ tục hành chính này hoàn toàn như nhau là kiểm soát, xác nhận chất lượng nước thải đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường. Việc quy định phải thực hiện hai thủ tục hành chính riêng biệt làm doanh nghiệp mất nhiều thời gian, chi phí. Kiến nghị: Cần quy định thống nhất về nội dung này trong các văn bản hướng dẫn thi hành và có chỉ đạo để các cơ quan tham mưu của Bộ hướng dẫn thống nhất nội dung này cho các địa phương.</p>
		<p>Luật BVMT và các văn bản hướng dẫn thi hành thì việc lấy mẫu phân tích giám sát chất lượng nguồn nước thải được thực hiện với tần suất đo đạc nguồn thải là 03 tháng/1 lần. Tuy nhiên, theo quy định của lĩnh vực Tài nguyên nước trong quá trình cấp phép xả thải vào nguồn nước yêu cầu phải thực hiện đo đạc nước thải với tần suất 01 tháng/1 lần. Điều này gây khó khăn cho doanh nghiệp và chòng chéo giữa 2 lĩnh vực quản lý trong cùng ngành tài nguyên môi trường. Kiến nghị: Cần quy định thống nhất về nội dung này trong các văn bản hướng dẫn thi hành và có chỉ đạo để các cơ quan tham mưu của Bộ hướng dẫn thống nhất nội dung này cho các địa phương.</p>
		<p>Điều chỉnh quy định thống nhất lại giữa Điều 121 và Điều 123</p>
		<p>Nghị định số 18/2015/NĐ-CP quy định về thẩm quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM đối với các dự án khai thác khoáng sản rắn thông thường theo công suất khai thác; Nghị định số 19/2015/NĐ-CP</p>

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

TT	Tỉnh/thành phố	Các vấn đề tồn tại, vướng mắc, khó khăn và đề xuất giải pháp khắc phục
		<p>và Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT quy định thẩm quyền thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo phục hồi môi trường theo cơ quan cấp phép (dự án do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép khai thác khoáng sản thì Bộ phê duyệt phương án CTPHMT, dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp phép thì Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án CTPHMT). Điều này dẫn đến 1 dự án khai thác khoáng sản đồng thời lập 02 hồ sơ (1 gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ĐTM nếu công suất khai thác theo quy định thuộc thẩm quyền phê duyệt ĐTM của Bộ; 1 gửi Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án CTPHMT), việc này hiện nay gây khó khăn cho doanh nghiệp rất nhiều. Cần rà soát lại quy định vấn đề này trong 2 văn bản pháp luật cho thống nhất về quy mô khai thác hoặc thẩm quyền cấp phép; đồng thời có thể xem xét lồng ghép nội dung cải tạo PHMT vào nội dung báo cáo ĐTM để giảm thiểu chi phí, thời gian thủ tục cho doanh nghiệp cũng như cơ quan thẩm định.</p> <p>Việc các doanh nghiệp thực hiện xác nhận hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trước khi đưa dự án đi vào hoạt động chính thức đạt kết quả không cao do công tác này không được lồng ghép với các quy định khác để ràng buộc doanh nghiệp, cần lồng ghép việc thực hiện xác nhận hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường vào các quy định khác để ràng buộc doanh nghiệp thực hiện.</p> <p>Cần quy định việc kiểm tra xác nhận hoàn thành công trình BVMT theo ĐTM theo hướng đơn giản hơn để khuyến khích doanh nghiệp thực hiện. Cụ thể đề xuất làm theo 2 bước như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bước 1 quy định trước khi đi vào hoạt động tất cả doanh nghiệp (cả doanh nghiệp lập kế hoạch bảo vệ môi trường) phải có văn bản thông báo đi vào hoạt động để cơ quan có thẩm quyền đến kiểm tra, ghi nhận và có văn bản hướng dẫn các vấn đề còn thiếu sót theo ĐTM và tùy theo mức độ thiếu sót mà trong văn bản quy định thời gian cho chủ dự án khắc phục (nhưng tối đa không quá 3-6 tháng). + Bước 2 sau khi hết thời gian quy định của cơ quan có thẩm quyền doanh nghiệp phải làm báo cáo việc thực hiện các công trình theo ĐTM (báo cáo chi tiết theo quy định hiện nay) gửi về cơ quan môi trường để kiểm tra xác nhận. Hết thời gian quy định mà chủ dự án không báo cáo hoặc không có văn bản nêu lý do hợp lý thì cơ quan có thẩm quyền phải tổ chức kiểm tra và xử lý theo đúng quy định. Quy định này đề nghị áp dụng cho cả dự án thuộc đối tượng lập Kế hoạch BVMT theo Luật hiện nay

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

TT	Tỉnh/thành phố	Các vấn đề tồn tại, vướng mắc, khó khăn và đề xuất giải pháp khắc phục
		<p>nhưng đơn giản hơn, các doanh nghiệp lập Kế hoạch BVMT chỉ cần báo cáo đã hoàn thành là được, nếu doanh nghiệp báo cáo sai sau này hậu kiểm sẽ xử lý theo pháp luật.</p> <p>Theo hướng dẫn tại phụ lục 5.6 Thông tư 27/2015/TT-BTNMT cơ sở lập Kế hoạch bảo vệ môi trường không phải giám sát môi trường, tuy nhiên hồ sơ nhập khẩu phế liệu yêu cầu phải có kết quả giám sát môi trường là chưa thống nhất. Kiến nghị: Cần quy định thống nhất về nội dung này trong các văn bản hướng dẫn thi hành và có chỉ đạo để các cơ quan tham mưu của Bộ hướng dẫn thống nhất nội dung này cho các địa phương.</p> <p>Cần có hướng dẫn về hồ sơ môi trường cho các doanh nghiệp vừa có ĐTM vừa có CBM đã được phê duyệt/xác nhận do thực hiện theo các quy định trước đây để thống nhất đầu mối quản lý, tránh chồng chéo. Đồng thời trong việc tham mưu ban hành Nghị định hướng dẫn về ĐMC, ĐTM, CBM hoặc trong Thông tư hướng dẫn cần quy định định lượng cụ thể tăng quy mô, công suất sản xuất lên bao nhiêu lần phải lập lại hồ sơ môi trường và bổ sung quy định loại hồ sơ nào cần phải lập cho các doanh nghiệp hoặc dự án của doanh nghiệp đã triển khai hoạt động nhưng không lập hồ sơ môi trường sau khi đã xử lý vi phạm hành chính.</p> <p>Xem xét nên có cơ chế để các địa phương ban hành Đội công tác liên ngành kiểm tra đột xuất về môi trường cấp tỉnh và cấp huyện để phát huy tính hiệu lực, hiệu quả hoạt động trong hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm môi trường, ngăn chặn hiệu quả các trường hợp doanh nghiệp đối phó, xả lén chất thải ra môi trường.</p>
16	Bà Rịa – Vũng Tàu	<p>Rà soát và sửa đổi, bổ sung Luật Bảo vệ môi trường theo hướng phân công, phân cấp trách nhiệm rõ ràng trong quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; Rà soát, đề xuất sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 cho phù hợp thực tế; để thống nhất với các quy định tại các Luật khác như: Luật Đầu tư (quy định về hồ sơ môi trường,...); Luật Tài nguyên nước (quy định về xả nước thải vào lòng đất,...),...</p>

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

TT	Tỉnh/thành phố	Các vấn đề tồn tại, vướng mắc, khó khăn và đề xuất giải pháp khắc phục
		<p>Rà soát, ban hành hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường đồng bộ với Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 14/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu</p> <p>Rà soát, giảm bớt đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại phụ lục II Nghị định số 18/2015/NĐ-CP 14/02/2015 như: Khách sạn từ 50 phòng trở lên, chung cư, khu dân cư, đường dây điện...</p> <p>Hướng dẫn địa phương triển khai Quyết định số 1169/QĐ-TTg ngày 10/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy và tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ quản lý môi trường từ trung ương đến địa phương giai đoạn 2017 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030”.</p>
17	Cần Thơ	<p>Rà soát, giảm bớt đối tượng phải Đánh giá sơ bộ tác động môi trường, phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại Luật BVMT, Luật Đầu tư và Đầu tư công.</p> <p>Liên thông, tích hợp các thủ tục ĐTM, xác nhận hoàn thành công trình BVMT, cấp giấy phép môi trường để tránh các quy định mâu thuẫn, không thống nhất (về chương trình quan trắc, yêu cầu điều kiện BVMT)</p>
18	Kiên Giang	<p>Theo quy định tại Khoản 2, Điều 25, Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường là căn cứ để cấp có thẩm quyền Quyết định chủ trương đầu tư hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Tuy nhiên, theo quy định tại Khoản 1, Điều 33 của Luật Đầu tư năm 2014, thì trong thành phần hồ sơ yêu cầu Quyết định chủ trương đầu tư hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, không yêu cầu phải có Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường. Do đó, đề nghị xem xét, điều chỉnh lại Khoản 2, Điều 25 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, để giảm bớt thời gian, rủi ro về tài chính trong việc thực hiện thủ tục hành chính về đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư theo tinh thần của Luật Đầu tư năm 2014. Vì việc yêu cầu nhà đầu tư phải thực hiện thủ tục phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường trước thời điểm Quyết định chủ trương đầu tư hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư là không phù hợp với thực tế triển khai dự án đầu tư, vì tại thời điểm này, nhà đầu tư mới đề xuất địa điểm và chưa có dự án đầu tư được phê duyệt nên không có đủ căn cứ để lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường.</p>

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BĐKH.27/16-20.

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

PHỤ LỤC 4. DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN KHÁC THAM GIA THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

TT	Họ và tên, Học hàm, học vị	Chức danh thực hiện đề tài	Cơ quan công tác
1.	PGS.TS Bùi Xuân Nam	Thành viên thực hiện	Trường Địa học Mỏ - Địa chất
2.	PGS.TS. Đỗ Văn Bình	Thành viên thực hiện	Trường Đại học Mỏ -Địa chất
3.	TS. Phạm Ngọc Sơn	Thành viên thực hiện	Bộ Tài nguyên và Môi trường
4.	TS. Mai Trọng Tú	Thành viên thực hiện	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản VN
5.	TS. Quách Đức Tín	Thành viên thực hiện	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản VN
6.	TS. Nguyễn Thị Thục Anh	Thành viên thực hiện	Đại học Tài nguyên và Môi trường
7.	TS. Đỗ Hữu Tuấn	Thành viên thực hiện	Khoa Môi trường, Đại học Khoa học - Tự nhiên
8.	TS. Phan Thị Lan Anh	Thành viên thực hiện	Trung tâm nghiên cứu CNMT và PTBV, ĐH Khoa học Tự nhiên
9.	KS. Nguyễn Mạnh Điệp	Thành viên thực hiện	Ban Môi trường, Tập đoàn Than-Khoáng sản Việt Nam
10.	ThS. Đỗ Mạnh Dũng	Thành viên thực hiện	Công ty VITE, Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam
11.	ThS. Mai Thị Nhung	Thành viên thực hiện	Chuyên gia môi trường, tài nguyên nước
12.	ThS. Nguyễn Trung Thuận	Thành viên thực hiện	Vụ Chính sách, Pháp chế và Thanh tra, Tổng cục Môi trường
13.	CN. Trần Bích Thủy	Thành viên thực hiện	Vụ Thẩm định & ĐTM, Tổng cục Môi trường
14.	ThS. Phạm Chí Kiên	Thành viên thực hiện	Vụ Thẩm định & ĐTM, Tổng cục Môi trường
15.	ThS Nguyễn Chung Chính	Thành viên thực hiện	Vụ Thẩm định & ĐTM, Tổng cục Môi trường

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

TT	Họ và tên, Học hàm, học vị	Chức danh thực hiện đề tài	Cơ quan công tác
16.	ThS Trần Thị Thảo Hương	Thành viên thực hiện	Vụ Thẩm định & ĐTM, Tổng cục Môi trường
17.	ThS. Nguyễn Thị Minh Hải	Thành viên thực hiện	Vụ Thẩm định & ĐTM, Tổng cục Môi trường
18.	ThS. Lê Thị Vân Nga	Thành viên thực hiện	Trung tâm Tư vấn, Đào tạo và Dịch vụ tài nguyên và môi trường
19.	ThS. Đào Cảnh Tùng	Thành viên thực hiện	Trung tâm Tư vấn, Đào tạo và Dịch vụ tài nguyên và môi trường
20.	ThS. Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên thực hiện	Trung tâm Tư vấn, Đào tạo và Dịch vụ tài nguyên và môi trường
21.	ThS. Mai Văn Định	Thành viên thực hiện	Trung tâm MT Công nghiệp
22.	ThS. Nguyễn Thị Lại	Thành viên thực hiện	Trung tâm MT Công nghiệp
23.	ThS. Võ Văn Hồng	Thành viên thực hiện	Trung tâm MT Công nghiệp
24.	ThS. Vũ Xuân Tuấn	Thành viên thực hiện	Trung tâm MT Công nghiệp
25.	ThS. Võ Thị Cẩm Bình	Thành viên thực hiện	Trung tâm MT Công nghiệp
26.	TS. Mai Trọng Ba	Thành viên thực hiện	Trung tâm MT Công nghiệp
27.	ThS. Trần Thị Hời	Thành viên thực hiện	Trung tâm MT Công nghiệp
28.	ThS. Trần Thị Thuý Hằng	Thành viên thực hiện	Trung tâm MT Công nghiệp
29.	ThS. Ngô Minh Công	Thành viên thực hiện	Viện Khoa học và Môi trường, Tổng cục Môi trường
30.	ThS. Ngô Thị Vân Nga	Thành viên thực hiện	Công ty VITE, Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam
31.	ThS. Đào Tiến Tuấn	Thành viên thực hiện	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản VN
32.	ThS. Nguyễn Quang Huy	Thành viên thực hiện	Vụ Tiết kiệm năng lượng và PTBV, Bộ Công Thương

“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về ĐTM đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật ĐTM cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép.” - Đề tài BDKH.27/16-20.

TT	Họ và tên, Học hàm, học vị	Chức danh thực hiện đề tài	Cơ quan công tác
33.	ThS. Trần Văn Toàn	Thành viên thực hiện	Chuyên gia môi trường, ĐTM